

DAO-TRINH-NHAT

PHAN-DĨNH-PHÙNG

một vị anh-hùng
có quan-hệ đến
lịch-sử hiện-thời

P1847

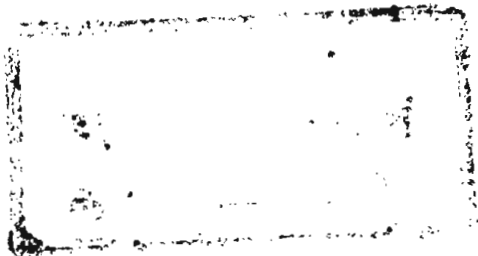
Nhà in MAI-LINH xuất-ban

ĐÀO-TRINH-NHẬT

PHAN-DĨNH-PHÙNG

một vị anh-hùng
có quan-hệ đở
lịch-sử hiện-thời

P1847



VIỆT - NAM
ĐỒ THƯ QUẢN
14831

Nhà in MAI-LINH xuất-ban

I

GIA-TỘC

CỤ PHAN ĐÌNH-PHÙNG



Cụ Phan-đình-Phùng sanh ra năm Đinh-mùi (1847), mất ngày 13 tháng 11 năm Ất-mùi (1895) hưởng thọ 49 tuổi.

Cụ là người làng Đông-thái tổng Việt-yên, huyện La-son, tỉnh Hà-tĩnh.

Làng Đông-thái vốn là một làng có tiếng ở trong tỉnh Hà-Tĩnh, vì xưa nay người làng ấy đậu đạt lớn, làm quan to rất nhiều. Khởi lên từ đời nhà Lê, đã phát một ông Quận-công, nhà giàu có lớn, mà hay làm việc phước đức, dân trong địa-phương đều được nhờ cậy, cho nên người ta sùng bái lắm, tôn ông là « Kiêu Quận-công » đến đời gần đây, làng Đông-thái lại càng đại phát, thi đậu hay làm

quan cũng vậy. Tức như ông Quận-công Hoàng cao-Khai và hai ông tổng-đốc Hoàng-mạnh-Tri, Hoàng-trọng-Phủ, ba cha con hiển hách một thời; còn nhớ người ta mừng nhà họ Hoàng câu liền như vậy đúng lắm: «*Con cái một nhà hai tổng đốc, Pháp Nam hai nước một công thần*» Hay là ông Phan-nhự-Tĩnh, làm tổng-đốc tỉnh Hải-dương hồi còn thuộc về Nam triều và chính là thầy học của cụ Phan-đình Phùng cho tới các ông tể-sĩ Phan đình-Du, Phan-trọng-Mưu, Phan-huy-Nhuận v. v. đều là người đồng hương đồng thời với cụ Phan.

Họ Phan của cụ, từ ông thủy tổ ở đời Lê, truyền đến cụ là 12 đời, mà đời nào cũng có người thi đậu lớn, làm quan to, cho nên người ta thuở trước đã từng đặt tên cho xóm họ Phan ở là «*Ô y-hạng*», tổ ý là một xóm toàn người đậu đại cao sang.

Ông thân sanh ra cụ, húy là Phan-đình-Tuyên, đậu Phó-băng khoa Giáp-thìn (1841) về thời vua Thiệu-Trị. Làm quan tới Phủ Doãn phủ Thừa-Thiên, sau vâng mạng vua sai ra Bắc-kỳ làm chức Tân-lý quân-vụ, đi giúp giặc ở tỉnh Lạng-sơn, bị tử trận.

Cụ có năm anh em đồng bào.

Ông anh cả là Phan-đình-Thông, đậu tú tài, làm Phó-qu³ảng-đốc một đội thuyền chiến; thứ hai là ông Phan-đình-Thuật, đậu cử nhân làm Giáo-th⁴ọ; thứ ba là ông Phan-đình-Tuân, mất sớm; cụ tức là thứ tư; còn người em út là ông Phan-đình-Vận, đậu Phó-b⁵ăng làm Tri-phủ, Cụ lại còn hai em khác mẹ nữa, nhưng không ai thành đạt gì.

Phan-đình Phùng phu-nhơn là con gái một quan-Phủ ở làng Thọ-tường, cũng thuộc về tổng Việt-yên. Lấy cụ sanh ra được bốn người con trai. Về sau, phu-nhơn và mấy người con trai lớn, đều mất sớm về bệnh điên, nhằm lúc cụ Phan đang cầm quân kháng cự binh Pháp ở núi Vụ-quang, cho nên cụ đã có câu than thở:

— « Minh sanh gặp phải lúc gia biến, quốc biến, thê biến, tử biến ».

Trong bốn người con trai của cụ, duy có người sót lại là Phan-đình-Cừ thông-minh can-dảm lắm. Phan-đình-Cừ tự là Bá-Ngọc, hồi nhỏ theo cụ ở luôn trong quân. Đến năm Bính-Thân (1896), nghĩa là sau khi cụ mất một năm, thì trốn đi du-học ở Nhật-bổn, đứng vào hàng thanh-niên tài-tuấn trong đám Việt-nam chí-sĩ vong mạng qua Đông-kinh lúc bấy giờ, cho nên nhiều người tưởng chắc mai sau Bá-Ngọc có thể nối được cái tri dở dang của cha. Nhưng về sau xoay đổi chí-hướng, và suy nghĩ việc nước không thể cứu lại được nữa, dầu có làm gì, chẳng qua cũng như « đã-tràng xe cát biển đông, nhọc lòng mà chẳng nên công chuyện gì », rồi người ta thấy ông Nguyễn-bá-Trác về trước, tới Bá-Ngọc về sau, quy thuận Chánh-phủ Bảo-hộ.

Tôi nhớ lại có một lần được gặp Bá-Ngọc ở Hanoi, nét mặt tỏ ra hiền-lành mà cứng-cỏi, nhưng hỏi chuyện chi cũng ngập-ngừng không muốn nói ra; hình như một người có cái tâm-sự khó-khăn lắm vậy. Lúc ấy nhằm hồi bên Âu-châu chiến-cuộc vừa tàn.

Cách ít lâu, nghe tin Bá-Ngọc lại đi sang Tàu, song lần này đi một cách đường-hoàng. Không biết Bá-Ngọc lại đi như thế có mục-dịch gì, chỉ biết hồi cuối năm 1921, có tin ngoài báo về rằng một hôm Bá-Ngọc đang dạo chơi ở Hán-khẩu, thỉnh linh bị một người cầm súng lục chĩa ngay Bá-Ngọc mà bắn



VUA TỰ-ĐỨC

nguyên Lại-bộ Tham-tri Trần-Trạm. Bà này về ở với cụ sanh được một người con trai là Phan-đình-Cam mất sớm; sau lại sanh hạ một người trai nữa, hồi 1925-1926 tôi tới Hà-lĩnh nghiên-cứu tài-liệu để viết cuốn sách này, được thấy bà và cậu thứ nam đó ở làng Đông-thái. Sau đó tới giờ, tin tức ra sao không rõ.

7 phát chết tươi. Khỏi nói, ai cũng dự đoán người bắn Bá-Ngọc ở Hán-khẩu chính là một người đồng-bào Việt-nam.

Nhơn đó mà đương thời có dư-luận phân vân nổi lên, kẻ bần vậy người nói khác. Nhưng mà thôi! chúng ta nên để người dưới tuổi vàng yên nghĩ là hơn.

*
* *

Cụ Phan lại còn một bà vợ thứ nữa, tức là em ruột quan

Hồi cụ Phan cầm quân khởi nghĩa, những lúc bạt-thiệp lên ghềnh xuống thác, xông-pha hòn đạn mũi gươm, sớm tối đều có bà truy-tùy ở trong quân, cho tới khi chung-cuộc, nên người ta gọi bà là « *cố nguếch rừng* ». *Nguếch* là một tiếng ở Nghệ-lĩnh dùng để chỉ người đàn-bà nào để con gái; *rừng* cốt để chỉ tỏ rằng bà theo hầu cụ Phan ở trong rừng rú vậy.

II

THI ĐẬU



Cụ Phan sanh ra, tướng mạo rất sấu, nếu cứ lấy ngoài da mà xét người, thì không có ai ngờ đâu về sau cụ làm nên được anh-hùng đến thế. Nhà tướng-số nói rằng cụ chỉ được một cái quý-tướng, là hễ khi ngủ thì mình mây ửng đỏ hồng hào lên, đó là một tướng lạ.

Thuở còn nhỏ, cụ đi học dần dần tối lắm, đến đổi học trước quên sau, thầy học đã nói mai sau tất Phùng không làm gì nên thân. Nhưng cậu nhỏ có một cái tánh rất tự-hùng, thấy anh em mình ai cũng thông-minh đỉnh-ngộ cả, thì lấy làm phẫn-uất vô cùng cố gắng học để theo kịp mới nghe. Thành ra ròng rã trong bốn năm năm trời, tay không rời quyển sách, chun không bước ra đường, mài miệt nơi án sách ngọn đèn, quyết chí lập được

công-danh sự nghiệp. Cậu ta thường nói với bạn đồng-học :

— « Ta học để cố chiếm cho được khôi nguyên mới nghe ».

Người đời nay, nghe câu nói ấy, chắc không khỏi cho là cụ Phan lúc nhỏ chỉ có cái khẩu-khi khoa-danh tầm thường, chẳng có chi khác lạ người ta chút nào, vậy thì lấy gì mà sau này trở nên bậc hào-kiệt anh-hùng, có thanh danh sự nghiệp truyền về ngàn thu muôn đời đến thế?

Khoan! chúng ta hãy ngó trở lại coi thời-thế cụ bấy giờ là thời thế nào đã.

Nước ta, từ đời nhà Trần, cách kén chọn hơn tài, chỉ thiên hãn về một mặt từ chương khoa-cử ; ai không ở trong vòng đó bước ra thì không phải là nhân tài, mà cũng khó có cách chi đề xuất thân cho được. Cái lối khoa cử, càng truyền về đời sau, chẳng những không bớt đi mà lại càng thêm bày vẽ thạnh hành lên mãi. Sau khi vua Gia-Long vừa thống nhất trong nước xong, tức thời gươm đao nằm xó, thi phú lên đàn, trên thì vua như Minh-Mạnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức, toàn là *Thiên-tử thi phú*, dưới thì bày tôi như Hà tôn-Quyên, Doãn-Uẩn, cũng là thần Siêu thánh Quát v.v. toàn là *quần thần từ chương*. Vua tôi chỉ biết trong nước có bờ cõi, có nhân dân, cho là trời Nam định phận, chớ không biết là bên ngoài có cường-lân, có địch-lặc, thường đề mắt đến ta; thành ra quan-ải không khai, cửa bể đóng chặt, thời thế chẳng biết, võ bị lờn thối, vua tôi chỉ lo ngậm thi đặt phú với nhau, tưởng đâu « mấy vắn thi phú » cho hay,

đủ sức trị dân giữ nước đặng. Kén người, thì khinh võ-bị mà trọng văn-chương. Dạy dân thì bỏ thực-học mà chuộng khoa-cũ. Bởi thế, người đời ấy ai không học từ chương không nên người; học mà không thi đậu cũng không nên người: thi đậu mà không làm được quan cũng không nên người. Nói tóm lại, giữa lúc thiên-hạ đầu đó văn minh tấn hóa rầm rầm, kẻ thì đang ra tay chinh-phục đất xã, người thì biết lo thân từ-cường cải cách, thế mà ở nước mình, vua quan vẫn khư khư kèm giữ như dân ở chặt trong vòng học củ thói xưa. Người ta lomở mang những thương-mãi, những công-nghệ, những cơ-khi, những khoa-học, còn mình đây thì khi đứng, khi ngồi, khi tỉnh khi mê, chỉ biết có một việc từ-chương khoa-cũ.

Chính nhà vua có trách-nhiệm giữ nước dạy dân ôm giữ mãi chế-độ từ chương khoa-cũ, buộc dân phải theo đó mà đi, bảo rằng ai đi đến chỗ « khoa-hoạn » mới là tới mục-đích, hễ ai đi trái con đường ấy, thì không ngỏ xuất-thân nào khác. Tự nhiên những người sanh ra ở dưới cái chế-độ giáo hóa đó, bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu hy-vọng, bao nhiêu chí-khí, đều quanh-quất sa-đà ở trong có bốn chữ, bốn chữ ấy chia ra làm hai đoạn, là : *thi đậu* và *làm quan*.

Cụ Phan, sanh ra nhằm cái hoàn-cảnh như thế, thì cách lập chí xuất-thân của cụ trừ khoa-cũ ra, không còn có đường nào khác, ta thấy cụ có cái chí « học quyết khoa », chẳng nên lấy gì làm lạ !

Vì lập chí mai sau phải chiếm lấy được giải khôi-nguyên, cho khỏi phụ lời mình đã nói cứng cát đến đời có một phen cụ Phan đã liều chết kia!

Năm cụ 21 tuổi, cùng với em là Phan-dinh-Vận, đang học với ông bác là Phan-dinh-Luấn, đậu tú-tài. Gặp giữa năm ấy có khoa thi, cụ năn nỉ bà thân-mẫu đến xin với bác để cho cùng em đi thi. Ông bác nói là cụ học hầy còn kém sút, chưa đi thi khoa này được, hầy để khoa thi sau. Cụ kéo nài năn nỉ mãi không được, bực mình lắm, lên sai đầy tớ ra chợ mua một lượng hoàng-nàn là vị thuốc độc về, kiếm có là mua để thử chế thuốc pháo, nhưng kỳ thiệt là đem về trộn vào ly rượu, rồi gọi em là Phan-dinh-Vận tới mà bảo rằng:

— Sanh ra làm trai cốt được học, học cốt đi thi, chớ học mà không được đi thi, thì còn sống làm gì. Phen này anh liều chết cho rồi đời, nghe em!

Ông em sợ quá, kiếm lời an ủi can ngăn mãi, cụ Phan không nghe, một hai dòi uống thuốc độc tự tử mà thôi. Cực chẳng đã, ông Phan-dinh-Vận phải chạy mau mau tìm kiếm bà thân-mẫu để nói cho bà nghe rằng anh Phùng đang uống rượu độc tự tử. Trong khi ông Vận chạy đi kêu mẹ, thì ông Phùng đã uống thuốc độc mà mê man bất tỉnh rồi. Sau bà thân mẫu tới, hô hoán người nhà hàng xóm lại cứu cấp; họ lấy nước đậu xanh và cam thảo cạy miệng ra mà đồ một lúc lâu cụ Phan mới tỉnh. Ấy lúc nhỏ, vì chút khoa danh mà cụ Phan đã có can đảm khinh sanh liều chết đến thế,

cho nên sau ra làm quan, mắng ông Tôn-thất-Thuyết ở giữa triều đình, cùng là khởi nghĩa trong mười năm trời lấy sức châu-chấu đá voi, chỉ tỏ ra cụ làm việc gì cũng toàn là coi chết như không cả.

Đến mãi khoa thi Bình-ti (1876) là năm cụ 30 tuổi, mới đậu cử-nhơn. Qua năm sau (1877) vô kinh thi hội, đậu Đình-nguyên Tấn-sĩ. Lời thề « thế nào cũng chiếm giải khôi-nguyên » của cụ ngày xưa, bây giờ cụ làm được như nguyện vậy.

Cụ Phan tuy đậu Tấn-sĩ, nhưng cũng chỉ ở trong bờ cõi từ chương cũ nghiệp mà thôi, chớ không phải là một nhà văn học có tài yểm bác lỗi lạc, hay khoa bút múa văn. Cho nên cụ không có sự nghiệp về văn chương, đời cụ không có câu đối nào tuyệt, bài thi nào hay, lưu hành ở đương thời và truyền tụng về sau.

Xem bài văn-sách thi đình của cụ trong khoa cụ đậu; cùng là sau này, giữa những lúc cụ cầm quân ở trong đám lửa giọc đạn ngang, rừng sâu núi thẳm, cũng có nhiều khi cụ ngẫu hứng mà phát ra ngâm vịnh, nhưng xem lời văn đều là thật thà chất phác mà thôi, không có một tài chi hùng hào như văn chương của nhiều nhà thơ khác. Có khi một vài câu liền bài thi của cụ, mình xem không lấy làm thích ý nữa là khác.

Sanh bình của cụ, lấy đức thuần phác trung hậu làm gốc sự học, cho nên phát ra văn-chương cũng vậy. Lại được một tánh cách thật thà mạnh dạn hơn người là điều gì biết thì nói biết, điều gì không biết thì nói ngay không biết, chớ không

III

RA LÀM QUAN



Cụ sanh-bình vốn có hai tánh cách đặc biệt, là : *thẳng* và *gan*. Khi cụ còn là học trò ở nhà quê, một làng bên cạnh đấp con đường đi thẳng qua làng Đông-thái, mà theo lẽ mê tín phong-thủy của ta ngày xưa, thì việc mở con đường ấy tất nhiên có hại cho làng cụ sao đó; cụ bèn xách gươm ra ngồi ở bên đường, nói rằng hễ ai đi qua đường này thì chém chết; thành ra con đường ấy về sau phải bỏ rêu phong cỏ mọc, không ai lai vãng nữa.

Nhân có bốn-tánh khảng-khái nghĩa-hiệp như vậy, cho nên đến lúc ra làm quan, phạm gặp việc gì ngang tai trái mắt, mà thiên-lương bảo cụ phải làm để sửa lại, là cụ làm ngay, dầu biết rằng làm việc đó ra, thì có hại đến tước-lộc hay là nguy đến tánh mạng cũng mặc. Cứ làm việc phải chớ không như những bọn tham quyền cố vị kia, động

gặp việc gì khó khăn — mà chính là việc nên làm và chính họ có sức làm được — thì co đầu thụt cổ lại không dám làm. Rất đôi có khi không dám mở miệng ra để nói lẽ phải nữa; trong ý họ chỉ lo sợ nếu như việc phải đó mà mình làm ra hay nói ra e vợ con mình, thân danh mình mất cả áo ấm cơm no, lên xe xuống võng. Họ suy nghĩ thà cứ chiều đời ngậm miệng cho được vinh thân phì gia là hơn. Trái lại, cụ Phan không phải là hạng làm quan như thế.

Bởi vậy, khi cụ đậu rồi, được bổ ra làm Tri-phủ Yên-khánh ở Ninh-bình, thấy một ông cố đạo bôn-xứ hay y thể tôn giáo, hà-hiếp lương dân, thì cụ không kiêng nể ngần ngại gì, cứ việc hô lính đề cổ ông giáo-sĩ đó xuống mà đánh.

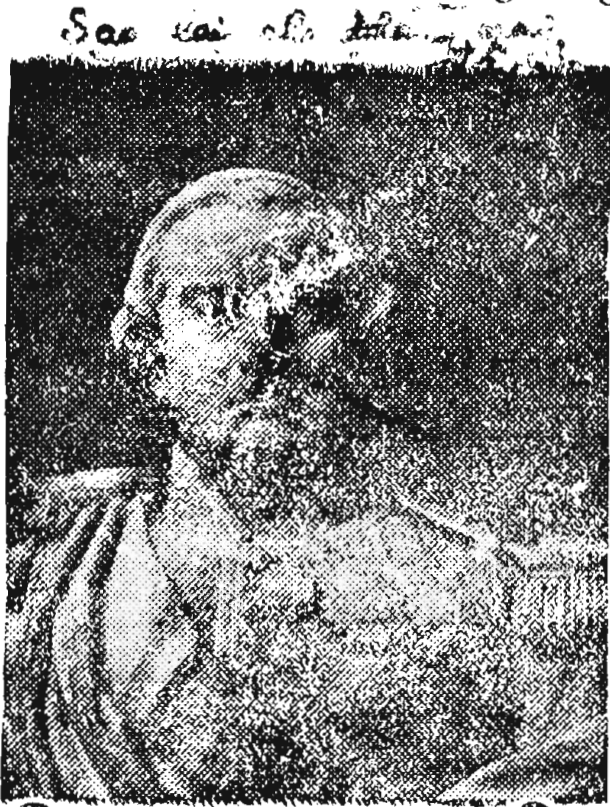
Ông cố đạo ấy tức là cụ Trần-Lục, tục gọi là cụ Sáu, sau được triều-đình phong làm Tuyên-phủ-sứ, có oai-quyền lừng lẫy một lúc ở vùng Phát-Diệm Ninh-bình ai cũng phải sợ.

Cụ đánh một ông cố đạo, là đánh kẻ có tội hà-hiếp người, chớ không phải bày tỏ ra ý ghét đạo Thiên-chúa đâu. Bọn văn-thân ta bấy giờ cùng có một trí nghĩ chung, cùng ôm một mối thù chung; gặp đâu có nhà thờ là đốt là phá, gặp đâu có ông « mặc áo dài thâm » là vặt râu, gọt đầu, bắt bước qua cây thánh-giá, thích chửi vào mặt, rồi giết.... Bởi các ông văn-thân tin-tưởng rằng những người theo đạo Thiên-chúa đều là quân nội-công của người Pháp và đạo Thiên-chúa là tả đạo hoặc người. Ấy đời xưa, từ vua đến quan từ quan đến dân,

đều tin-tưởng như thế cũ, cho nên đã gây nên không biết bao nhiêu việc lương-giáo đánh giết nhau, rắc rối lồi thòi mãi.

Nhưng cụ Phan suy nghĩ thế khác.

Cụ vẫn thường nói: Đạo Thiên chúa lấy ông Gia-Tô làm Trời, thì cũng như ông Thích-ca Mâu-ni là Trời của đạo Phật. Khổng Phu-tử là Trời của nhà nho. Hễ ai đã tin-ngưỡng điều gì, thì điều ấy



mũi l...
Đề-dốc R. de Genouilly, người
đem chiến thuyền qua đánh
nước Nam trước hết

là Trời của mình. Mình muốn người ta đừng xâm phạm đến sự tin-ngưỡng của mình, thì mình đừng xâm phạm đến sự tin ngưỡng của người ta. Thiên-chúa cũng là một thứ tôn giáo, mặc ai tin thì theo.

Còn như thuở ấy người ta bảo giáo-dân là quân nội công của người Pháp, thì cụ nói :

« Ấy là tại nước mình hèn yếu,

không có nhân-tài, không có tàu bèn súng lớn, quân mạnh tướng giỏi, chớ lồi chi ở giáo-dân. Chồn mượn oai hùm, dê đeo da cạp, ấy là thường tình của con người ta, có lấy chi làm lạ. Xứ nào mà không có hạng người hèn ấy ! »

Thế mà cụ nọc một ông cố đạo ra đánh. Vì các ông cố đạo ở đời bấy giờ, ngoài ra những ông chuyên tâm giảng đạo, bất can thế-sự ra, thật cũng có ít nhiều ông quá ý-y nơi thế-lực của người Pháp hùng cường sẵn lòng binh vực cho mấy ông, rồi mấy ông được trón làm tới Ý-y vào thế lực đó để giữ gìn lấy quyền lợi của Nhà chung và quyền-lợi tự do truyền giao, đã đành là lẽ tự nhiên rồi, nhưng có ít nhiều ông được trón rồi hà hiếp những dân vô-cô, mà dáo dân lại cũng ý thế mấy ông cố ông cha mình để bắt-nạt anh em đồng loại bên lương, do đó mà sanh ra lắm sự đánh giết nghịch thù lẫn nhau. Sự thế như vậy, khiến cho trong khi làm quan phụ-mẫu một địa-phương, phạm-sự bảo cụ phải trừ tệt an dân, dầu là một ông cố đạo có lỗi, cụ cũng nọc ra mà đánh không tha. Như trên kia đã nói sự đánh một ông cố đạo chỉ là đánh một kẻ « ý thế hiếp người », chớ không phải cụ Phan có ác cảm gì với đạo Thiên-chúa như người khác đâu.

Về sau cụ khởi nghĩa, có một lúc kéo cờ đề chữ « Bình Tây Diệt Tã » ấy là vâng theo ý lệnh của triều-đình lúc bấy giờ thường hạ chiếu khuyến khích bọn văn-thân đánh phá chém giết giáo-dân, Nhưng sau cụ suy nghĩ thế là không nên, vì giáo-dân cũng là đồng bào có thù nghịch gì với mình đâu, cho nên khi đóng đại-binh ở núi Vụ-Quang, cụ vẫn hiểu-dụ bọn giáo-dân rằng: « lương-dân hay giáo-dân đều là xích-tử của thiên-đình, chớ nên vì lẽ gì mà hại lẫn nhau. » Xem thế thì thật cụ Phan không có lòng ghét đạo Thiên-chúa, chỉ ghét một vài ông giáo-sĩ nào ý thế làm cản đó thôi.

Song le, ở đời bấy giờ, đánh một ông cố đạo, là một việc dễ làm, mà cũng là một việc khó xử.

Đễ, là bọn văn-thân lúc ấy đang có thanh-thế to, bè đảng lớn, thì đánh hay giết ngay một ông cố đạo, cũng như là đánh hay giết một đứ dân thường nào vậy thôi. Nhưng khó, là khó cho triều-đình trong việc giao-thiệp với nước Pháp.

Cái có trước hết, mà nước Pháp và nước Nam có cuộc giao-binh sau thành ra cuộc bão-hộ, là tự triều-đình ta làm ngăn trở việc truyền giáo, bao nhiêu năm hạ chiếu thúc giục quan dân phải ngược sát những kẻ theo đạo. Triều-đình thấy trong mỗi việc Pháp-Việt giao thiệp, đều có giáo-dân làm duyên cớ ở trong, thì bảo: « Á! Quân này rước voi về dầy mồ! », bèn ra tay cấm đạo giết đạo. Đến khi thấy vì cấm đạo giết đạo quá, mà việc giao-thiệp hai nước càng thêm nguy hiểm khó khăn cho mình, thì triều-đình lại bảo: « Á! Quân này mạnh gồm », bèn trở lại trị tội những quan nào dân nào đã xâm phạm đến người di đạo, triều-đình cốt làm vậy để chiều lòng người Pháp. Thế là, khi nào nước Pháp nhịn thì triều-đình ta làm tới, khi nào nước Pháp giận thì triều-đình ta thụt lùi, chớ tự triều-đình, không có chủ-trương như định gì cả.

Bởi thế, cụ Phan-đình-Phùng, Tri-phủ Yên-khánh, vì cái lỗi đã đánh một ông cố đạo, mà bị triều-đình trị tội, phải triệu về kinh, sung vào viện Đô-sát, làm Ngự sử. Năm ấy là năm Tự-Đức 31.

Cụ được về kinh sung vào chức này, lại càng nhằm chỗ thích hiệp với tánh-cách thiên nhiên của cụ, là: tánh cang-trực. Gặp lúc bấy giờ việc nước

lôi thôi, chánh-sự rối bết, vua thì nằm cao ở chốn thâm cung, giặc thì tung hoành khắp trong bờ cõi, thế nước hồ nguy, tình dân khổ sở, thế mà các quan đại-thần tiểu-thần, trong triều ngoài quận, trên đã không giúp được vua yên nước, dưới lại không có lòng thương dân; tóm lại các ông ấy chỉ biết lo có bản thân và làm toàn những việc đối trên hiếp dưới cơ hồ không còn có kỷ-cương phép tắc gì nữa. Chức Ngự-sử đặt ra, cốt để can ngăn vua chừa đổi những tật hư, và hạch trăm quan về những việc làm bậy. Làm Ngự-sử về thời trị đã khó khăn, vì thấy nhiều ông Ngự-sử khiếp sợ oai quyền; rõ biết vua sai quan lỗi mười mươi, mà không dám nói; huống chi làm Ngự-sử thời loạn, khôn sống mống chết, thế mà sao trên thì khỏ-gián được vua chúa, dưới thì nghiêm hặc được trăm quan, cho ai nấy trúng khuôn phải phép, lợi nước an dân, như vậy Ngự-sử chẳng phải là chức khó lắm sao!

Cụ Phan thật là xứng đáng một quan Ngự-sử ở thời loạn. Vì gặp việc gì sai lầm, cụ đều dám nói.

Thứ nhất là việc tập bắn ở cửa Thuận-an.

Nguyên là hồi đó nhà vua có lập ra một sở tập bắn ở cửa biển Thuận-an, cách xa kinh-thành 14 cây số: bắt buộc tất cả các quan văn võ đại thần ở kinh đều phải ra đó tập bắn. Cái bản ý của nhà vua lập ra trường tập bắn này thế nào thì không biết; ý hẳn lúc ấy trong nước đang có binh-đao nhà vua muốn rằng bất cứ quan dân ai cũng có thể làm quân lính được cả, cho nên định luyện tập lấy một đội quân « các quan » để rời ra hộ vệ kinh-thành, chống cự binh Pháp chẳng!

Ai cũng đư biết trong chốn triều miếu kinh-đô, ai làm lên đến bậc đại thần, là vào hàng « các cụ » rồi. Đã làm bậc « các cụ », thì có oai quyền to, thanh thế lớn, không muốn cho ai nịnh hót cũng có người nịnh hót, không muốn cho ai sợ hãi cũng có người sợ hãi, như vậy mà có thiếu gì kẻ bưng bọ oai quyền và khúm núm ton hót ở đằng sau các cụ. Các cụ nói câu gì, dầu cho dở khệt cũng là nói gang thép, các cụ làm việc gì, dầu cho bậy bạ cũng là việc làm hơn người. Rất đời là con cháu các cụ dốt mấy rồi đi thi cử cũng phải đậu, ngu mấy rồi cũng được viện lệ hay tập tước để làm quan. Tóm lại các cụ ở đời bấy giờ tiếng là phò vua giúp nước mà kỳ thiệt là dối vua hại nước không biết bao nhiêu.

Cái việc tập bắn ở cửa Thuận-an này là một chứng cứ.

Nhà vua đã định lệ, hễ cụ này bắn trúng mấy phát, cụ kia bắn trúng mấy phát, thì viên chấp-sự trông nom việc tập bắn phải ghi vào sổ hẵn hỏi để tâu vua xem. Các cụ đã quen áo dài vai rộng, võng lọng ngựa xe đi rồi, đời nào mó tay đến khâu súng tập bắn. Không may gặp lúc trong nước có nạn đao binh, mà nhà vua bắt buộc quan lớn cũng phải xắn tay áo lên, tập lành cái nghề của tên lính, thì hình như là việc cực chẳng đả cho các cụ; các cụ chỉ làm cho xong chuyện, khỏi trái mạng vua thì thôi, có khi các cụ bắn mười phát đều lên mây xanh, không có được một phát trúng đích, thế mà viên chấp-sự, tướng vua ở xa, sợ các cụ gần, thành ra chính các cụ tập bắn không trúng phát nào hết mà viên chấp-sự cũng ghi vào sổ cho nhiều, làm như là các cụ đều bắn giỏi cả.

Việc tập bản man trá như vậy, các ông Ngự-sự ở Đô sát viện đều biết dư, nhưng cũng kiêng nể sợ hãi các cụ, không dám đàn-hặc bao giờ. Duy đến cụ Phan thì cụ không thêm kiêng nể sợ hãi ai, chỉ nghĩ rằng: họ làm như thế là dối vua, bèn làm sớ tâu vua Tự-Đức ngự giá ra cửa Thuận an, để xem các quan tập bản cho rõ hư thiệt. Vua Tự-Đức ngự ra xem, thì quả nhiên trước kia sổ sách biên chép tâu lên là láo cả, trong bá quan tập bản mười phần, chỉ có một hai phần bản trúng mà thôi. Bởi vậy, Ngài châu phê rằng; « *thử sự cứu bất phát, phùng Phùng nãi phát* » (việc này lâu không có ai phát giác ra, nay gặp Phùng mới phát), rồi thăng chức cho cụ làm Hình-khoa chưởng ấn, cả triều-đình bây giờ, ông quan nào cũng phải khiến nể cụ về tánh cương trực căm ngôn.

Những việc cụ dám đàn-hặc các quan hồi ấy còn nhiều, song cũng không quan-hệ chi mấy, cho nên lược đi.

Vua Tự-Đức thương cụ là người cương-trực, sau ngài giáng chỉ phái cụ làm quan Khâm-mạng ra thanh-tra tình-hình quan lại ở Bắc-kỳ. Cụ đi thanh-tra rồi dâng sớ về tâu vua, hạch tội ông Thiếu-bảo Nguyễn-Chánh, Kinh-lược Bắc-kỳ, chỉ ôm tiết-việt vua ban làm món đồ bày trước mặt cho oai-vệ, chớ sự lợi hại của dân gian, thiệt chẳng để tâm gì tới. Vua Tự-Đức giáng chỉ sai cụ thâu lấy tiết-việt của Nguyễn-Chánh về, không cho ông làm Kinh lược nữa.

Ở ngoài Bắc trở về kinh, cụ Phan lại sung chức Ngự-sử.

IV

VIỆC LOẠN Ở TRONG TRIỀU SAU KHI VUA TỰ-ĐỨC MẮT

Lúc bấy giờ sáu tỉnh trong Nam-kỳ đã nhường dứt rồi, quân Pháp đang hoạt-động ở Bắc-kỳ và sắp can-thiệp đến kinh-đô Huế.

Thoạt tiên, nước Pháp can thiệp đến kinh-đô là đánh Đà-nẵng, phá cửa Thuận-an, rồi yêu cầu đặt Khâm-sứ.

Chiếu theo điều ước ký ngày tháng 3 năm 1874, nước Pháp có quyền đặt một ông Khâm-sứ tại kinh-đô Huế, để giao-thiệp với triều-đình ta. Nước Pháp đã chiếm lãnh đất Nam-kỳ, và đã đánh phá hầu hết Bắc-kỳ rồi, còn một đất Trung-kỳ tha gì mà chẳng lấy nốt, duy còn muốn hơn nhường cho triều-đình ta đôi chút, tức là cách « tiên lễ hậu binh », chờ lúc nào triều-đình ta ra mặt kháng cự thì bấy giờ Pháp mới dùng đến võ-lực.

Vậy ông Khâm-sứ đến đóng ở Huế trước hết là ông Rheinart (1875).

Ông Khâm-sứ đến đóng ở Huế tức là một người thay mặt nước Pháp, để thi-hành điều ước với triều-đình ta. Nhưng triều-đình ta có coi điều ước ra cái



Cửa biển Đá-năng hồi chiến thuyền Pháp bó lán trước hết, năm 1858

quái gì, bất quá lúc bị thua trận quá, thì cũng nhắm mắt ký tên để làm kế hoãn binh mà thôi, chờ vua

quan mình bấy giờ xem điều-ước chẳng khác tờ giấy lộn và khoản kia khoản nọ như câu nói trò đùa gì vậy. Vì thế, ông Khâm-sứ nào đến rồi cũng chán. Ông Rheinart đến đống ít lâu bỏ đi, ông Philastre tới thay (1878). Ông này cả ngày chỉ ham đọc sách bói toán, và chơi với ông Nguyễn-văn-Tường rất thân. Sau chánh phủ Pháp thấy triều-đình ta không giữ lời hứa chút nào, tưởng cho là ông Philastre không đủ sức nghiêm-nhặt để bắt buộc triều-đình Annam phải tôn-trọng điều-ước, cho nên ngày tháng 7 năm 1879 lại phái ông Rheinart tới thay một lần nữa.

Trong hồi đó, giữa triều-đình ta và tòa Khâm-sứ có xảy ra nhiều việc lời-thời khó-khăn; nào là vua quan ta miệt-thị ông Khâm sứ, nào là ngược đãi những người Pháp ở Huế, nào là giết đạo v. v... làm cho người Pháp khó chịu, tức mình, nhưng đó cũng kể là những việc nhỏ, duy có một việc trái với điều-ước, khiến cho người Pháp bất-bình lắm, ấy là việc vua Tự-Đức lại sai sứ sang triều-cống nước Tàu.

Thiệt vậy, khoảng năm 1880, vua Tự-Đức sai sứ-thần đem đồ phương-vật sang triều-cống vua Thanh nước Tàu và xin Tàu cứu giúp, trong ý vua quan ta tưởng rằng vua Thanh nước Tàu lúc bấy giờ đủ sức chống cự nước Pháp mà cứu viện cho nước Nam mình được.

Chánh-phủ Pháp thấy vậy, nghĩ rằng Rheinart làm không tròn trách-nhiệm, là tại ông không biết tiếng Nam và phong-tục người Nam, cho nên trong

sự giao thiệp có nhiều điều ngăn trở hay là không rành. Rồi chánh-phủ Pháp cử ông Champeaux đến thay làm Khâm-sứ. Ông Champeaux là người thạo tiếng nói Việt-nam và hiểu thấu tình-tình phong-tục của người mình lắm. Nhưng khốn thay triều-đình mình, dù ông Khâm-sứ nào tới mặc lòng, cũng gây sự lôi-thôi với người ta cả. Rốt cục lại, đến ông Champeaux cũng phải đi, rồi ông Rheinart lại tới Huế nữa.

Đến năm 1882 trở đi, công cuộc giao-thiệp của hai nước càng thêm rắc-rối có nhiều chỗ không thể nói được nữa. Thứ nhất là khi nghe cái tin quân Pháp hạ mất thành Hanoi rồi, triều-đình và bọn văn-thán càng lấy làm uất-ức, vì thấy đất đai thành-trị của mình cứ mất lần mòn đi một cách nhục-nhả như vậy, thành ra bây giờ không muốn hòa nữa. Tuy mình không có binh-lực và khí-giới, nhưng ai nấy đều hăng-hái, muốn liều chết má đánh nhau rồi ra thế nào thì ra. Thấy lòng người phẫn-khích như thế, nên chỉ ông Tôn-thất-Thuyết — khi ấy làm Binh-bộ Thượng-thư, có binh quyền trong tay lớn lắm — mới ngậm lên dự bị để chống cự binh Pháp. Ông sai cắm cờ ở sông Hương để ngăn giới hạn bên tòa Sứ và bên Hoàng-thành; lại xây đồn đắp lũy ở cửa Thuận-an, để phòng giữ mặt biển, và luyện tập binh lính cả ngày, chỉ chờ dịp cùng quân Pháp khai chiến mà thôi. Vì thấy tình-thế mỗi ngày càng thêm rắc rối không xong như vậy cho nên đầu năm 1883, ông Rheinart bỏ Huế mà vô Saigon. Ấy là cái triệu hai nước sắp sanh sự với nhau đó.

Vua Tự-Đức vốn là một bậc vua anh-minh, chỉ tiếc vì ngài ở chốn thâm-cung, không hiểu chi về thời thế thiên-hạ, mà các quan phò tá cận-tiền đều là hạng hủ-nho cố-chấp, không rành việc đời việc nước, không hề tri bỉ tri kỷ chút nào. Sự thiệt, chính vua Tự-Đức không phải là người có tánh cố-chấp. Ngài cũng biết sự chi thích dùng, thì dùng, dầu thứ đó là đồ chế-tạo của nước Pháp, là nước đang cừu-địch với ngài cũng vậy, chớ không phải như mấy ông hủ-nho ta đời ấy, bất cứ thấy cái gì của Tây là cũng làm bộ không dùng. Một việc này làm chứng có rằng vua Tự-Đức không có tính cố-chấp. Ngài ham thích đi săn bắn. Tháng nào ngài cũng đi bắn đôi ba lần, và mỗi lần đi bắn đều được vịt trời và hươu nai, cho nên ngài đã có tiếng là ông vua tài bắn lắm. Thường khi ngài đi bắn như thế, hay đem theo mấy khẩu súng tây và đi đôi giầy bằng cao-xu đen của tây chế ra để lội xuống ruộng cho dễ. Xem vậy thì ngài có đạt quan lắm, không ghét bỏ chi những đồ thích dùng, dầu cho là của địch quốc mặc lòng.

Ngài hay chữ và coi việc triều-chánh rất siêng năng. Cả ngày ngự ở điện Cần-chánh làm việc, không lấy làm mỏi mệt. Lại có tánh tình dản-dị, những lúc ngồi làm việc cặm cụi, chỉ có hai con cung-nữ đứng hầu để châm trà đốt thuốc; làm việc lâu lâu mệt mỏi thì đứng dậy ra chỗ để đầu-hồ chơi ít bàn làm vui. Nói tóm lại, sau vua Gia-Long là vua anh-hùng, đến vua Tự-Đức có thể gọi là vua minh-triết. Nếu như gặp được nhiều đại-thần phụ-chánh là hạng thức thời và có trí, để tỏ cùng ngài về việc thời thế họa-phước chỉ dẫn giúp đỡ cho ngài trong

việc cải cách duy-tàn, thì có lẽ nước Pháp đã sẵn lòng giúp sức cho ngài có thể làm vua Minh-Trị nước Nhứt-Bồn, mà dân mình dầu có kém hèn đi nữa, cũng tấn tới được hơn ít chục năm, có thua ai cũng không đến nỗi thua sút bao nhiêu. Đáng tiếc thay! những người ở bên tả hữu nhà vua lúc bấy giờ, đều là hạng tư-tướng cũ rich thời-thế mịt-mù, họ gặp buổi vận-hội gian nan, quốc-sự nguy-biến là thế, mà vẫn cố-chấp mơ-màng không chịu tỉnh dậy. Chính họ đã dối vua hại nước chớ ai. Một viên đại-tướng Pháp hỏi đó là ông Le Myre de Vilers, viết thư dâng vua Tự-Đức có câu rằng: « Bọn tả-hữu của Hoàng-thượng đã làm cho Hoàng-thượng sai lầm việc nước » thật là một câu nói tóm tắt được cả tình-hình trào tránh của ta lắm vậy.

Phải, chính các cụ đại thần dối vua hại nước đảo-đề.

Nước ta lúc bấy giờ, trong dân gian nảy ra lắm người thức thời hữu chí, lần mò vào kinh-dò dàng sờ cái cách, một hai bày tỏ tâu xin nhà vua mau mau sửa đổi theo Âu Mỹ, thì quốc vận còn có thể vẫn hồi được. Nhưng chí sĩ nào cũng bị các cụ triều thần làm « kỳ-đà cắn mũi », còn kiếm cách hãm hại người ta là khác. Những lúc ông Nguyễn-trường-Tộ (1) tâu xin cải cách theo như Âu-châu và ông Bùi-Phủng (2) tâu xin thông thương với

(1) Ông Nguyễn-trường-Tộ là người tỉnh Nghệ-an. Hồi nước Pháp đã lấy Nam-kỳ rồi ông đi theo mấy ông cố-đạo sang Pháp học cốt là sang học lấy văn-minh Âu-châu, để về lo cải cách nước mình. Khi về, ông có dâng sớ điều-trần những phương-lược cải-cách, và xin nhà vua làm

ngay, theo gương nước Nhật-bổn, không có thi eái và mất nước đến nơi. Vua Tự-Đức họp đình-thần để bàn, đình-thần cho là sự nói càn không chịu theo. Ông buồn đến nỗi ức uất mà chết. Có người nói ông bị các cụ đình-thần hạ ngục rồi bắt uống thuốc độc chết. Năm 1925, đức tiên-hoàng Khải-định truy-tặng cho ông Nguyễn-trường-Tộ hàm Trục-học-sĩ. Văn trước-thuật của ông bàn bạc về tình thế thiên hạ và ý-kiến cải cách duy-tân hồi đó, hiện nay còn để lại Quốc-sử-quán trong Huế.

(2) Ông Bùi-Phũng, người làng Trinh-phố, phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình, đậu cử-nhân. Ông dâng sớ xin mở mang việc buôn bán với ngoại-quốc, triều-đình phái ông đi kinh-biện việc ấy ở bên Tàu. Ông sang Quảng-đông, kết giao được với con một ông Lãnh-sự Mỹ tại Quảng-đông. Người con ông Lãnh-sự ấy sanh ở nước Tàu, học nhiều chữ Hán, làm thơ hay lắm. Hai bên nói chuyện tâm-sự với nhau; người kia thương tình, hứa với ông rằng sẽ đưa về xin Chính-phủ Mỹ cứu giúp. Ông nói rằng việc có quan-hệ đến quốc-gia trọng-sự, mình không dám tự chuyên, để về tàu vua đã, rồi sẽ liệu định. Người Mỹ bèn ra chờ tại Hương-cảng, còn ông thì về mật-tấu với vua Tự-Đức. Vua chưa tin, bảo ông ra hỏi lại cho chắc chắn đã, hãy về lấy quốc-thư đi sứ qua Mỹ. Ông nghĩ việc cấp-bách, mà đi lại như vậy mất công, bèn mạo ra quốc-thư và tự chế ra áo mào hàng quan Tam-phẩm rồi sang Hương-cảng, cùng người bạn đi qua Mỹ giao thiệp. Lúc ấy Mỹ sẵn chuyện bắt binh với vua Napoléon III về vụ Mexique, nên muốn thừa dịp trả thù ở phương Đông, nghĩa là can thiệp vào công việc nước Nam. Nhưng tới đây ông Bùi-Phũng lại ăn năn lo sợ triều-đình biết cái tội mình mạo giả quốc thư và cái tội tự-chuyên đi sứ, nên chỉ ông xin Chính-phủ Mỹ hãy thông thả để cho ông trở về tàu sự-thể cho quốc-vương rõ đã. Chính-phủ Mỹ ưng theo, lại cho người con ông Lãnh-sự kia theo ông đi sang nước Nam xem xét sự-tình. Ông về thú tội cùng vua Tự-Đức, bấy giờ vua mới cho ông có danh-nghĩa chánh thức để qua Mỹ một lần nữa, thì chánh cuộc ở Mỹ đã thay đổi khác mất rồi, người ta không thêm

nước Mỹ, vua Tự-Đức họp đình thần lại giao cho bàn xét thi hành, chớ ngài không muốn độc-đoán. Nhưng các cụ đình-thần chỉ sợ người khác tranh công cướp vị của mình, nên chỉ các cụ ra sức cản trở nhà vua về việc lo toan cải cách. Những chi-sĩ ở đương thời như ông Tô ông Phũng muốn thấy tổ quốc mình duy tân đã không được thấy, lại còn mang lấy cái họa sát thân vào mình nữa. Rất đỗi giữa khi quân Pháp đang đánh giệp tứ tung ở Bắc-hà, đi đến đâu là đánh được ở đó, có thể mau lẹ dễ dàng như chém cây khô, mà ở trong trào, các cụ có trọng trách quốc gia, chẳng ai có một mưu chước gì để giúp vua cứu nước đặng, chỉ tin cậy vào học thuật Khổng, Mạnh và trông mong vào nước Tàu là một nước cũng đang nát bét như tương để họ cứu giúp. Thiệt vậy, nước Tàu hồi đó, đang như con cá nằm trên thớt, chịu để cho liệt cường Âu Mỹ chặt năm xẻ ba ra chia nhau, chính Tàu lúc ấy lo bề tự cứu còn không xong,

lính đến việc trước nữa. Ông Bùi-Phũng hết sức ai cầu, làm gần như Thân-bao-Tư đòi Chiến-quốc khóc bầy đêm ngày ở sân vua Tần để xin đem binh cứu cho nước Sở. Tuy vậy người Mỹ kiếm cách thối thác là bảo ông về trú-biện lấy 2 triệu quan tiền đem qua làm khoản chi phí xuất binh.

Kho làng nước ta hồi ấy cũng không lấy đâu mà trú được 2 triệu quan tiền? Nhà vua bèn sai ông kinh-doanh về việc buôn bán để trú hoãn tiền ấy. Việc này ban đầu chỉ có vua và ông biết mà thôi, sau vỡ lở ra, bà Từ-Dụ Thái-hậu (mẹ vua Tự-Đức) cản không cho làm, nhân thế đình thần lại khép ông vào tội khi quân, giam ông trong ngục tới đời khát mà chết.

có hơi sức tài giỏi gì cứu ai cho được. Chẳng qua có bọn Cờ Đen, là bọn giặc cỏ ở bên Tàu, chạy tràn sang đất Bắc ta, thế mà nhà vua trông cậy vào chúng nó để chống cự với binh Pháp hùng cường mới kỳ khiến cho chúng nó thừa dịp phá hại dân ta rất là khổ sở. Cũng chính các cụ trào-thần hủ-bại xúi giục nhà vua hạ chỉ giết hại giáo sĩ và giáo dân, lại càng gây thêm oán thêm thù ra với người Pháp nữa. Lời của ông Le Myre de Vilers đã nói trên kia phải lắm.

Kể cho hết cái tình cảnh khó khăn của vua Tự-Đức hồi bấy giờ, ai cũng lấy làm ái ngại cho ngài; trên thì có đức bà Từ-Dụ Thái-hậu cấm đoán, dưới thì có quần-thần trở ngại trong mỗi công việc, thành ra về quốc-gia đại-sự, ngài bị trên ngăn dưới cản, không thể chủ-trương quyết-đoán ra thế nào được cả.



Tệ nhất là trong trào có bọn quyền-thần.

Đối với việc Pháp-Việt giao-thiệp hồi ấy, trong triều chia ra làm hai đảng: một đảng chủ hòa, một đảng chủ đánh. Đảng chủ hòa yếu, đảng chủ đánh mạnh. Đảng chủ hòa thì đã cố-nhiên rồi, còn đảng chủ đánh cũng chỉ vu vơ mơ màng, chẳng có thực lực mà cũng chẳng trông cậy vào đâu chắc chắn; bất quá ngoài thì trông nhờ giặc Cờ Đen, trong thì trông vào một cửa bể Thuận an, và một vạn quân cấm vệ, súng đạn lương thực tích trữ được một năm, tưởng đâu như thế là đủ chống

với quân Pháp rồi. Đầu đảng chủ đánh là ông Nguyễn-văn-Tường và ông Tôn-thất-Thuyết.

Ấy mỗi đảng có một cái chủ kiến khác, thành ra xung đột nhau.

Hồi tháng 5 năm 1883, việc trong nước đang rối bết như thế, mà triều-đình ta còn bày ra lễ « Phất-



Quân lính Cờ Đen

thức», tức là một lễ lau chùi những ấn tín của nhà vua, trong dịp vui mừng. Nào có gì đáng mừng đâu, chỉ có nghe tin ông Đại tá Henri Rivière đã chết, và quân Pháp đã rút ra ngoài thành Hanoi, thế mà triều-đình coi như thắng trận lớn lắm, nên mới làm lễ Phất-thức để ăn mừng vậy.

Ông Thượng-thor Trần-tiền-Thành — cũng là một vị trọng thần ở trong triều và thuộc về đảng chủ

hòa — thấy vậy, tranh biện với ông Thuyết tại giữa triều-đình rất dữ, ông nói rằng: « Bày đặt làm cái lễ này làm chi thiệt vô ích. Tôi đây là con lai khách (1), mà tôi không dám tin rằng người Tàu

(1) Ông Trần-tiền-Thành là người Minh-hương.

có thể địch với quân Pháp được ». Ông Tôn-thất-Thuyết mắng giữa mặt rằng: « ông là Khách mà ông khinh bỉ đồng bào của ông, rõ đồ vô sĩ » !

Ông Tôn-thất-Thuyết thật là quyền-thần hồi bấy giờ, ở trong triều, ông không còn kiêng nể ai hết, nhân thế mà gây ra bao nhiêu chuyện sau này.

Thứ nhất là việc phế-lập, sau khi vua Tự Đức thăng hà.



Vua Tự-Đức hiếm hoi, không có con trai. Ngài có nuôi ba người con của bai ông anh em ngài là Thoại thái-vương và Kiên thái-vương làm con nuôi.

Khi lâm chung, ngài triệu ba ông Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Tường và Trần-tiền-Thành tới dặn dò việc lớn của nhà nước, và di-chiếu lập người con nuôi lớn ngài là ông Dục-Đức (con Thoại-thái-Vương) lên làm vua. Ngài nói rằng: « việc lớn nhà nước phó thác cho ba khanh hãy tận trung tận lực, đừng có phụ lòng trăm tin cậy ». Ngài vừa thở vừa nói câu ấy, đứt rá từng tiếng, mà hai hàng nước mắt ứa ra.

Ba ông cùng khóc mà phụng chiếu.

Vua Tự-Đức thăng-hà. Ngày ấy là ngày 19 tháng 7 năm 1883 (Ngày 16 tháng 6 năm Quý-Mùi).

Nhưng sau khi vua Tự-Đức nằm xuống rồi, thì ông Thuyết và ông Tường hùa nhau mà khuấy rối việc nước hết sức lộng quyền và độc ác,

Trước hết là các ông ấy bỏ ông Dục-Đức.

Khi vua Tự-Đức thảo tờ di-chiếu lập ông Dục-Đức, và trao cho ba ông Thuyết, Tường và Trần-tiền-Thành làm Phụ chánh đại thần trong có hờ một câu khiến cho ông Thuyết và ông Tường vin lấy câu đó để làm cớ mà giết ông Dục-Đức và lập ông khác được. Nguyên trong tờ di-chiếu ấy có câu rằng: « ông Dục-Đức hãy còn trẻ tuổi, mà phóng-đăng vô đạo, đáng lẽ thì không lập, nhưng vì không có tự-quân, cho nên phải lập » v. v.

Đến lúc các ông ấy họp đình thần để bàn và cử ông Trần-tiền-Thành đứng lên tuyên đọc tờ di-chiếu, Ông Trần-tiền-Thành nghĩ nếu mình đọc rõ câu kia ra, thì có ngại đến danh dự của ông Dục-Đức là vua sắp lên ngôi, cho nên đến câu: « ông Dục-Đức hãy còn trẻ tuổi, mà phóng-đăng vô đạo, đáng lẽ không lập, nhưng... » thì ông đọc nhỏ tiếng. Câu ấy là câu cốt-tử để cho ông Thuyết làm việc phế lập, nay đọc nhỏ tiếng đi sao được. Ông mắng ông Trần-tiền-Thành khi mạn đình thần, cho là vào bè với ông Dục-Đức, bèn sai ông Nguyễn-trọng-Hợp tuyên đọc tờ di-chiếu ấy to tiếng lên.

Ông Nguyễn-trọng-Hợp đọc xong, thì ông Thuyết đứng dậy nói rằng: « Như vậy thì không thể lập được ông Dục-Đức, mà phải lập ông khác, vì theo trong di-chiếu, ông Dục-Đức là người phóng-đăng vô đạo, không xứng đáng làm vua ».

Trong bụng hai ông Thuyết và Tường bấy giờ đã định lập ông Văn-lãng-công tên là Hường-Dật.

vì nghe đầu như ông Văn-lãng-công đã có vận-động với hai ông nọ rồi. Vì thế sau khi vua Tự-Đức mất, là ông Thuyết xoay ra mặt phở lập ngay, song còn lo triều-thần có ai phản đối lại chẳng, cho nên ông phải lấy oai để hiếp phục. Lúc ấy binh quyền trong tay ông nắm, thành ra động việc gì ông cũng dõ võ lực ra. Nội triều, trừ ông Trần-tiền-Thành và một vài ông nữa ra, còn thì đều là thũ tíc của ông, vì sợ khiếp oai võ của ông, nên không ai dám trái ý.

Ngay bữa họp đình thần để quyết nghị việc bỏ ông Dục-Đức và tôn ông Văn-lãng-công, thì ông Tôn-thất-Thuyết đem 300 tên cấm-binh (lính trong cung cấm) ra dàn ở trước triều để thị oai, và dặn chúng rằng : nếu ai dám ho he nói gì, thì cứ xem cái ám hiệu của ông, bảo làm thế nào thì làm. Hễ ông vỗ tay xuống bàn một cái, thì cứ việc trôi lại; hễ ông vỗ tay xuống bàn một cái rồi giờ tay lên một cái, là cứ việc chém.

Ông làm dữ như thế thì còn ai dám nói. Từ các cụ đại thần cho đến các thuộc-quan đều ngồi thu tay vào bọc, và ngậm miệng như bển cã.

Thế mà có một ông quan nhỏ dám nói.

Người ấy là quan Ngự-sử Phan-đình-Phùng.

Lúc ở giữa triều-đình, thấy Tôn-thất-Thuyết trở mặt chuyên quyền, tính bỏ vua nọ lập vua kia như thế, cụ Phan tức giận, đứng lên toan nói, thì các bạn đồng liêu nhút nhát của cụ sợ thay cho cụ, cho nên họ ở phía sau níu áo cụ lại, ra hiệu bảo cụ đừng nói cang trặc mà chết.

Cụ Phan giựt mạnh quá, dứt ngang thân áo đai-trào, rồi hăm hăm nói lớn tiếng với Tôn-thất-Thuyết :

— « Đức tiên-hoàng vừa mới nhắm mắt, mà ngài đã làm việc trái nghịch di chiếu như thế, thiệt không còn đạo nghĩa nhân-thần một chút nào. Bây giờ trào-dình tất phải tuân theo di- chiếu mà lập ngài Dục-Đức lên ngôi mới được. Huống chi tụi quân chưa có lỗi gì, chưa chi đã làm việc phế-lập như ngài định làm càn rỡ đó sao cho phải lẽ. »

Sẵn cơn thanh-nộ, cụ Phan còn mắng nhiếc Tôn-thất-Thuyết nhiều điều nặng nề nữa.

Tôn-thất-Thuyết cảm giận tái mặt tím gan, nhưng bề ngoài ông chỉ cười nhạt. Giận là thế-thường; cười nhạt như vậy được mới thật là hiểm sâu.

Trong khi cụ Phan đang nói chưa giựt lời, Tôn-thất-Thuyết vỗ bàn một cái thật mạnh rồi đưa tay cao lên để ra hiệu. Bọn cấm-binh ngó thấy, liền xông vào lôi cụ Phan ra toan chém ngay. Nhưng Thuyết chợt nghĩ lại sao đó không biết, liền ra lệnh cho cấm-binh dẫn cụ Phan giam lại trong ngục, để sau sẽ xử, chớ không cho chém. Cả trào-dình thấy vậy hoảng hồn hết vía, còn ai dám hé môi nữa đâu.

Thế rồi Tôn-thất-Thuyết lập ngay ông Văn-lãng-công lên làm vua, kỹ-nguyên Hiệp-Hòa. Ngày đó là ngày 30 tháng 7 năm 1883. Còn ông Dục-Đức thì Thuyết giam trong ngục tối, mỗi bữa chỉ cho ăn một nắm cơm, mà không cho uống nước. Tội nghiệp ông Dục-Đức khát quá phải đá ra rồi uống

lại cho đỡ khát. Rồi mấy ngày sau, Thuyết không cho ăn miếng gì, để ông Dục-Đức chết đói trong ngục.

Đến cụ Phan, thì sau mười ngày, Thuyết thả ra, nhưng cách tuột hết chức hàm, cụ chỉ còn nguyên cái danh vị Tấn-sĩ của mình mà thôi.

Cụ Phan thấy trào-chánh lằng loàn, quyền thần hống hách, bên ngoài thì cường địch càng ngày càng lấn tới, thời-thế càng ngày càng đảo-diên, chính là một buổi đời loạn nước nguy, người nhân nhân quân-tử nếu không làm gì bổ cứu được thì cũng phải lo giữ mình trong sạch khôn khéo lắm mới khỏi mang danh, khỏi bị họa. Bởi vậy sau khi như miếng mồi được nhả ra rồi, cụ Phan nghĩ chốn kinh thành không thể ở nấn-ná được, vì sợ nửa chừng Tôn-thất-Thuyết hối hận lại bắt giam hay là hại ngầm biết đâu, nên cụ phải mau mau thoát thân đào nạn. Liền bữa sau, giả có đi chơi, rồi lên lên đường trở về cố-quận, lo cày cấy năm mười mẫu ruộng ở khoảng Châu-giang Mặc-lĩnh để di dưỡng tháng ngày, đợi xem thời cuộc.

Nhưng mà lẽ thường xưa nay trời muốn giao phó một việc lớn lao hệ trọng cho ai, bao giờ trước liết cũng dày vò hành hạ người ấy phải đói khát khổ-sở, gặp toàn những bước khốn đốn hiểm nguy điên đảo rối trí, cho thiệt não nề chề chán đã sẽ hay.

Thân thể cụ Phan trong cảnh đó.

Bao nhiêu cảnh nguy nổi khổ cụ gặp phải lúc này, hìuh như ông trời chủ ý dày vò đảo để trước

khi thời thế sắp giao-phó một việc khó khăn hệ trọng cho cụ phải gánh vác nay mai vậy.

Đó là việc sau. Bây giờ chúng ta hãy nên theo đuổi cho hết công-việc rối loạn trong trào, vì là việc này đối với cái phong-trào văn-thân do cụ Phan chủ trương nay mai vẫn có dính dấp nhân-quả với nhau.

Xong việc phở ông Dục-Đức, lập vua Hiệp-Hòa rồi, Tôn thất-Thuyết tính ngay đến việc chống cự binh Pháp. Vì lão tướng đầu tài năng của lão và binh-lực nước ta lúc bấy giờ có thể làm việc lấp biển vá trời đó được.

Nói cho phải, lúc ấy người đồng chí của Thuyết ở trong trào cũng đông, ngoài ra những bậc đại-thần như Nguyễn-văn-Tường, võ-tướng như Trần-xuân-Soạn, Ông-Ích-Khiêm, Thuyết có trong tay rất nhiều người là bộ-hạ, là phe đảng, là vây cánh, ai nấy đều hăm hở ra tay liều mạng, chống đỡ non sông. Trái lại duy có một mình ông Trần-tiến-Thành phản đối ra mặt, ông ta nói rằng người Pháp hùng cường thế kia, thà mình chịu khuất-phục trước đi xong hơn, bày đặt chống cự làm chi, thêm hư hại việc nước và chết oan mạng dân một cách vô ích.

Thuyết tức giận đỏ mặt, giữa trào mắng nhiếc Trần-tiến-Thành là đời « mặt chuột » còn sống ở đời làm chi. Hôm sau Thuyết sai hai tay lực-sĩ qua tận nhà riêng của Trần-tiến-Thành ở xóm Đông-ba, nói gạt rằng có chiếu-mạng khẩn-cấp của vua, Trần-tiến-Thành vừa ở trên lầu bước xuống, bị chém, chết tươi.

Chỉ có một cây đinh trong con mắt đã nhỏ đi rồi, từ đó Thuyết ở trong trào có thể lực oai quyền lẫn

trên đê dưới, muốn tác oan tác phước gì cũng tự ý, không kiêng nể ai cũng không ai can ngăn được nữa. Người ta nói hồi đó Thuyết oai nghiêm dữ dội đến nỗi đêm-hôm ở trong thành, nhứt là gần quanh bộ binh là chỗ quan Tướng ở, chớ không dám sủa, con trẻ không dám khóc.

Nếu xét cho công-bằng — cố nhiên theo nghĩa tương đối mà nói — Thuyết cũng là một bậc người có tài chí ở đương thời, nhứt là có tánh cương cường vô đoán, hễ đã nhứt định làm một việc gì thì cả quyết theo đuổi làm đến cùng, chớ không chịu lùi, không chịu khuất, cũng không kể gì là hay dở thành bại chính có nhiều người Pháp cũng khen ngợi tấm lòng trung trực của Thuyết, nếu như sau lúc chống cự rồi thất thế bại binh, mà Thuyết chịu ra hàng phục Bảo-hộ, có lẽ cũng được Bảo-hộ trọng đãi, chớ không như Trương « dòm sóc hai đầu » vừa bị khinh-bĩ vừa bị đi đày kia đâu. Thiệt người Pháp có độ lượng tử-tế với kẻ cừu-địch mình, ai biết cũng phải cảm-động.

Nhưng Thuyết thấy chúng không có ý chịu khuất-phục lúc nào.

Trước khi đối-chiến với người Pháp, Thuyết hãy ra tay giết Đạo.

Ông A Delvaux là người trong hội Ngoại Quốc Truyền-giáo « *Société des Missions Etrangères* » tại Paris có thuật đầu đuôi chuyện Tôn-thất-Thuyết giết Đạo ở trong một tập báo « Đô-thành hiếu-cổ, *Bulletin des Amis du vieux Hué* » hồi năm 1916 như vậy:

« Cuối năm 1882, bọn văn-thân vẫn truyền hịch
 « kín đi các nơi, xúi ngầm nhân-dân khuấy phá công
 « việc điều đình tử-tế của ông đại-tá Henri Rivière
 « và khuyên bảo nhau chớ có tin tưởng người ta
 « cảm dỗ ngon ngọt, cũng đừng thềm khuấy thân
 « đầu phục ai một cách yếu hèn. Đám quan quyền
 « và sĩ-phu nước Nam lúc này cố bưng bít che đậy
 « những chỗ sức hèn thua trận của họ đi, mà đổ
 « riệt tội lỗi cho dân theo Đạo đã làm tay trong
 « bán đường quốc-gia cho người Pháp. Làm gì
 « người Pháp thì họ không làm nổi, bèn xoay ra
 « mặt cừu thù sát hại dân Đạo, gọi là *quân nội công*
 « *của người Pháp*. Trong tờ hịch truyền khắp mọi
 « nơi, có câu này : « hễ trừ khử được quân tả đạo
 « nội công đó, thì tự nhiên người Pháp thành ra
 « tro troi yếu thế, như cua mất càng, không bò
 « không kẹp được nữa ». Lại có tờ hịch khác nói
 « rằng hồi quân Pháp đánh thành Hanoi chính
 « người theo Đạo đã bắc thang cho binh lính Pháp
 « leo vào trong thành ».

Một đoạn khác, ông A. Delvaux chép :

« Ngày tháng 9 năm 1883, văn-thân ở Huế lại
 « càng làm dữ. Trào-đình nước Nam ngó thấy đất
 « nước càng ngày càng bị thất-thủ lần mòn, bèn
 « âm thầm mưu tính đủ cách để ngăn trở công
 « cuộc chinh-phục của binh Pháp. Chủ-mưu chính
 « là Tôn-thất-Thuyết, Binh-bộ thượng-thơ và
 « Nguyễn - văn - Tường, Hộ - bộ thượng thơ. Hai
 « người này lấy oai quyền ép uổng tất cả trào thần
 « phải khuấy-phục hai cái định-kế của họ như
 « vậy : Trước hết mặt dụ văn-thân khắp trong

« nước hện nhau lấy một ngày cùng nổi lên giết
 « hết giáo-dân, vì họ cho giáo-dân là quân nội-
 « ứng nhờ vậy binh Pháp mới xâm chiếm được
 « nước Nam. Sau khi giết hết giáo dân rồi thì
 « trào-dình dời đi một nơi nào xa xôi hiểm trở,
 « có thành trì kiên-cố, địa thế quanh co, để binh
 « Pháp không đánh tới nơi được. Tôn-thất-Thuyết
 « đã lựa chọn miền thượng-du tỉnh Quảng-trị,
 « một là Cam-lộ, hai là Tân-sở, lấy một chỗ để
 « nay dời kinh đô trào-dình lên đóng ở đó. Cái
 « kế-hoạch bần tnh như vậy, quả nhiên về sau
 « Thuyết có thực-hành nhiều ít.

« Thuyết và Tường lại sai hai người thủ-hạ thân
 « tin là Hậu Chuyện và Phò-mã Cát đi dạo khắp
 « các làng xã trong hạt Thừa thiên, chiêu-mộ thêm
 « quân lính, đặt ra một toán lính mới, gọi là lính
 « *đoạn-kết*, có khi-giới hãn hoi và chỉ chuyên có
 « một việc đi tróc nã sát hại những người theo
 « đạo Thiên-chúa. Ngay đầu tháng 9 năm ấy, toán
 « lính mới này chia nhau đi luông-tuồng lục-lạo
 « khắp tỉnh Thừa-thiên, sát hại dân đạo biết bao
 « nhiều mà nói »

Tới một đoạn khác nữa :

« Sáng ngày 29 tháng 11 năm 1883, Thuyết tính
 « sai lính *đoạn-kết* đi tìm giết dân đạo ở chung
 « quanh kinh-thành. Hện rằng hễ nghe trong thành
 « bắn lên một phát súng thần-công làm hiệu lệnh,
 « thì lính *đoạn-kết* cứ việc thẳng tay chém giết,
 « từ cổ đạo tới con chiên, chẳng dung thứ ai.
 « Nhưng Tường lo sợ rằng nếu mình làm dữ quá,
 « tất nhiên binh Pháp không nhịn, rồi hóa ra đánh
 « nhau thiệt thì nguy cho mình; bởi vậy Tường

« khuyên-cau Thuyết hãy cố dè dặt, chớ táo bạo
« quá không nên.

« Tuy vậy, mật-lệnh truyền đi đã lữ, thành ra
« những nhà cố đạo ở chung quanh kinh-thành, đã
« bị đồ đảng của Thuyết vây bọc sẵn-sàng từ lúc
« trời chưa hửng sáng kia rồi, nhưng sau chờ đợi
« mãi không nghe hiệu súng thần công, nên chúng
« tản tác bỏ đi. Còn Hậu-Chuyện thì đã đem lính
« đi từ chiều hôm trước, ra tay tàn phá chém giết
« dân đạo ở các làng phía nam Thừa-thiên rất là
« thảm khốc.

« Rồi ngày 13 tháng chạp năm 1883, lại có lệnh
« của vãn-thân truyền khắp dân gian, xúi giục
« người ta nên rèn đúc khí giới để trị tội « *những*
« *kẻ nội-công của binh Pháp* ».

« Họ định qua sang năm 1884 từ mùng 2 cho
« đến mùng 8 tháng giêng, khắp nơi lại hè nhau
« nổi lên giết đạo một lượt nữa.

« Nhưng sau trào-đình nước Nam sợ làm tàn
« nhân quả thì việc giao thiệp với người Pháp
« thành ra rắc trở khó lòng chặng, cho nên lại
« vội vàng hạ lệnh cho các nơi phải thôi đi, không
« được khuấy nhiễu sát-hại dân đạo nữa. Tuy vậy
« mặc lòng, mấy nơi ở xa, chưa tiếp được lệnh
« mới này, thành ra vãn-thân cứ việc sát-hại cố
« đạo và dân đạo nhiều lắm. »

Cái phong-trào nghịch thù chống cự người Pháp
do Tôn thất-Thuyết xướng-khởi chủ-trương, đại
khái như vậy đó.



Hình này, hình riêng của ông Khâm-sứ PHILASTRE, vì ông nghiên-cứu Hán-học, kết giao với Tường rất thân.

NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG

Nói cho ngay nước mình tới hồi đang nói đây, các tướng-lãnh Pháp đối với trào-đình nước Nam, vốn có chủ tâm lấy chánh-sách ôn hòa để thân phục lần hồi thông thả, chớ không muốn bực bách quá bằng binh-lực nữa đâu. Việc nước đã đến lúc này rồi, cần có mấy tay ngoại-giao cho giỏi thì có lợi cho nước hơn là có Tôn-thất-Thuyết.

Tại Thuyết chủ trương và xúi giục trào-đình làm những việc khinh thường hòa ước và tàn-sát giáo-dân thế kia, gây nên tội-nghiệp cho mấy viên gạch Thuận-an bẻ nát, mà các cụ lớn cụ nhỏ trong trào hoảng vía kinh hồn: một đoàn 5 chiếc tàu binh Pháp cực-chẳng-đã, phải kéo tới bắn phá cửa Thuận diệp vô dương oai.

Bao nhiêu đồn to lũy lớn ở đây, vừa mới xây thêm có, sửa cũ có, trào-đình tưởng là vững bền vô địch, chẳng dè chỉ trong có hai đêm ngày, đều bị bắn phá đổ nát tan tành, nào quân, nào tướng, nào ngựa, nào voi, chết thối ngổn ngang, chạy thối té đái. Rất đỗi có một chiếc tàu trận của nước Pháp lặn cho trào-đình hồi nào mà để năm mồi meo ở cửa Thuận, chớ không biết lợi dụng mới thấm!

Trào-đình sợ quýnh quýnh với nhau, tính chỉ có cách lại vòng tay xin hòa bèn sai Nguyễn-trọng-Hiệp và Trần đình-Túc ra tận cửa Thuận, năn nỉ cầu hòa với Thủy-sư Đô-Thống Courbet và ông Harmand. Tướng lãnh Pháp lại rộng lượng cho hòa, thế mà Tôn-thất-Thuyết chưa chịu biết sức mình, vẫn cứ lộng quyền và tự-đắc.

Giữa lúc trong nước có những việc ngược sát giáo dân thì ở trước cửa kinh-thành, có việc

Thuận-an thảm bại như vậy, trào-đình lại sẩy ra một việc nội biến gớm ghê: vua Hiệp-Hòa bị Tôn-thất-Thuyết giết chết.

Vua Hiệp-Hòa tuy ở ngôi vua, nhưng không biết gì đến công việc nhà nước, tối ngày chỉ quanh quẩn vui thú với mấy ả cung-nữ mỹ-miêu, lại lấy của kho nhà nước ra xài phá sửa sang tòa cung điện riêng của ngài ở Kim-luông. Đang lúc nhà nước có việc hoạn-nạn nguy vong tứ-phía, dân-gian khổ sở trăm bề, mà có ông vua ham vui ích kỷ như thế, cũng là vận-số quốc-gia đến lúc bại-vong xui khiến ra vậy. Phải biết Tôn thất-Thuyết lập vua Hiệp-Hòa lên, chẳng qua như là tô một pho tượng trong chùa, để cho dân có chỗ thấp nhang vái lạy, chớ quyền-bính ở trong tay Thuyết và Tường cả. Hai người quyền thần bảo thế nào thì vua Hiệp-Hòa phải nghe như thế. Vua chỉ có việc « gặt đầu » đó thôi.

Vua Hiệp Hòa bị hai ông ấy đè đầu đè cổ quá sức, thì cũng có ý tức mình, bèn mưu với bọn cận-thần định giết Tường và Thuyết. Ngài cũng khôn lắm, biết hai ông ấy thân mật với nhau, nay nếu trừ được một đi, còn một thì cũng không làm được gì, và có trừ đi nốt cũng dễ; mà ngài lại khôn hơn nữa, là muốn mượn tay ông nọ để trừ ông kia. Trước hết ngài muốn làm cho hai ông ấy ngờ vực ghen ghét lẫn nhau; bèn triệu ông Tường vào trong điện mà khen ngợi công lao, ngỏ ý rằng nếu chịu giết ông Thuyết đi, thì ngài sẽ phong cho thế nọ thế kia. Vô phước cho ngài: ông Tường không chịu. Ngài mới cầu ông Khâm-sứ đóng ở Huế hồi đó là ông Champeaux.

Lại vô phước cho ngài : ông Tường biết chuyện. Ngài sai người đem mật-thư cho ông Champeaux tán tụng nước Pháp, và năn nỉ ông Champeaux làm thế nào vì ngài mà trừ hai kẻ quyền thần ấy đi, kéo ngài làm vua như vậy thì cực khổ lắm. Ông Tường bắt được, giết đũa đũa thơ, rồi cùng ông Thuyết họp đình-ngự, bắt vua Hiệp-Hòa bỏ ngục, và bắt ngài uống thuốc độc chết. Hôm ấy là ngày 28 tháng 11 năm 1883, thế là vua Hiệp Hòa làm vua được bốn tháng.

Hai ông bàn tôn người con ông Kiên-thái-Vương là Ưng-Đông, mới có 14 tuổi lên làm vua, tức là vua Kiến-Phúc.

Sau khi tôn vua Kiến-Phúc lên rồi, thì ông Thuyết yên tâm ở bề trong, vì thanh-thế ông càng to, trong triều không ai làm gì được nữa ; bấy giờ chỉ có việc giết đạo, và tìm cách đánh đuổi người Pháp. Đối với ông Khâm-sứ Pháp đóng tại Huế, thì ông làm công-nhiên ra mặt khinh bỉ, và đe giết chết, đến nỗi ông Khâm-sứ sợ, chỉ quanh ở trong cái giới-hạn nhượng-địa, chớ không dám thò mặt ra đến ngoài.

Hồi tháng 6 năm 1884, quân Pháp đem năm chiếc tàu chiến đến cửa Thuận-an, yêu-cầu chiếm Mang cá (là một chỗ hiểm-yếu trong kinh-thành), chiếu theo như trong điều-ước. Triều-đình phải phái hai ông Khâm-sai đem phẩm-vật ra cửa Thuận khao quân, và xin hẹn trong mười hai hôm, sẽ để cho quân Pháp vào đóng tại Mang cá.

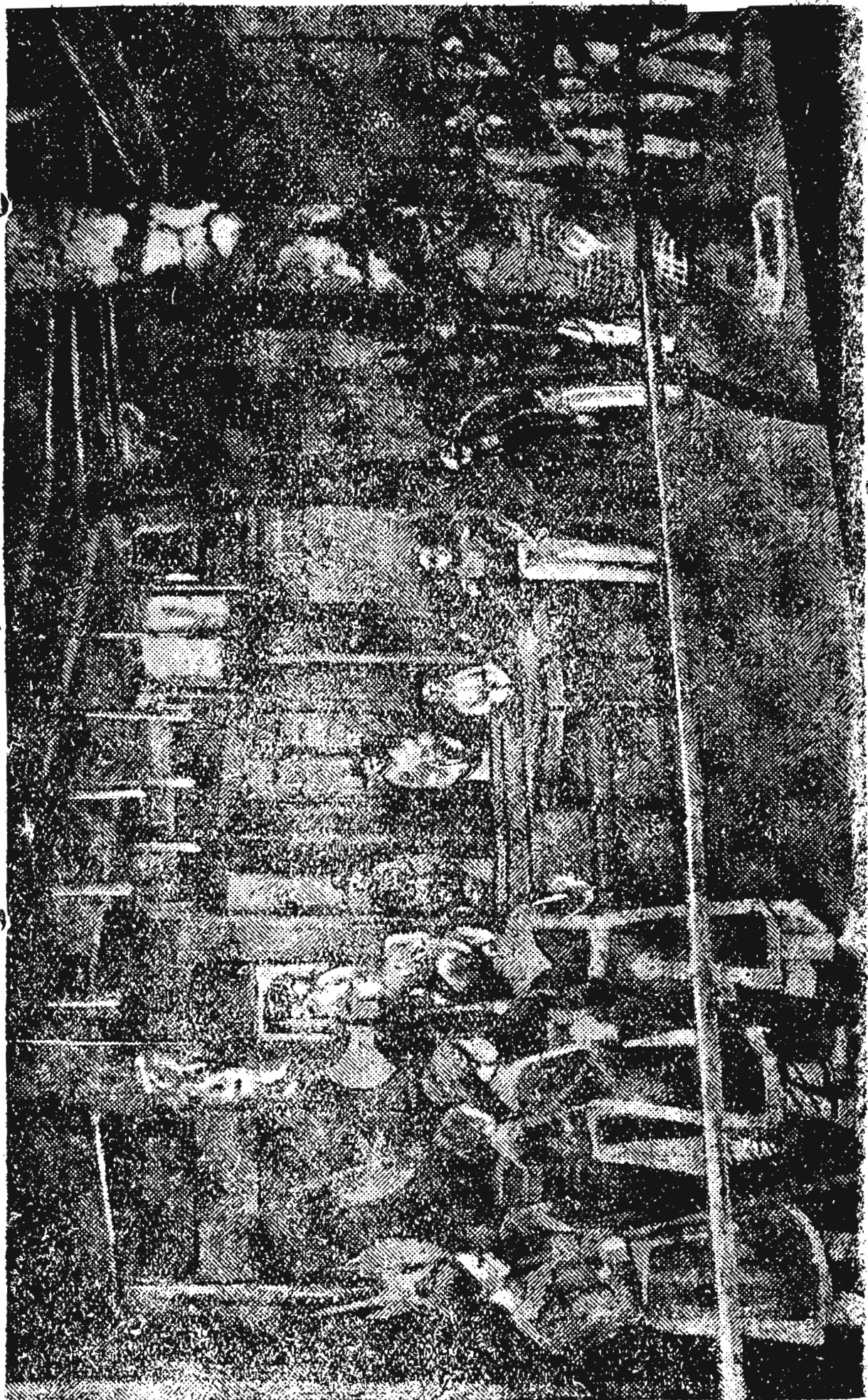
Hẹn thế nhưng mới có bảy hôm, thì vua Kiến-Phúc thuận cho một trăm lính Pháp — một trăm

chớ không được hơn — vào đóng tại Mang cá, quân Pháp kéo vào đóng ngay.

Vua Kiến-Phúc làm việc đó. Ông Thuyết và ông Tường giận lắm, vì hai ông đang sắp đánh người Pháp, mà Mang cá là chỗ hiểm-yếu trong kinh-thành, có quan-hệ về đường võ-bị lắm, nay quân Pháp đến đóng ở đó, không khác chi chẹn cò mình. Thế rồi vua Kiến-Phúc tự nhiên chết. Người ta nói rằng chính tay ông Tường giết. Đâu như mấy hôm đó vua Kiến-Phúc bị cảm, ông Tường vào cung thỉnh an, và tâu là có biết bốc thuốc, xin để bốc một thang đề vua ngự. Thang thuốc ấy tức là thanh kiếm của ông Tường giết vua : vua ngự chén thuốc ấy rồi mất. vì ông Tường có bỏ thuốc độc.

Ngày mồng một tháng 8 năm 1884, hai ông tôn em ruột vua Kiến-Phúc là ông Ưng-dịch lên làm vua, kỷ nguyên là Hàm-Nghi.

Nhưng ông Khâm-sứ Pháp hồi đó là ông Rheinart không chịu nhận. Ông Thuyết sai đóng hết cả các cửa thành lại, tỏ ra ý rằng nhận hay không nhận, ông cũng không cần. Sang nửa tháng sau, quân Pháp đến thị uy đông quá, ông Thuyết phải mở cửa thành, để vua Hàm Nghi tiếp kiến ông Khâm-sứ Pháp tại điện Cần-chánh. Bản điều-ước mà hai nước Pháp Việt ký từ bao lâu, mà chưa thi hành thì nay đem ra thi-hành. Cuộc bảo-hộ thành-lập.



Quang cảnh trào đình Hàm-Nghi tiếp kiến sứ thần Pháp tại điện Càn-chánh
Hình này là một bức vẽ sơn dầu trong viện Thuộc-địa Bảo-tàng (Musée Coloniale) tại Paris. Chính tác-giả hồi ở Paris đã cùng người bạn vô xem trong viện mà chụp được hình này, nhưng bữa đó vì trời hơi u-ám, thành ra chụp không được rõ lắm.

V

VUA THUA CHẠY DÀI



Hồi đang nói đây (1884 bước qua 1885), tiếng là người Pháp đã lấy binh lực chinh-phục được cả Trung Bắc lưỡng kỳ và chiếu theo điều-ước 1884, trèo đèo nước Nam đã phải nhìn nhận nước Pháp định cuộc bão-hộ rồi, nhưng mà cuộc bão-hộ mới thực-hiện về danh-nghĩa thì có, chớ về tinh thần thì chưa.

Nghĩa là lúc bấy giờ nước Nam chịu mất chủ-quyền, mà phần lớn dân-tâm sĩ-khí sôi nổi còn hăng, chưa chịu trấn-phục.

Có hai lẽ cốt yếu.

Trước hết, người Nam thuở ấy vẫn chưa nhận biết những cái thực lực văn-minh hùng-cường của người Pháp, mặc dầu mình giao phong ở đâu-bại-tầu ở đó hoài và tỉnh kia thành nọ kế tiếp nhau trước sau thất thủ như cách con tấm lá dâu.

Chắc có độc-giả phải lấy làm lạ sao vừa mới xa cách tám chục năm trước chớ phải lâu gì, chính người Pháp qua đây đóng thuyền đúc súng, khiến tướng điều binh dùm cho vua Gia-Long mới thắng nổi Tây-sơn, vậy thì cái thực-lực, văn-minh hùng-cường của người Pháp, lẽ nào người Nam không biết cho được? Song đó chỉ là một việc quan-hệ riêng với nhà vua, cứu giúp riêng cho nhà vua nọ đang tranh hánh với nhà vua kia, thành ra dân-chúng đâu có hay biết.

Đến lúc binh Pháp sang chinh phục, làm cho ta dất tiêu lần mòn, trận thua diên-đảo, mà ta vẫn tưởng lầm và đổ trút những nguyên-nhơn ấy tự đâu đâu, chớ chưa biết và cũng chưa chịu rằng người mạnh ta yếu, người hay ta dở, người giỏi ta hèn. Tới đó mà đối với thực-lực của người, sĩ-phu ta một đàng, dân-chúng ta một ngã, vẫn có những cái quan-niệm coi thường, những cái cảm giác xem khinh, lạ lắm.

Sĩ-phu thì tự-đắc tự-tin về những phép tắc Nghiêu-Thuấn Khổng-Mạnh và học thuật « Tử-viết Thị-vân », ngoài ra, nhứt thiết cái gì khác lạ đều coi là di dịch.

Cứ xem một bài « *Biện di luận* » của ông Võ-phạm Khải can vua Tự-Đức mưu toan cải cách, cũng đủ biết tư-tưởng của cả sĩ-phu ta ở đương thời. Chính bài đó làm vua Tự-Đức xiêu lòng không biết nghe lời của chí sĩ Nguyễn-trường-Tộ tâu xin cải-cách duy tân để vẫn thời cứu quốc. Việc nguy vong của quốc-gia và thực-lực của người Pháp sờ sờ trước mắt đó rồi, nhưng sĩ-phu vẫn nghĩ mình là hay là giỏi hơn.

Còn dân-chúng càng không thấy thực-thực của người, đến đổi tưởng rằng cắm cây nhọn dưới sông — làm như kế của Trần-hưng-Đạo đánh quân Nguyên ở Bạch - đằng - giang ngày xưa — chắc làm tàu trận Pháp phải lũng mà chìm. Thấy người Pháp cao lớn vạm vỡ, cho là nặng nề, chắc họ không biết bơi lội, không thể chạy mau; thấy đồ của người Pháp dùng để ăn bằng sắt, chớ không phải đĩa bát như mình, thì cho là mừng mán; thấy súng đạn của người Pháp bắn mau như biển mà trúng đầu chết đó thì cho là họ có thuật quý phép ma v.v...

Trong khi người mình còn chưa nhìn ra sự thiệt, chưa chịu sức mình hèn, tự-nhiên cuộc bảo hộ tuy định rồi mà non-tâm sĩ-khí chưa chấn phục được cũng là lẽ thường.



Sau nữa, dân-tộc mình từ xưa vốn có cái tinh-thần chiến-đấu tự-tồn, trên con đường lịch-sử đặng-đặng mấy ngàn năm, đã từng bao phen chống Nguyên cự Minh, biết sự thắng bại. Dầu có lúc bại cũng chiến đấu tới cùng, chớ không phải bồng chốc vòng tay khuất phục. Cái tinh-thần đó của người Việt-Nam, chính ông đại-úy Gosselin và nhiều quan binh khác có dự vào cuộc chinh phục nước Nam đều thắng ngay nhìn nhận.

Bởi vậy, sau khi trào-dình thúc thủ vô phương và thừa nhận bảo-hộ rồi, dân-tâm sĩ-khí chưa chịu khuất phục. Còn bát gạo nào ở trong kho, viên đạn

nào ở đầu súng, lúc bấy giờ người mình còn muốn đem trút ra hết, chừng nào thiệt là thể cùng sức kiệt sẽ hay.

Thừa có cái nhơn-tâm sĩ-khí ấy, văn thân các tỉnh nổi lên tứ tung, còn ở kinh-thành, Tôn-thất-Thuyết hoặc tự biết hay không tự biết là bàn cờ tất thua, cũng nhất định đi một nước cờ chót rồi mới chịu để cho người ta chiếu bí.

Đối với người Pháp, như ai nấy đã rõ : bao giờ Tôn-thất-Thuyết cũng là người chủ đánh tới cùng, chớ không muốn cho triều-đình ký hòa-ước, không muốn cho quân Pháp vô đóng ở Trấn-bình-đài (tức là Mang cá), không muốn cho nước Pháp đặt cuộc bảo-hộ ở kinh-đô. Nhưng vì tình-thế hồi bấy giờ, triều-đình vì sợ thua quá, cho nên điều gì cũng chịu nhượng bộ người Pháp, thế là không hợp với ý muốn của Thuyết chút nào. Phải biết rằng Thuyết không ưa người Pháp ra mặt, chớ không thêm giấu diếm gì. Tuy thế, người Pháp cũng đem lòng yêu mến quý trọng ông ta là con người có trung, có dũng, thường cậy người — vì ông thù ghét đến nỗi không muốn giáp mặt người Pháp bao giờ — lấy thời-thế, lấy nghĩa-lý, lấy tước lộc, lấy oai quyền mà dụ dỗ, để cho ông phục theo, nhưng không hề lấy thứ gì khiến cho ông động lòng đổi ý đi được. Nhất là từ khi binh Pháp chiếm mất Trấn-bình-đài và lập trại đóng quân ở đó, thì cái khí cừ-phẫn huyết-chiến của ông ta càng phùng-phùng bốc lên không thể dẫn được nữa. Ông ta thường nói luôn miệng với kẻ tả hữu :

— Phen này ta quyết sống thác với Tây mới được!

Trên kia đã nói rằng Trấn-bình-đài là một nơi hiểm yếu của kinh-thành và rất có quan hệ về đường võ-bị. Thật thế, chỗ ấy có cái hình-thế quanh co hiểm trở lắm, trên có đồi đồng làm án, dưới có sông nước thông vào, có đủ cả mọi sự cần dùng trong việc thủ-thành và dụng võ. Triều-đình ta lập ra chỗ đó để đóng quân, chứa khí-giới, cốt là để chống giữ kinh thành, coi như là cuống họng của kinh thành vậy. Nay binh Pháp chiếm giữ mất Trấn-bình-đài, tức là chặn mất cuống họng của kinh-thành, không cựa quậy được nữa. Huống chi Thuyết nghĩ rằng cuộc bão-hộ nay lại thành-lập, thế là từ đây vua mất quyền, quan mất quyền, dân mất quyền, hỡi nào mình đang ngất ngưỡng làm chủ-nhân, bây giờ phải xuống làm kẻ tùng phục, Thuyết lấy làm phần-uất khó chịu lắm. Bởi vậy một hai Thuyết lập tâm phải chống cự lại binh Pháp một phen, thân mình có chết cũng bỏ.

Nhưng Thuyết dự bị một cách chắc chắn đã, rồi mới khai chiến.

Trước khi định đánh, đã tính sẵn sàng đến bước lui. Ông ta triệu tập hết các tướng sĩ lại bộ Binh mà nói rằng:

— « Lúc này quốc gia mới chính là lúc cần dùng đến trái tim và tay súng của bọn ta, vậy bọn ta phải cố sức làm sao, họa may có lời kéo thời thế lại được, chớ không lẽ chưa chi đã bỏ tay mà chịu. Coi kìa cái giường của mình nằm thưở nay; để người ta xa lạ ở đâu tới leo lên nằm ngủ ngáy khò, làm sao mình chịu được! »

Thế rồi một mặt ông sai lập sơn-phòng tại Cam-lô (thuộc tỉnh Quảng-trị) đem vàng bạc tiền gạo lên chứa tại đó rất nhiều, phòng sau này đánh có thua thì lấy chỗ đó làm chỗ lui chân. Một mặt ông mở trường tập võ, truyền lệnh cho các vệ các doanh, đều phải ngày đêm luyện tập cho siêng năng, để nay mai nhà nước dùng đến. Lại lo rèn khí giới và đúc súng đạn cho nhiều, và sai đào hào đắp ụ ở trong kinh thành. Tóm lại nhất thiết cái gì cần dùng quan hệ cho việc dùng binh, Thuyết đều lo dự bị sẵn sàng.

Rồi Thuyết cùng Tường bàn tính việc đánh, Tường nói rằng:

— « Nước ta bao nhiêu năm nay gặp việc binh đao luôn mãi, ruộng mỗi ngả nghiêng, dân gian khổ sở lắm rồi. Ngay năm mới rồi (là năm 1883) binh Pháp đánh phá tan tành cửa Thuận-an, tâm khí của quân ta đã nao núng khiếp sợ lắm. Nay đánh nhau ngay giữa kinh thành, tuy mình cậy có thành cao hào sâu, nhưng mà súng đạn của người ta ghê gớm, bắn tới đâu thì ngọc đá đều cháy tan tới đó; chúng ta bây giờ sanh sự khai chiến, sợ làm phiền lụy cho Thánh-thượng, và cực khổ cho quan quân, tưởng không có ích lợi gì mà lại có hại nữa. »

Vẫn biết thời cuộc rồi đến như thế, nhưng sao trước kia việc gì Tường cũng tán thành cho Thuyết, đến bây giờ nói tới việc đánh thì Tường lại nói vậy tức là có ý lảng ra. Tuy là hiểu thời thế mặc lòng nhưng cũng bởi là nay ý hướng của Tường đã thay đổi. Trước kia ông thấy trong triều có Thuyết mạnh thì ông theo, nhưng nay nước Pháp

đã thành lập bảo-hộ rồi, thì bảo-hộ mạnh, ông bỏ Thuyết mà theo bảo-hộ. Ông vẫn thậm thụt ra vào bên tòa Khâm luôn, mục đích chỉ giữ vững cái thân danh phú quý của mình là thôi, chớ nước còn thành còn, ông cũng là Thượng-thơ, nay nước mất thành mất, ông cũng vẫn là Thượng-thơ, có thiệt thòi chi mà lo nghĩ đến việc khác nữa.

Thuyết nghe Tường khuyên can, biết là Tường đã biến tâm rồi.

Ông quyết hành động một mình.

* * *

Lại còn một nguyên-nhân này, khiến cho ông càng mạnh lòng quyết chiến.

Ngày 19 tháng 5 năm Dậu (1885) là giữa năm mất kinh-thành. Thủy-sư đô-đốc Pháp là ông De Courcy đem 500 quân từ Bắc-kỳ vô Huế, cần phải chuyển đệ bức quốc-thư của chánh-phủ bên Pháp gửi sang cho vua mình, nên trước khi ông tư giấy qua triều-đình, xin triều-đình phải thiết đại-triều để tiếp-kiến Pháp-sứ. Ông rõ biết trong triều-đình bấy giờ, Thuyết và Tường là hai người trọng yếu, cho nên trước hết ông mời Tường và Thuyết qua bên tòa Khâm-sứ để tương kiến và thương thuyết việc nước đã. Thuyết nói thác là mình có bệnh không chịu đi, duy có Tường và Phan-thận-Duật đi, nhưng De Courcy không chịu, cố đòi cho được Thuyết sang mới nghe. Thuyết sợ mình qua bị trúng kế gì chẳng, nên nhưt định không đi. Đề-đốc De Courcy giận lắm, trong ý muốn có ngày đem quân sang tận bộ Binh để bắt Thuyết. Nghe tin này

Thuyết giận lắm, thường lấy đạo quân Phấn-nghia để phòng thân, và nghĩ bụng rằng nó đã định bắt mình, thì mình đánh nó trước xem sao !

Thuyết bèn nghiêm sức cho các quân dinh, phải kiểm soát quân lính và súng đạn cho sẵn sàng, cần kíp. Lúc ấy Tường và cả dinh-thần thấy vậy, đều tưởng rằng Thuyết làm thế để phòng thân đó thôi. Nhưng có biết đâu rằng Thuyết đã có chủ-trương quyết chiến.

Bao nhiêu kẻ tù tội, ông đều thả ra hết cho ăn chơi mấy ngày, rồi ông lựa chọn rèn tập làm một đạo quân cãm-tử, cho đi tiên phong. Đến tối hôm 22 tháng năm, ông mật truyền cho quân ở các vệ các dinh, chia làm hai đạo, tấn-công hai nơi :

Một đạo thì sai em ông là Tham biện Tôn-thất-Trắc (ông này nguyên ở sở sơn-phòng tại Cam-lò, ông mật triệu về) quản-lãnh, ước hẹn đến nửa đêm thì đem quân qua sông Hương-giang, hội với ông Đề-đốc Thủy-sư để đánh tòa Khâm-sứ ;

Một đạo thì ông tự quản-lãnh, hội với Chưởng-vệ đạo quân Phấn-nghia là Trần-xuân-Soạn, để đánh Trấn-bình-đài.

Sắp đặt mưu cơ dẫu đó, Thuyết truyền lệnh cho ba quân đến canh hai ăn cơm, canh tư khai chiến. Ông ra hiệu lệnh cho tướng-sĩ như thế này : « Giết cho hết, đừng có để cho thằng nào sống sót nghe ! Vì chúng cũ gan chọc tức ta ; có chằng chĩ để cho một hai đứa sống, để về báo tin cho người chúng biết rằng ta thắng trận mà thôi ! »

Cứ theo nhiều người nói thì cái mưu này của Thuyết, Tường không dự vô mà cũng không biết chi hết, nhưng ngầm nghĩ cho kỹ, chắc hẳn Tường biết, đã qua mặt báo cho tòa Khâm sứ hay, nếu không thì sao quân Pháp đã biết mà dự-bị trước.



Binh Pháp đánh thành Hanoi năm 1882

Đến canh tư, ông Thuyết tự dẫn một đạo quân đánh Trấn bình-đài, tiếng súng đại-bác bắn vang cả kinh-thành, nhân-dân đương ngủ lặng tanh, bỗng tiếng súng nổ liên thình làm ai cũng giật mình kinh-sợ, thành ra náo động dữ dội. Binh Pháp xuống hầm mà núp, chớ không thềm đánh, thình thoảng chỉ bắn một vài phát súng đại bác để đáp lại cốt chờ cho sáng mới đánh, vì lúc ấy còn đêm khuya, quân Pháp không biết quân Nam ở chỗ nào, thiệt số bao nhiêu và lại cũng chưa mấy thuộc đường đất, thành ra đánh ban đêm không tiện. Có người biết vậy, đến hiến kế với Thuyết làm sao xe được mấy khẩu súng đại-bác, lên đem tới chỗ quân Pháp đang núp ẩn mà bắn xả vào, thì giết chết được ráo. Nhưng Thuyết lại sợ là kẻ đồng mưu phản-quốc, định dụ cho quân mình vào chỗ mai phục sao đó, nên chỉ không nghe. Thuyết cứ việc hô quân bắn mãi. Quân ta bắn hoài bắn hủy, mà không nghe quân Pháp động tịnh gì hết, thì tưởng đại đột rằng quân Pháp ở Trấn-bình-đài chết hết cả rồi cho nên Thuyết vội vàng sai Chuồng-vệ Trần-xuân-Soạn báo tin vào trong cung rằng: quân Pháp ở Trấn-bình-đài đã bị quân ta giết hết, thình thoảng nghe có đôi ba tiếng súng đại bác, ấy là súng của tàu Pháp đóng ngoài thành bắn vào ra oai đó thôi.

Một mặt, Thuyết lại sai vận súng đại bác lên mặt thành, nhằm tòa Khâm-sứ mà bắn thẳng sang làm hư hại mất nhiều chỗ. Còn đạo quân của Tôn thất-Trắc cũng bắn phá ở xung quanh tòa sứ rất là dữ dội...

Quân ta bắn cố sức mãi, đến nỗi kho thuốc súng tại Trường-định gần hết, Thuyết bèn sai quân chạy về báo cho Tường hay, Tường trả lời rằng:

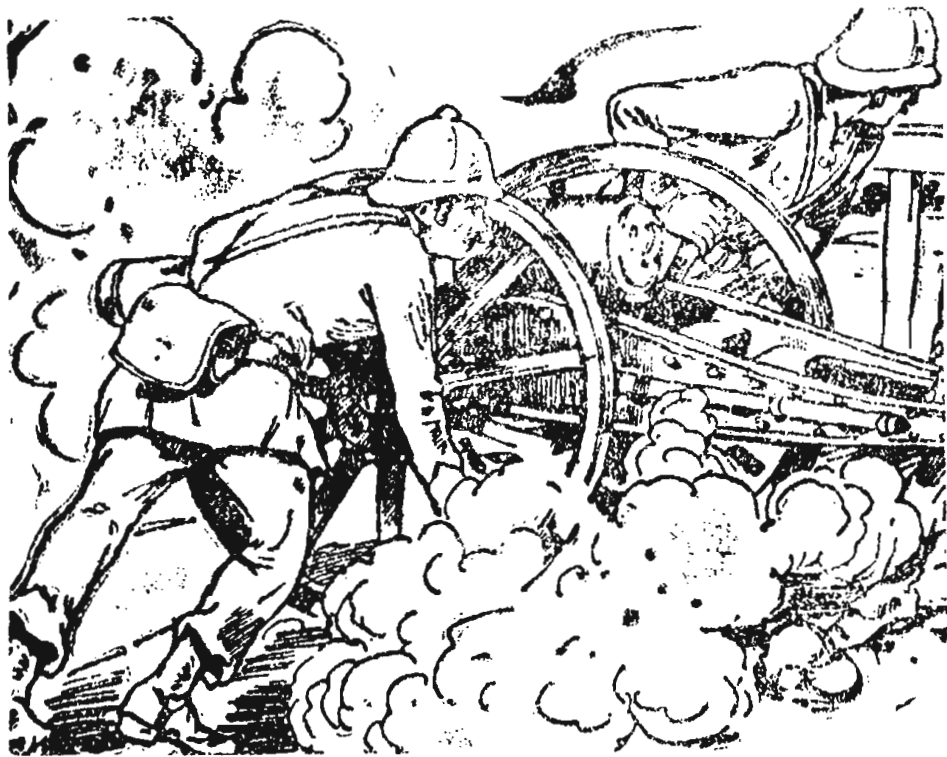
— « Tao có biết thuốc đạn ở đâu, bay ra nói với quan Tướng ở vườn Hậu-bô (tức là Thuyết, khi đó đang đốc quân ở phía vườn Hậu-bô), để ông ấy liệu sao thì liệu... »

Còn bao nhiêu thuốc đạn, Thuyết vẫn cứ hô quân bắn vào Trấn-bình-đài, bắn sang tòa Khâm-sứ mãi. Quân Pháp vẫn im lặng, không động tịnh gì cả. Mãi đến tảng sáng, quân ta hết sạch đạn rồi, không còn gì mà bắn nữa. Bấy giờ quân Pháp ở Trấn-bình-đài và bên kia sông mới khởi thể phản-công. Bao nhiêu súng đại-bác ở trên đài, và ở tàu chiến đậu ngoài sông, đều chĩa mũi vào trong thành mà bắn: đạn bay như mưa rào, tiếng vang như sấm dậy. Thôi thì nhà cửa đổ tan, quân dân bị đạn, chết nằm ngổn ngang, trong thành dậy tiếng kêu trời, tiếng khóc lóc...

Quân Pháp ở dưới thủy, lại kéo lên bộ, đánh sấn mãi vào, làm cho hai đạo quân của ta trong ngoài đều bị đánh cả, thành ra tán loạn, mạnh ai nấy tìm đường chạy thoát thân, chen lấn xô đạp lẫn nhau mà chết thêm một mớ nữa.

Sáng hôm ấy (24 annam), vào khoảng 9 giờ, Tường biết tất nhiên Thuyết bại trận rồi, vội vàng chạy vào trong cung tâu việc nguy cấp, xin vua Hàm-Nghi và Tam-cung mau mau xuất thành, chạy lên Khiêm-lăng để tạm lánh. Tin này làm chấn-động trong cung, vì ai cũng tưởng — theo lời Thuyết báo tiếp hồi khuya — Trấn-bình-đài đã

khôi-phục và tây ở tòa Khâm, bên kia Hương-giang, đã bị quân ta tận-sát rồi mà. Trên từ mấy bà Thái-Hậu và Hoàng-Đế, dưới tới các thị-vệ cung như, bỗng dựng nổi lên trận mưa nước mắt, tiếng khóc vang động nội-cung. Nhiều người vừa gào khóc, vừa mắng chửi Thuyết hại nước báo đời. Ai nấy quơ gói hành-trang không kịp. Trong lúc quá nguy cấp vội vàng, đức Hàm-Nghi chỉ kịp đem theo quả ấn Quốc-bửu và một ít vàng bạc tùy thân. Ông Hữu-quản Đô-thống Hồ-Hiến phò xa-giá ra cửa tây-nam chạy lên phía tây, do ngã Kim-luông.



Đội quân của Đại-tá Henri Rivière đang xe súng lớn để bắn vào thành Hanoi.

Máy quá, xa-giá vừa chạy ra khỏi thành được một lát, thì binh Pháp từ Trấn-bình-dài và bên tòa Khâm tấn vào đến nơi. Nghe mấy ông già

bà cũ được mục kích cái cảnh thành phá quốc vong nay còn sống sót, thuật chuyện rằng sáng hôm đó chinh một người đàn bà Pháp, vợ một quan Thiếu úy, cởi ngựa cầm đầu một toán lính a-rập, xông pha lửa đạn mà tấn vào thành trước hết, leo lên kỳ-đài (cột cờ) ta, hạ cờ đuôi-nheo ta xuống, kéo cờ tam sắc lên. (Hồi này bên Pháp quân chủ đã đổ. Đệ tam Cộng-hòa đã thành lập rồi).

Chừng quan-lại nhơn-dân trong thành ngó lên kỳ-đài thấy hiệu cờ tây bay phất-phới, tự nhiên biết là quân mình thua, thành mình vỡ rồi, ai nấy kinh-hoàng thất-sắc, thối thì kẻ gào người réo, lưng công tay bồng, người ta kéo nhau đào nạn, ào ào như nước chảy. Chỉ chen lấn dầy dạp lẫn nhau mà chết thiếu gì.

Bây giờ quân Pháp kéo vào trong thành, sẵn đang hăng máu, tha hồ chém giết đốt phá tứ tung. Trước hết đốt tiêu bộ Lại của Trương, bộ Binh của Thuyết; rồi tới các dinh trại, các kho lương thực, kho thuốc súng, khói lửa bay lên nghi ngút lung trời, hai ngày hai đêm chưa tắt.

Sau khi hoàn toàn chiếm lãnh được kinh thành rồi, người Pháp phân binh nghiêm giữ cung điện và các cửa thành, rồi băng bó cứu chữa cho những quan sĩ nhơn-dân bị thương tích, bố thí tiền gạo cho những người còn sống sót ở trong thành, dùng nhơn-công ấy sửa sang lại các chỗ tàn-phá và chôn-cất các tử-thi. Nhơn dịp này, nhiều anh bắt được vàng bạc châu báu chôn giấu trong nhà người ta mà nên giàu có lớn. Có kẻ mượn thể có đạo, đi đâu cũng lột, rồi lỏn vào tới

trong cung-cấm mà rinh cả những mâm vàng chén ngọc ra nữa. Những đồ quý vật lạ trong cung, truyền lại từ bao nhiêu đời, lúc này bị thất lạc tiêu tan đi nhiều lắm.

Tôi nhớ có bài về Thất-thủ kinh-thành tả rõ công chuyện và nghe rất ai-oán não nùng, đến đôi mươi mấy năm trước đây nhà đương-cuộc phải cấm hát ngoài đường. Vì có một anh chàng đui làm nghề hát dạo, mỗi khi ngồi đâu cất tiếng hát về này, thiên-hạ tụ lại rất đông; nhất là tiếng hát não nùng quá, khiến cho người ta phải cảm-động đầy gan, âm thầm gạt lụy.

Từ năm Ất Dậu thất-thủ kinh-thành trở đi, hằng năm cứ đến ba ngày 22, 23 và 24 tháng 5 ta, đã thành ra tục lệ, nhà nào ở trong thành cũng bày nhang đèn trầu rượu và giấy tiền vàng bạc ra trước cửa để cúng vái cô-hồn của những quân-sĩ trận vong, như-dân tử nạn lúc đó.

* * *

Chúng ta đã hơi đi xa câu chuyện cốt yếu rồi, giờ nên trở lại.

Nói về Nguyễn-văn-Tường hồi ấy cũng theo phò xa-giá Tam-cung và Hoàng thượng chạy ra cửa tây-nam, quân sĩ đi theo hộ vệ chỉ có độ một trăm người. Quân-thần chỉ có năm bảy ông biết tin theo kịp mà thôi. Duy có Hoàng thượng và Tam-cung ngồi võng linh khiêng chạy tất tả, còn bao nhiêu người tùy tùng đều chạy bộ theo. Rất đôi các công-chúa cung-nhơn, đầu tóc rũ rượi, căng không

mang giày, vừa chạy theo xa giá vừa khóc rung rức, tình cảnh rất là đau thương.

Khi qua đò Kê-Vạn rồi, lên đến Kim-luông, Tường định phò xa giá tạm dừng lại trong nhà thờ đạo Thiên-chúa tại đó, chắc trong ý Tường muốn đề báo tin cho quan tây biết, đừng mời xa giá trở về cung, vì nước dầu mất còn cũng thế không lẽ để một ngày nào không vua. Nhưng ông Hữu-quân Đốc-thống Hồ-Hiến thấy rõ ý Tường muốn mai chúa cầu vinh, liền rút gươm ra toan chém bay đầu Tường. May phước, Tường sợ chạy tuốt vào giáo-đường mà trốn biệt không dám ra nữa. Ngoài này, Hữu-quân Hồ Hiến sợ chậm trễ thì Tường kịp báo tin cho tây biết, nên ông lật đật phò-hộ xa giá chạy về ngã trường-thi ở làng La-chủ.

Thuyết thua chạy, cùng với Trần-xuân-Soạn đuổi kịp xa giá ở đây. Thế là bây giờ bây-tôi lòng vong quanh quần chỉ có mấy người, là Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết, Chưởng-vệ Trần-xuân-Soạn, Tham biện Tôn-thất-Trắc, Hiệp biện Phạm-thận-Duyệt, Tham-tri Trương-văn-Đề, và một trăm tên lính, theo hầu xa giá. Mãi đến trưa, xa giá mới tới làng Vầu-xá, rồi nội chiều hôm ấy ra tới Quảng-trị, đóng tại hành cung.

* * *

Tường chạy vào nhà thờ Kim-Luông, cầu khẩn ông giám-mục Capar đem mình ra hàng với Đề-đốc Courcy, khi ấy là viên thống-tướng các đạo quân Pháp đánh hạ kinh thành ta. Đề-đốc Courcy

ưng cho Tường hàng phục để có người thay mặt trao đình nước Nam mà giao-thiệp, kéo lúc ấy vua tôi chạy ráo rồi, trong trào không còn ai.

Qua hôm sau hai bên mở cuộc hòa-nghị, lại cứ chiếu theo điều-ước đã ký mà thi-hành. Nghĩa là nước Nam phải phục nước Pháp bảo-hộ. Rồi đó, Tường sai ông Thị lang Phạm-hữu-Dụng ra hành-tại Quảng trị tâu vua Hàm-Nghi về việc hòa nghị và xin vua trở về kinh-đô, nhưng Thuyết cản ngăn, không cho vua về. Tường xin Đê-đốc Courcy khoan hạn cho mình trong hai tháng thì mời vua trở về được. Rồi thì lão làm tờ hịch, truyền đi khắp nơi, kể công-dức của người Pháp, và khuyên dân đừng có bạo-động phản đối nữa. Sau hai tháng rồi, Đê-Đốc Courcy thấy vua Hàm Nghi càng đi xa, vẫn-thân vẫn bạo-động, và biết rõ Tường là người phản-trắc gian tà, làm hại hết bên này, lại làm hại bên khác, ông bèn nổi giận, kết án Tường khổ-sai chín năm, và tức thời đày qua đảo Tahiti. Mấy tháng sau Tường chết tại đó (1).

(1) Cứ theo một bức thư ngày 22 tháng 12 năm 1922, của ông giám-mục ở Tahiti là Hermel, thì Tường bị đày ra đó ngày tháng hai năm 1886. Vừa ra đến nơi, Tường liền đâm ra khật-khùng vơ-vẩn, hình như có ý hối-hận lắm, không muốn trông thấy mặt ai, chỉ có đôi lúc cùng bảy tám người đi chơi mát loanh-quanh giây lát mà thôi. Tường ở Tahiti được 6 tháng, thì bị một cái ung độc phát lên ở cổ-họng mà chết.

Sau đó chiếc tàu chiến Le Bourayne đem di-hải về nước. Hồi đó đã là triều vua Thành-Thái. Vua Thành-Thái được tin di-hải Tường về đến cửa Thuận-an, ngài nói với các quan rằng: nên đem gậy sắt mà đánh lên trên quan tài đưa phản phúc ấy.

Cho hay những kẻ làm tôi phần-phúc, dầu ở dân-tộc quốc-gia nào người ta cũng không dung. Nhứt là người Pháp có tánh ngay thẳng, ưa mấy người nghịch thù đối mặt với mình, chớ kẻ lòn cúi sau lưng, người Pháp ghét lắm.

*
* *

Vua Hàm-Nghi vẫn chạy dài.

Cái tin thành mất vua chạy truyền ra đến các tỉnh, làm cho lòng người rất là náo-động. Tỉnh Bình-định đang có khoa thi, học-trò nghe tin ấy phá trường mà ra, để tỏ lòng cảm-phẫn. Từ Quảng-nam vào mãi tới Phú-yên, quân lính hiệp với vãn-thân nghĩa-sĩ nổi lên đuổi cả quan lại trào-đình đi, tự xưng là vâng theo dân ý, rồi kéo nhau đi đốt phá các nhà có đạo rất dữ dội. Còn từ Quảng-trị trở ra cho đến Nghệ, Tĩnh và Thanh-hóa cũng vậy. Tóm lại, phong-trào công-phẫn hồi ấy như là lửa cháy dầu sôi vậy.

Ngày 27, vua Hàm-Nghi chạy lên tới sơn-phòng tỉnh Quảng-trị (tức là sơn-phòng Cam-lộ mà Tôn-thất-Thuyết đã lập sẵn khi trước), hạ chiếu cần-vương (1) đi các nơi. Nhân tâm căm-động thương xót lắm; suốt một giải Trung-kỳ cho mãi đến ngoài Bắc, vãn-thân ứng-nghĩa có, giặc cướp thừa cơ có, nhao nhao nổi lên, thành ra cả nước rối loạn hết sức, chỉ duy có một hạt Thừa-thiên, là được yên ổn mà thôi, vì nhờ có binh Pháp giữ được trị-an.

(1) Cần-vương: Giúp đỡ cho nhà vua trong khi mắc nạn.

Bước qua đầu tháng sáu, ngài vẫn ở sơn-phòng Cam lộ, còn Tam-cung thì vẫn lưu tại hành-cung (1) ở tỉnh thành Quảng-trị, chớ không theo lên Cam-lộ. Lúc ấy việc nước không có người chủ-trương, triều-thần mời Tam-cung về. Tam-cung trở về Huế, ngày ấy là hôm mừng hai tháng sáu.

Người Pháp thấy vua Hàm-Nghi lánh mặt chạy dài như vậy, sợ khó trấn định được lòng người cho nên phái quân đi truy nã riết lắm. Thời thế hồi đó đã thay đổi hẳn rồi, tuy những người trung nghĩa, nặng lòng thương vua mến nước còn nhiều, song những kẻ biết tùy thời để mưu cuộc phú quý công danh cũng không phải ít. Thành ra tung tích vua Hàm Nghi chạy trốn tới đâu, người Pháp đều biết tin tức hết thấy: ngài chạy phía trước, binh lính Bảo-hộ theo dấu truy tìm phía sau, rất là khẩn-bức. Tôn-thất-Thuyết phải đem vua chạy tuốt lên Bảo-đài là chỗ giáp giới tỉnh Quảng-bình để trốn. Nhưng nghe quân Pháp càng truy nã riết, nên chi tới ngày 11 tháng sáu thì ngài lại phải trở về đóng ở sơn-phòng Cam-lộ nữa. Nhưng ở đây liệu bề cũng không yên thân được lâu, nên cách mấy hôm sau, ngài cùng các tướng sĩ tông-vong (2) trèo qua Mai-lĩnh lên Lao bão rồi xuyên đường rừng núi hiểm-hóc mà tới Hàm-thao, về phía bắc Khung-giang. Từ đây về sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh chỉ cách có bảy ngày đường, thế là vua Hàm-Nghi chạy nạn càng ngày càng xa kinh đô rồi vậy. Đất mình nước mình, mà vua Hàm Nghi mười mấy ngày nay chưa

(1) Hành-cung: Vua tạm chú chỗ nào thì chỗ ấy gọi là hành-cung hay là hành-tại cũng thế.

(2) Tông-vong: Những người theo vua chạy trốn.

có chỗ nào đặt chân cho vững. Ngài tới Hàm-thao là cốt hạ chiếu cho văn-thân tỉnh Hà-tĩnh ra tiếp giá tại sơn-phòng và định lấy chỗ ấy làm căn-cứ, để lo việc khôi phục. Nhưng chưa kịp tới sơn-phòng Hà-tĩnh, thì lại nghe tin đồn quân Pháp đuổi theo sắp đến, thành ra Thuyết tại phải lật đật đem ngài chạy đi chỗ khác.

Thật là « Vua thua chạy dài! » (1)

(1) Nguyên trong kinh-đô có câu ca rằng:

*Một nhà sanh được ba vua,
Vua sống, vua chết, vua thua chạy dài.*

Ông Kiên-thái-vương (em vua Tự-Đức) sanh được ba con trai, đều làm vua, là vua Kiến-Phúc, vua Hàm-Nghi và vua Đồng-Khánh. Vua Kiến-Phúc thì bị Trương bỏ thuốc độc chết, vua Hàm-Nghi thì gặp bước nhà tan, nước mất, lưu lạc giang-hồ, còn vua Đồng-Khánh lên làm vua được có ba năm thì mất.

Người ta nói câu ca trên đây là câu sấm của ông Trạng Trình đời Lê.

VI

THỜI-THỂ TẠO ANH-HÙNG



Thật thế, cụ Phan-đình-Phùng là một bậc anh-hùng do thời-thể tạo nên.

Nếu hồi bấy giờ, cuộc đời chẳng đổi, người Pháp không qua, mà cứ để cho con cháu Hồng-Bàng làm chủ non sông Nam-Việt, thì thiên cổ ai biết Phan-đình-Phùng?

Nếu hồi bấy giờ, trong triều không xảy ra những việc Thuyết và Tường chuyên quyền sanh sự, giết vua nọ, lập vua kia, mà cụ Phan không có dịp nói, thì bất quá từ chức Ngự-sử khéo, làm mười mấy năm sau lên đến Thượng-thơ là cùng, rồi già về hưu, cất nhà tậu ruộng, uống rượu ngâm thơ, lại lo gây dựng cho mấy cậu ấm, rồi cùng cỏ rác cùng nát, thì thiên-cổ ai còn nói đến Phan-đình-Phùng?

Nếu hồi bấy giờ, Nam-kỳ chưa mất, Bắc kỳ chưa tan, mà Thuyết Tường không tàn bạo chém giết kẻ có đạo, và không kinh địch người Tây, tất nhiên thành chưa mau tan, nước chưa mau mất, mà vua Hàm-Nghi cũng không việc gì phải chạy, vậy thì thiên-cổ làm gì cần có Phan-đình-Phùng ?

Lại nếu như hồi bấy giờ, mà dân khí kém hèn, lòng người sợ hãi, đến nỗi bóng cờ và tiếng súng của nước Pháp vẫn minh hùng cường bay đến chỗ nào, ai nấy đều cúi sát mặt đất cả thì thiên-cổ làm gì biết được Phan-đình-Phùng ?

Nhưng mà thời thế cốt đào-tạo cụ Phan trở nên một người anh-hùng, cho nên ở vào hoàn-cảnh nào, từ sanh ra đời, cho đến lúc ra làm quan, lúc về làm ruộng ở nhà, toàn là những cơ-hội xui khiến cụ phải ra để làm một việc của non-tâm thời thế trao cho.

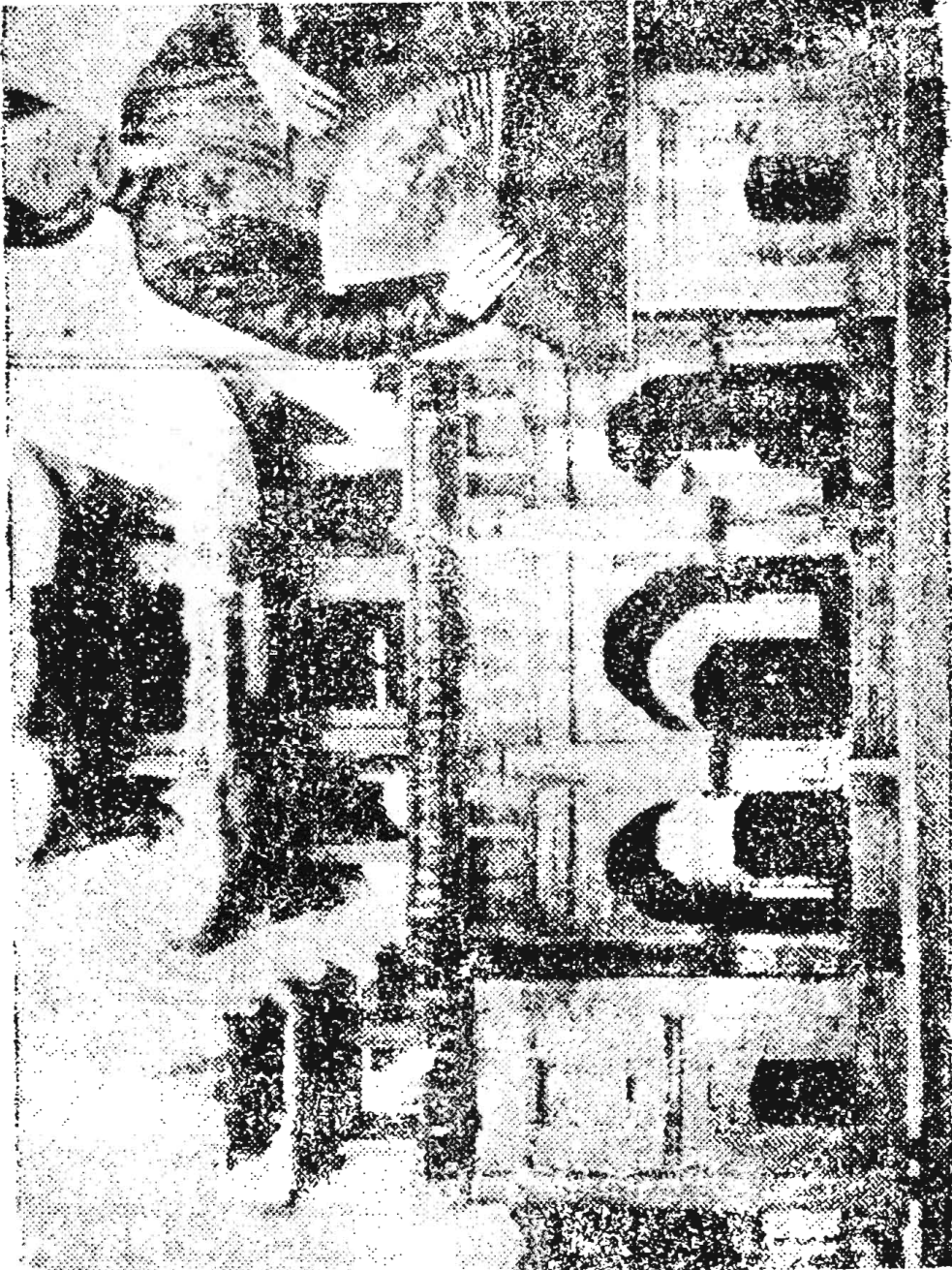
Thiệt vậy, thời-thế sắp phiên cụ tới nơi rồi.

Khi vua Hàm Nghi tới Hàm-thao, rồi định từ đó đi lên sơn-phòng Hà-tĩnh nên mới hạ chiếu cho bọn văn-thần Hà-tĩnh tiếp giá nhưng nghe quân Pháp đuổi gần tới nơi, thì Tôn-thất-Thuyết phải lật-đật đem ngài lánh đi chỗ khác.

Nay đây mai đó mãi tới tháng 10 ngài mới lui về đến miền thượng-du tỉnh Quảng-bình.

Năm ấy ngài mới có 15 tuổi, đối với thời cuộc ngài cũng chưa có cảm-giác gì mấy; chỉ biết nhà tan nước mất là thương, thân mình giải gió giảm sương, bơ vơ lưu lạc là khổ, chớ không biết chủ trương ứng phó với cảnh-ngộ ra sao hết. Cho nên bị đuổi đến đâu, nên chạy đi đâu, nên làm thế nào,

nhứt thiết ngài đều theo Thuyết chủ-trương; ngài chỉ như một chiếc thuyền con linh đình trên mặt sóng, mà Thuyết thì là người cầm chèo bẽ lái vậy.



Hình trên đây là công nhà thờ Phát-diệm tỉnh Ninh-bình làm toàn bằng đá và cụ đạo Trần-Lục, tục gọi cụ Sáu, người Pháp kêu là « Père Six ». Hồi cụ Phan tri-phủ Yên-khánh, trắng nợ mà đánh ông cụ đạo này về tội biếp lương dân. Sau nhờ có thể-thần, cụ Sáu được trào-đình phong làm chức Tuyên-phu-sứ hiền-hách một thời.

Sự thể đến cùng rồi, Thuyết nghĩ bảy giờ chỉ còn trông cậy có dân, nghĩa là muốn lấy dân-khi dân-tâm chống với tàu bèn súng lớn, ấy tức là cái khi-giới cuối cùng của Thuyết định chống với người Pháp. Nhưng mà dân lúc đó, khác nào như lá rụng ở trong rừng ban đêm, tất phải ai có sức thu-thập lại cho thành đồng, thì mới chụm lửa mà đốt lên cho sáng được. Ông bèn nghĩ ngay đến người mà hồi xưa ở trong triều mắng ông mà ông đã định chém, là: Phan-đình-Phùng.

Tôn-thất-Thuyết có thể gọi là một bậc người « ở đời trị thì làm năng thần (1) mà ở đời loạn thì làm gian-hùng » được. Xem ngay như việc đối với cụ Phan-đình-Phùng thì đủ biết. Lúc ông còn quyền cao chức trọng ở trong triều, ông làm việc gì sai lầm, mà ai dám bẻ bác ông, ông chẳng giết: ông bỏ tù một ông Án-sát ở ngoài Bắc là Tôn-thất-Bá vì ông này dám nói là thế lực của người Pháp 8 phần thì mình chỉ có 2, làm sao mà chống nổi; ông giết cả một viên quan ở bộ Binh là ông Chuyên vì ông này đi đâu cũng nói hô-hô rằng: « Khiêm khùng Thuyết ngu » (2); ông giết đến cả ông Thượng-thư Trần-tiền-Thành, vì ông này ngăn cản không cho ông chống cự với người Pháp. Ấy là kể những người có thế-lực to và danh vọng lớn cả, mà Thuyết còn không tha; hễ ai phạm đến Thuyết

(1) Năng-thần: bày tôi có tài giỏi giang.

(2) Khiêm là ông Ông-ích-Khiêm, người Quảng-nam, van võ kiêm toàn, là một người tay chơn của ông Thuyết ở trong triều hồi bấy giờ.

thì tắt mất mạng. Cụ Phan-đình-Phùng hỏi đó, ngôi bất quá Ngự-sử, lại không có bè đảng gì to, khiến cho Thuyết đủ sợ, thì Thuyết giết lúc nào mà chẳng xong. Thế mà vì việc giết vua nọ bỏ vua kia, cụ Phan mắng Thuyết giữa triều-đình là kẻ phản-thần, mà Thuyết không giết, chỉ cách chức đuổi về thôi, ý hẳn Thuyết có chủ-kiến sao đó. Giết vua là việc nhỏ, là việc ở triều, hay ở trong nhà ông (vì ông là người hoàng-tộc), còn cứu quốc là việc lớn, là việc của cả dân cả nước; ông khinh việc nhà mà trọng việc nước, cho nên ai như cụ Phan-đình-Phùng bảo ông giết vua là bậy, thì ông tha, còn ai như mấy ông trên kia, bảo ông đừng chống với binh Pháp, thì ông giận lắm, tất là ông giết. Ông biết rằng: cụ Phan-đình-Phùng chỉ có cái tư-tưởng giết vua là khác ông, nhưng còn có cái tư-tưởng khác, thì thiệt là ám-hợp với ông, là tư-tưởng chống với người Pháp tới cùng, dầu tự biết sức mình thua cũng vậy. Ông không giết một người bạn đồng-chí, chắc hẳn biết trước rằng thời-thế sau này sẽ cần dùng đến người như thế.

Còn cụ Phan cũng biết rằng Thuyết đối với mình có chỗ dụng tâm sâu sắc là thế nào, cho nên dầu bị cách chức mà không oán; đối với việc triều-đình, Thuyết đã làm ngang tàng quá thì cụ khinh, nhưng đối với việc cứu nước của Thuyết tinh làm, thì cụ vẫn trọng. Sau khi cụ về nhà quê làm ruộng được ít lâu, thì Thuyết đem ngay một cái trách-nhiệm nặng nề trao cho cụ, là cử cụ làm Tham-biện sơn-phòng tỉnh Hà tĩnh, tức là bảo cụ dự-bị sẵn-sàng để chống cự binh Pháp nay mai, một chỗ đó biết Thuyết và cụ là bạn tri-kỷ với nhau vậy.

Hồi cụ làm Tham-biện sơn phòng Hà-tĩnh là năm Thân (1884). Đến tháng chạp năm ấy, bà cụ thân-sinh mất, cụ xin nghỉ về để cư tang. Thế nhưng mà mắt cụ đề luôn đến thời-cuộc: mấy tỉnh ở ngoài Bắc-kỳ mất, cụ biết; quân Pháp chiếm Mang cá, cụ biết; cửa Thuận-an mất, cụ biết; kinh-thành thất thủ, vua Hàm-Nghi chạy, cụ biết. Bấy nhiêu cái tin thắm thiết đến nơi, làm cho cụ bồn-chồn, bảo với tả hữu rằng:

— Thời-thế không cho ta ngồi yên rồi đây!

Vào khoảng tháng sáu tháng bảy năm Dậu (1885) cụ nghe tin vua Hàm-Nghi chạy ra tới miền thượng-du tỉnh Quảng-bình, liền phái một ông cử ở trong làng là Phan cát-Su đi lên miền thượng-du tỉnh Hà-tĩnh để đón, dặn rằng khi nào xa-giá tới nơi, thì kịp về báo tin cho cụ biết. Đến ngày tháng 10 vua Hàm-Nghi đến nơi, cụ cùng các ông bạn đồng-chí là Phan-quang Cư, Phan-khắc-Hòa, Hoàng-xuân-Phong, Nguyễn-khắc-Kiều, Phan-trọng Mưu, tới chỗ hành-tại bãi yết, khóc và tâu rằng:

— Để cho thành tan nước mất, Thánh-thượng mông-trần (1) là tội ở lũ thần hạ. Xin Thánh-thượng yên lòng, lũ thần-hạ nguyện hết sức cần-vương cứu-quốc, dầu chết cũng không từ, miễn để Thánh-thượng sớm hồi cung được.

Vua Hàm-Nghi phong cho cụ làm Tán-ly Quân-vụ, thống-tướng các đạo Nghĩa-binh. Cụ tạ ơn lui ra, cùng với ông Thuyết bản đại-sự của nhà nước.

(1) Mông-trần: nhuộm cát bụi, tỏ ý rằng vua chạy phải nhuộm cát bụi vậy.

Ông Thuyết hỏi đến cái kế-sách tiến-hành, cụ nói rằng:

— « Không nói thì chắc tướng-quân cũng biết là thời-cuộc bây giờ khó khăn lắm rồi, vì trong cái thời-cuộc này tướng quân đã trải lắm. Xứ Nam-kỳ là chân tay của nước nhà, nhân-tâm đã khá, tiền của lại nhiều, nếu chân tay mất thì thân-thể không cựa quậy được nữa. Từ ngày sáu tỉnh trong Nam-kỳ mất, thực-lực của nước mình tổn hại lắm rồi, tôi đã biết rằng việc đời, đành để cho nó lấn tới hoài, không thể nào cưỡng nổi. Trước sau gì thì từ Khánh hòa trở ra Bắc, người Tây cũng lấy cả, nhưng nếu trước kia ta đừng thất-sách mà giết hại bọn giáo dân và đừng ngăn trở họ về việc thông-thương để làm cái cớ gây hờn cho họ, thì họ chưa lấy cớ đâu dùng binh mà bức bách ta nguy vong sớm đến thế. Ta nhân thời-giờ đó, có thể tự-tĩnh tự-cường được, đâu có đến nỗi mất Bắc-kỳ rồi mất đến cả kinh thành.

« Đến bây giờ, khắp trong nước đâu cũng có gót chân người Tây, họ kéo đi đâu như gió lướt ở trên, cỏ mọc ở dưới, làm cho lòng người phần thì sợ hãi, phần thì chán nản lắm rồi. Lại thêm những đũa tiểu-nhân, dựa theo thế ngoài để ăn hiếp anh em cùng giống, khiến cho bọn dân vô-cô chạy không có đường, kêu không có ngỏ, thiệt là cực khổ. Phương chi trong nước bị nạn binh cách bao nhiêu năm nay, kho tàng sạch không, mùa màng mất mãi, quân lính bị thương vẫn chưa lành, khí-giới không được lấy khẩu súng tốt, nếu có bao nhiêu người chí-sĩ đi nữa, nhưng quân lương lấy vào đâu, quân khí lấy vào đâu, mà chống lại cường địch cho được.

Bao nhiêu đó đủ chứng tỏ cho tướng-quân hiểu rằng thời cuộc nước ta bây giờ khó-khăn tới đâu. Nhưng ta may được một thứ khí-giới còn mạnh, ấy là lòng người. Lòng người dầu sao cũng vẫn trông cậy được nhiều lắm. Tôi nay mà nhận cái trách-nhiệm nặng nhọc này, là trông cậy vào lòng người thôi.

« Lòng người đã đành là một thứ vô-khí mạnh rồi, nhưng nếu người ta cứ đưa súng bèn đạn tốt ra mà bắn mãi vào đầu mình thì mình lấy gì chống đỡ. Thế tất mình cũng phải có khí-giới. Đồ súng đạn của ta làm sao địch lại được họ. Muốn địch lại được họ, tất cũng phải có một thứ súng đạn ngang với họ mới được. Nhưng hiện nay trong nước mình vật liệu không có, người làm chưa có, thì phải trú-biện ở ngoại-quốc về. Đã trú-biện khí-giới, lại phải cầu-cứu cả viện-binh nữa. Nhưng nước cứu viện cho mình không phải là nước Tàu, vì nước Tàu đang lo việc nhà họ cũng rối bết chưa xong, ta không thể tin cậy được. Cứ theo ý tôi xem ra, thì tất phải nước Xiêm. Tôi cũng không tin là nước Xiêm có thể địch nổi với Tây để cứu mình, nhưng mà nhờ họ mua khí-giới và cho mượn binh, thì cũng giúp cho mình cố được thanh thế. Vả chẳng nước họ đối với mình là một nước sui-gia (1), thì hoặc may họ còn lấy chân-tinh mà giúp ta chẳng? Còn tôi thì rồi đây tôi cũng phải ra ngoài Bắc một lúc để hiệu-triệu cho bọn chí-sĩ ngoài ấy hưởng ứng, vậy mới gây dựng được thế-lực to, và may ra mới thành công lớn được.

(1) Ngày xưa vua Gia-Long có một bà chị lấy vua Xiêm.



*Sau khi kinh-thành thất-thủ, vua Hàm-Nghi xuất
bôn ba tháng, Triều đình và Bảo hộ thấy sự mời
ngài hồi cung không được, bèn lập em ngài lên làm
vua, kỷ nguyên Đồng-Khánh. Thế là ứng vào lời sấm
Trạng-Trình: « Một nhà sanh được ba vua ».*

« Muốn làm một việc lớn như thế này, phải có thiên-thời, phải có địa-lợi phải có nhân-hòa. Đất Hà-tĩnh tiếng có núi cao rừng sâu, nhưng không phải có địa lợi, vì bề ngoài không ra được biển mà bề trong thì là vào rừng, vào rừng là đường chết nếu sau này bị bốn mặt học vây, ở giữa tuyết lương thì nguy lắm. Song việc đó tôi đã tính rồi. Duy được có nhân hòa là quý hơn cả, tôi dám làm đại-sự là chỉ trông cậy vào đó mà thôi, còn thiên-thời thì tôi không dám nói đến. »

Thuyết nghe cụ nói rất lấy làm kính-phục, vỗ vai cụ mà nói :

— Thiên-thời thì ai dám chắc. Song ngài cứ vì nước hết sức, việc cầu-viện rồi có tôi lo.

* * *

Cụ phụng mạng trở về, liền phát tờ hịch đi khắp các nơi, và kéo cờ khởi nghĩa ngay ở làng cụ là làng Đông-thái.

Trong hịch-văn, đại-ý nói cụ phụng mạng vua cử nghĩa-binh để chống với cường-địch, cứu lại quốc gia, song việc đó là việc chung của người làm dân, tự mình cụ không gánh vác nổi, vậy xin những bậc anh hùng chí-sĩ, ở trong bốn biển chín châu, cùng ra tài ra sức với cụ mới được v. v.

Lời hịch-văn đơn sơ mà thống thiết khiến cho ai xem cũng phải động mối thương tâm, coi hình như là tờ hịch của ông Lạc-lân-vương ở đời nhà Đường ngày xưa đánh bà Võ-hậu vậy. Nhân thế mà chỉ

trong có một tuần, thì nghĩa sĩ ở các nơi hưởng-
 ứng theo về với cụ có đến 5, 6 ngàn người, đều thê
 hết sức theo cụ chỉ-huy, liều mình vì vua vì nước.

Cụ bèn lấy ngay nhà cụ ở làm « nghĩa-sĩ-đường »,
 tụ họp nghĩa quân, làm lễ tuyên-thệ, rồi chia binh
 ra từng đồn từng trại đóng khắp trong tổng Việt-yên.
 Đồn trại nào cũng đều có kỷ luật, và có quân thám-
 tử hẳn hoi, cách sắp đặt điều khiển rất là nghiêm-
 minh. Nơi địa-đầu làng Đông-thái lập ra một cái
 xưởng lớn để đúc súng và chế thuốc đạn — theo
 lối của ta — và rèn gươm đao nữa. Trong xưởng
 này bao giờ cũng có một trăm người thợ làm việc
 suốt đêm ngày, để mau có đủ khí-giới cho quân
 dùng.

Một vùng chỗ đó, trước kia có cái quang-cảnh
 cũng như mọi chỗ khác, nghĩa là ban ngày trông thì
 làng xóm bao la, ruộng lúa bờ tre man mác, kẻ
 đi chợ búa, người việc cấy cày, mà đêm thì bốn bề
 đen tối tịch mịch một màu, bất quá thỉnh thoảng
 nghe có tiếng chó sủa cầm canh, gà đưa gáy sáng
 mà thôi, thế mà nay đổi hẳn ra một cái cảnh khác ;
 cờ quạt rợp trời, chiêng trống dậy đất, gươm đao
 sáng quắc, đèn, đuốc thâu đêm ; người ta trông
 thấy hình như ai cũng nô nức tấm lòng, cho đến
 ngọn cỏ cành cây, hình như thấy cái vẻ đó, cũng
 nhấp nháy muốn động cả. Nhiều ông già bà cả
 được mục-kích hồi ấy, thuật lại rằng : Vui nhưt là
 trông thấy cái quang-cảnh những người nghe cụ
 khởi nghĩa-binh, mừng rỡ múa hát, nào kẻ thì giắt
 trâu gánh gạo đến để khao quân, nào kẻ thì nách
 thước tay đao, đến để vào ngũ, làm cho đường xá

đi lại, lấp nấp ngày đêm, biến hẳn cái chỗ nhà quê ỉu rĩ vắng vẻ kia, trở nên một nơi hùng-tráng vô cùng, khí-vị vô cùng !,....

Lúc bấy giờ, anh hùng chí sĩ ở bốn phương về theo cụ rất đông: người trong làng thì như ông Tấn-sĩ Phan-trọng-Muru (1), ông Cũ Phan-cát-Su, Phan-quang-Cur, còn văn-thân ở hai tỉnh Hà-tĩnh và Nghệ-an thì có Thám - hoa Nguyễn - đức - Đạt, Hoàng-giáp Nguyễn-Quý, Tấn-sĩ Nguyễn-xuân-Ôn, Đình-văn-Chất, Cũ-nhân Nguyễn-Hành, hai anh em ông Ấm Lê-Ninh, ông Phó-bảng võ Nguyễn-Hạnh,

(1) Ông Phan-trọng Muru cũng đồng thời với cụ Phan, đều phụng mạng khởi nghĩa-bình nhưng sau ông thất bại trước, chạy chốn ra Nam-định, rồi ông Hoàng-cao-Khải đem ra thú với Bảo-hộ, được Bảo-hộ trọng đãi.

Ông hay chữ lắm, sau khi thất bại, có bài thơ tự thuật như vậy:

*Đồ báo khu khu dĩ thập niên.
Sự trung vô nại nại hà thiên,
Hoàng-hà khốn khốn thanh nan sĩ,
Thương hải mang mang hận vị điền,
Kỳ đức hàng-quan quy Tín-quốc
Khẳng giao trạo mạo lão Triều-tiên,
Khổ làm lưu hướng đồng tâm thoai,
Hồi thủ gia sơn lệ vạn thiên.*

DỊCH NÔM

*Mười năm khắng khắng chi đèn bời,
Rớt cuộc không sao căn được trời.
Bể bạc mệnh-mang còn giận mãi.
Sông vàng cuộn cuộn khốn trong rồi.
Chỉ mong thân lại về đó cũ.
Không dễ già luôn ở nước ngoài.
Câu chuyện đồng tâm đau-dớn nhĩ;
Quay đầu cảnh cũ lệ luôn rơi.*



HOÀNG-CAO-KHẢI

Người cùng làng với cụ Phan nhưng mỗi người đi một đường, đều tới cực điểm. Về sau, có lúc Hoàng-cao-Khải viết thơ khuyên Phan-đình-Phùng ra hàng không được.

Ấy là chuyện sau, độc giả coi tới sẽ đến.

ông Cũ-nhân Thái-vĩnh-Chinh, Cao-Đạt v. v. nhân vậy mà thanh-thế của cụ thành ra to. Chính-phủ Bảo-hộ và triều-đình phải chú ý đến.



Hồi đó trong triều đã lập vua khác rồi, là vua Đồng-Khánh (lên ngôi ngày mồng 6 tháng 8 năm Dậu, sau thất-thủ kinh-thành ba tháng), em ruột vua Hàm-Nghi. Cuộc Bảo-hộ đã xếp đặt đâu đó xong rồi.

Nhứt thiết mọi việc quốc-gia triều-đình phải theo chánh-phủ Bảo-hộ chỉ bảo.

Các tỉnh ở một giải Trung-kỳ, tỉnh nào cũng tùng-phục cả, duy có tỉnh Quảng-bình là còn độc-lập, vì đứơc Hàm-Nghi còn trốn tránh ở đó, nên bọn văn-thân còn dựa vào chủ-nghĩa cần vương mà làm kịch-liệt lắm. Lúc này Hoàng-Phúc làm đứơc nhứt. Hoàng-Phúc tức là gia-thần của ông Thuyết, có võ-nghệ giỏi, lại có hai đứơc thủ-hạ là Chít và Ẻn cũng giỏi lắm. Triều-đình phái ông Phan-đình-Bình (tức là ông ngoại vua Duy-Tân) ra tiêu trừ không xong. Chánh-phủ Bảo-hộ muốn trấn phục nhân tâm, bèn phiên vua Đồng-Khánh ngự-giá ra tỉnh Quảng-bình để chiêu-phủ dân tâm, và dụ vua Hàm-Nghi ra thú luôn thể. Vua Đồng-Khánh đem 200 lính Tây và 800 lính ta, có cơ-nghi oai-vệ lắm, ở kinh khởi giá ngày 16 tháng 5 năm Bình tuất (1886), nhưng ngài ngự giá đi cũng chẳng ăn thua gì, nên đến tháng 8 thì về. Sau đến ông Hoàng kế-Viêm ra làm khám-sai, hết sức chiêu-phủ, làm cho đảng vũ của Hoàng-Phúc lìa tan hết cả. Hoàng-Phúc buồn mà chết, bấy giờ mới yên.

Tiếng rằng yên, nhưng mà tỉnh Quảng bình, chỗ này còn kẻ xưng hùng, chỗ kia còn người khởi nghĩa, đều làm thanh-thế cho cụ Phan-dình-Phùng, thành ra cái gốc phản đối người Pháp ở Quảng bình lại chuyển sang Hà tỉnh. Triều-đình bên phải ông Thương tá Hà-tỉnh là Lê-kinh-Hạp làm Tiểu-phủ sứ hội với quân Pháp để đi tiền.



Trận đầu tiên của cụ Phan-dình-Phùng ra binh là đánh phá mấy làng có đạo.

Cái cơ cũng là tự mẩy ông cố đạo gây nên trước.

Nói cho phải, thuở trước có lắm ông cố đạo tuy miệng nói là chỉ chuyên tâm có việc tôn-giáo mà thôi, nhưng cũng lời thôi xen lộn vào việc chính-trị, hoặc ý sức mạnh hiếp bức người ta. Nếu không vậy thì ngày xưa chẳng làm gì có việc lương giáo đánh giết nhau, mà cũng không đến nỗi có điều gì ác-cảm nhau. Thật thế, các ông ấy giảng đạo, song nếu « con chiên » có việc gì kiện cáo với lương-dân, tức thời các ông đóng « bộ áo dài thâm » vào rồi thân hành lên quan phủ huyện, kêu nài và dọa nạt quan phủ huyện phải xử cho con chiên được kiện. Nếu quan không bình vực theo ý muốn của các ông thì các ông hăm dọa lên nói với quan công-sứ để tìm cách ám-hại. Các nhà truyền giáo, không ở trong bờ cõi tôn-giáo của mình, lại lấn sang cả vòng chánh-trị, dầu ở xã-hội nào cũng là chuyện lời-thôi bất-bình, không trách nào bây giờ các nước Âu-châu phân biệt các quyền tôn giáo và nhà nước riêng hẳn ra cũng phải.

Trong hồi Pháp Việt đang giao-thiệp với nhau, các ông ấy ỷ thế người Pháp binh vực mà làm nhiều cái cử-động khiến cho người mình sanh thù sanh ghét, và làm cho nước Pháp bậ lòng quá. Có khi chính các ông làm đả cho giáo-dân làm bậy, rồi mỗi chuyện gì cũng đổ cho bọn văn-thân; cái tình-tệ ấy nói sao cho hết. Ông công-sứ tỉnh Nghệ hồi đó là ông Duranton đã thuật lại việc lương giáo xung đột ở Huế như sau này, đủ làm chứng cứ:

« Các ông cố-đạo gọi dân đến dụ dỗ, hễ đũa nào
« chịu theo đạo thì lãnh sáu đồng bạc. Những đũa
« đã phải ngửa tay lấy tiền dụ dỗ dứt lột cho nó đi
« đạo như thế, thì có phải là hạng người ra hồn gì
« đâu. Chúng nó lãnh tiền xong rồi về làng dọa
« nạt anh em đồng-bào mình rằng: “Bay liệu hồn!
« Chúng tao đây đã có người Tây đỡ đầu, hễ bay
« dám há miệng chửi tao một câu, hay là gây gổ
« với chúng tao một chút xiu gì, là chúng tao nường
« xác bay cháy ra tro và lấy hết của cải bay”. »

Trời ôi! Hâm dọa người ta như thế rồi chúng nó làm thật. Vả chẳng, sự thiệt chúng nó vì nghèo đói quá, nên chỉ phải tìm một cách để kiếm ăn. Đem tối, chúng nó chụm lửa tự đốt tiêu cái cơ-nghiệp nhà tranh vách nát khốn nạn của chúng đi, rồi la làng chói-lói rằng bọn văn-thân — hay là dân lương — đã đốt nhà và lấy hết cả cửa cái cửa chúng nó. Thế là chúng lấy được tiền của nhà nước bồi thường cho và đám dân lương bị giá họa vu oan kia thì bị tội.

Đại khái, cái tình tệ giữa dân lương giáo nước ta hồi trước như thế. Cụ Phan-dình-Phùng mà đánh phá hai làng giáo dân, cũng vì mấy ông cố đạo ở hai làng đó xúi giục giáo-dân định đến ám hại cụ. Rồi độc giả sẽ coi việc này ra sao ?

Chúng tôi đã nói, cụ Phan xuất binh trước hết là đánh phá hai làng có đạo, nguyên nhân bởi mấy ông cố đạo ở đó ám hại cụ.

Nguyên là một đêm kia, vào khoảng canh ba quân thám-tử của cụ đi tuần phòng các dinh trại bắt được ba tên dân đạo là người ở hai làng Định-trường và Thọ-ninh (cũng thuộc trong một tổng với cụ) đang núp lén trong bụi tre, gần bên trường đúc khí giới. Nghĩa-quân bắt được và khám xét chúng nó, thấy đũa nào cũng có giắt hỏa-hồ ở trong mình ; họ liền giải ba đũa về đại-đồn để nạp. Cụ Phan hội chúng tướng lại tra xét, thì chúng xưng rằng : cổ của chúng nó xúi biểu chúng nó tới lén đốt hết cả đồn trại nghĩa-binh ở Đông-thái đi. Tức thời cụ sai chém ba thằng ấy, rồi hạ lệnh cho mấy toán nghĩa-quân đang đêm kéo đến bao vây đánh phá hai làng Định-trường và Thọ-ninh. Lệnh truyền nghiêm lắm : chỉ đánh phá nhà thờ, nhà cố, chớ đừng xâm-phạm nhà dân.

Nghĩa quân đánh riết lắm, mấy ông cố đạo phải sai người liều chết trốn ra khỏi trùng vây mà đi báo, để quân Pháp đóng đồn gần đó về cứu-viện. Quân Pháp về tới, nghĩa quân đón đầu giao chiến được hai giờ đồng-hồ rất là hăng-hái. Nhưng vì hầu hết nghĩa-binh chỉ là hạng tráng-đình nhiệt-huyết, vừa mới triệu-tập, chưa được huấn-luyện gì, cũng chưa

quen việc đánh nhau, lại thêm súng đạn lúc này còn là kiểu súng của ta, cách bắn chậm chạp lồi thối, tự nhiên không sao địch lại được với súng Pháp, thành ra ứng chiến được hai giờ là nhiều rồi, nghĩa-binh phải thua chạy. Quân Pháp thừa thắng đánh rốc ngay tới đại đồn Đông-thái mà đốt phá tan tành. Dân cư làng này bị tàn phá tử thương và trốn làng bỏ đi nhiều lắm.

Cụ Phan thu thập tàn quân lại, an ủi tướng sĩ rằng: « được thua là sự thường của binh-gia, tướng sĩ ta đừng nên vì thế mà ngã lòng thối trí ». Rồi cụ kéo quân tới đóng ở đất hai huyện Hương-sơn và Hương-khê, nay ở chỗ này, mai dời chỗ khác, chớ không nhứt định là chỗ nào, làm cho quân Pháp đi tiêu-trừ lắm nỗi khó nhọc, tổn hao. Chẳng những chưa dẹp được cánh quân cụ Phan, mà thanh-thế cụ lại càng to, và phong-trào văn-thân lại càng ùn-ùn nổi lên tứ phía.

Sang đầu năm Tuất (1886) cụ đóng quân ở làng Phụng-công về huyện Hương-sơn. Còn anh cụ là ông Phan-đình-Thông thì đóng ở huyện Thanh-chương tỉnh Nghệ. Không ngờ Phan-đình-Thông bị tên thủ hạ là Nguyễn-Sử làm phản; nó làm nội-ứng, nửa đêm. thừa lúc ông Phan-đình-Thông đang ngủ dẫn quân lính Bảo-hộ đến vây đồn. trong lúc thảng-thốt, ông bị bắt sống giải về tỉnh Nghệ. Tổng-đốc tỉnh Nghệ hồi ấy là Nguyễn Chính, vẫn còn ghi nhớ chuyện cũ, thù hiềm cụ Phan, hồi làm Ngự-sử, đã dăng sớ hạch tội y làm Kinh-lược Bắc-kỳ, chỉ hư-trương nghi-vệ và tác oai tác phước xằng, chớ không chăm lo việc dân việc nước giữa lúc gian-nan. Câu chuyện cũ này, một đoạn trên xa,



Cảnh sinh hoạt của
Thô-dân Lèo ở Khé-ta-
bao giáp-giới Hà-tĩnh
là chỗ vua Hàm Nghi
nuông nấng tới khi
bị bắt.

chúng tôi đã nói. Vì sự hạch tội ấy, vua Tự-Đức bãi chức Kinh-lược của Nguyễn-Chính. Sau nhờ Bảo-hộ phục chức, cho làm Tổng-đốc Nghệ-an.

Nay bắt được anh cụ Phan, Nguyễn-Chính toan chém tức thời cho đã cơn giận và trả thù xưa. Nhưng rồi tấm lòng mưu lập đại-công biểu và ngừng tay lại liền, trong trí suy tính làm sao chiêu dụ được Phan-đình-Phùng ra hàng, thì mình lập được công lao với Bảo-hộ to lớn, tự nhiên cái ngôi cực-phẩm trào đình ở trong túi áo. Chừng nào chiêu dụ mà Phan-đình-Phùng không chịu ra hàng thì bấy giờ sẽ giết Phan-đình-Thông cũng chưa muộn. Nghĩ vậy rồi, Nguyễn-Chính một mặt sai nhốt Phan-đình-Thông vào ngục, một mặt sai kẻ tâm-phúc đi tung tích cụ Phan ở miền Hương-sơn Hương-kê để dỗ cụ ra quy thuận.

Hồi đó, ông Tiễn-phủ sứ Lê-kinh-Hạp, nguyên trước là anh em bạn thân với cụ, nhưng sau Bảo-hộ sai đem quân đi đánh cụ, cảnh-ngộ hai người gần giống như Ngũ-tử-Tư và Thân bao-Tư ở đời Đông Châu. Nhân dịp anh cụ bị bắt, Lê kinh-Hạp muốn lấy lễ cốt nhục tình thâm bèn viết gởi cụ một bức thơ chữ Hán cứng cáp gọn gàng mà hay, xin dịch ra quốc-văn như vậy:

« *Bác Phan,*

« *Tôi với bác xa cách bấy lâu nay, tâm tình thương
« nhớ, chắc cũng bồi-hồi như nhau, điều đó không
« cần chi phải nói.*

« Duy có điều phải nói là đôi lúc gần đây tôi đi
 « qua làng Đông-thái, ngó thấy đền thờ cùng là phần
 « mộ các đấng tiên-quân, bác nghiêng ngả điều làn,
 « không ngờ tôi sụt sùi nước mắt mà khóc.

« Này bác Phan ơi! ngày nay trong họ hàng làng
 « xóm được an hay nguy chỉ can hệ ở nơi bác, tánh
 « mạng ông anh bác mất hay còn, cũng chỉ can hệ
 « ở nơi bác. Thôi thì tấc lòng trung của bầy tôi đối
 « với vua, tôi đó bác cũng đủ chứng tỏ với quĩ thần
 « rồi, không lo gì ai chê mình vào đâu được nữa (1).
 « Còn HIẾU và ĐỂ cũng là cái gốc lớn của đời người
 « ta, có lẽ nào bác người khoa giáp như bác mà học
 « chưa tới nơi hay sao?

« Huống chi là nuôi ong tay áo, nọc ở trong
 « mình (2), tấm gương ấy không phải đâu xa, kỳ
 « thiệt nó sờ sờ ở trước con mắt bác rồi đó.

(1) Đoạn này nói ý là cụ Phan phụng mạng vua Hàm-Nghi mà khởi binh cần-vương, nay nhà thờ và phần mộ đến nỗi xiêu tàn nghiêng ngả, hương khói vắng tanh mà ông anh ruột lại đang bị nạn lâm nguy, thôi thì cụ nên bãi binh về đi để cho yên mọi việc trong họ hàng làng xóm, khỏi mang tội lỗi với tổ tiên bào trạch. Cụ cũng đã từng khởi nghĩa rồi, nhưng mà thời-thế khó khăn, gia-hương quanh quẽ, thì nên về là phải, dầu đối với quĩ thần cũng không thẹn, mà chẳng ai còn chê được mình, vì tấm lòng trung-quân của cụ, đến thế cũng là đủ rồi.

(2) Đoạn này nói ý là ông anh cụ bị người nhà làm phản mà bị bắt, vậy cụ cũng sớm liệu đi, kéo sau lại bị thủ-hệ phản-phúc đem cụ ra nạp cho Tây nữa thì khốn.

« Núi Hồng sông Lam (1) có vô số là cảnh non nước tốt đẹp có thể làm nơi vắng vẻ thanh cao cho bác ở để tu dưỡng cái chí tiết của bác được (2).

« Thôi nên về đi thôi ! Tôi xin nói thiệt ».

Cụ Phan tiếp được thơ này, cười mà nói rằng:

— Mấy anh đồ nho hèn nhát động một chút là đem cửa nhà mồ mả ra để dọa nạt người ta.

Nhơn dịp, cụ nói với chúng tướng rằng:

— Tôi từ khi cùng chư tướng khởi binh cần-vương, đã có chủ tâm là bỏ cả việc gia-đình quê quán ra ngoài, không nghĩ gì đến nữa. Nay tôi chỉ có một ngôi mộ rất to, nên giữ, là đất nước Việt-nam; tôi chỉ có một ông anh rất to, đang bị nguy vong, là cả mấy mươi triệu đồng-bào. Nếu về mà sửa sang phần mộ của mình, thì ngôi mộ cả nước kia ai giữ? Về để cứu vớt ông anh của mình, thì bao nhiêu anh em trong nước ai cứu? Tôi bây giờ thề chỉ có một cái chết mà thôi...

Nói vậy rồi cụ Phan không thèm viết thơ trả lời, chỉ nhắn kẻ đưa thơ về nói lại với Lê-kinh-Hạp rằng: « Nếu ai có làm thiệt anh ta, thì nhớ gọi cho ta bát nước canh ! »

(1) Núi Hồng sông Lam là cái phong-cảnh tráng lệ nhứt ở Hà-tĩnh và Nghệ-an.

(2) Đoạn này nói ý rằng cụ cứ việc bãi binh mà về, không chịu ra làm quan với người Pháp thì thôi, nhưng mà núi Hồng sông Lam, không thiếu chi chỗ non xanh nước biếc, vắng vẻ tốt tươi, làm chỗ cho cụ ẩn cư để giữ nguyên vẹn trong sạch cái danh-tiết quý báu của cụ được, chớ không ai làm hại hay ép uổng gì đâu mà lo.

Chúng tướng nghe đều ứa nước mắt. Cụ không chịu bãi binh quy hàng, tức là ông Phan-đình-Thông bị hại, là sự tự nhiên.

Tự đó, cụ cùng tướng-sĩ đóng đồn trong rừng, trên núi, thường dùng cách đánh úp, chớ chưa đủ sức đương-trường đối chiến.



VUA HÀM-NGHI

được là ở lòng người mà thôi, nên chi không địch được với quân Bảo-hộ là phải.

Qua năm Hợi (1887), nhằm mình cô-lập không xong, cụ quyết kể ra Bắc-kỳ để hiệu-triệu đám văn-thần chí-sĩ ở ngoài ấy cùng nổi lên làm thanh viện. Khi đi, cụ dặn dò chúng tướng hãy khoan, đừng nên bạo-động, để đợi cụ về.

Bảo-hộ phát quân lính đi tập nã hoải, nghĩa-binh cũng giao-chiến nhiều trận, có trận được trận thua, nhưng kể ra thì cái bước lui nhiều, mà bước tới rất ít. Vì quân lính Bảo-hộ tới đâu cũng có kẻ truyền báo và trợ lực rất là lan-lộn. Còn nghĩa-quân của cụ thì đánh nhau không quen, khí giới lại xấu, chỉ trông cậy

VII

MẠT-LỘ CỦA THIÊN-TỬ



Trên đời, có ai sung sướng bằng ông vua đắc chí! Trên đời có ai khổ sở bằng ông vua mất ngôi! Khi đắc chí, nào cung, nào điện, nào quan nào quân, nào vàng bạc châu báu, quần quít ở quanh mình, nói một tiếng là lệnh dậy cả muôn dân, hét một tiếng là oai vang trong trong bốn bể; vẻ vang biết chừng nào! Khi mất ngôi thì trốn thì chạy, thì ăn sương uống gió, giải nắng giầm mưa, chiếc thân trôi nổi, nghe chim kêu vượn hót, càng như gọi mối thương tâm, tiếng lá động suối kêu, tưởng chừng có quân nghịch đuổi kịp, khổ sở biết chừng nào!

Tình cảnh của vua Hàm-Nghi như thế đó.

Ái ngại thay, ngài là một ông vua còn nhỏ tuổi, gặp phải lúc việc nước khó khăn, đến nỗi thành mất nhà tan, đem thân đi chốn, vất vả cực khổ trăm bề! Nhiều khi giọt đường vua tôi khóc lóc với nhau,

nông nổi lưu-ly, không biết thế nào mà nói cho hết. Thoạt tiên ra đi, thì còn có ít nhiều văn võ hồ tòng, quân gia hầu hạ, rồi chẳng may giữa đường tan-tác chia lìa: nào Phạm-thận-Duyệt bỏ về, nào Hữu-quân Hồ-Hiển bị binh chết; đếm số quân lính thì lúc trước đi theo còn được một trăm người, nhưng sau thấy khổ sở quá, chúng nó bỏ đi hầu hết, sau rớt lại chỉ trợ trợ có cha con Tôn-thất-Thuyết, và Chưởng-vệ Trần-xuân-Soạn, cùng mười mấy thằng lính đi theo ngài mà thôi. Thôi thì sớm no chiều đói. ăn uống không bữa nào toàn, nay đó mai đây, ở đâu không dám định hẳn, vì quân Pháp đuổi miết đằng sau lưng làm ngài cứ chạy dài mãi...

Sau hồi tháng 10 năm Dậu (1885, là giữa năm mất kinh-thành) ngài tới miền thượng-du Hà-lĩnh đã triệu cụ Phan-đình-Phùng ra khởi binh cần-vương rồi, tới ngày 16 tháng ấy, quân Bảo-hộ đuổi gấp quá, thì ông Thuyết phải đưa ngài chạy miết lên Voi-lấn, chính là miền trên tỉnh Quảng-bình, giáp với xứ Lào. Chỗ biên-cương này là một xứ Mọi, Trưng-quang-Ngọc làm thổ-tù. Rồi ngài tạm-trú ở đó.

Được ít lâu, Thuyết ngó thấy ở đây cũng tạm được yên thân nhà vua rồi, còn sự cứu vong thì Thuyết tự liệu sức mình không thể làm gì được, tất phải cầu ngoại-viện họa là. Nhưng Thuyết không sang cầu viện Xiêm theo như kế sách của cụ Phan đã tỏ hồi trước; Thuyết đi sang Tàu, vì lão còn tin nơi thế lực của nước Tàu nhiều lắm. Thuyết tâu vua Hàm Nghi đành trốn ở đất Mọi, và để hai người con ở lại hộ vệ còn mình thì cùng Chưởng-vệ Trần-xuân-Soạn dắt nhau sang Tàu để cầu viện-binh.

Vua Hàm-Nghi nương náu ở đất Mọi được đến hơn một năm, tuy khổ sở mặc lòng nhưng mà được điều yên ổn. Chánh-phủ Bảo-hộ cố tâm bắt cho được ngài, nhưng vẫn chưa tìm được ra tông tích, đã hơi có ý chầu náu rằng không biết rồi ra có bắt được hay không và đến bao giờ. Hữu chí cánh thành, việc gì cũng thế: lần hồi Bảo-hộ cũng dò ra tông tích mà bắt sống được vua Hàm-Nghi, vì có bộ-hạ và lũ Mọi phản ngài để lập công với người Pháp.

Lối sau này, nghĩa là sau khi Thuyết đã sang Tàu rồi, tình cảnh ngài lại càng khổ sở bội phần, còn sót lại ít nhiều tả hữu tòng vong, cũng bỏ ngài lần lần mà đi, bởi chúng thấy ngài bây giờ nông nổi đắm chìm như thế, chắc cũng không còn trông có ngày nào lại trở về làm vua nữa được, vậy thì theo ngài làm chi cho mệt sức? Thành ra chúng rủ nhau đi lần hồi, bỏ ngài chơ vơ, duy còn có người con ông Thuyết là Tôn-thất-Thiếp theo hầu ngài một cách trung-thành cung-kính như trước. Khổ sở lâu ngày quá không chịu nổi, ngài đâm ra bệnh thương hàn, làm cho thân thể gầy còm ốm yếu. Tội nghiệp! mỗi khi thấy có hơi động, thì có một thằng Mọi trung-thành phải lật đật cõng ngài chạy, chớ tự ngài không đi được nữa.

Nhưng cái mối vinh-hoa phú-quý nó xui khiến người ta dễ dàng làm việc phản trắc, đến quân Mọi cũng không khác gì ai!

Lúc bấy giờ ngài chốn ở một làng Mọi là Khê-ta-bao, ở miền trên châu Tuyên-hóa tỉnh Quảng-bình. Chánh-phủ Bảo-hộ phái ông Đại tá Boulangier

chuyên việc đem quân đi làm nã ngài, nhưng đã sáu tháng trời không tìm thấy tông tích ngài đâu cả.

Trương-quang-Ngọc, là thõ-tù ở miệt Khê-ta-bao và chính hồi đó vua Hàm-Nghi đang nung nấu trong nhà nó. Mỗi phú quý động tâm, Ngọc cùng một tên đồng đảng là Nguyễn-đình-Thanh lặn lội đi báo tin cho quân lính Bảo-hộ biết, rồi dẫn ông Boulangier về để bắt vua Hàm-Nghi.

Đại-tá Boulangier lên dẫn quân tới vây bọc cái nhà ngài ở, lúc ấy mới độ 7 giờ tối. Ngài và hai người tùy-tùng đang gối đầu vào thanh gươm mà ngủ say lắm, vì bụng đói sức mệt. Chợt thấy quân Pháp tới, thầy trò vùng tỉnh dậy, thì quân Pháp đã nhẩy vào trong, nắm chặt lấy tay ngài, ngài biết là thằng Ngọc phản, giận lắm, mắng nó rằng:

-- Thằng Ngọc, mày giết tao đi, còn hơn đem tao nạp cho Tây.

Hồi đó, ông Tôn-thất-Thiếp thấy sự thế hỏng mất rồi, bèn tuốt gươm ra, định bụng một là giết viên quan võ Pháp để giải cứu cho vua, một là giết vua đi để cho ngài được tròn danh tiết, chớ không muốn cho ngài bị bắt. Song viên quan Pháp lanh mắt, ngó thấy cử chỉ ấy, chĩa súng ra bắn ông Thiếp chết ngay.

Ngài bị bắt hôm ấy là 26 tháng 6 năm Mậu-tí (1888). Bấy giờ ngài đã 18 tuổi.

Quân Pháp dẫn ngài về tỉnh lỵ Quảng-bình, rồi cho 80 tên lính Pháp hộ vệ ngài ra chợ Huyện. Trong lúc đi đường, ngài thở than chửi mắng họ kia luôn miệng. Tới chợ Huyện, quân Pháp đem

ngài xuống dò, để đưa về Huế, định cho ngài gặp mặt vua Đồng Khánh. Nhưng quan Khâm-sứ Rheinart nghĩ là sự gặp mặt này vô ích, nên chỉ



Quân lính của Phan-dinh-Phùng

đưa về tới cửa Thuận an, thì chánh-phủ Bảo-hộ sai dẫn ngài xuống chiếc pháo-thuyền « Comète » mà chạy thẳng vào Saigon. Rồi từ Saigon có tàu

khác đem ngài sang an trí ở xứ Algérie. Hiện ngài vẫn còn, đã lấy vợ và đẻ con đều cho sang học ở bên Pháp. Người ta nói công chúa Như-Mai học trường Canh-nông ở Paris mấy năm trước đây thi đậu kỹ-sư số 1, là con của ngài đó.

Việc bắt được vua Hàm-Nghi phát sanh vào hồi tháng 10 tây năm 1888 (Mậu-tí) nghĩa là sau khi thất thủ kinh thành 3 năm và sau khi cụ Phan-dinh-Phùng ra Bắc một năm.

Còn Tôn-thất-Thuyết bỏ nửa đoạn giữa đường, tách mình đi sang Tàu, nói là đi cầu viện. Sang Tàu rồi, chẳng biết rằng Thuyết đã nói chuyện cầu viện gì được với quan quyền Mãn-Thanh chưa, hay là lão biết tình thế nguy hiểm cò cùng rồi, nên kiếm chuyện tìm đường chốn tránh lấy thân vậy thôi. Nhiều người Pháp — trong đó Đại-úy Gosselin là một — chê Thuyết hèn nhát vì cái cử chỉ bỏ vua giữa đường tách mình đào nạn như thế. Nhưng họ ngợi khen hai người con trai của Thuyết — Đạm và Thiếp — là thanh-niên anh-hùng.

Có người nói rằng Thuyết định đi cầu viện thiệt tình, nhưng mới sang Tàu ít lâu nghe được tin vua Hàm-Nghi bị bắt, thì lão đành ở lại nương náu tại Long-châu (thuộc tỉnh Quảng-tây, giáp giới nước ta) rồi sau chết già ở đó.

Nghe nói hồi lão chết ở Long-châu, có người Tàu hay là người Việt-nam chí sĩ vong-mạng nào không biết, làm câu liễn điệu như vậy:

*Quý bất khả ngôn, thiên cổ trung hồn
lai Tạng-quận,
Tôn vô dị thượng, bách niên tàn cốt
táng Long-châu.*

Câu liên này, cứ xem cho kỹ, tuy là bề ngoài có ý tưng bốc Thuyết những là tôn quý như vua, tận trung với chúa nợ kia, nhưng mà bề trong hình như có ngụ ý mỉa mai Thuyết một cách kín đáo lắm.

VIII

CAO-THẮNG



Trong lịch-sử cách mạng của cụ Phan, Cao-Thắng ở một địa vị rất là quan-hệ, cho nên muốn biết rõ cụ Phan, không thể không biết được Cao-Thắng.

Khi cụ Phan khởi-nghĩa, hào kiệt bốn phương về theo cụ, phần nhiều là người có võ-nghệ và có tài năng cả, nhưng mà cầu lấy một người có tri, có dũng có àn có oai, có cơ mưu, có thao lược, nói tóm lại đủ cái tài làm tướng, thì không ai bằng Cao-Thắng.

Cao-Thắng là chân tay của cụ; Cao-Thắng là hình ảnh của cụ.

Lúc cụ thất bại, chạy ra Bắc để khuyến-khích anh em chí-sĩ ở ngoài ấy nổi lên làm thanh ứng, thì các tướng chán nản, ba quân lìa tan, việc cách

mạng thành ra một đám lửa nguội tro tàn, cơ hồ đến tắt. Thế mà có người thổi được đống lửa nguội tro tàn ấy lại cháy bùng lên được, ấy là Cao-Thắng. Lúc cụ trở về mà quân-thanh lại mạnh, tướng sĩ lại đông, lương thực lại nhiều, súng đạn lại sẵn, nhờ đó mà chống cự được với quân Pháp trong mấy năm trời nữa, là vì có Cao-Thắng. Bởi thế cho nên người ta có thể nói được rằng: thí dụ như xây một bức tường, thì cụ Phan đắp nền móng, mà ông Cao-Thắng chồng chất mãi gạch đá cho cao chót vót lên; thí dụ như là làm một ngôi nhà, thì cụ Phan dựng cột, nhưng mà ông Cao-Thắng lợp ngói, quét vôi, và treo tranh bày cảnh ở trong cho được lịch-sự. Thế nghĩa là trong việc cần-vương cách-mạng lúc bấy giờ, cụ Phan vẽ kiêu, mà ông Cao-Thắng là thợ làm vậy.

Quả thế thật.

Sau khi cụ đã thất bại ra Bắc rồi, thì các tướng bỏ về, quân sĩ tan hết, việc cần-vương đến đó hầu như lá rụng hoa rơi, không mong gì có cơ quật-khởi, mà chính cụ Phan ra Bắc cũng nằm hơn một năm trời, như là người đã té nhào xuống rồi, muốn dậy mà chưa biết đến bao giờ dậy nổi. Ấy thế mà Cao-Thắng nâng cụ dậy được, lại huyết chiến được bảy tám năm nữa, đến chết mới thôi, như vậy thì Cao-Thắng thiệt là người có trí có tài lắm. Việc khôi phục của ông làm ra thế nào, ta càng nên biết.



Cao-Thắng là người xóm Nhà nàng, làng Lê-dộng, huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh.

Ông nguyên là con một nhà tầm thường ở trong dân-gian, người thấp nhỏ, ngón chân ngón tay đều ngắn, cho nên người ta bảo ông có tướng ngũ đoản (là năm cái ngắn) sau tất là người huyết chiến sa-trường, bất đắc kỳ tử.

Người rất thông minh lanh lẹn, thuở nhỏ có đi học chữ, nhưng tánh ông không ưa khoa bút múa văn, để làm một nhà danh sĩ, mà chỉ ưa sao cho võ nghệ siêu-quần, để sau làm một tay danh tướng, cho nên cả ngày chỉ tập võ và thích đi săn bắn lấy thú làm vui. Có người em tên là Cao-Nữ cũng vậy.

Hồi năm Giáp-tuất (1874) là năm Tự-Đức thứ 27, tỉnh Hà-tĩnh có giặc *Cò-vàng*, tức là giặc *Đội-Lợn* nổi lên, định tranh cướp thiên-hạ với nhà Nguyễn. Ông Cao-Thắng lúc bấy giờ, còn nhỏ tuổi quá, nhưng tình nguyện ra đi theo. Chưa đầy một năm, *Đội-Lợn* chết, giặc *Cò-vàng* tan, triều-đình sai quân đi nã bắt những dư-đảng rất ngặt, Cao-Thắng sợ, phải trốn tránh lần lút khôn khéo.

Hồi đó, anh thứ hai cụ Phan là ông Phan-dình-Thuật, mới đậu cử-nhân, ngó thấy Cao-Thắng mới 13 hay 14 tuổi, đã đi theo giặc, chắc vì có cảnh-ngộ sao đó, chớ không phải có chủ-tâm phản-bạn tráo-đình gì đâu. Nay giặc bị đánh tan, dư-đảng tới một thằng nhỏ như thế cũng sợ bị quan làng tróc nã, mà đào tẩu trốn tránh cực khổ, làm cho động lòng thương hại của ông Thuật, ông bèn tìm cách che chở cho Cao-Thắng khỏi bị bắt, và đem về nhà nuôi. Được 8 năm, ông Phan-dình-Thuật mất thì Cao-Thắng lại về làng ở.



NGUYỄN-THÂN

Một người có quan-hệ trong truyện Phan-dinh-Phùng là đem quân ra đánh, sau khi cụ Phan đã thọ bệnh chết và dư-dãng đã tan. Nguyễn-Thân độc-ác, sai đào mả cụ Phan lên bầy đốt ra tro, rồi kéo quân về trào xưng mình thắng trận.

Ông về làng, nhưng cũng không lo đường sinh-nghiệp gì cả, sẵn trong mình có nghề võ, nên cùng với em và một người bạn tâm-huyết là Nguyễn Kiều, tối ngày chỉ ham tập quờn múa kiếm làm vui. Nguyễn-Kiều tụ họp mấy chục tên thủ-hạ đi ăn cướp, nay làng này, mai làng khác, những nhà giàu có ở vùng đó, rất khổ sở với bọn ông, muốn bắt ông, nhưng sợ ông giỏi quá không sao bắt được. Tuy chính Cao-Thắng không ăn cướp của ai, nhưng cũng mang tiếng là đầu đảng ăn cướp.

Kỳ thiệt, Cao-Thắng vốn là người có chí khí to, chẳng qua thác-tích vào đám lục-lâm, là để chờ có thời-cơ sẽ ra vì nước hiệu lực, chứ không phải có ý muốn chung-thân mai-một ở giữa khoảng cỏ xanh nước biếc đâu.

Cuối năm Ất-dậu (1885) cụ Phan khởi nghĩa, thì anh em ông cùng ông Nguyễn Kiều đem 60 tên thủ hạ ra xin theo. Cụ phong cho làm chức Quản-co, và bảo sau sẽ trọng dụng, vì biết tiếng ông là người có tài to. Quả nhiên, ông giúp cụ trong việc quân, mới đầu đã tỏ ra người có tướng tài lắm. Cụ Phan rất yêu mến. Năm ấy ông mới có 20 tuổi.

Sau khi cụ Phan đã chạy ra Bắc rồi, các tướng sĩ đều giải tán hết, duy còn ông cùng với mấy người anh em đồng chí, là Cao-Nữ, Cao-Đạt và Nguyễn-Niên, thu nhặt lấy ít nhiều tàn-quân về ẩn phục ở trong những rừng núi thuộc làng Lê-dộng, là làng của ông, để mưu cách khôi-phục. Lúc này bạn thân của ông là Nguyễn-Kiều đã chết rồi.

Ông nghĩ rằng dùng binh, mà không có tiền nhiều thì làm trò gì được, cho nên trước hết ông nghĩ cách lấy tiền cho nhiều.

Thủ đoạn của ông lấy tiền khi ấy có khó gì đâu? Chỉ đem một vài chục tên lâu-la xuống núi, xem làng xóm nào có nhà giàu, thì xông vào đốt, phá, cướp, là lấy được tiền ngay, rồi lại đem quân vào rừng ẩn-phục, ai làm gì nời. Nhưng ông không làm. Một là biết rằng: đóng ở rừng núi như vậy, là để trốn tránh qua thời mà thôi, chớ không phải là nơi dụng võ; hai, nếu làm lối cướp bóc như vậy e làm náo động dân-gian, lỡ ra đến phải đốt nhà giết người thì mang tiếng chớ đạo quân nhân nghĩa; ba, thời bấy giờ là thời loạn-lạc, nhà nào có tiền cũng bỏ làng trôi dạt đi xa để trốn tránh, hoặc là chôn cất đi, mà chính ở vùng đó, cũng không có mấy nhà giàu, thì lấy tiền vào đâu. Bởi thế ông dùng thủ-đoạn « làm » tiền bằng một cách khác, là cách *bắt cóc*.

Trong nghề lục-lâm có cái lối bắt sống những người nhà giàu về giam. rồi bắt đem tiền lại chuộc cho về gọi là cách *bắt cóc*, từ xưa ở xứ mình đã có rồi.

Ông cho thủ-hạ đi dò la mãi, biết rằng hôm ấy có một chiếc thuyền của mấy chục người hàng vải đi chợ Tràng (tức là chợ tỉnh Nghệ bây giờ) bèn đem 20 tên kiện-nhi ra đón ở địa phận làng Triều-khẩu (thuộc phủ Hưng-nguyên, là phủ sở tại tỉnh Nghệ) để bắt. Khi thuyền kia đi ngang qua, thì ông chèo thuyền con ra, đánh chìm thuyền buôn, bắt sống cả bọn đem về giam ở làng Nam-kim (thuộc

huyện Nam - đản tỉnh Nghệ), chính là làng của vợ ông.

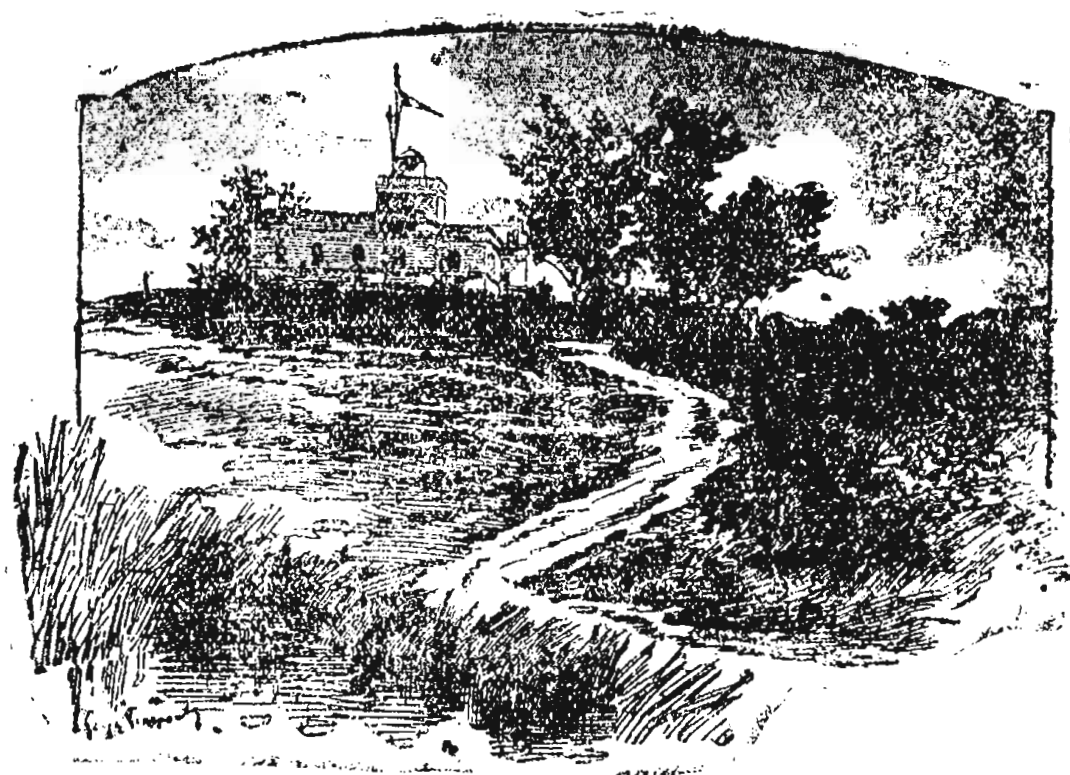
Dần về, ông hiểu dụ rằng : « Ta bắt các người cũng là một việc cực chẳng đã, vì hiện nay nghĩa-bình thiếu tiền cần có các người giúp đỡ cho nhiều ít. Vậy cho các người viết thơ về cho gia nhân, hạn trong một tháng đem tiền lại chuộc, thì tat ha về. »

Trong một tháng người nhà bọn kia đem tiền đến chuộc ông tha cho về cả. Ông thâu được 6.000 đồng bạc.

Ông bắt cóc bọn hàng vải, lấy được 6.000 đồng bạc, có một chỗ dụng tâm sâu lắm, khổ lắm, là cốt lấy tiền để đúc súng. Vì thế, sau khi đã lấy được món tiền rồi, thì ông đi tìm thợ. Tìm được bọn thợ, nhưng bảo họ lên núi làm việc cho mình, là kẻ cướp, thì cũng là việc khó khăn, cho nên ông lại phải dở lối cũ ra, là cách bắt cóc. Ông tự đem mấy chục tên kiện-nhi, về hai làng Trung Lương và Vân-tràng (thuộc huyện Can-lộc tỉnh Hà-tĩnh), là hai làng làm nghề thợ rèn, bắt hết bao nhiêu thợ rèn hai làng ấy mà dẫn về làng Lê-động, ở trong một khu rừng sâu để đúc súng. Đúc trong một tháng trời, được 200 khẩu súng hạt nổ của ta, là thứ súng phải nhồi thuốc ở ống súng, rồi chõ cò máy có để hạt nổ, hễ nhận cò máy có lửa bật ra, thì đạn mới chạy. Cái mục-đích của ông đến đó đã đạt được một ít.

Lúc bấy giờ, quân giới thì ông đã có 200 khẩu súng mới đúc, tương tá thì có như các ông Cao-Nửu, Cao Đạt, Nguyễn-Niên, quân lính thì mới mộ

thêm được 400 người. Trong 400 lính ấy, ông chia làm 2 đoàn: một đoàn là lính súng; súng hao giờ cũng nạp đạn sẵn; nhưng hễ lúc lâm trận, thì 100 khẩu súng bắn một hiệp trước, xong rồi nạp đạn, thì lại đến 100 khẩu khác bắn một hiệp sau, cứ luân phiên như thế, thành ra khi đánh trận, lúc nào cũng có tiếng súng nổ liên thình, khiến cho địch quân không biết nghĩa-bình nhiều súng hay ít. Ấy, Cao-Thăng dùng binh có cơ mưu đến thế.



Một đồn lính tập ở Hà-tĩnh hồi cụ Phan cách-mạng

Súng có, quân có, tướng có, là lúc thanh-thể của ông đã hơi to, đi đến đâu cũng ít có người địch lại. Giá ông phải là người tầm-thường, chỉ lo khiết thân ần độn không chịu thần-phục người Pháp, như bọn Điền-Hoành ngày xưa cùng 3.000 tử sĩ ở

chốn hải-tần, không chịu thần phục nhà Hán, thì khí-giới ấy, binh-lực ấy, nay đóng núi này, mai qua rừng khác, nay cướp làng nọ, mai cướp làng kia, để lấy lương ăn, cứ như thế mãi thì cũng có thể tung hoành ở trong chốn núi Hồng sông Lam được trọn đời mãn kiếp, làm một người lục-lâm anh hùng, ai đánh giết được ông cũng khó.

Nhưng mà cái chí-khí của ông to lắm. Ông còn nghĩ đến vua, đến nước, đến anh em đồng loại, đến chủ-tướng cũ là cụ Phan, nói tóm lại chí khí của ông là làm thế nào cho « *nước Nam của người Nam* », cho nên ông không lấy khí-giới đó, tướng-sĩ đó làm tự-túc, mà muốn cho khí-giới đó còn mạnh hơn, tướng-sĩ đó còn đông hơn nữa.

Ông là một người biết lượng sức mình, lại có tính quả-quyết lắm. Ông tự biết rằng sức quân của mình, sức súng của mình còn yếu quá chừng, ăn cướp thì được, chớ đánh với quân Pháp chưa được, cho nên đêm ngày thường lo gầy dựng thế nào cho thực-lực của mình to lên. Bấy giờ, một cái vấn-đề quân-lương, chẳng phải lo nữa là vì oai danh của ông lúc ấy to, dân-gian quanh miền đã sợ, ông muốn bao nhiêu gạo, bao nhiêu tiền, chỉ viết giấy đi các chủ nhà giàu, khiến họ tự phải đem tiền gạo lại nạp, chớ không mấy khi phải dùng đến võ lực nữa. Song còn một việc khiến cho ông phải lo nghĩ hơn, là vấn đề khí-giới.

Ông đã từng bỏ ăn quên ngủ, nằm nghĩ đến một tháng trời, bần khoản về vấn-đề khó khăn này : « Đã làm thì tất phải làm to, mà những kiểu súng của ta, là kiểu súng ăn mảy thế này, nào chùi

súng, nào nạp thuốc, mất công-phu và thời giờ nhiều lắm, thì làm sao địch lại được với quân Pháp. Có muốn đánh với họ, tất phải có khí giới như họ mới được ».

Ông nghĩ rằng làm theo như kiểu súng Tây cũng chẳng có khổ khăn gì, tuy mình không có tài sáng-tạo, nhưng có tài bắt chước được thừa, vì thế ông nghĩ thế nào cho có một khẩu súng Tây để ăn cắp kiểu.

Làm thế nào lấy được một khẩu súng Tây để ăn cắp kiểu? Khó quá. Bảo rằng mua ở đâu, nhưng đường xa phần thì mắc nghẹn, phần thì xa xuôi, đi đâu mà mua. Bảo rằng đánh một đồn nào gần đó để cướp lấy một khẩu về, nhưng đồn nào cũng giữ gìn nghiêm ngặt, đánh đã chắc gì lấy nổi. Chỗ này, ông suy nghĩ gần muốn héo gan nát ruột, mà không biết làm thế nào. Ông vẫn nói rằng: « hễ ai tìm được cho ta một khẩu súng kiểu Tây, thì ta thưởng cho 1000 đồng bạc ». Ai lấy được? Nhưng mà người có chí-khí thường được trời giúp đỡ.

Thật thế trong khi ông đang nghĩ quẩn nghĩ quanh, nghĩ đến cách mua, nghĩ đến cách cướp, nghĩ héo gan nát ruột chưa biết làm thế nào, thì chợt có tên lính vào bẩm rằng: có một người lạ mắt, xin vào yết kiến để bẩm có việc cơ-mật.

Ông cho vào. Ấy là người đem kiểu súng tây lại cho ông đó.

Binh-gia nói: Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên » (tính việc ở người, thành việc ở trời), e có lẽ phải,

Cao Thắng muốn kiếm một khẩu súng của tây để bắt chước mà chế-tạo, nhưng đang lo nghĩ ao ước không biết lấy ở đâu có một khẩu súng tây để làm kiểu bây giờ, bỗng dưng có trời xui khiến một người khách lạ mặt tới ngay chốn quân-môn giúp cho Cao-Thắng được như nguyện.

Người lạ mặt vô bầm rằng :

— Nghe nói có lệnh của tướng-quân truyền rao : hễ ai lấy được một khẩu súng tây đem nạp, thì sẽ được trọng thưởng 1000 đồng bạc. Nếu bây giờ tôi lấy dưng cho tướng-quân, không những một khẩu súng tây, mà tới 15 khẩu lạn thì tướng-quân thưởng cho bao nhiêu ?

Cao-Thắng mừng lắm :

— Thôi thế thì trong trại ta có bao nhiêu tiền bạc, ta cho nhà người lấy hết.

Thật ra lúc bây giờ, ông cũng đã có một vài vạn bạc ở trong quân.

Người lạ mặt xin truyền cho tả hữu lui ra ngoài, rồi mặt bầm điệu kể. Té ra y có một người bà con đi lính tập ở tỉnh Nghệ-an mới viết thư về nhà nói rằng : tới ngày mai đây có hai viên quan binh ở tỉnh thành Nghệ-an dẫn 15 tên lính tập chở mấy hòm bạc lên đồn Phố (thuộc hạt Hương-son) để phát lương cho binh lính. Lẽ tự nhiên toán lính ấy có súng. Đó là một cơ-hội trời giúp tướng-quân. Vậy tướng quân nên sắp đặt cho nghĩa-binh mai-phục ở giữa đường, đánh toán lính tập đó mà cướp lấy súng của họ là được ngay, chớ có khó gì.

Cao-Thắng được tin này hết sức mừng rỡ, đưa tay lên ngay trán mà nói:

— Thiệt là trời giúp ta.

Tức thời một mặt Cao-Thắng cầm giữ người khách lạ mặt mà hảo tâm đó ở lại trong dinh chơi, một mặt hội hiệp chư tướng lại đề thương nghị cách cướp súng.

Ông thì quyết kế là kéo cả toàn quân ra đón đường, liều đánh một trận tử chiến. Nhưng ông Cao-Đạt vừa khoát tay vừa nói:

— Không nên! Anh tính kế làm như thế là đem cả nghĩa binh và hồn thân anh vào chỗ hiểm nguy tổn hại mà chắc là không xong việc đâu. Quân ta chưa phải là quân thiện-chiến vả lại thứ súng cũ kỹ của mình bây giờ lồi thối quá, đạn bắn ra nổ không mạnh, đi không xa. Tôi tưởng ngày nay nếu quân ta đem cả toàn lực ra đánh nhau đường-trường cũng sợ không địch lại được với 15 khẩu súng kia, vậy thì không những ta làm đã chẳng thành công mà lại còn mang hại đến tinh-thế của quân ta lúc ban đầu nữa. Theo ngu-ý của em, việc này ta phải dùng mưu thì hơn, quyết không nên dùng lực. Em xin dâng kế « *xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị* » (1) anh nghĩ sao?

Cao-Thắng suy nghĩ một lát gặt đầu khen phải.

Nguyên là con đường từ tỉnh Nghệ-an lên tới đồn Phố (chỗ đó là làng Phố-châu, chính là huyện lỵ Hương-sơn đóng bây giờ thuộc về tỉnh Hà-tĩnh),

(1) Là nè lúc người ta không phòng bị gì, mình nhảy ra đánh.

có nhiều chặng phải đi xuyên qua núi rừng rậm rì, hiểm trở. Giữa đường có một chặng có hòn núi trọc chận ngang không có cây cối nào rậm và to, chỉ mọc toàn là lau sậy rất cao, chính giữa có một con đường độc đạo. Ông Cao Đạt liền kể rằng chỉ nên lựa chọn mấy chục tráng-sĩ, cầm đoản-đao mai phục ở hai bên rừng lau sậy đó, chờ khi nào toán lính tập kia ngẫu nhiên đi ngang qua, thì ta nổ một tiếng pháo làm hiệu, rồi hai bên tráng-sĩ nhảy bổ ra, xuất kỳ bất ý mà đánh chúng tất được toàn thắng.

Cao-Thắng y-kế, và muốn bản thân làm việc khó khăn này, cho nên tức khắc ông bàn định sắp đặt đề ngày mai, chính ông thân-dẫn cả bọn Cao-Đạt, Cao Nữu, Nguyễn-Niên cùng hai mươi tên quân cảm tử, nai nịt gọn gàng cầm đoản đao ra mai phục tại đó.

Quả-nhiên xế chiều bữa ấy, có một toán hai viên quân-quan Pháp và 15 tên lính-tập mang súng và khiêng hòm bạc, kéo nhau đi ngang qua rừng sậy đã nói trên đây. Bởi con đường độc-đạo nhỏ hẹp họ phải đi hàng một, lẻ-tẻ từng người, trong trí không ngờ đâu giữa bãi lau sậy này mà có sự gì bất trắc.

Tiếng giày đi cồm-cộp đàng xa, đủ làm dấu-hiệu để báo tin cho phục-binh hay trước. Tới chừng họ đi vào giữa khoảng nghĩa-binh mai phục, Cao-Thắng nổi pháo lên làm hiệu, tráng-sĩ mai phục hai bên nhảy bổ ra miệng vừa hò hét tay vừa khoa đao, cứ một người nhắm ngay một kẻ bên nghịch mà

chém tung hoành loạn dã. Tội nghiệp cả hai viên tiểu-tướng Pháp và 15 chú lính tập đều bị chém ngã hết, không sót một người, không kịp trở tay. Vì họ



Lính tập Annam ta trong hồi Phan-đình-Phùng, rất có công với Bảo hộ trong việc đánh giặc nghĩa-binh.

đang đi đường mệt nhọc, lẻ loi, bỗng dưng bị chém một cách thình lình như thế, làm sao không chết.

Thế là Cao-Thăng lấy được 17 khẩu súng, trong đó có hai khẩu súng kiểu hai lòng, và 600 viên đạn, mấy ngàn đồng bạc nữa, mà phía mình không nhều một giọt máu, cũng không nhọc nhằn sức khỏe bao nhiêu.

Trở về sơn-trại, ông mời người khách lạ mặt kia ra để trọng thưởng. Nhưng khách nói rằng:

— Thấy tướng-quân làm việc nghĩa-hiệp, tội

vân hãm mộ, trời bèn xui khiến tôi đem lại cơ-hội giúp cho tướng-quân được thành công đó thôi. Tôi nào có công cán gì mà thưởng; vả lại tôi có phải vì ham số tiền thưởng mà tới đây bao giờ; hôm qua tôi hỏi thưởng bao nhiêu là nói chơi vậy mà. Số tiền thưởng này tôi xin để lại tướng quân nuôi binh-sĩ, đúc khí-giới, thế là tôi mừng, trước khi từ-biệt, tôi xin hiến tướng-quân bốn chữ « *tiền đồ bảo trọng* » (1), xin ghi nhớ cho. Luôn dịp, tôi có một bức thơ kín đây, hễ ngày nào cụ Phan về, thì phiền tướng quân trình cụ giúp tôi, ngày nay hãy khoan mở ra.

Cao-Thắng muốn hỏi tên họ, nhưng khách cũng không chịu nói, chỉ cười nhạt rồi đứng dậy vái dài một cái, ra đi một nước. Người này là thần tiên chăng? là ẩn-sĩ chăng? là hiệp khách chăng? là gì không ai biết.

Thuở giờ Cao-Thắng chỉ ước mong có một khẩu súng tây để làm kiêu, thế là Cao-Thắng đã được thỏa-mãn sự mình mong ước rồi vậy. Bây giờ Cao-Thắng kêu thêm rất nhiều thợ rèn, rồi kéo lên núi sâu, bắt đầu công việc chế tạo. Ông tự tháo một khẩu ra từng mảnh, để xem từ cơ-quan, thước tắc cho đến công-dụng những thế nào, rồi đêm ngày ông ngồi một bên, đốc thúc bọn thợ rèn, cứ lấy từng mảnh ở súng Tây, theo đúng hình thước dài vẫn rộng hẹp như thế mà rèn đúc. Mấy lần đều

(1) Nghĩa là *bước đường sau này phải giữ gìn*. Có lẽ người khách xem tướng mạo mà biết trước mai sau Cao-Thắng bạo-chiến quá mà tử-trận chăng?

còn hư hỏng lồi thối. Nhưng hư hỏng thì ông lại bắt phá hết ra mà rèn đúc lại. Rèn đi đúc lại mãi mới được.

Công việc đúc súng này làm luôn trong mấy tháng ròng rã, được cả thầy 350 khẩu súng giống y súng tây. Duy có thuốc đạn, thì còn phải dùng thuốc ta mà thôi.

Ta nên biết Cao-Thắng rèn đúc được 350 khẩu súng kiểu Tây này, thật có công phu khó-khăn to lớn bằng rèn đúc mấy mươi vạn khẩu lạn. Thật thế, bấy giờ ông ta chỉ là một đám giặc cỏ, phải lẩn lút ở trong núi biếc rừng xanh, chớ nào đã dám ra mặt chán chường, vậy thì lấy đâu được sắt, lấy đâu được đồng, lại lấy đâu được máy mà đúc, lấy đâu được thuốc nổ để chế ra đạn. Thế mà ông ta làm được đủ cả, là nhờ ông có trí-xảo co-mưu và có nghị-lực nhân nại to lắm. Ruột gà trong súng, thì ông dùng cây gọng dù uốn lại mà làm; sắt, thì ông cho người đi khắp các chợ và các miền nhà quê, mua những móng lừa, móng ngựa, các thứ sắt vụn, và những cây hư, cuốc bễ, của các nhà nông, đem về đập ra mà rèn; còn bi đạn thì ông góp nhặt những mâm đồng nồi đồng, đập giẹp ra thật mỏng rồi cuốn lại. Sợ thiếu những nguyên liệu đó, nên ông hạ lệnh cho các dân làng chung quanh, nên chia bớt những đồ đồng trong nhà mình cho nghĩa binh và đem lên sơn trại mà nạp để làm quân-giới.

Ấy đó, Cao-Thắng chỉ nhờ có những tài-liệu góp nhặt như thế, mà rèn đúc được súng đạn hấn hoi,

thủy chung chỉ dùng sức người chớ không có máy móc gì hết.

Tôi đây, không những súng cũ và súng mới đã được hơn 500 khẩu, mà lương tiền cũng dồi dào, và số quân lính mộ thêm cũng tăng lên đến gần 1000 người. Cao-Thắng tự biết lúc này mình đã có gốc hơi vững, tức là có cái cơ-sở để tấn phát mãi lên và có thể bắt đầu mưu tính việc lớn. Nhưng phải có người danh vọng oai quyền để làm chủ cầm quân mới được.

Người đó ở đương thời, còn ai hơn là ông chủ-tướng cũ hiện đang lưu-lạc ẩn-cư ngoài Bắc : ấy là Phan-đình-Phùng!

Cao-Thắng bèn sai người tâm phúc ra Bắc-hà rước cụ Phan về.

Phong-trào võ-lực phản đối ở 3 tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, đã tịch-mịch ít lâu, giờ lại nổi lên đùng đùng và kéo dài ra được mấy năm nữa. Lần này có tổ-chức, có khí-giới, có kỷ luật, có oai-danh, chính có người Pháp thẳng ngay đã nhìn nhận sự thật như thế.

Thiệt vậy, một võ-quan Pháp dự vào cuộc đánh giẹp ở Nghệ-Tĩnh hồi bây giờ là đại-úy Gosselin, về sau viết ra cuốn sách có giá trị tựa là « *Nước Nam* » (Empire d'Annam), nơi trang 313, có đoạn nói về Phan-đình-Phùng đại khái như vầy :

« Cuộc biến loạn của Phan-đình-Phùng cầm đầu, tràn-lan rất mau và có tinh thế lớn, sánh lại những đám phản-đối nổi lên về trước không thấm vào đâu.

« Nhưng vì phương-lược cai-trị, vả lại cũng
« không muốn làm xôn-xao kinh-hải dư luận bên
« tây, cho nên ở đây người ta rán giấu nhẹm được
« chừng nào càng hay, không nói rõ cho bên tây
« biết.

« Lúc đó, người chủ-tướng khởi binh cầm đầu cả
« 4 tỉnh miền Bắc nổi lên đánh lại với binh ta,
« chúng tỏ ra một người có tài năng tổ chức lạ lùng
« (*doué d'un extraordinaire d'organisateur*) lại thêm
« ông ta có cái địa-vị là đầu Đĩnh-nguyên, thành ra
« nhân-dân quy phục hết thảy, vì dân này vốn
« trọng học-vấn và kính mộ danh nho.

« Té ra từ trước tới đây chúng ta không hay,
« Phan-đình Phùng biết sắp đặt tập rèn quân-linh
« ông ta theo như kỷ-luật và chính-pháp của Âu-
« châu; cho quân lính mặc y-phục giống hệt một
« thứ với lính tập bốn xứ của ta, lại mang khi-giờ;
« là súng kiểu 1874 do ông ta bí mật chế-tạo lấy rất
« nhiều, nhưng chế tạo ở chỗ nào không ai biết, tới
« nay chúng ta chẳng hề tìm ra.

« Tôi có đem nhiều khẩu súng đó về tận bên
« tây; xem nó giống đủ mọi vẻ như súng của các
« xưởng binh-khí nước ta chế-tạo, đến đời tôi đưa
« cho các quan binh pháo-thủ ta xem, các ông phải
« sửng sốt lạ lùng, chỉ hiềm vì nó khác với kiểu
« súng ta có hai chỗ này thôi: ruột gà không đủ
« sức mạnh và trong lòng súng không có xe rãnh
« (*rayures*), vì đó mà đạn bắn ra không xa không
« mạnh nhiều. Tuy vậy mặc dầu, những súng đó
« đã từng bắn chết hết bọn lính khố-xanh, cùng là
« cai đội tây và lính tập, vì thật ra lúc bấy giờ chỉ

« có lính khố-xanh ra xông pha đánh giặc đám loạn
« này, ta phải nói rằng lính ấy họ xuất lực thành-
« công một cách vẻ vang. »

Ta xem đại-úy Gosselin đã từng mục-kích và tỏ bày nhìn nhận sự thật như thế, đủ biết đương-thời nghĩa binh cụ Phan cầm đầu không phải giặc cỏ, hay cuộc phản-đối tầm-thường. Kỳ thiệt có tổ chức, có khí-giới, có thực lượng ít nhiều, ta nên biết là do một tay lược-thao kỹ-xảo của thượng-tướng quân Cao-Thắng mà ra cả đó.

IX

Ở BẮC VỀ



Sau lúc làng Đông thái bị phá, mà cụ Phan phải kéo tàn-quân lên đóng ở hai hạt Hương sơn, Hương-khé, lại sau lúc ở Hương sơn, Hương-khé thất bại nữa mà cụ chạy ra ngoài Bắc, thì có nhiều người cho thế là việc lớn hư hỏng tan tành mất rồi. Cụ chạy, thế là cuộc phản đối tiêu hết!...

Nhưng mà nó chưa tiêu hết đâu.

Sự thiệt, trước khi bước chân lên đường ra đi Bắc-hà, cụ Phan có định sẵn hai cái chủ-kiến, hai cái cơ-mưu, thế nào rồi cũng thực hành được một: Hoặc là hiệu-triệu anh em kiện-nhi chí-sĩ ở Bắc-hà nổi lên để gây nên tinh thế tương-ứng với cụ ở đảng trong và chia bớt cái mảnh-lực của binh-linh Bảo-hộ đi; hoặc là trông mong tin cậy một người anh tài được cụ thanh-nhãn là Cao-Thắng tướng quân ở nhà có thể tom góp sức tàn, rồi lại đánh trống mở cờ, quật-cường phen nữa.

Vả chẳng, có xét kỹ cái tình-thế của cụ hồi bấy giờ, mới biết là không thể không thua, đã thua không thể không chạy, đã chạy không thể không ra ngoài Bắc.

Song, trước khi muốn xét ra những cái nguyên-do này vì đâu, tôi tưởng chúng ta hãy nên nhìn biết cái tâm-tích của cụ Phan một chút đã, vì cụ trước kia vốn là người chủ hòa kia, thế sao về sau lại trở ra một người khác hẳn : liềm gan ra mặt chống cự với người Pháp tới cùng?

Thật vậy, cụ là người hiểu biết thời-thế chớ không phải như hạng nhà nho hủ-lậu cố-chấp ở đồng thời, đại khái như Võ-phạm Khải là tác giả bài luận « Biện di » kia.

Ta xem hồi năm 1877, cụ là một thầy cử-nhơn vô kinh thi Đình, chính vua Tự-Đức ra đầu bài thi Đình-đối, có đoạn hỏi về thiên hạ đại-thế như vậy: « *Các nước Thái tây họ làm thế nào mà nước họ mỗi ngày một thêm hưng-vượng phú-cường?* ». Tôi một đoạn khác, ngài hỏi về quốc-gia đại-sự lúc bấy giờ: « *Nước Phú-lang-sa vốn là một nước trọng tín nghĩa, cho nên đem trả lại ta bốn tỉnh Bắc-kỳ mà ông An-Nghiệp (Francis Garnier) đã lấy hồi năm 1873, còn sáu tỉnh trong Nam-kỳ, phải chi Phú-lăng sa cũng đem trả nốt cho ta, rồi hai nước lại giao-hảo buôn bán với nhau không hay hơn ư? Nhưng vì lẽ gì nước Phú-lăng-sa vẫn lần khần chưa chịu trả lại, và nay nếu như nước ta muốn thâu-phục 6 tỉnh Nam-kỳ lại thì nên làm thế nào? »*

Trong bài Đình-đối của cụ viết hồi đó, đã bàn xa xét rộng về nguyên-nhân cường-thịnh của các

nước Thái-Tây, vì họ vốn có óc thông-minh vụ thiệt, lại biết trọng về mặt khoa học thực tế, cho nên nhứt thiết việc gì cũng xét cho cặn kẽ, làm cho tới nơi, chớ không chịu hồ-đồ biếng nhác như mình Cụ lại đem nước Nhật-Bổn ở phương Đông mình ra làm chứng; vì Nhứt sớm biết duy tân tự cường, thành ra họ có cơ chắc chắn một mai sánh vai nổi gót được các nước Âu-châu.

Ta nên biết hồi cụ Phan nói đây, Nhứt-bổn đã bắt đầu công cuộc duy tân được mười năm rồi.

Xem vậy, thì ra đang lúc sĩ-phu nước nhà còn đang say mê chìm đắm ở giữa cái nguồn học-vấn từ-chương hủ-lậu, cố chấp, mà cụ Phan đã hiểu biết đại-khái về tình thế thiên-hạ như thế, đầu phải là người không thức thời.

Còn câu hỏi thứ hai thì cụ trả lời rằng: « Sự thế Bắc-kỳ và Nam-kỳ khác nhau. Người Phú-lãng-sa phải trả bốn tỉnh Bắc-kỳ, vì tự họ đã trái với điều ước mà lấy bổng của ta. Còn như sáu tỉnh Nam-kỳ thì đã có điều-ước triều-đình ký nhường cho họ, cho nên họ còn lần-khân kiếm có mà không chịu trả. Vả chẳng họ giữ lấy sáu tỉnh ấy mà không trả, là vì có hai lẽ: một là để cho vững-vàng hòa-ước ở giữa hai quốc gia, vì nước Phú-lãng-sa cùng ta, tuy có tình cũ nghĩa xưa mặc lòng, nhưng mà ngày nay họ băng qua muôn ngàn dặm tới đây, buổi đầu chưa tin được tấm lòng ta chơn giả thế nào, thành ra họ còn phải giữ lấy đất-đai đã nhường, để cho mạnh cái thế lực địa vị của họ, và để làm căn-cứ cho cuộc hòa với ta. Hai là sáu tỉnh đang trong vốn là nơi



Tổng-đốc
TRẦN-
BÁ-LỘC

Người đồng-thời với Nguyễn-Thân và Hoàng cao-Khải, trong khi hai ông này, một người đem binh « vuốt đuôi » và một người viết thơ khuyến hàng Phan-dình-Phùng, thì ông Trần bá-Lộc đem quân ra đánh giúp nghĩa-binh ở miền Nam Trung-kỳ, nhất là anh em Mai-xuân-Thường. Ông Trần chém giết người ta **chết oan không biết bao nhiêu.**

đất ruộng tốt, thóc lúa nhiều, hèn chi họ có lòng ham tiếc không trả. Nay muốn thâu phục lại, thì điều cần trước hết thì xin triều-đình bỏ hẳn tấm lòng ngờ vực đi. Ngày xưa Khổng-tử làm tướng nước Lỗ, mà nước Tề đem những đất ruộng đã xâm chiếm trả lại cho nước Lỗ, chỉ vì ngài lấy lòng chí-thành đối đãi, khiến cho cảm - động được nước Tề vậy. Thế thì sự - thế nước nhà ngày nay, triều - đình cũng nên lấy lòng chí-thành mà đối với nước Phú-lãng-sa thử coi. Vả lại, muốn làm việc lớn, đừng thềm kẻ

gì những sự tổn hao nho nhỏ, có vậy mới nên việc lớn được. Nếu xem trong ý người Phú-lãng sa thiệt lòng ham lợi không buông thì ta có cách lấy món lợi khác cho tương-đương xấp xỉ mà xin đổi chác với họ, ví dụ như lấy thuế cửa biển trao quyền cho họ mà đổi lấy Nam-kỳ, có lẽ họ chịu, hoặc là xin bồi-khoản thêm nhiều cho họ, rồi trả lần hồi, cũng là một cách vân vân ».

Trong lúc ai nấy cũng xui vua Tự-Đức lấy binh lực để thâu phục sáu tỉnh Nam-kỳ, mà trái lại, cụ Phan thì hiển kế ôn hòa và có phương lược như thế, chứng tỏ ra cụ là người chịu hòa ngay từ ban đầu, vốn không có ý gì sanh sự hay là dùng binh đối với người Pháp vậy.

Đến lúc cụ làm quan ở trong trào, ông Tôn-thất-Thuyết sanh sự nghịch thù chống chọi người Pháp luận, cụ Phan cũng không phụ-họa cản ngăn và nói gì tới, nghĩa là cụ không muốn đứng vào phương-diện ấy. Lại như sau khi đã bị cách chức về làng ở, định lấy cái thú điền-viên làm nơi chung lão, không muốn quan-tâm gì đến việc đời nữa. Vì cụ biết rằng : Sự mất nước là tại vua quan mình dở, dân chúng mình hèn, mà vận-số nước mình đến lúc phải thay đổi, vậy thì cuộc bảo-hộ của người Pháp, là do lịch-sử đã sắp đặt xong quách đi rồi, mà cũng có thiết-ý khiến vậy, còn cưỡng làm gì nữa. Cưỡng, làm gì có người ; cưỡng, làm gì có sức ?

Cụ vẫn nói với các bạn đồng tâm rằng : « Phải chi hồi trước, mà vua mình cũng biết thời-thế, biết lo lắng về việc duy-tân như vua Minh-trị nước

Nhật-Bồn kia; bọn quan lại mình dùng có uơu hèn khốn-nạn quá, và lại có một số đông người thức-thời chí-sĩ như hạng Nguyễn-trường Tô, cố sức duy-tân biến pháp, thì làm gì đến nỗi mất nước ». Nay nước đã mất rồi, người ta trở lại đổ tội cho Nho giáo, nhưng cụ Phan nói không phải tội ở Nho-giáo, mà tại nơi ta học Nho giáo không phải đường. Nho-giáo gốc ở nước Tàu, mà chính nước Tàu cũng khốn đốn, ta theo nước Tàu cũng đăm đuối theo, là vì mình và Tàu chỉ ôm riết lấy Nho giáo, theo phái Châu-tử, cố-chấp, bảo thủ quá, thành ra trì trệ mà không tiến-hóa được. Đến lúc người Pháp qua lấy đất nọ phá thành kia lung tung, mà sĩ-phu mình còn chưa tỉnh-ngộ. Xem Nhật-Bồn kia họ cũng theo Nho-giáo đó chớ gì, nhưng họ được điều hơn là họ biết cái học-thuyết Vương-dương-Minh phải tùy-thời biến-thống; cho nên đến khi tiếp-xúc với Tây-phương một chút, là họ động lòng trí bỉ tri kỷ mà tự cường tấn hóa ngay. Bao nhiêu triệu người đã vì học sai và cố chấp hủ bại mà đã té nhào xuống cả rồi, dấu mình cụ có chí nâng dậy, nhưng lấy sức đâu mà nâng cho nổi.

Song le, cụ không chịu thần phục người Pháp, là vì cụ đã chịu người Pháp về võ lực thì thôi, chớ không muốn đem thân ra cho sự « thay nhà đổi chủ » nó làm lụy được mình, dù biết là có ích ngay cho mình cũng vậy. Cụ chỉ muốn tự cao tự khiết lấy mình thôi.

Thế sao sau cụ lại khởi nghĩa.

Đó lại là một vấn-đề khác.

Ta xem như trên kia đã nói, thì cụ Phan thật là người có chủ kiến, và tâm-tích của cụ đối với thời-cuộc bấy giờ, thật là rõ-ràng lắm, nhưng sau cụ khởi-nghĩa là vì có hai cơ.

Trước là vì có mạng vua.

Sau là vì có lòng người.

Cái gốc luân-lý dựng nước của ta ngày xưa có ba điều cốt tử: một là *vua*, hai là *thầy*, ba là *cha*. Ba điều cốt tử ấy có nặng nhẹ trên dưới khác nhau: vua rồi mới đến thầy, thầy rồi mới đến cha. Vua là một bậc chi đại chi-tôn, thay quyền Trời để thống-trị chúng sinh muôn vật. Đã biết có Trời tất phải biết có vua. Đối với vua, hễ ai là người làm dân, cũng phải tôn sùng, vì cho rằng tặc cỏ ngọn rau, miếng cơm manh áo, đều là ơn của vua ban cho, muốn báo đáp lại cái ơn ấy, tất phải tôn vua mới được. Bởi cái quan niệm ấy, thành ra vua bảo gì tôi cũng phải nghe. Ai vâng mạng vua, thì là nghĩa-sĩ, là trung-thần, mọi người đều phải kính; ai trái mạng vua thì là loạn-thần là tặc tử, người nào cũng có quyền giết chết đi. Sợ giây luân lý vô thượng đó trối những người gọi là « dân » đã chặt, mà trối những người gọi là « quan » lại càng chặt hơn.

Vì sao? Vì quan đối với vua, còn mắc một cái ơn nặng hơn nữa, là vua cho cơm, cho áo, cho quần, cho son; mang cái ơn ấy, tức là mang một món nợ rất to, không thể nào trốn tránh mà không trả được. Đã được vào hạng mang nợ phần son cơm

áo của vua, thì tất phải hiểu cái nghĩa « *Vua lo, tôi nhục; vua nhục, tôi chết* » cho nên hễ vua bảo gì tôi cũng phải nghe, nghĩa là để trả cái khoản nợ phẩn ấy, son ấy, cơm ấy, áo ấy.

Giữa đời cụ Phan-đình-Phùng, nền quân-chủ nước nhà đang cao đang thịnh, nhất ban nhân dân ai cũng thờ luân lý tôn vua, cụ không được không tôn, huống chi cụ lại còn một lòng nặng hơn các người khác, là cụ ở vào bậc người trả mấy đời chịu ơn phẩn son cơm áo của vua, vậy vua bảo điều chi phải, cụ không được không vâng mạng.

Trong khi đang ngồi xem việc đời, có người đến gọi, bảo: « làm ! » mà người ấy lại là ông vua mất thành, mất nước, đang đội gió bụi nhuốm tuyết sương chạy đi, theo cái nghĩa « *Vua lo, tôi nhục; vua nhục, tôi chết* », thế nào cụ cũng phải vâng. Lại còn một lẽ già hơn nữa. Sao đức Hàm Nghi không chạy đi đâu, mà chạy ra mấy tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh, là biết hai tỉnh ấy còn có chỗ nương dựa được. Sao vua Hàm-nghi không bảo ai làm, mà bảo cụ, vì biết cụ là con nhà thế-thần, có đảm-lược, có tài năng, có thể làm được. Ôn tri-ngộ nặng, lòng ủy-thác to đến thế, khiến cụ lại càng phải vâng mạnh mà khởi nghĩa cần vương.

Mạng vua lại, thế là cái tư tưởng chủ hòa của cụ, đã biến thành ra cái tư tưởng chủ đánh rồi. Đánh được thua chưa biết đâu, nhưng cũng là để chứng tỏ cho người ta biết rằng: dân-tộc Việt-nam này cũng có sức phản-đồng nhiều ít.

Cụ vâng mạng vua không phải là vâng liều đâu. Khi vua truyền lệnh cần-vương, và khi cụ tâu rằng:

« vàng », là trong bụng cụ đã có chủ-tướng lắm, đã tìm được chỗ nương-dựa, để làm được cái vàng ấy, đã tìm được cái sức mạnh, để làm nổi được cái vàng ấy rồi: chỗ nương dựa và cái sức mạnh ấy là lòng người.



Thật thế, không những vua bảo cụ khởi nghĩa mà thôi, tới dân cũng bảo cụ cứu quốc nữa.

Lúc cụ truyền lệnh cần-vương ra, làm rung động lòng người, cho nên nghĩa-sĩ bốn phương đem quân, đem lương, đem nhiệt huyết về theo cụ rất nhiều. Nội những hào kiệt ở trong bốn tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, trước kia tản lạc ẩn núp ở quanh trong núi đỏ rừng xanh, không có ai thống-hợp, mà cũng chưa biết quy phục ai, thì bây giờ đều dựa theo cái tiếng gọi của cụ Phan mà ra, để nghe cụ chỉ-huy có cái thế mạnh như cuốn nước, như đổ mura, làm cho lòng người sôi nổi. Lòng người ấy đang sắp thiềm thiếp đi, nay giật mình tỉnh dậy. Cho đến những hạng già nua yếu đuối, con trẻ đàn bà, không có sức làm gì được, thế mà nghe ba chữ tên Phan đình-Phùng cũng sanh lòng cảm động, xót thương, kính phục, khẩn Trời vái Phật cho cụ được mã đáo thành công... Cho đến những bọn phò đời nịnh thế, chỉ biết mưu cuộc giàu sang vinh hiển, còn ra sống chết mặc ai, hễ thấy ai có bụng yêu nước thương loài, thì bảo là đồ ngu đồ dại, sao dám đem sức châu chấu đá voi, lấy trứng chọi đá mà chết, nay thấy cụ kéo cờ khởi nghĩa lên,

gió bay tới đâu, người theo tới đó, thì chúng nó cũng phải kinh phục khen thầm trong bụng rằng : « Giỏi ». Ấy là ta chưa kể đến những hạng giàu có thừa nay bóp chẹt từng đồng, coi đồng tiền lớn như « mồ tở » mà bây giờ cũng rút ruột ra để giúp cụ làm quân-lương ; lại còn những kẻ cùng đinh mai-tốt, xưa nay không biết vua biết nước là vật gì, bây giờ nghe nói là cụ cách-mạnh cần vương, họ cũng lặn ngòi noi nước, giải nắng giàu sượng, tìm đến nơi để theo cụ nữa... Xem những cái tình trạng đó, thì biết lòng người tin phục cụ là bao nhiêu !

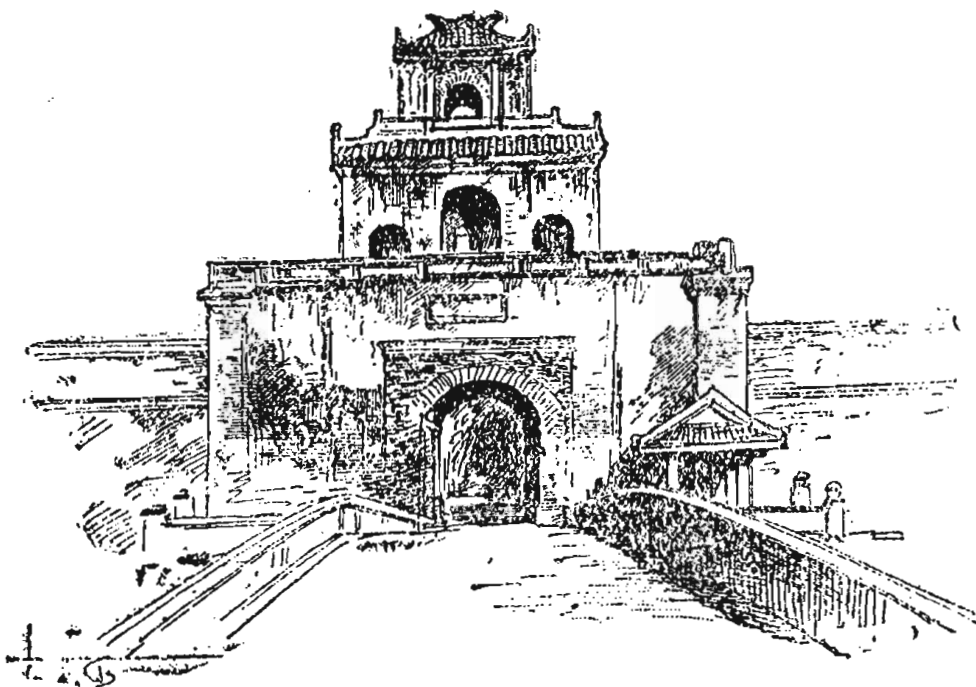
Bao giờ cũng vậy, nước nào cũng vậy, những bậc minh-quân, anh chủ, nghĩa sĩ, anh hùng muốn đồ được việc lớn, trước hết phải dò xét ở lòng người, lấy đó làm một thứ khí-giới cốt tử. Hễ đã có lòng người quy-thuận rồi, thì làm gì mới có thể làm nổi. Cụ Phan-đình-Phùng, đã có lòng người tin-phục như thế, là đã cầm một thứ khí giới mạnh ở trong tay rồi, can chi cụ chẳng làm ?

Nói tóm lại, vua bảo làm đi, dân bảo làm đi, cụ ở giữa, nếu trái mạng vua là người bất trung, trái lòng dân là người vô dũng, thì một người vốn trọng cái cội rễ quân thân như cụ, không khi nào chịu làm người bất trung, một người vốn nặng cái tư-tưởng quốc-gia như cụ, không khi nào chịu làm người vô dũng. Mạng vua đến phải cảm ; lòng dân đến, lại càng phải cảm ; vua là số ít, đã không thể bỏ, dân là số nhiều, lại càng không thể bỏ ; hưởng chi cả mạng vua, cả lòng dân, như hai cái sức mạnh thiêng liêng, kéo đằng trước, đẩy đằng sau, khiến cụ nhân cảm sanh ra khí, nhân khi sanh ra

đông, bền mạnh mẽ mà vâng lời vua sai dân bảo :
«Tôi làm, dầu đến chết cũng cam tâm.»

Thế là cụ khởi nghĩa.

Từ đó trở đi, trước kia cụ chủ hòa bao nhiêu,
thì bây giờ cụ lại chủ đánh bấy nhiêu.



*Cửa thành của ta hồi xưa, khắp mười mấy
tỉnh Trung-kỳ và một vài tỉnh ngoài Bắc còn giữ lại*

Nhưng vật mà sự-thế lúc ban đầu, bắt cụ phải
thua. Thứ nhất là bởi chưa có đất dùng võ. Đang
khi thấy thành tan, vua chạy, nước mất, ba cái
thảm ấy cùng dồn đến một lúc, khiến cho cụ phải
nóng ruột, cho nên cụ khởi binh là khởi binh, chớ
chưa kịp tính đến thế giữ, mà cũng chưa kịp tính
đến thế đánh. Giữ, mà ở làng Đông Thái của cụ,
thì giữ gì được? Phàm dụng binh, tất phải kiếm
một chỗ nào hiểm yếu để đóng trại làm gốc; chỗ

đất ấy phải có đường giao-thông cho tiện để chuyển vận được quân lương và quân khí, rồi tiến lên thì có thể lấn thêm được đất, lui về có thể giữ vững gốc mình mới được. Làng Đông-thái thì bất quá cũng như những làng khác, nay đem quân đóng ở đó, gọi là hào là hố, thì chỉ có mấy cái ao nhỏ, gọi là thành là lũy thì chỉ có năm ba bụi tre, nếu như người Pháp đem quân về sớm một ngày nào, mà cứ súng đại-bác nhắm ngay vào đây cho độ mười phát, thì cụ càng sớm thua một ngày ấy, chớ địch làm sao cho được? Huống chi ngay đến người trong làng cụ, bên cạnh những người biết yêu nước mà theo cụ, lại có bao nhiêu người trở mặt mà theo thời, tự nhiên đường đất ở trong làng, và việc hành-động của cụ làm sao, quân Pháp lại chẳng biết. Ví bằng không vì việc đánh phá mấy làng có đạo, mà quân Pháp về giải cứu, đến nỗi cụ thua, thì chậm mấy hôm nữa, quân Pháp cũng về đến nơi, tức là đại-đồn Đông-thái cũng đến mất. Lại sau khi mất Đông-thái rồi, mà cụ kéo quân đi đánh nay nơi này mai nơi khác, thế là chưa có căn-bản, tự-nhiên đã có thể thua năm phục ở trong đó rồi.

Thế giữ đã vậy, còn thế đánh cũng không có. Cái thế đánh quan-hệ nhất ở quân-giới. Quân giới ngày xưa là gươm đao giáo mác, mà quân-giới đời cụ tuy là đã dùng súng đạn rồi, nhưng cũng là súng đạn phải cho tốt kia mới được. Thế mà súng đạn của mình hồi đó, nào có ra hồn ra dáng gì: gọi là súng hạt nổ, gọi là súng thần-công, công-dụng kém hèn quá; súng người ta thì bắn mau như chớp, mà đi rất xa, còn súng của mình thì nhồi mãi mới được

một phát thuốc để bắn, có khi phát thuốc lại hư không bắn được, mà bắn ra cũng không đi được bao nhiêu đường, sức mạnh có khi cũng không đủ giết người được. Quân cách mạng của cụ hồi đó, chẳng qua chỉ nhiều gươm đao, cùng là súng đạn kiểu cũ của mình, có đánh thì lấy gì mà đánh. Thế đánh cũng không có, tức là phục sẵn cái cơ thua nữa rồi.

Song le, chúng ta đừng tưởng một người có chí khí anh-hùng như cụ, không biết tới những chỗ đó đâu. Cái cơ tất thua, cụ biết trước, vì cụ đã tự biết sức mình chưa có thể đánh, nhưng mà nhân được lúc lòng người đang nô-nức nóng nảy thì phải chụp lấy mà làm ngay, tức là để gặp được cơ-hội thuận-tiện không thể bỏ qua, nếu chờ cho khi nào dự-bị được đủ rồi, thì lòng người nguội mất còn gì bởi sự thể hồi đó, phải ứng thời, chớ không phải là đãi thời được.

Nhưng, cứ lấy binh lực bằng súng hèn đạn xấu như vậy, cứ lấy cái cơ-sở binh bồng nay đây mai đó như vậy, mà cụ gượng gạo cầm cự được với quân Pháp trong hai năm trời, nghĩa là từ cuối năm 1885 đến năm 1887 mới thua chạy ra Bắc, đủ biết cái sức chống chọi của cụ cũng khá, nếu không thì chỉ trong mấy tháng là tan tành ngay.

Đoạn trên kia đã nói rằng: Cụ Phan ra Bắc, cốt để hiệu triệu chí-sĩ ngoài Bắc, nổi lên làm thanh-thế cho cụ. Hồi đó, phong-trào văn-thân ở ngoài Bắc cũng lớn lắm, tràn khắp ra hầu hết các tỉnh, thứ nhất là mấy tỉnh Hải-dương, Nam-định, Bắc-ninh, Sơn-tây v. v. . . ., tỉnh nào cũng có một vài người

xung hùg. Nhưng trong đó phần nhiều là giặc cỏ, hoặc là chỉ lấy tà-thuật dụ người, chớ không được mấy người làm đứng-đắn ra việc. Vả lại không hợp sức với nhau, cho nên súng Pháp chĩa tới đâu liền tan tới đó, chẳng thành ra một thế-lực gì đáng kể. Cự Phan ra Bắc thấy tình-thế như vậy, lấy làm chán nản, biết rằng văn thân Bắc-hà không đủ để cho cự nương dựa được, bèn giả làm một ông tú-tài nghèo khổ ở Nghệ ra, ngồi dạy học một nhà làm ruộng tại huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây. Cự ở làng nào và nhà ai, bây giờ không thể hỏi ra được.

Vì lúc bấy giờ, cự thất bại mà đi, nhưng quân Pháp vẫn tìm nã cự riết lắm, cho nên phải trốn tránh và đổi tên họ, thành ra ngay đến chủ nhà nuôi cự ngồi dạy học, có lẽ cũng không biết trong nhà mình có bậc đại anh hùng trú chân. Cự ở Sơn-tây, nhưng vẫn thường có thơ từ giao-thiệp với anh em văn thân ở hạt Đông-triều tỉnh Hải-dương, hồi đó là cái gốc cách mạng ở ngoài Bắc, còn có thanh-thế hơn mấy chỗ khác. Song le những thơ từ giao-thiệp nội dung thế nào, tôi đã chịu khó mất công sưu tầm dữ lắm mà cũng không thể khảo cứu ra được. Có điều là cứ lấy lý mà đoán thì chắc chỉ là việc cổ-dộng cách-mạng, và chỉ biết rằng cự có vật-sắc được một người hào-kiệt về sau cũng nổi lên huyết-chiến với binh Pháp được đến mười năm trời. Người ấy là ông Hoàng-hoa-Thám, tức là ông Đề Thám. Lúc này, Hoàng-hoa Thám còn trẻ tuổi, nhưng mà người rất anh-hùng và có khí-khái to, nhân bấy lâu nghe đại-danh cự Phan, nay đã biết tin cự ở Sơn-tây nên Thám tìm tới để hầu

chuyện. Cụ thấy Thám là người đảm-lực chí-khí nên rất đem lòng yêu mến. Luôn dịp khuyến-khích Thám nên gấp khởi nghĩa ở Bắc kỳ.

Nhưng tình cảnh cụ Phan lúc này buồn rầu lắm. Vì mục-đích cụ ra Bắc khiến cho cụ nản lòng bực chi, đến đôi một người đang muốn vào sanh ra tử, khuấy nước chọc trời, mà phải bình-bồng thác-tích làm một thầy đồ nhà quê, gõ đầu năm ba đứa trẻ, bảo sao không buồn!

Người ta thấy tâm-sự vô-liều của cụ bộc-lộ ra ở thi-văn.

Sát-khi hùng-phong của ông tướng hồi nào, giờ lại trở về cái thú ngâm-nga nhàn-nhã của nhà nho.

Còn nhớ ngày mừng một tết năm Mậu-tý (1888), cụ có bài thi khai bút như vầy:

流鶯庭外語花枝
 花報春歸人未歸
 屏嶺石年思目繞
 鴻山萬里望雲飛
 吾家無教根忠孝
 客地無心怨別離
 佳節是人行樂處
 我逢佳節不勝悲

« Lưu oanh đình ngoại ngữ hoa-chi.

« Hoa báo xuân quy nhân vị quy.

« Bình lãnh bách niên tư nhật nhiều;
 « Hồng-sơn vạn lý vọng vân phi;
 « Ngô-gia hữu giáo căn trung hiếu.
 « Khách-địa vô tâm oán biệt-ly;
 « Giai tiết thị nhân hành lạc xư;
 « Ngã phùng giai-tiết bất thăng bi.

Một bạn làng nho đã dịch ra quốc-văn, không theo thể thất ngôn mà dịch thành một bài lục bát như sau đây, tôi tưởng chẳng những đúng nghĩa của nguyên-văn, lại còn có vẻ hay nữa là khác:

*Tiếng oanh non-nỉ sân ngoài,
 Tin xuân về đó mà người ở đâu?
 Ngàn thu một tấm cô sầu,
 Non Hồng núi Ngự mây đầu xa xa?
 Hiếu chung là nếp nhà ta,
 Biệt-ly đất khách oán mà làm chi?
 Tiết vui ai cũng vui vầy,
 Mà ta riêng nỗi sầu bi một mình?*

Ở chương đầu hết, tôi đã nói văn-chương cụ Phan chất-phác hồn nhiên, nghĩ sao viết thế, chớ không ưà bào chuốt đẽo gọt gì; ta cứ xem bài thi khai bút đó thì biết.

Tuy là văn chương chất-phác, tâm-sự cùng-sầu, lộ ra trên mấy vần thi, nhưng mà ngoài chỗ ngôn từ, người ta vẫn nhận thấy chứa chan cái tráng-khí nhiệt trường đối với quân vương, với gia-quốc.

Gặp phải cảnh buồn thì buồn, chớ cái chí cần-vương cứu quốc của cụ như đã kết tinh lại rồi, không có một sức mạnh gì đánh cho tan, tập cho bẽ ra được nữa.

Ta nên biết với cái thân-thể phiêu-lưu vô vọng như cụ Phan lúc này, nếu một người khác kém sút nghị-lực can đảm, tất phải sanh ra chán nản mà phế chí biến tâm. Rồi, bằng không mai danh ản tánh, cầu lấy sự trong sạch yên ổn suốt đời thì cũng tùy thế theo thời, tìm đường ra thú để mưu lấy công-danh sự sản cho sừng tấm thân, chớ tội gì đeo đuổi mãi cái gánh giang san nguy hiểm ở trên vai cho mệt!

Song, với một người có quyết tâm nhiệt huyết như cụ, sự buồn rầu, sự thất vọng đã không thắng nổi được người, lại còn rèn đúc cho người được gan thêm cứng, khí thêm mạnh. Bởi vậy, cụ suy nghĩ nếu không nhờ được lực-lượng văn-thân Bắc-hà nổi lên thanh-ừng với nhau thì thôi, ta lại trở về quê nhà chốn cũ, góp nhóm tàn-quân, tụ họp cựu-trương, rồi lại đánh liều vào ra sanh tử một phen nữa đến chết là cùng.

Cụ bèn quyết kế trở về Hà-tĩnh, thì vừa có mật-thơ của ông Cao-Thắng gửi ra nói rõ sự tình và mời cụ về gấp. Tức khắc cụ sửa soạn lên đường nội ngay bữa đó, Hoàng-hoa-Thám xin đi theo, nhưng cụ cản lại mà nói:

— Nếu nhà người có chí làm việc lớn, thì ngay ở đất Bắc, không thiếu gì chỗ có thể dụng võ, miễn là phải biết đại-trượng phu ở đời chớ có ngại gì những bước chông gai, cứ một mực bèn gan sắt đá, đến chết mới thôi.

Người ta nói rằng cách ít năm sau, Hoàng-hoa-Thám xưng hùng ở Yên thế, đương đầu với Bảo-hộ có trên mười năm, cho tới lúc chết, phần nhiều

có chịu ảnh-hưởng kích-thích của cụ Phan trong lúc « lâm biệt lạng ngôn » này đó.

Việc quan-phòng của Bảo-hộ gắt gao, đến nỗi cụ Phan không dám đi đường bộ, mặc dầu mau hơn. Cụ phải đi đường biển mà về. Ghe vô tới bến làng Mân-xá ở chun núi Hồng-sơn, gần chợ Chẽ thuộc huyện La-sơn.

Cao-Thắng đem quân nghinh tiếp tại đây. Cụ bước lên bờ, vui mừng cảm động hiện trên sắc mặt, vỗ vai Cao-Thắng mà nói :

— « Nay chúng ta lại có thể đốt cháy ngọn lửa đã tàn, làm tươi nhánh cây đã héo, thật nhờ có sức nhà người lao-khổ kinh-doanh biết vậy! »

X

NÚI VỤ-QUANG



Thế là việc nghĩa-dõng của cụ Phan, lại phùng phùng nổi lên như lửa cháy.

Cao-Thắng đón rước cụ về tạm đóng trên mấy trái núi Trùng-khê, Trí-khê ở đất huyện Hương-khê. Nghe tin, tướng-sĩ cũ, lại quy-tập đông đảo. Cao-Thắng bầm rõ công việc từ khi cụ đi, ông ta ở nhà mưu tính khôi phục và chế-tạo khí giới ra thế nào. Lại trình cụ bức mật-lơ của người khách lạ hồi năm trước đã đến mách tin cho ông đi cướp được súng tây về làm kiêu, rồi trao cho ông bức thơ này để trình cụ Phan liền khi cụ ở Bắc trở về.

Nghe nói là mật thơ cụ lấy làm lạ, tưởng là cầm-nang diệu-kế gì đây; chùng mở ra xem, không tên, không họ, không tháng, không ngày, chỉ vồn vẹn có 14 chữ viết thật rắn rỏi, là hai câu thi của Viên-Mai, thi-sĩ đời Thanh nước Tàu :

« *Tự cổ giang sơn nhàn bất đắc,*
« *Bán quy danh-sĩ, bán anh hùng.*

(Nghĩa là: *Từ trước non sông nhàn chẳng được ;
nửa vì danh sĩ. nửa anh hùng).*

Cụ xem rồi chỉ cười lạt và xếp lại cất đi, không nói gì hết. Chư tướng không ai hiểu ý của người khách lạ kia muốn nói gì; chỉ cho là một anh đồ gàn nói bậy hay là khoe chữ vậy thôi. Hoặc là người ấy muốn khen cụ Phan, hoặc là ngụ ý nói cụ khổ tâm bền chí, nhưng cũng chỉ quanh quẩn trong rừng núi là cùng không bước ra xa được đâu, vì thiên-mạng và thời-thế đã làm một chuyện dĩ-nhiên mất rồi.

Song ai cũng chỉ phỏng đoán thế thôi, chớ thâm-ý của người kia ra sao không biết; nhứt là thủy chung không chịu nói ra danh tánh, càng là kỳ hơn.

Cụ trở về Hà-tĩnh, mới biết rõ nguyên-nhơn vua Hàm-Nghi bị bắt là do tên Trương-quang-Ngọc báo tây về bắt ngài. Tức thời cụ điểm binh thân-hành lên tới đất Mọi bắt tên Ngọc ra chém đầu và khám xét trong nhà nó, thấy một cây bảo-kiếm của vua Hàm-Nghi mà nó lấy trộm. Xa gần, ai nghe việc báo cừu tuyết hận này đều lấy làm hả dạ vui lòng, cho nên hào-kiệt hữu danh ở tỉnh Hà-tĩnh như Ngô-Quảng, Nguyễn-Cấp, Vũ Phát, và Thanh-hóa thì Cầm Bá-Thước v. v . . . đều đem quân về để theo cụ sai khiến Bộ hạ thêm đông, thanh thế vang dậy.

Nhưng nếu bây giờ không sắp đặt thế nào, mà cứ quanh quẩn ở trong rừng núi, nay yên thì ở núi này. mai động lại sang rừng kia, rốt lại tất nhiên cũng đến thất bại như trước. Vì đó, bây giờ cụ tính

cách cho bền thế giữ đã, rồi mới tính đến thế đánh sau.

Cách xa Trùng-khê Tri-khê độ mấy chục dặm, có dãy núi là núi Vụ quang. Tục gọi là *Ngàn Trươi*, địa thế hiểm yếu, cụ Phan lựa chọn làm nơi đóng đại-đồn.

Ngàn Trươi, một khu rừng núi thật hiểm hóc quanh co, và có địa thế lợi tiện cho việc dụng binh là nhờ có ba con đường độc-đạo: mặt trước ngó ngay ra đồng bằng, có thể dòm được tỉnh thành Hà-Tĩnh, đằng sau toàn là rừng rậm, có đường lối bí mật đi qua đất Lèo mà sang Xiêm; còn một con đường nhỏ nữa, thì thông suốt qua tới núi Đại-Hàm. Núi này cũng là một chặng núi hiểm hóc: sơn-mạch liên tiếp nhau và đột ngột, khuất khúc, cứ mỗi trái núi có một khe suối, hai bên bờ khe nào cũng có lau sậy mọc lên cao quá đầu người. Đường lối đi vào rất là gay go, nếu ai không thuộc, thì không tìm được đường vô, hay là vô rồi mà không thuộc địa-thế cũng không biết đường mà ra.

Từ Vụ-Quang mãi tới Trung-khê Tri-khê, dài đến gần một trăm dặm, bây giờ đều có đồn trại liên tiếp của nghĩa-binh dựng lên. Đồn trại dựng toàn bằng cây bèn chắc, lấy ngay ở trong rừng, dựa theo thế núi thế nước mà đóng để cho tiện việc chống giữ, việc ăn uống, cũng là việc chuyên chở binh gia lương thực đi lại. Rộng ra đến bốn tỉnh Thanh, Bình, Nghệ, Tĩnh, phàm là miền thượng-du sơn-cước đều rải rải có đồn-trại nghĩa binh. Đồn lớn thì một Đề-đốc đóng, còn đồn nhỏ thì một Lãnh binh.

Cụ chia ra mỗi viên tùy-tướng làm chủ một địa-phương, gọi là một *quân thứ* (nghĩa là chỗ quân đóng), Mỗi một quân thứ ở hạt nào đều lấy ngay tên của hạt ấy mà gọi cho tiện việc tiếp ứng tư-báo. Mỗi quân thứ đóng ở hoặc một tỉnh, hoặc một huyện, hoặc một tổng, hoặc một làng, tùy theo chỗ đóng binh có quan-hệ đến việc vận lương hay là việc quân bị thế nào?

Cụ Phan chia nghĩa-quân thống thuộc trong tay cụ ra 15 thứ như sau này :

Khê-thứ (huyện Hương Khê) : **Nguyễn-Thoại.**

Can-thứ (huyện Can-Lộc) : **Nguyễn-Trạch, Nguyễn-Dật.**

Lại-thứ (tổng Lại-Thạch) : **Phan-đình-Nghinh** (cháu cụ).

Bình-thứ (tỉnh Quảng-Bình) : **Nguyễn-Thụ** (ông này là người Thanh-Hóa, nguyên là tướng cũ của ông Tôn-thất-Thuyết, về theo cụ chỉ-huy, nhưng sau có tội, bị cụ chém đầu).

Phương thứ (huyện Hương-Sơn) : **Nguyễn-huy-Giao.**

Diễn-thứ (phủ Diễn-Châu) : **Trần-Vinh.**

Anh-thứ (phủ Anh-Sơn) : **Nguyễn-Mậu** (ông này đậu Phó bảng võ).

Nghi-thứ (huyện Nghi Xuân) : **Ngô-Quảng.**

Lê-thứ (làng Trung-Lê thuộc phủ Đức-Thọ) : **Nguyễn-Cấp.**

Cầm thứ (huyện Cầm-Khê) : **Huỳnh-bá-Xuyên.**

Thạch-thứ (huyện Thạch-Hà) : **Nguyễn-Thuận.**

Kỳ thứ (huyện Kỳ-Anh) : **Vũ-Phát** (ông này tuy đầu võ-cử, nhưng học văn cũng hay chữ).

Lệ-thứ (huyện Lệ-Thủy) : **Nguyễn-Bí**.

Thanh-thứ (tỉnh Thanh-Hóa) : **Cầm-bá-Thước** (ông này là tù-trưởng dân Mán ở thượng-du tỉnh Thanh, thường đem một thứ sản-vật rất quý ở bồn tỉnh là ngọc-quế, dâng nạp cụ Phan để bán lấy tiền làm quân-lương khi-giới).

Diệm-thứ (làng Tình-Diệm) : **Cao-Đạn** (núi Đại-Hàm thuộc về trong quân thứ này).

Mỗi quân thứ như thế, tùy theo địa-thế quan-hệ hơn kém mà đóng quân nhiều hay ít. Quân ấy tuy là bộ hạ riêng của mỗi ông văn-thân võ-tướng kể tên trên đây, nhưng đều phục-mạng của một tay cụ Phan điều khiển chỉ-huy. Cụ hạ lệnh nhưt thiết phải mặc một sắc binh phục võ trang y nhau. Lại mỗi quân thứ phải kén trong quân mình ra hoặc hai chục hoặc ba chục tên kiện-lốt, về đóng ở đại-đồn núi Vụ-Quang gọi là quân túc trực, phòng khi cụ có việc quân, truyền báo hiệu lệnh ra cho quân thứ nào, thì sẵn có binh lính của quân thứ ấy mà sai khiến, vì họ đã thuộc đường lối giao tiếp với bồn-trại, tự nhiên sự đi về mau lẹ dễ dàng. Phạm những kỷ luật trong quân, chính tay cụ Phan thảo ra rất là nghiêm minh, thi hành đều các quân-thứ.

Lúc này quân thứ nào cũng đều có hoặc từ 100 cho đến 500 quân, còn ở đại-đồn Vụ-Quang, thì lúc nào cũng có 500 quân, toàn là quân tay súng kiểu mới và luyện tập bắn giỏi hết thảy. /

Có 20 tên thân-binh tử-sĩ hầu hạ luôn ở quanh mình cụ là đại-nguyên-soái, đề hộ-vệ và truyền phát hiệu lệnh đi các đồn trại. Một viên kiện tướng của cụ là Nguyễn-Mục làm thống tướng đội quân tử-sĩ ấy, cụ Phan đi đâu cũng đi theo từng bước.

Còn vấn-đề lương thực, là mạch máu của ba quân, cụ cũng sắp đặt dự-bị cẩn thận lắm. Dân ở mấy tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, hồi này đã thuộc hẳn ở dưới quyền chánh-phủ Bảo hộ rồi, người đã phải đóng thuế thân, ruộng đã phải đóng thuế điền, sự gánh vác nhiều hơn lúc trước; nhưng cụ Phan lấy nghĩa lý mà hiểu-dụ cho dân, đại-y nói rằng: Nghĩa-quân bây giờ cần phải có dân giúp cho về chỗ lương ăn, thì mới có thể yên ổn bề trong, mà có yên ổn bề trong, thì bề ngoài mới có thể chống giữ với quân Pháp. Cụ không cần lấy của dân nhiều: mỗi mẫu ruộng hàng năm chỉ cầu dân đóng góp cho nghĩa-binh một đồng bạc mà thôi. Như dân hạt nào cũng vui lòng đóng góp, chớ không lấy sự phải đóng góp hai nơi làm nặng nề và không ai oán hận gì cả. Ngoài ra sự đóng thuế, dân làng còn đem sản-vật và lúa gạo lên cung cấp cho nghĩa-binh làm lương thực nữa. Xem đó thì biết lòng dân thương yêu cụ là thế nào? Rất đôi có nhiều người vì việc cụ làm mà đến khuynh gia bại sản cũng cam tâm. Ấy là không nói gì đến mấy kẻ giàu có biển lận, ngày thường không dám lợi ra đồng xu bát gạo giúp ai, thế mà bây giờ cũng phải theo gương phần đông và sợ oai-thế của vẫu-thân, rồi tự đem gạo tiền đóng góp.

Lệ định, tới kỳ thuế thì dân ở địa-phương nào, đem tới chỗ có quân thứ ở địa-phương ấy mà nộp. Mỗi quân thứ thâu được bao nhiêu có vào sổ sách phân minh, trừ ra các khoản chi tiêu trong quân thứ mình rồi, còn thì phải đem nộp lên đại-đồn. Cụ ra lệnh nghiêm cấm các quân thứ, không được hà lạm, không được lượm đoạt tài sản của dân-gian, không được dung túng cho thủ hạ làm một việc gì trái phép.

Ở trong đại-đồn, cách thức trữ lương như sau này: đào những hầm hố to lớn ở đất cao ráo trên núi, châu vi mỗi hầm ước độ 30 trượng, trước hết dùng cây khô và cỏ khô chất đầy, đốt lửa cháy lên cốt làm cho đất chỗ ấy cứng lại như đá, rồi sau mới đổ thóc gạo xuống đó. Trên mặt hầm đập bằng những ván cây, lại lấy lau sậy và lá khô che phủ kín mít, khiến cho không ai biết là chỗ để lương. Dầu địch-quân muốn cướp lương của nghĩa-quân cũng không biết chỗ nào mà cướp. Từ núi Vụ-Quang đến núi Trùng-khê Tri-khê, cứ cách 3 dặm hoặc 5 dặm, có một chỗ trữ lương như thế. Chỗ nào có hầm trữ lúa thóc, thì cũng có trữ luôn cả những khí cụ xay lúa giã gạo. Làm vậy để lúc nào quân lính cần dùng gạo ăn, sẵn sàng có đồ xay giã. Việc xay lúa giã gạo, có riêng một đội quân trông coi gồm những kẻ già yếu, không thể ra trận được; chức-vụ của họ phải lo ứng biện gạo củi và đồ ăn cho các trại có đủ luôn luôn.

Trên núi Vụ-Quang, lại có một trường chế tạo súng đạn đêm ngày. Cách thức chế tạo cũng theo

như cách thức hồi trước Cao-Thắng đã làm, nghĩa là chế tạo súng kiểu tây, còn tài liệu để dùng chế tạo cũng mua của dân-làng. Chính cụ đốc thúc cho thợ làm ngày đêm không nghỉ, hễ chế tạo ra được bao nhiêu, thì phân phát đi cho mỗi quân thứ một ít. Song vì tài liệu mỗi ngày một hiếm hoi thiếu thốn, dân làng không lấy đâu được nhiều sắt hư đồng cũ để cung-ứng cho nghĩa quân nữa thành ra việc đúc súng tây cũng bị ngăn trở và không chế tạo ra được bao nhiêu. Đã vậy mà nghĩa quân hồi này lại đông thêm nhiều cho nên không có súng mới đủ dùng, phải dùng cả gươm giáo là đồ khí-giới cũ nữa. Còn thuốc để làm đạn, thì cụ Phan cho người tâm-phúc mạo-hiếm do núi Vụ-quang đi đường tắt trong núi rừng qua Lèo rồi sang Xiêm mua về, nhưng cũng vì đường xa hiểm trở, mỗi lần đi lại như thế lâu lắc ngay giờ, thành ra đúc đạn, bốn phần là thuốc của ta chế ra, chỉ pha trộn vô có một phần thuốc mua bên Xiêm thôi.

Tuy vậy, nghĩa quân lúc bấy giờ đã có thanh-thể mạnh và tổ-chức hẳn hoi, khiến cho nhiều tướng sĩ Pháp ngó thấy, cũng thầm khen cái tài dùng binh của cụ Phan. Vì cụ sắp đặt quân lính có cơ ngũ, luyện tập tướng sĩ có kỷ luật, lại đến mọi việc quân-lương quân-giới, nhứt thiết đều dự bị có khuôn phép tử tế. Nhứt là ông đại-úy Gosselin viết cuốn sách « *Empire d'Annam* » có đoạn khen ngợi Đinh nguyên Phan-đình-Phùng có tài kinh doanh việc quân biết luyện tập sĩ tốt theo phép Thái-Tây v v... một chương nói về Cao-Thắng trên kia, tôi đã thuật kỹ rồi.

Hình như hồi giữa năm Kỷ-sửu (1889), Tôn-thất-Thuyết ở bên Tàu có viết thư sai người đem về đưa cụ Phan.

Lúc này, Tôn-thất-Thuyết vẫn còn sống ở Quảng-tây, chỉ vì nghe tin vua Hàm-nghi đã bị bắt rồi, thành ra ông ta ở luôn bên Tàu không về nữa. Bây giờ có người trốn sang Tàu đem hết công cuộc tổ-chức nghĩa-quân của cụ Phan nói rõ cho Thuyết nghe, Thuyết mừng lắm, liền sai tên gia-nhân trung tín là Trần-Thế đem một bức thư về nước lần mò tới đại đồn Vụ-quang để diện trình cụ Phan. Trong thư, Thuyết khen tài chí của cụ và phong cụ là Bình-trung tướng-quân. Cái cử chỉ ấy tỏ ra Thuyết coi mình như còn làm tể tướng, vẫn có quyền hành vậy. Thuyết lại nói: Hiện nay trong nước như không có trào-đình, không có vua chúa, vậy thì nơi tướng-quân khởi nghĩa có thể coi như nơi trung-khu của nhà nước, tướng-quân cứ tùy tiện làm việc, chọn người mà dùng, cốt giữ vững lấy đức liêm chánh công-bình mà đồ việc lớn » v... v ..

Nhân có bức thư và mấy lời của Thuyết ân cần như thế, nên chi cụ Phan viết câu liền này dán ở đại-đồn, giữa nghị sự-đường:

Liêm bình khâm tướng huấn.

Ưu nhục lâm thần tâm.

Câu trên có ý tỏ mình vâng lời quan tướng Tôn-thất-Thuyết khuyên răn liêm chánh công-bình. Còn câu dưới có ý rằng: vua lo tôi nhục, vua nhục tôi chết, nay vua Hàm-nghi đã bị mất nước tan nhà, mà ủy thác việc lớn cho cụ, thì cụ xin sắt đá một

lòng, không bao giờ dám trái, quyết làm cho kỳ thành công hay là đến chết mới thôi.

Dầu sao, cái khí-vị nhà nho cũng vẫn còn. Tuy là hồi này chủ trương lo lắng võ, nhưng cụ Phan cũng không bỏ việc văn, và không quên cái thú ung dung ngâm vịnh. Thiệt là một vị nho-tướng ở giữa lúc máu sắt ngồn ngang, ngồi giữa chỗ gươm đao lạnh lùng, thế mà mỗi khi có chuyện gì sanh tình sanh cảm, nên vịnh nên ngâm, thì vị nho-tướng ta cũng cứ ngâm vịnh một cách ung dung nhàn hạ. Bởi vậy lúc này chính tay cụ viết những thơ từ giao thiệp và soạn ra thi-ca cũng nhiều, nhưng sau thất truyền và tản lạc đi hết. Hồi năm 1925, kẻ viết truyện này về tới những chỗ có dấu xưa tích cũ, thăm viếng thổ than, và tìm đến các bực phụ-lão ở quanh núi Vụ-quang, muốn đòi bạc trăm lấy một mảnh giấy còn con có bút tích cụ Phan cũng không có. Còn thi-ca của cụ, các bực phụ-lão cũng chỉ nhớ sót một đôi bài đọc cho mình nghe mà thôi. Mà gốc tích cũng còn có lắm chỗ đáng hoài nghi, không chắc. Tức như bài thi dưới đây, người ta nói quyết là bài cụ Phan gửi cho ông Phan trọng-Mưu, sau hồi tiếp thơ của Tôn-thất-Thuyết. ở bên Tàu gửi về như đã nói ở trên.

Phan-trọng Mưu là anh em đồng chí, đồng hương, lại hình như đồng-tộc với cụ Phan, trước đây cũng tụ hiệp văn-thần khởi nghĩa một lúc — giữa lúc chính cụ Phan đang bôn ba lưu lạc ngoài Bắc — nhưng đến khi cụ Phan ở Bắc trở về tái-tạo cơ đồ thì ông Phan-trọng-Mưu đã thất bại tan tành, chạy trốn ra tỉnh Nam-định rồi Hoàng cao-khải đem ra

quy phục chánh-phủ Bảo-hộ. Người ta nói chính
hồi ông Phan-trong-Muru trốn ở Nam-định thì cụ
Phan gởi ra bài thi sau đây:

*Phiệt duyệt ngô môn tam thế tướng,
Sơn hà cổ quận tích niên binh.
Nhân tông biệt cứu tư đồng chí,
Sự đảo thời gian quý đại danh.
Lão tướng thù nhân xưng quốc thước,
Nho thần hà sách thế thanh bình.
Bồi hồi ngũ dạ tâm thiên lý,
Dao hướng viên liên tá nhất minh.*

閱閱吾門三世相
山河故郡昔年兵
人從別久思同志
事到辰艱愧大名
老將誰人稱鏗鏘
儒臣何策誓清平
徘徊五夜心千里
造向轅前借一鳴

Có người dịch ra thể văn lục-bát như vậy:

*Ba đời khanh-tướng nhà ta,
Đạo binh năm trước, sơn hà cõi xưa.
Người đồng chí, nổi tương-tư,
Trông thời thế những riêng như hổ mình.*

*Tôi nho khôn chức thanh bình,
Mà tài quốc thước đã đành có ai?
Năm canh lòng những bồi hồi,
Xa xa may cũng thấu ngoài cửa viên*

Lấy ý mà đoán, bài thơ này tôi nghi là của ông Phan Trọng Mưu gửi cho cụ Phan-đình-Phùng mới phải. Nhưng cứ nghe bao nhiêu người truyền tụng thì đều bảo là của cụ Phan-đình-Phùng.

Ông Phan-trọng-Mưu lúc bấy giờ đã thất-bại, nhưng chưa ra mặt đầu hàng, hãy còn trốn tránh một nơi, nghe tin cụ Phan quật cường tái khởi thì ông mừng cho hương quốc mà hổ thẹn cho mình ông, cho nên cứ xem ý tứ và khẩu khí trong bài thi, đáng lý là ông Phan-trọng-Mưu than thở với cụ Phan thì phải hơn. Nhất là câu cuối cùng: « *Dao hướng viên tiền tá nhất minh* » càng rõ-ràng lắm. Nhưng người ta cãi lại, nói rằng điệu thi chất-phác tự-nhiên này chính là cụ Phan, chớ ông Trọng-Mưu đặt thi rần rỏi tài ba hơn kia.



Cùng trong hồi này, ông Tuần-phủ tỉnh Hà-tĩnh là Võ-Khoa, với cụ vốn có tình quen biết lại có lòng kính trọng chí-khí cụ, nhưng ông nhằm thời-thế khó nổi chuyện văn cứu vớt gì nữa, nên ông có ý khuyên cụ bãi binh quy ần là hơn. Có điều ông không giám nói rõ ra, ông ngụ ý kín-đào bằng mấy câu thi gửi bí-mật cho cụ như vậy :

*Kỳ vô hạ vũ tô binh hỏa,
An sử xuân phong biến hồ hàn.*

*Kỳ vị ngô châu di nhất ái,
Thử hồi ninh phụ thử giang san.*

既無夏雨蘇兵火
安使春風徧涸寒
祇為吾州遺一愛
此回寧負此江山

Người ta dịch ra lục bát là:

*Mùa hè khôn rười lửa nóng,
Gió xuân chi dễ lạnh lùng khắp nơi.
Châu ta còn có một người,
Lúc này bao nữ phụ lời non sông.*

Chắc cụ hiểu ý của ông bạn cụ nay đã làm quan với Bảo-hộ mà lại trấn-nhậm tỉnh Hà-tĩnh chính là quê-hương cụ và chính là địa-phương cụ đang dụng võ, nên cụ đáp ý nguyên-vận đề tỏ ý-chí quyết liệt của mình :

*Bách niên tôn xã dư hoài nhiệt,
Nhất phiến cô trung tặc đảm hàn.
Kỳ ngữ đồng nhân tri dã phủ,
Sở vương thế-lực bạt hà sơn?*

百年尊社予懷熱
一片孤忠賊膽寒
寄語同人知也否
楚王勢力拔何山

Cũng có người đã dịch sẵn :

*Chi ta cứu nước đang nồng,
Lòng ta trung dũng lạnh lùng địch quân.
Ai về nhắn hỏi đồng-nhân,
Sở-vương sức mạnh bạt-sơn bao giờ ?*

Bởi ông Võ Khoa có nhắn miệng người tâm-phúc đem thơ, nói cho cụ Phan biết binh-lực của Bảo-hộ hùng cường ra thế nào, cốt để khuyên cụ đừng chống lại làm gì vô ích, nên chi cụ có câu họa vắn dưới chót đó.

Xen vô câu chuyện, tôi muốn đem một vài bài thi ra như thế, chủ-ý là để chứng tỏ khi-phách tâm-chí của cụ Phan lúc nào cũng cang-cường quyết-liệt. Ta xem cụ kinh-doanh công cuộc đề kháng thế kia, tấm lòng sắt đá bày tỏ ra khẩu khí thi-văn thế nọ, đủ biết cụ ôm vững cái quyết-tâm đã làm thì cứ làm có thua cũng mặc, đến chết mới thôi, không có ai và không sức nào làm cho cụ lui sợ mà bỏ cái quyết-tâm ấy được.

Huống chi, giờ cụ đã có căn bản hiểm yếu, có binh lực ít nhiều, thì dầu phải thua cũng còn lâu, chết được cũng còn khó.

* * *

Thiệt vậy, quân thế binh lực của cụ càng ngày càng mạnh thêm, văn-thần võ-sĩ xa gần kéo về quy phục để vâng cụ tiết-chế rất nhiều.

Cụ sai anh em Cao-Thắng Cao Nữu hoạt động ở phía ngoài, đề lo công việc trừ biện binh lương và rèn tập chỉ bảo các quân thứ. Anh em họ Cao đi,

gặp binh lính Bảo-hộ sai đi tuần tiễu ở đâu, tức thời đối chiến giao phong ở đó, chẳng sợ chẳng lui. Hai họ Cao đã đánh được nhiều trận rất kỳ, đến đối lính tập của Bảo-hộ biết tài can đảm thiện chiến, hễ nghe đạo quân nào là đạo quân Cao Thắng, thì họ phải dè dặt chớ không dám giao phong táo bạo Cao-Thắng là người kiêu dũng, tài võ nghệ, khéo dùng binh, mà xuất trận bao giờ cũng dẫn mình ra trước sĩ tốt, chịu xông pha lửa đạn rất là hăng hái, ai cũng phải kính là hổ tướng.

Còn cụ Phan thì cứ đóng yên ở trên núi Vụ-quang, bày nghĩ cơ mưu, hiệu lệnh các tướng.

Chánh phủ Bảo hộ thấy phong trào văn thân của họ Phan gây nên tràn lan to lớn, bèn sai các ông Lê-kinh-hạp, Phan-huy Quân, Thái-văn-Trung, vân vân, trước sau đến sáu bảy ông kế chun nhau làm Tiểu-phủ sứ hiệp với lính tập và binh tây đi đánh giặc, nhưng trải mấy năm biết bao tổn kém nhọc nhằn vẫn không ăn thua gì.

Cụ Phan có tiếng là một ông « *Sơn trung tể tướng* » Nhơn-sĩ ở Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, tặng cụ cái huy-hiệu như thế.

XI

CHÂU-CHÂU ĐÁ VOI



Tuy vậy, nghĩa-quân cụ Phan có binh-lực khá-khá, có súng đạn ít nhiều, là nói với mình. chớ so sánh với binh-lực khí-giới của quân Pháp, thì bên mười bên một, như chuyện châu châu đá voi. Nghĩa-quân muốn bước khỏi căn-bồn rừng núi của mình mà ra ngoài để tung hoành lớn lao hoạt-động gì cũng khó

Nhưng cũng phải nói rằng Bảo-hộ đánh giệp Phan đình-Phùng cũng hao tổn mất nhiều ngày giờ công phu và tiền bạc. chính mấy ông quan binh đem lính tập đi tuần tiễu hồi đó như ông đại-tá Gosselin đã nói rõ ràng.

Quân Pháp đặt ra ba chỗ đóng đại-binh, để vây bọc và tiễu trừ nghĩa-quân Phan-đình-Phùng.

Thứ nhất là đồn Minh cầm và đồn Thuật-bái ở mạn Gianh (*Linh-giang*) thuộc tỉnh Quảng-Bình.

Đồn Minh-cầm là một đồn lớn, lập ra từ năm 1887, là năm vua Hàm-Nghi còn ở Quảng Bình mà bọn cựu thần như các ông Lê-Trực, Nguyễn-Phạm-Tuân, và con của Tôn-thất-Thuyết là Tôn-thất-Đạm, đang khởi binh cần vương, có thế lực mạnh. Còn ở Hà Tĩnh thì đảng Phan-đình-Phùng.

Đại-úy Monteaux lập đồn Minh cầm cốt để chống giữ cả mấy phía. Sau vua Hàm-Nghi bị bắt, thì ông Lê-Trực ra hàng, ông Nguyễn-Phạm-Tuân và ông Tôn-thất-Đạm đều tự tử, chỉ duy nghĩa lãng họ Phan ở Hà-tĩnh vẫn còn, cho nên quân Pháp đóng tại Minh-cầm còn thêm ý nghĩa là cốt ngăn đường sông Gianh không để cho phong trào nghĩa-dũng tràn vào đến Huế.

Thứ hai là ở tỉnh thành Hà-tĩnh và tỉnh thành Nghệ-an. Hai nơi này, quân Pháp cũng đóng trọng binh, tức là để tuyệt đường không cho họ Phan có cách tiếp tế giao thông với Bắc-kỳ.

Lại gần ngay bên làng Đông-thái, quân Pháp cũng lập một đồn đóng binh, là đồn Linh cảm. Đồn này cũng trọng yếu, vì chặn ngay đầu con đường một mặt lên Ngân Trươi, một mặt lên Đại-Hàm là nơi căn bản của họ Phan.

Ấy là mới kể mấy đồn to, còn những nơi xung-yếu khác, quân Pháp cũng có lập đồn đóng binh rải rác, kể ra không hết.

Lúc này toàn cõi Việt-nam đã vào trong tay Bảo-hộ rồi, còn dư một hai nơi nào chưa chịu phục, như miệt Nghệ-tĩnh, việc đánh giệp chỉ dùng lính tập. Một là vì đánh phá những chỗ này không phải như là hạ một tỉnh thành nào; đánh giệp văn-thân,

tất phải lặn xuống trèo đèo, ăn uống cực khổ, lính Pháp không thể chịu được. Và lại hồi đó, xứ Trung-kỳ có dịch tả phát lên, lính Pháp không phục thủy thổ nóng bức mà chết đến ba bốn ngàn người, cho nên Bảo hộ không muốn dùng tới đại-binh là người Âu-tây đi giết văn-thân. Còn một lẽ khác, là hồi nói đây cuộc Bảo-hộ đã lập xong cả rồi, các quan võ không được quyền sắp đặt việc chánh-trị trong xứ, chánh-phủ bên Pháp phái qua một vị quan văn đại tài là ông Paul Bert (năm 1886) để bố trí công việc cai-trị, ông không muốn dùng đến sức đại-binh, e làm náo động lòng người ở bên tây thành ra chỉ phái mấy ông quan binh tây làm đầu đem lính tập Annam đi đánh giết văn-thân thôi.

Sự thiệt, nhờ sự huấn luyện của quan binh Pháp, lính tập Annam đi trận mạc giỏi lắm, Họ khoái có mấy mẫu lương điền, mong được gấn mẽ-day quân-công, và lãnh thưởng phẩm hàm bổng lộc kia nọ, lắm phen lính tập Annam vì Bảo-hộ mà xung phong đột trận, lập nên được nhiều kỳ công. tỏ ra lắm can đảm. Các vị quan binh Pháp cai quản lính tập, đều phải ngợi khen họ và lấy làm vừa lòng. Nhất là nhiều khi có việc loạn lạc giặc cướp gì, thường nhờ có công trận của lính tập mà giết yên được rất mau. Cái kết quả ấy, thật bởi người Pháp khéo lập rèn đã đành, mà cũng vì lính tập thuộc đường đất, chịu thủy thổ, và lại cũng có can đảm nữa. Một vị lão-tướng Pháp đã nói công bằng như vậy: « Sang chiếm được nước Nam, là công-lao

của lính Pháp, mà giúp yên được văn-thần trong xứ, là công lao của lính tập. »

Thế là hồi đó nghĩa-quân họ Phan, tiếng là nổi lên cầm cự với binh Pháp, nhưng kỳ thật là đánh nhau với lính tập là anh em đồng loại. Bởi thế cụ thường truyền lệnh cho ba quân rằng: « Hễ khi giao chiến, có gặp cảnh vạn-bất-đắc dĩ hãy bắn giết lính tập, bởi họ là anh em đồng bào với mình. »

* * *

Có một hôm, các tướng đem binh ra ngoài có việc hết cả. Trong đại đồn của cụ, chỉ duy còn có 20 tên lính thân-binh tử sĩ, mà trong số 20 tên lính ấy chỉ có 14 khẩu súng mà thôi. Chợt có hơn 100 quân của Bảo-hộ gồm có mấy viên cai đội Pháp, còn thì toàn là lính tập, do hai viên quan võ quán xuất, đi tuần tiểu sắp lới nơi. Đồn ngoài báo vào đồn trong cho cụ biết, lại nói là quân Pháp kéo đến đông lắm.

Cụ nghe báo đã lấy làm lo, chắc hẳn là địch quân do thám thế nào, biết được tướng sĩ của cụ hôm nay ra ngoài cả, nên quân Bảo-hộ mới dám đưa mình đến chỗ chết như thế. Bây giờ tướng sĩ không có, khí giới không có, thì lấy gì mà chống cự cho lại, cho nên cụ đã định tháo đi ngỗ sau núi Vụ-quang mà trốn tránh. Nhưng có ông lãnh binh Nguyễn-Mục, làm đầu bọn thân binh tử-sĩ, ấy hầu hạ ở dưới trướng bầm với cụ rằng:

-- Không nên trốn tránh đi đâu hết. Nay tuy là quân địch nhiều mà quân ta ít thật. Song le quân ta ít mà chiếm được địa-thế, quân địch nhiều mà chơ

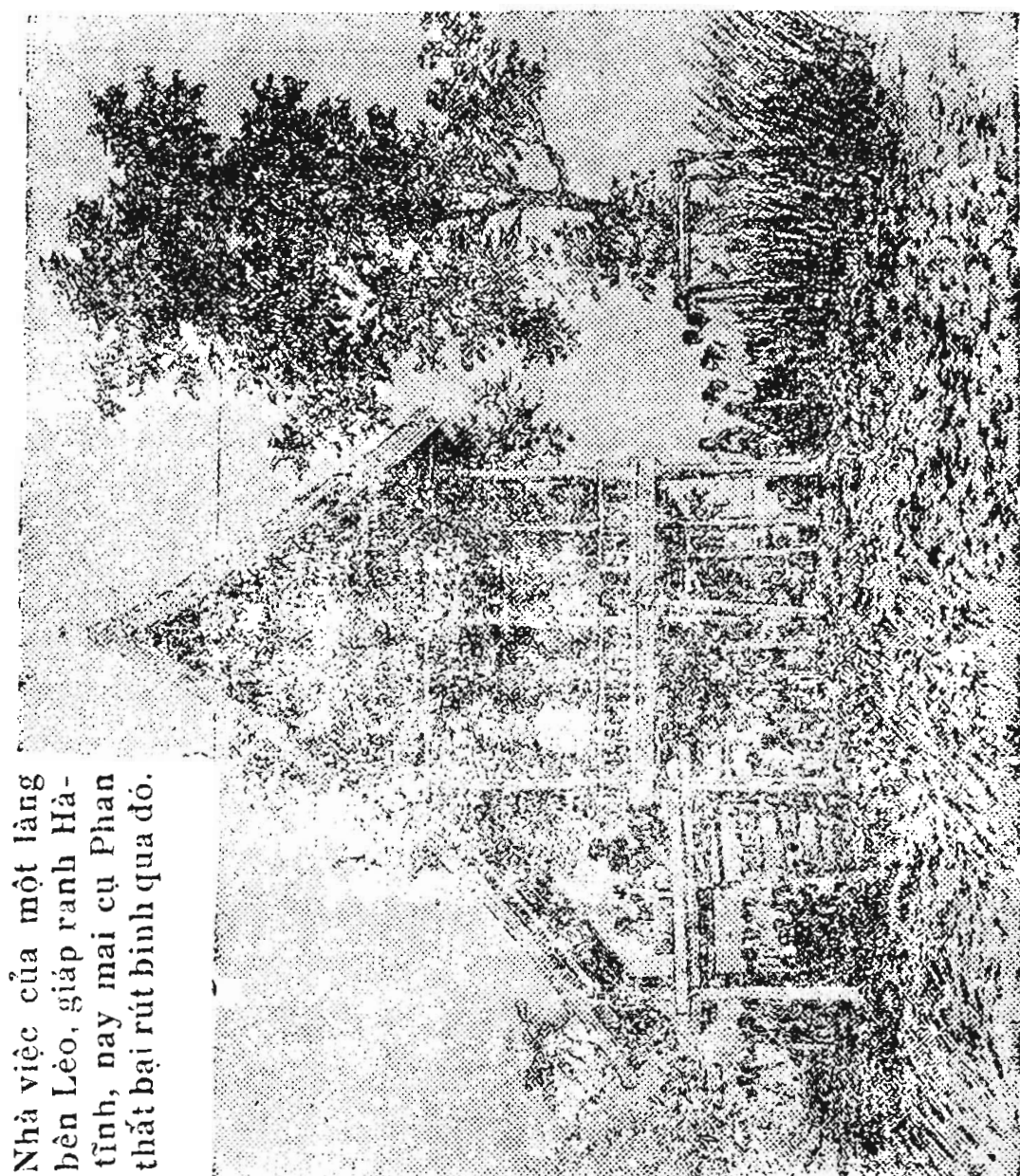
vơ, vì quân ta ở trên cao, quân địch ở dưới, ta ở trên đánh xuống tất là mạnh lắm. Vậy xin quyết chiến. chớ nay lui ra phía sau, thì là hãm vào đất bí. mà đại-đồn không còn ; đại-đồn không còn thì là toàn-quân hỏng mất.

Cụ nghe theo, bèn truyền lệnh cho 20 tên quân ấy, gà gáy một lần thì dậy nấu cơm ăn, ai nấy cũng phải nấu thêm một nắm cơm để phòng buổi trưa ăn. Mỗi tên đem theo 300 viên đạn, chia nhau ra, hoặc 3 người một tốp. hoặc 5 người một tốp, phục ở các chỗ hiểm yếu, để chờ quân Pháp, hễ lúc nào nghe tiếng pháo nổ làm hiệu, thì cứ việc bắn ra một lượt. Còn ở trên đỉnh núi, thì cụ sai cấm cờ cho nhiều và đốt lửa để khói lên nghi ngút, lại sai mấy tên quân già yếu chực sẵn ở đó, tảng sáng là nổi chiêng trống vang động núi non để làm nghi-binh. Một mặt cụ sai người tức tốc đi ra Khê-thư lấy quân tiếp ứng.

Quả nhiên, toán quân của Bảo-hộ gồm có 150 tên lính tập đi tuần tiễu đến núi Vụ-quang, nhưng vì tới nơi trời tối, nên chỉ hạ trại đóng binh lại dưới xa, chớ không dám động. Gần sáng họ mới kéo nhau lên, thấy trên đỉnh núi có lửa lập-lòe và nghe có tiếng người rầm-rì văng-vẳng. Một là kinh-chiến, hai là tưởng nghĩa-quân không hay biết gì mà đề phòng, thành ra mấy viên quan binh cứ đốc thúc lính tập chen cây rẽ lá mà leo lên mãi, định xuất kỳ bất ý đánh phá đại đồn nghĩa-quân và bắt sống họ Phan nữa là khác.

Chẳng dè họ vừa leo tới giữa núi, bỗng nghe một tiếng pháo nổ rồi thì trống trận người reo,

mấy phía có tiếng súng bắn nghe đạn bay rào-rào đều nhằm vào họ. Một viên trung-úy trúng đạn bị thương nặng thành ra quân Bảo hộ rối loạn, không biết giặc ở phía nào mà bắn trả. Phục binh càng



Nhà việc của một làng bên Léo, giáp ranh Hà-tĩnh, nay mai cụ Phan thất bại rút binh qua đó.

bắn dữ. Viên thiếu-úy phải hô quân lui, vì chỉ nghe hình như ba bề bốn phía đều reo, tứ tung vang động, chớ không biết nghĩa binh nhiều hay ít chỉ biết là nghĩa binh có phòng bị rồi, nếu tấn lên nữa

thì nguy, thành ra lệnh thoái binh vừa truyền, mạnh ai nấy chạy thoát thân xuống núi. Nghĩa-binh ở trên cao đánh xuống thấp, cho nên ít người mà thắng thế.

Lính Bảo-hộ chạy xuống vừa tới chân núi, thì gặp toán nghĩa-binh tiếp ứng ở Khê-thứ đến nơi. Cao-Thắng dẫn 200 quân ở ngoài về, cũng vừa tới đó; cả hai đội liền hiệp nhau lại mà đánh hăng hái lạ thường. Lính Bảo-hộ bị đánh dồn một lúc cả trước mặt sau lưng, ngã nằm ngổn ngang; kỳ dư phải tìm đường đào tẩu bỏ lại súng đạn và lương thực rất nhiều.

Cụ Phan ở trên đỉnh núi, gõ chiêng phát cờ làm hiệu lệnh để rút binh về, mặc cho lính tập kia chạy, chớ không rước theo.

*
* *

Nơi nghị-sự - đường sáng hôm ấy có tiệc khao thưởng tướng sĩ. Cụ Phan cho sự thắng này là do cơ-mưu của Nguyễn-Mục, nên chi Nguyễn-Mục được kê làm đầu công.

Cao-Thắng nói chuyện rằng: tối hôm trước ông ta đóng quân ở Diệm-thứ (tức là núi Đại-hàm, do người em ruột của ông là Cao-Nữ làm chủ), cuối canh một đi ngủ, vừa mới chợp mắt thì mộng thấy đại-đồn Vụ-quang phát hỏa lớn lắm. Ông giật mình tỉnh dậy, thấy sao ruột gan nóng bức như thiêu, trong trí rất lấy làm lo ngại, liền đánh thức Cao-Nữ dậy, anh em bàn nhau, đoán rằng đại-đồn tất có việc nguy cấp, rồi tức thời ông điểm binh đi

nửa đêm: Đến núi Vụ-quang chưa sáng thì vừa gặp toán lính Bảo-hộ ở trên núi chạy xuống, ông chặn đường mà đánh.

*
* *

Chiều lại, liệu chừng quân Bảo-hộ không trở lại nữa, cụ Phan xuống chụm núi xem xét chỗ chiến-trường ban mai, và sai nghĩa-binh lượm xác của những lính tập và hai viên cai tây mà chôn vùi tử-tế. Trong cơn đặc ý và động mối cảm-hoài, cụ làm mấy bài thi sau đây, để kỷ-niệm một trận mình thắng là may:

I

*Tài phái binh hành hốt phỉ lai,
Dư tâm vị định chính bồi hồi.
Trướng tiền thỉnh chiến hà nhân giả,
Quả bế thời gian báo tiếp hồi.*

Dịch nghĩa:

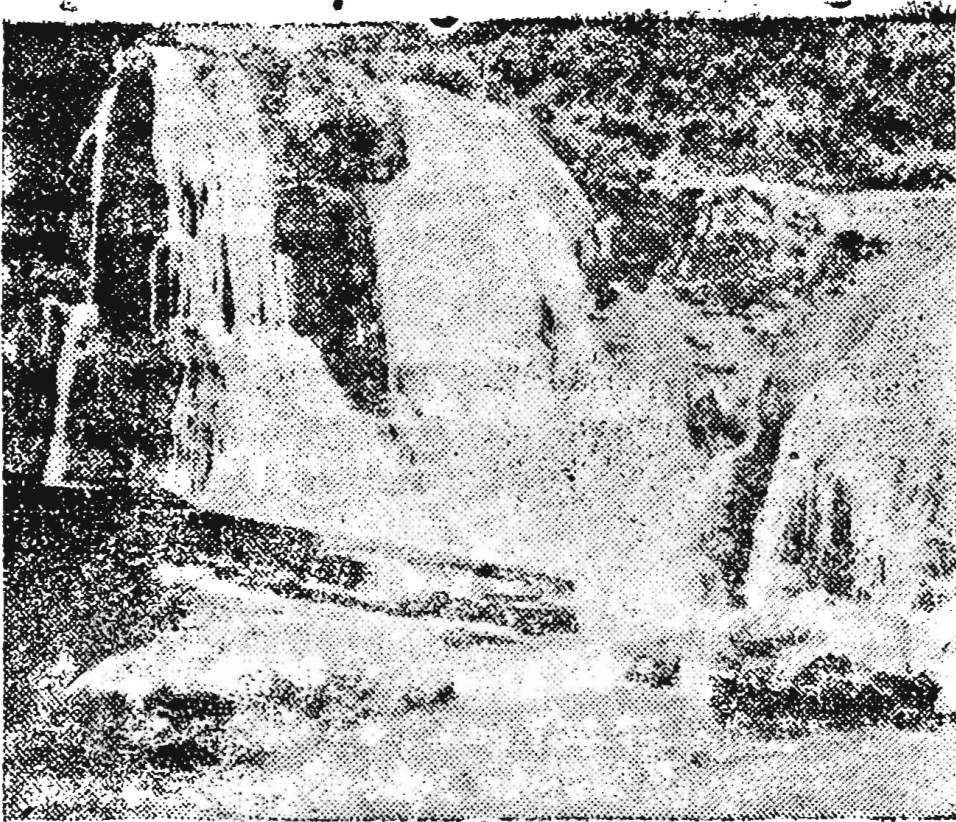
*Vừa phái quân đi giặc đến nơi,
Lòng ta lui tới lưỡng bồi hồi.
Người xin quyết đánh là ai đó?
Chớp mắt mà ra đã thắng rồi!*

II

*Sơn cái cao hể, thủy cái thanh!
Mỗi u mặc tướng hiển anh linh.
Bất nhiên chúng quả tương huyền thạn,
Hồ đảo Khê tiền dĩ thất kinh.*

Dịch nghĩa:

*Chót vót non cao, nước một màu,
 Quỷ thần âu cũng giúp ngằm nhau,
 Không đứng bên ít bên nhiều thế,
 Mà đến đâu khe đã chạy sao ?*



Khe núi Vụ-Quang

Qua hôm sau, cụ lại xuống núi chơi, lúc đi tới một suối nước thấy còn sót tử-thi một người lính tập nằm ở bờ suối, đầu gục dưới nước, cẳng vắt trên bờ, bất giác cụ mũi lòng nhỏ lụy, trách vấn những người hôm qua sao đi lượm sác chôn cất mà còn bỏ lại cái này. Luôn dịp, cụ khẩu chiếm một bài thi cảm khái :

*Nhĩ lâm nguyên vị lợi danh mi,
Khước hướng khe biến tác tử-thi.
Giám triệt thù nhân ưng lão ngộ.
Đáo thân tử hậu hối hoàn tri.*

Dịch nghĩa :

*Chẳng qua danh lợi buộc thân mày !
Đến nổi bên khe chết bỏ thầy,
Trông đó ai ơi ! nên sớm liệu,
Chết rồi có hối cũng ra chầy.*

XII

MỘT NGƯỜI ĐÀN-BÀ



Lúc bấy giờ, mỗi ngày nào có phiên chợ Trảng (là chợ ở giữa tỉnh Nghệ), người ta thấy một chiếc thuyền con của một người đàn bà và một đứa con trai nhỏ, từ đâu không biết, chở than lên chợ bán.

Người đàn bà này, tầm thước nhỏ thấp, da ngăm ngăm đen, nhưng không vì thế mà che mất hẳn cái vẻ sáng láng hồng hào. Cái vẻ ấy hình như là bị nhiều nắng mưa gió bụi làm mờ đi, chớ nguyên trước hẳn là đẹp lắm. Trạc độ 27 hay 28 tuổi, nét mặt coi rắn rỏi thật là, mà lúc nào cũng có vẻ buồn rầu. Đôi lúc không ngờ, người ta trông thấy châu mày lại, thì biết là người này chắc có việc ức uất gì ở trong tâm hồn nhiều lắm. Còn đứa trẻ thì mới có 7 tuổi coi ngộ nghĩnh lanh lẹ, ai thấy cũng đoán chắc là con nhà thế này thế kia, chớ không phải thường.

Người ấy là ai? Đứa trẻ ấy là thế nào? Ở đâu? Tuyệt nhiên không có ai biết, vì người ấy không nói gốc tích và tâm sự mình với ai, nhưng mà những bạn mua bán quen thuộc ở trong chợ chỉ gọi là cô Tám, thành ra ai cũng biết tên cô là thế mà thôi, và lại thấy cô chuyên về nghề bán than, thì họ đoán chừng cô hẳn là người ở miệt rừng núi. Họ đoán chừng vậy nào đã chắc là phải chưa!

Cô Tám bán than có tính rất điềm đạm, ít nói ít cười, chỉ ngồi lăm lăm suốt ngày, thỉnh thoảng chơi giỡn hôn hít đứa trẻ. Duy lúc nào có khách đến hỏi mua than, thì người ta mới thấy cô được nguyên cả mặt, không thì suốt ngày cô ngồi cúi mặt xuống, hình như có dáng nghĩ ngợi những việc gì khó khăn lắm. Những người ngồi bán hàng ở bên cạnh, cả một phiên chợ thường chỉ nói chuyện được với cô một đôi câu, cho nên ai cũng cho là người kiêu ngạo. Nhưng tới khi nào cô hỏi ai một điều gì, thì lại tỏ ra người hết sức từ tốn mềm mỏng, lời nói ngon ngọt, tiếng nói dễ ưa, thành ra những người biết cô, ai cũng đem lòng quý mến.

Cái thói đàn bà đi chợ búa của ta, thường xúm lại «ngồi lê đôi mách» với nhau, ai còn lạ gì. Thói thì chuyện chông chuyện con, việc nhà việc cửa, họ khéo kể lể con cả con kê, không sót một điều gì. Nhưng cô Tám lại khác hẳn. Ai hỏi đến chông, cô cười; nghĩa là tỏ ý rằng đã có mà cũng chưa. Ai hỏi đến đứa trẻ là thế nào của cô, cô cũng cười: cười một cách khó nói lắm. Ai hỏi đến chỗ ở, cô cũng cười nữa; cười có ý không muốn cho ai biết mình ở chỗ nào. Thành ra, các bạn buôn bán quen

thuộc với nhau, chỉ thấy cô hiền lành tử tế thì quý mến, đưa con trẻ kia khôn ngoan xinh xắn thì yêu thương, chớ không ai biết người đàn bà ấy với đứa con trẻ ấy họ tên gốc tích ra thế nào.

Một người đàn bà như cô Tâm thật lạ lùng khó hiểu. Tính cô ít cười biếng nói, rất dỗi buồn bán đi về trong chợ, với những người ngồi liền bên cạnh, tối ngày cô cũng không chuyện vãn lấy ba câu; nhưng chỉ có một hạng người ở đâu tới bên cô thì người ta thấy cô bắt chuyện tức thời, mà lại bắt chuyện một cách tỏ ra niềm nở thàn mật lắm.

Hạng người ấy là lính tập.

Trên kia đã nói lính tập nhờ sự huấn luyện của binh-gia Pháp mà trở nên hạng lính can đảm thiện chiến và có công lao trận-mạc với Bảo-hộ ra thế nào. Về mặt quân-sự, họ đánh là lính giỏi, nhưng về mặt đức tánh, họ vẫn như người ta. Tự nhiên có kẻ nên hư lành dữ phân biệt nhau. Có những lính tập hiền lành, tử tế, đứng đắn, biết điều đáo để, song cũng có những lính-tập tánh khi kỳ-cực, sỗ sàng, hay ý mình cậy thế mà làm nhiều cử chỉ ngang tàng ức-hiếp người đồng loại quê mùa hèn yếu. Sự dỏ, chắc hẳn những lúc Bảo-hộ mới định ban đầu, xảy ra rất thường, chớ không phải được êm ái nghiêm-chỉnh như ngày nay, cho nên người mình ở ba bốn chục năm trước đối với lính-tập, phần nhiều không có cảm tình, không có hảo-ý. Họ kiêng sợ, nhưng mà họ tránh xa và ghét ngầm. Đến đời ai chơi với lính, họ kể ngay vào hạng người ăn chơi diêm đàng hung dữ, nhứt là đàn bà con gái mà quen biết chuyện trò với lính tập, đều bị xã-hội

kể cho là hạng trác nết, hư thân. Họ vợ dũa cả năm như thế, chớ không chịu xét dùm bực người nào trong xã-hội cũng có kẻ này người khác.

Cô Tám là người hiền lành, đứng đắn, thừa nay chị em mua bán quen biết trong chợ vẫn có lòng quý mến kính trọng cô; bây giờ ngó thấy cô quen biết chuyện trò với lính-tập, thì họ trầm trồ chỉ trỏ và bàn riêng nói lên với nhau :

— Quái lạ! Con người như rứa mà tầm bậy hè!

— Làm bộ nghiêm trang không hay nói cười trò chuyện với chị em miuh, để với mấy ông du-côn đó thì vồn vã, làm quen. Chị nghĩ coi ở đời tin người bề ngoài, làm chết phải không?

Nhiều bữa phiên chợ tan rồi, người ta bắt gặp cô Tám mua rượu nem quà bánh đem xuống ghe và dẫn mấy chú lính tập xuống ăn uống say sưa, rồi ngồi chuyện vãn lâu lắm, mới thấy mấy chú ngất ngưởng đi lên. Người ta càng dị-nghị gắt:

— Nào có ai ngờ!

Hôm sau, có chị xỏ xiên theo kiệu hàng tôm, hàng cá, gặp mặt cô Tám thì chào hỏi: « Tôi chào cô cai », hay là « Tôi chào thím quyền ». Tiếng « quyền » ở miền Bắc vẫn thông dụng để chỉ vào lính-tập.

Kể cười người chê, bàn riêng nói lên ra sao, cô Tám biết hết. Nhưng cô vẫn tự nhiên điềm tĩnh như không, hình như chẳng coi sự dị-nghị của thiên-hạ ra gì. Nay chú lính này, mai chú lính khác, cô vẫn nói cười tiếp đãi họ như thường. Có lúc tiếng cô nói to, người ta còn nghe lóng đợc đôi chút, có

lúc cô thi thầm nói nhỏ với lính, chẳng ai nghe được tiếng nào, người ta càng nghi.

Nghi thì nghi, chớ người ta đều phải sửng sốt lạ lùng với nhau, là cô Tám chuyện vẫn ân cần với lính-tập thể nọ, mời lính xuống ghe đãi đằng trà rượu thế kia, nhưng tuyệt-nhiên không thấy cô ta có vẻ lả lơi một chút bao giờ, vì họ vẫn rình mò dò xét cô ta mãi.

Thế cho nên thủy chung ngoài mặt người ta không hề dám khinh cô Tám. Huống chi bọn buôn bán các nơi, cứ đến phiên chợ cũng đi dò về một ngã sông, thấy bao giờ cô Tám cũng cùng với đứa trẻ con đi, rồi lại cùng với đứa trẻ con về, ngoài ra không hề có tung tích gì khiến cho người ta có thể ngờ vực chê cười gì được. Thuyền của họ thường gặp thuyền của cô Tám vào hồi gần sáng ở làng Triều-khẩu; không cần phải hỏi, cứ nghe động cô Tám vừa chèo thuyền vừa hát, tự nhiên họ biết:

Đôi ta cùng nợ nước non,

Chàng đã trả sạch, thiếp còn long đong.

Bao giờ sông lặng nước trong,

Bỏ người chèo lái đêm đông nhọc nhằn.

Rồi cô lại hát tiếp câu khác;

Đi đâu lật đật hỏi ai?

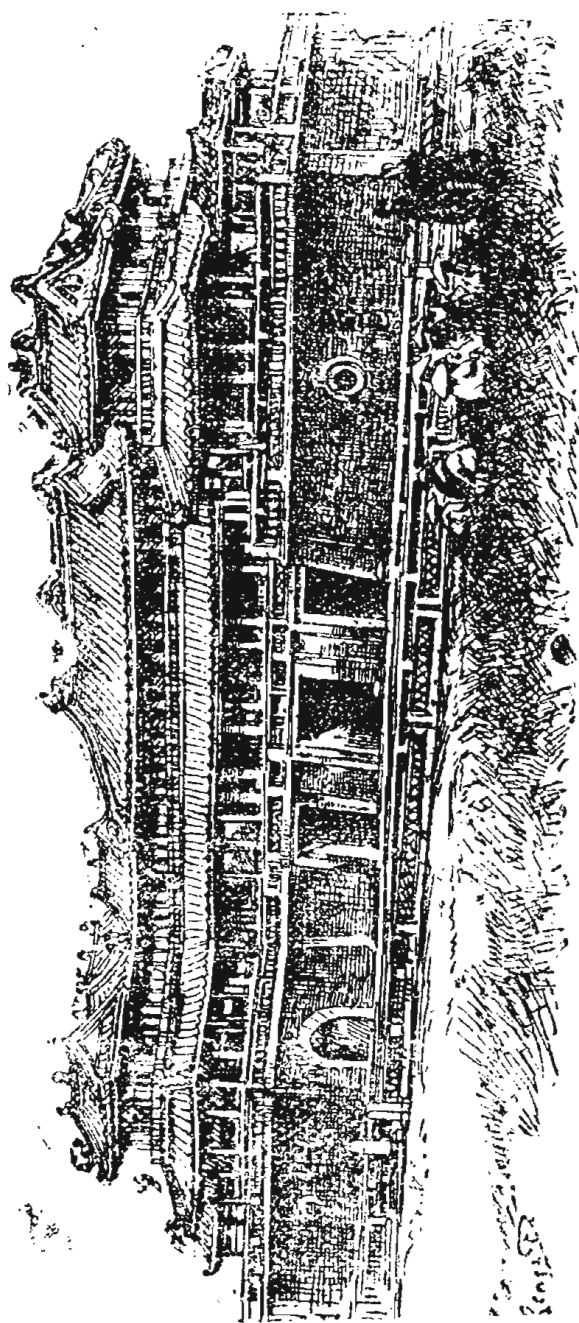
Mũi tên hòn đạn cho người này theo.

Linh đình mặt nước một chèo,

Non sông gánh nặng vẫn đeo bên mình.

Đêm khuya, trời lặng, sông rộng đồng xa, mà nghe tiếng cô ta hát những câu như thế với cái giọng rất là náo nùng ai oán, dẻo dắt thê lương,

thì ai cũng phải rung động trong tâm hồn và đoán chừng cô là người có tâm sự gì đau đớn lắm vậy.



Cửa Ngọ-môn của Hoàng-thành là nơi làm cờ cho sự tranh chấp ở giữa Tôn-thất-Thuyết và Thống-tướng De Courcy trước mấy ngày thất thủ kinh-thành, Hàm-Nghi xuất bôn.

Trông người cô Tâm nhỏ nhắn, ẻo lả bề ngoài, hình như một cơn gió thổi cũng xiêu, thế mà cô có sức rất mạnh không ai dám ngờ. Những đứa du côn vô-loại, thấy cô hay nói chuyện với lính-tập

ở trong chợ như thế, tưởng đâu là con người lẳng lơ, thành ra chúng bạo dạn, cũng dờ thối trắng hoa đàm điểm ra. nói chơi nói cợt. Ban đầu cô làm thính không thềm nói gì, chúng thấy vậy càng được trớn làm già, khiến cho cô không nhịn nhục được, phải dùng đến võ lực, đánh cho mấy đứa chạy nhào. Sau chúng kéo nhau đến mấy chục đứa tới trả thù, toan đồ gánh than và đánh cô một trận toi bời để rửa thể-diện anh-chị. Nhưng chúng là đàn dê. Vô phước gặp nhằm con cạp cái có vút nhọn nanh dài. Muốn dạy chúng một bài học, cô Tám lúc nào yểu điệu hiền lành, bây giờ đứng phắt dậy, tròng mắt tròn xoe, lông mày đảo ngược, xắn gọng tay áo lên, thách đố cả bọn du-côn ra chỗ rộng rãi, dám đánh nhau với một mình cô thử coi. Người ta thấy cô Tám múa chân múa tay, đông xung tây đột, đánh võ với cả bọn du-côn bao vây dữ tợn, thế mà đứa thì lổ đầu, đứa thì chạy trốn, đứa thì té nhào, duy cô đã không bị một vết tích gì, lại sau khi bãi trận, thần sắc coi tự nhiên như không. Người trong chợ kéo nhau đi xem trận « nhất nữ chiến quần nam » thiếu gì; họ reo cười khen ngợi không ngớt:

— Không ngờ cô hàng than giỏi võ!...

Thấy cô Tám hiền lành tử-tế, ai cũng mến ưa, cho là người đứng đắn; chừng thấy cô hay quen biết đàm đạo với lính tập, thì lại cho là người tầm bậy; đến lúc nghe cô hát mấy câu ai oán lạnh-lùng kia thì ai cũng cho là người có tâm sự chi ức-uất; tới bây giờ thấy cô có sức đánh mấy chục người đều té nhào, thì cho là nhi-nữ anh-hùng. Du-luận

đối với cô có vậy mà thôi, còn như quê quán, nhà cửa, chồng con và thân thế cô ta ra thế nào, thì vẫn như trên kia đã nói, người ta dò la dò hỏi đảo đẽ, mà không biết cứ là không biết!

Phiên chợ nào như phiên chợ này, trong hai năm trời như thế, hễ sáng sớm phiên chợ là thấy cô Tám chèo thuyền đến, chiều hôm tan chợ cô lại chèo thuyền về; chẳng hề có một phiên chợ cô Tám vắng mặt.

Bỗng dưng đến đầu năm Kỷ-sửu (1889) trở đi, ở chợ Tràng người ta không thấy cô Tám bán than đến họp chợ nữa. Ban đầu còn có người suy nghĩ: hay là cô Tám về nhà quê ăn tết chưa ra đi chợ buôn bán; nhưng về sau phiên chợ nào cũng không thấy cô, bấy giờ họ bảo nhau:

— « Thôi chắc cô ả đi theo chú quyền thầy cai nào rồi ».

Có người đã thấy cô ta giỏi võ, thì đoán cao hơn một chút:

— « Hay là con ấy đi ăn cướp ! »

Không phải vậy. Nhưng mà cũng chưa biết chừng.

*
* *

Hồi đó, là giữa năm Canh dần (1890).

Cụ Phan-đình-Phùng đã chiếm cứ xưng hùng ở trên Ngàn Trươi được ba bốn năm, có tiếng là « Sơn-trung Tể tướng ». Quân lính Bảo-hộ vẫn tìm cách tuần tiễu hoài, nhưng không dám thâm-nhập tới trọng-địa, một là vì nghĩa-quân thanh-thể khá to,

quân lính nhà nước day trở đổi phó không kịp, hai là đường lối tấn lên Ngàn-Trươi phải trải qua nhiều rừng núi hiểm trở khuất khúc lạ thường, e sợ phục-binh đánh úp rất nguy. Vả lại có lắm khu rừng nếu muốn băng qua, phải làm sao có đủ sức chịu đựng hay là đánh nhau với địa, với rắn, với muỗi mòng trước, rồi hãy nói chuyện đánh với nghĩa-binh sau.

Thiệt-vậy, có một khu rừng hiểm nhứt, là vì đất sinh lầy, lội phải lút cẳng, có chỗ ngập tới ngang lưng, mà địa sao đầy dẫy hơn dòi, con nào con nấy lớn như ngón cẳng, như cổ tay, nó bu lại hút máu một lát, người mạnh đến đâu cũng phải chết xiu. Các quan binh Pháp đặt tên là « *La forêt des Sangsues* » và khuyên nhau coi chừng rừng địa mà tránh.

Nhờ có hiểm-địa tự nhiên và đạo binh côn-trùng muôn muôn ức ức đó, cụ Phạm thêm mạnh thanh thế và có thể đối chiến được, cố-thủ được lâu ngày.

Tuy là đại-dồn Ngàn-Trươi không bị xâm phạm, chớ các quân-thứ hộ-vệ chung quanh thì nghĩa-binh vẫn thường có nhiều dịp đụng đầu chạm trán với quân-binh luôn luôn. Nghĩa-binh khéo dùng lối mai phục đoán-công như kiểu người Abitxini, gọi là *guérilla*, đối chiến với Y, thành ra bắt buộc lính tráng bảo-hộ phải ứng-chiến nhọc sức tổn công, mà nghĩa-binh thường vẫn thắng nhiều bại ít.

Hai bên cầm cự nhau luôn sáu bảy năm như thế. Trong khoảng ấy, có một lúc Bảo-hộ lại tính dùng tới đại-binh, nhưng sau e ngại tổn kém nhiều và náo-động dư luận bên thượng-quốc rồi lại thôi.

Lúc này, muốn cho phong trào thêm lớn, thực-lực thêm to, cụ Phan thảo một tờ hịch truyền đi các nơi, để khích động nhơn-tâm, chiêu tập hào kiệt. Tờ hịch trong bài hịch, có đoạn như vầy :

«...Phùng tôi là người học ít tài hèn, gánh vác công việc lớn lao này, sáu bảy năm trời, chưa có gây dựng nên được việc chi rạch rỡ, chẳng qua chân trước vấp sau, lui tới chỉ những rừng núi, thật bấy lâu sót dạ đau lòng, không biết lo tính làm sao được. Các ông có chí lớn tài to, nếu không muốn đem ra cho nước nhà dùng đi nữa, thì cũng nên đem mưu lạ chước hay ra dạy bảo cho, đề cứu lấy sinh dân, thì Phùng xin nhả cơm bứt tóc (1), sẵn lòng nghe theo. Như thế thì tuy các ông ở chốn thảo dã, mà cũng có cái công báo nước giúp đời, chớ đừng coi việc đó làm thường, nỗ ngồi làm thỉnh để ngó non nước đời đời, mà chẳng ra tay cứu vớt.»

Tờ hịch này truyền ra, bọn sĩ-phu Trung-kỳ càng lấy làm cổ võ, tranh nhau giúp đỡ cho cụ hoặc mưu-lược, hoặc quân lương, hoặc dò xét biết quân Pháp cử-động thế nào, đều cho người lên mật-báo với cụ để cụ biết trước mà đề phòng. Kể cái thanh-thế của cụ tới lúc này đã to lớn và vững vàng ít nhiều, duy có một việc hơi khó lòng, là việc mua thuốc đạn ở bên Xiêm, vì đường xá qua Lào nhiều nỗi ngăn trở, cho nên những người có chức-trách

(1) Ông Chu-công nước Tàu, làm tướng nhà Châu, hễ có ai đến, ông đang ăn cơm thì nhả miếng cơm ra, đang gọt đầu thì bứt tóc lên, để ra tiếp khách, tỏ ý kính-trọng những người hiền năng vậy.

trù biện việc này, đi lại rất là khó nhọc, mà lại không mua được nhiều. Phần nào bị nhà nước Bảo-hộ ngăn đường, thành ra súng đạn của nghĩa-quân vận tải về thường bị mất luôn. Ấy là một việc cụ Phan lấy làm lo lắng.

* * *

Một ngày kia Cao-Thắng đang ngồi ở đồn ngoài, cùng với chư tướng bàn bạc việc quân, thì có một tên lính vào bẩm rằng:

— Ngoài cửa trại, có một người đàn bà dẫn theo một đứa con trai nhỏ, nói xin vào yết-kiến quan Đồng-Nhung (là chức của Cao-Thắng lúc ấy).

Ông lấy làm lạ, truyền cho vô tức thời.

Người đàn bà giắt đứa trẻ vô, đứng vái dài một vái rồi nói một cách tự-nhiên :

— « Tôi là con gái ông Hoàng-Phúc (1), chắc tướng quân đã biết. Sau khi cha tôi mất, nhà tôi tan, thân tôi phải lưu lạc giang-hồ, tìm cách để phục thù cho cha tôi. Vì tuy tôi là liễu bồ phận gái, nhưng cũng có hồ thỉ chí trai, tấm thân không kể bao nhiêu nông nổi đắng cay, miễn là cầu vọng cho thỏa được tấm lòng mình ao ước. Đứa con nhỏ này đây (vừa nói vừa chỉ vào đứa trẻ nhỏ) không phải là con tôi, nó là con riêng một người bạn tôi, cũng một nhà chí-sĩ tên là Lê-Doãn, trước theo cha tôi đã lập được nhiều công trận,

(1) Hoàng-Phúc cũng là một nhà cách-mạng ở Quảng-binh, đoạn trên kia đã nói tới.

vì anh ta thông-minh và võ-dũng lắm. Cha tôi thương yêu, mà tôi cũng thương yêu, nên chi tôi với Lê-Doãn đã ước hẹn với nhau rằng một mai đại sự thành công thì thế nào chúng tôi cũng thành duyên cáng lệ với nhau; lời minh-thệ ấy có trời đất chứng giám. Anh ta đã góa vợ, chỉ có một đứa con trai mới 3 tuổi, chính là thằng bé này. Nhưng vì quốc-sự gian nan, làm cho việc nhân-duyên của chúng tôi giữa đường lỡ-dở chia-phôi. Nguyên là cách đó chưa được bao lâu thì anh ta đánh trận bị thương nặng, tự biết mình không sống được, có viết thư để lại cho tôi, cậy nhờ giao-phó tôi trông nom đùm đứa con mồ-côi. Không mấy lúc sau, cha tôi cũng chết mất, thân-thể của tôi thành ra linh-đinh. Không lẽ ra đầu thú với Tây, bởi làm vậy thì trái lòng của cha; không lẽ đi lấy chồng, vì đối với anh Lê-Doãn, dầu sao cũng đã là chồng tôi rồi; lại không lẽ bỏ đứa con mồ-côi mà đi đâu, vì cha nó định-ninh ủy-thác cho mình, nếu mình bỏ đi thì bây giờ ai nuôi nó?... Thành ra tôi phải đem đứa con nhỏ này cùng đi trốn. Phải đi trốn, kéo sợ quân Pháp tróc nã tôi. Đi trốn mà không biết ở vào đâu cho thuận tiện được cả mọi bề của mình, cho nên tôi phải mua một chiếc thuyền mà ở linh-đinh trên mặt nước, nay ở chỗ này, mai dời chỗ kia, không biết đâu là định-sở. Trong lưng tôi còn được mấy nén bạc, mới bỏ ra buôn than để chi độ qua ngày. Tôi cốt buôn than đem lên chợ Trảng bán, là có chủ-tâm gần gũi giao-thiệp với bọn lính tập đóng ở Nghệ-an. Tôi giả đồ quyển-luyện với họ, để xúi họ thừa cơ khởi nghĩa, hưởng ứng với

nghĩa-binh. Nếu vạn nhất mà việc đó thành công thì chẳng những nghĩa-binh ở hai tỉnh Hà tĩnh và Quảng-bình thêm được vây cánh, khí-giới, mà lại có thể mở ra được đường lối đi lại với nghĩa-đảng ngoài Bắc, để trong ngoài ứng tiếp, chị té em nâng, may ra mới nên được việc lớn...»

Nói đến đây, người đàn-bà ngừng lại một lát để thở dài một hơi rồi lại nói tiếp :

— « Nhưng mà trời cũng hại tôi, nên chi công việc mưu tính đã gần thành rồi mà lại hư hỏng, là bởi nhà đương cuộc Bảo-hộ thấy động liền sanh nghi, vội vàng thay đổi toán lính tập tôi đang cầm đồ gần được đó đi nơi khác, mà đem toán lính lạ ở nơi khác về đóng tại tỉnh Nghệ, thế là khổ tâm mưu cuộc mấy năm trời bỗng chốc hóa ra « Dã-tràng xe cát », tôi đau đớn vô cùng. Rồi nghĩ nếu mình cứ quanh-quẩn ở đó mãi, nhắm chừng cũng chẳng nên được việc gì, cho nên tôi phải bỏ đi để tìm kế khác. Vẫn biết cụ Phan và tướng-quân dấy nghĩa lâu nay, tôi rất lấy làm hâm-mộ, đáng lẽ trước hết tôi phải lập được một chút công-trạng gì, thì mới dám đến để xin tướng-quân thu dụng, may ra tôi cũng có thể làm bổ-ích cho việc lớn được đôi phần cỏn-con. Nhưng nay điều sở-ước của tôi đã hỏng mất rồi, không có thể tự mình tìm được việc gì khác mà làm nữa, vậy tôi đến đây tức là đem thân mọn tài hèn, để tướng-quân sai khiến...»

Người đàn-bà nói một mạch từ lúc mới vô đến giờ, Cao-Thắng lắng-lặng ngồi nghe.

Người đàn-bà ấy nào phải ai lạ đâu, chính là cô bán than ở chợ Tràng, người ta vẫn gọi là cô Tám đó.

Cô Tám nói luôn một mạch, kể lẽ tâm sự chí-hướng của mình, mà sắc mặt đổi thay mỗi chỗ theo câu chuyện; khi cười chúm-chím, khi khóc sụt-sùi, lúc cảm kích quá mạnh thì cất tiếng nói lớn như



*Quan Toàn-quyền Rousseau
giữa hồi Phan-đình-Phùng*

tiếng nổ ở trên không, lúc động chạm tới tâm-sự thể-lương thì tiếng nói nhẹ-nhàng như hơi gió bay qua trước mặt, khiến cho ông Cao-Thắng nghe lấy làm cảm động bùi ngùi, nhưng ông không khỏi sinh nghi; nghi là kẻ do-thám của Bảo-hộ sai đến. Sau khi cô Tám nói hết tâm-sự rồi, Cao-

Thắng không trả lời gì hết, chỉ hét gọi đao-phủ-quân :

— Quân đao phủ đâu? Bay lôi con mụ này ra trước cửa trại mà chặt đầu nó đi cho mau. Nó dám cả gan tới đây bày điều kiếm chuyện để do thám binh tình của ta!...



Cao-Thắng muốn làm bộ ra oai để thử tài thử gan cô Tám vậy thôi, chớ không phải hô lính chém đầu cô thiệt đâu.

Việc tuần-phòng tra xét ở sơn-trại nghiêm lắm, nếu ai có chút hình-tích hơi nghi là kẻ do-thám thì đã bị bắn chết từ khi mới bước căng vô trại ngoài rồi, không khi nào được vô tới trại trong để yết-kiến quan Đồng-nhung.

Vả lại cô Tám đâu có sợ chết.

Cô Tám tự nhiên như không, chẳng có sắc mặt gì tỏ ra sợ hãi hay là hối-hận; cô chỉ cười và nói:

— Những thứ người mưu hại đồng-bào như thế ở đời cũng có thiệt nhưng người đó không phải là tôi. Tướng-quân có muốn giết thì cứ giết đi, tôi rất vui lòng, lòng dạ tôi thế nào, đã có thần-minh trên cao soi xét và có người ở dưới suốt vàng biết dùm tôi, tôi không cần biện bạch làm gì. Miễn là xin tướng-quân thương xót đưa con mồ-côi này mà chăm nom dạy dỗ, tôi dầu có chết cũng được yên lòng nhắm mắt.

Nói đoạn, cô ôm chặt đứa nhỏ hôn-hit và khóc nức nở. Mấy tên quân đao phủ vừa toan lời cô Tám ra hành hình, thì ông Cao-Thắng khoát tay mà nói:

— Bay không được vô-lẽ!

Rồi ông bước xuống thềm đỡ tay cô Tám đứng dậy và cung kính mời ngồi:

— Tôi muốn thử cho biết can-đảm của cô đó thôi. Cô thực là một bực cang-cường nghĩa-khí, tôi rất kính-phục. Nay cô tình-nguyện ra sức với nghĩa-quân, tấm lòng quý hóa biết mấy, nhưng còn đứa con trẻ này bận rộn bên mình thì cô tính sao?

— Bẩm tôi đã có chỗ xử trí, tướng-quân khỏi lo.

Tức thời Cao-Thắng thân dẫn cô Tám vô đại-dồn yết-kiến cụ Phan, trình bày sự-thế. Cụ Phan còn đang ngần ngại, chưa biết dùng tài một người đàn-bà vô chỗ nào, bỗng có tiểu-đội nghĩa-binh đi tuần về, báo tin rằng cách xa sơn-trại 30 dặm, có một toán lính tập lối 30 người do một viên quản-cơ làm đầu, hiện đóng ở trong một cái miếu từ hai bữa nay, không biết là họ có ý cử-động gì.

Cụ Phan chưa kịp suy tính ra sao, cô Tám chụp nói :

— Sẵn có cơ-hội này, xin cụ cho tôi đi bắt toán lính ấy để lập công sơ-kiến với nghĩa-binh, được chăng ?

Cả cụ Phan và Cao-Thắng cùng lấy làm lạ :

— Một thân đàn-bà, cô định dùng kế gì mà bắt nổi cả đám lính tráng con trai như thế ?

— Bẩm cụ, tôi có cách bắt được, mà quân ta không phải hao một viên đạn nào mới hay, chỉ xin giao hẹn đến ngày thứ ba, thì cụ cho mấy chục tên kiện-tốt, mặc đồ giả làm người đi buôn bán và giả làm một tốp nông dân đi lảng-vảng qua trước miếu, hễ thấy tôi liếc mắt ra dấu bảo họ ra tay thì họ cứ việc.

Cụ Phan cho đi. Cô Tám từ giả tức thời xuống núi. Cô đi vô một làng xóm gần đó, mua một cây đòn gánh thiệt chắc, một đôi thùng, chất đầy rượu thịt quả bình nhiều thứ, lại sửa sang mặt mày và trang điểm cho ra vẻ con người xinh đẹp mà hơi lảng-lo, rồi quảy gánh thùng-thăng đi tới chỗ lính-tập đang đóng để bán hàng. Ai lạ gì mấy thầy quyền

phần nhiều là hạng ham ăn ham sắc. Nay thấy có cả « sắc » cả « ăn » đến bên mình, thì mấy thầy khoái « chí tử ». Thịt mỡ đem tới miệng mèo, bao giờ nó chê !

Cô Tám lại khéo làm bộ chai-lơ tinh-tử hết hồn, mà nụ cười tiếng nói rất là có duyên ; cả toán lính xúm lại bu quanh cái gánh của cô mà mua rượu mua bánh tíu-tít. Cậu nào thả dọng chàng-màng, ve-vãn, cô cũng niềm-nỡ chiều đãi như cách đã trao xương gửi thịt cho nhau từ bao giờ rồi vậy.

Đến đôi các cậu mua chác, ai có sẵn tiền thì trả, ai khô xu cạn túi cô cũng bán chịu thả cửa, nói rằng : — « Thầy cứ dùng món gì tùy ý, mai một lãnh lương rồi trả cho em một lần cũng được. Em có phải xem của trọng hơn người đâu ». Mấy tiếng nói đó làm cho thầy quyền nào cũng gần chết mệt.

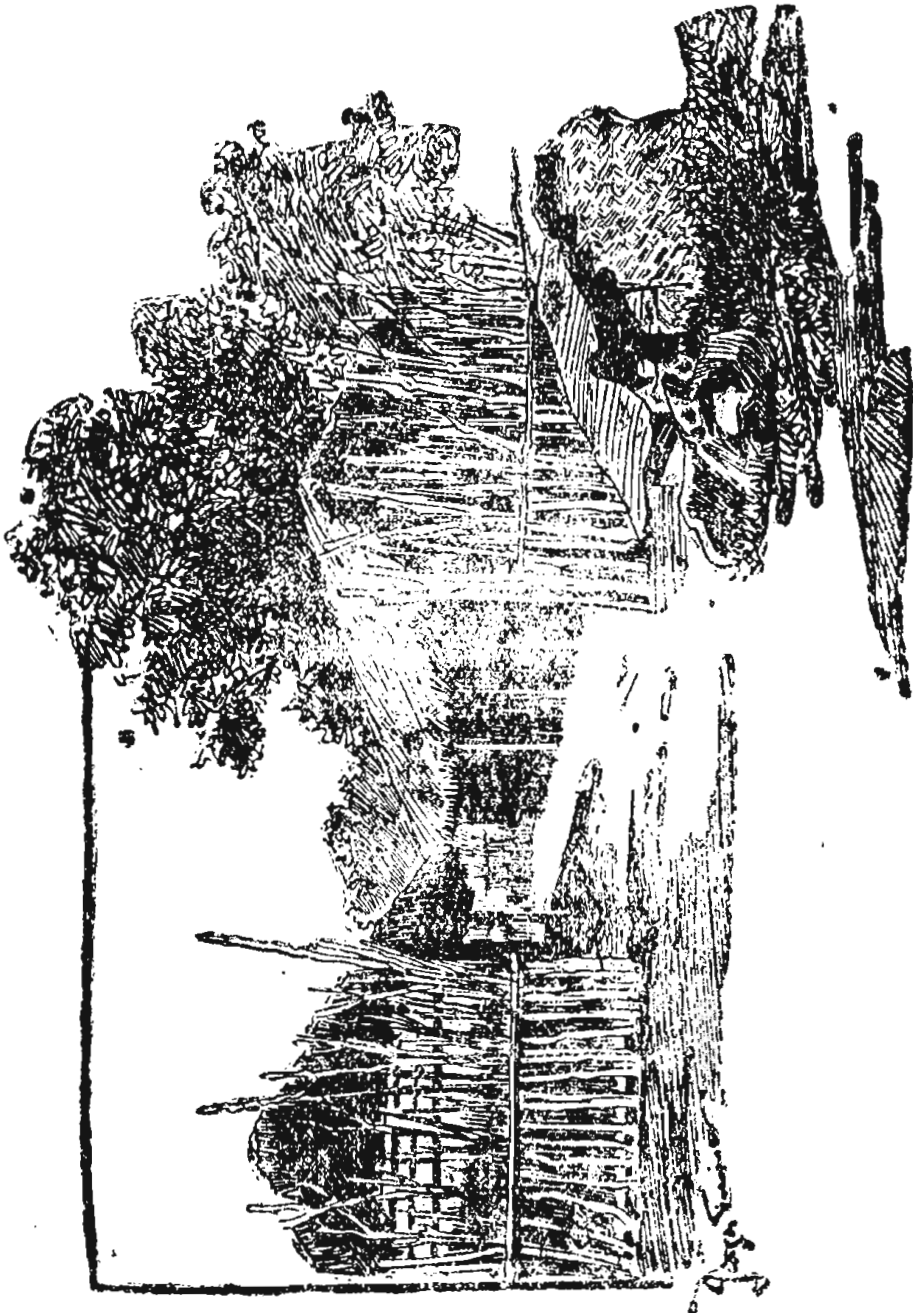
Qua ngày bữa sau, cô lảm lại gánh rượu thịt tới, bọn lính hết sức vui mừng, xúm lại mua nem rượu vừa đánh chén, vừa nói chơi, men sắc và men rượu nhập lại, làm cho các cậu say mèm. Cô hàng lại càng chịu khó hầu hạ chiều chuộng, thêm vẻ thân-mật hơn ngày hôm trước.

Họ đình ninh bảo cô ta làm sao ngày mai mua được thịt dê và rượu lậu cho ngon, đem tới đây để anh em ăn uống một bữa cho thiệt khoái chí.

Quả nhiên hôm sau cô Tám gánh tới một gánh thịt dê nấu nướng đủ kiểu đủ mùi và một vò rượu thiệt ngon.

Các thầy quyền ta mừng quá, luôn miệng khen cô ả này ngoan nết dễ thương. Rồi họ ngồi lết trên

bãi cỏ, cứ năm bảy người làm một tốp, cô Tám dọn một mâm thịt dê, một chai rượu bố. Muốn ngồi đánh chén cho khoan khoái thông thả, từ ông quản



Một điểm canh gác của dân làng ở miệt Hương-sơn

đến các thầy quyền, đều tháo hết giày nịt, túi đạn, bầy don-nết, và gác súng đạn lại một nơi ở trên thềm miếu thờ thần. Vạy rồi họ ngồi rung đùi uống

rượu nhắm với thịt dê, chén chú chén anh, vui vẻ đắc chí. Lúc ấy, ông trời họ cũng coi như thằng trẻ con.

Cô Tám day trở hầu hạ khuyển mời, hết sức châu chí, xem chừng cậu nào thiết là bợm rượu thì cô nói khêu khích cho cậu càng uống già, còn cậu nào nghe chừng không uống được mấy, thì cô lại làm cách khuyển lợn âu yếm cho cậu phải vui lòng nhắm mắt mà uống vì cô. Lại gì trong rượu có pha thuốc mê, dầu uống nhiều ít gì cũng mau say lắm.

Chốc lát, cả đám lính đều say như-tử, cặp mắt cậu nào cũng lơ lơ như sắp chết. Cô Tám biết thời cơ đã đến nơi rồi, càng ra sức hầu hạ nào quạt, nào rót nước, nào nâng đỡ, cô không ngần ngại một chút nào.

Giữa lúc đó ở trước cửa miếu, xôn xao đông người tụ lại, Ấy là dân làng sở tại, thấy lính ăn uống vui vẻ chọc gheo cô hàng, thì họ cho là sự lạ, kéo nhau lại đứng ngó trôn và cười thầm. Ai không biết thói tục xứ mình, hơi có động rạng khác thường chút xiu, tức thời có người bu lại đông đầy. Hai chục người tráng-sĩ ở Ngàn Trươi sai xuống, giả làm lái buôn và dân cày, lúc ấy cũng trà trộn vào trong bọn dân làng, trong mình mỗi người đều có giắt đoản-đao sắc lẹm. Họ chỉ đợi chờ có ám-hiệu là xông vào ra tay mà thôi.

Toàn lính đang say mèm, không chú ý gì đến sự người ta xôn xao đông đảo, lần hồi các cậu nằm lăn ra trên cỏ mà ngủ, trông như một đống tử-thi.

Bấy giờ, cô Tám liền tới vỗ về và quạt mát cho viên quản ngục thiết say, một lát cô lén móc được khẩu súng lục của va, rồi chạy ra đứng ngay chỗ chắt súng đạn kia, đưa mắt ra hiệu cho bọn phục-binh bảo họ ra tay. Tức thời, 20 tráng sĩ xen lộn trong đám dân làng và trẻ con, rút đoản đao nhẩy ùa vào hô hán vang dậy: « Trói cả chúng nó lại, anh em! » Bọn lính đang mơ màng, bỗng nghe la giạt mình, hốt hoảng vùng dậy, nhưng mà nhiều anh dậy không nổi: anh nào đứng dậy được thì ngó thấy con mẹ bán quà cho mình ăn, đưa súng sáu ra bảo im không thì bắn chết, thành ra không cậu nào dám hó hé, vả lại hồi này cũng không cậu nào còn sức chống cự gì được.

Tráng sĩ Ngàn Trươi trói cả mấy chục cậu lính vào một đồng ngòi chồm hồm với nhau, trơ mắt vừa ngó vừa run. Cô Tám truyền lệnh cho anh em tráng-sĩ chia nhau khiêng vác hết thầy súng đạn và khí cụ của toán lính đem lên sơn-trại. Ngó mặt bọn lính, cô Tám vừa cười vừa nói cay chua :

— Luôn ba bữa nay, em đem thân chiều chuộng các ông, chỉ cốt mượn đỡ mấy chục khẩu súng của các ông cho nghĩa-binh dùng đó thôi. Còn thân các ông bây giờ, thôi em rộng lượng tha cho sống sót mà về ở với vợ con.

Có Tám nói đoạn rồi đi như bay. Bọn lính ngó theo hình như bề gan ói mặt, nhưng không biết làm thế nào, khỏi chết là may lắm rồi.

Cô Tám về đại đồn nạp súng đạn, và bầm rồ đầu đuôi công việc, bởi toán lính-tập là đồng bào nên

cô suy nghĩ không nên sát hại hay là bắt họ về làm chi.

Nghe chuyện, cụ Phan cũng phải tức cười, và khen ngợi cô Tám:

— Ai ngờ nhi-nữ mà mưu mô đảm lược đến như thế sao ?



Vua Chu-La-Long Korn nước Xiêm giữ lúc Phan-đình-Phùng ở nước ta. Nghe nói Hoàng-hậu là người Annam, nay vẫn còn.

Bữa sau, cụ Phan truyền mời cô Tám lên nghị-sự-đường để bàn tính một việc binh cơ quan-hệ.

Cụ nói :

— Nghĩa-quân hiện nay có một việc thật là khó khăn, nếu cô sẵn lòng giúp đỡ cho được thì hay lắm: việc qua Xiêm mua thuốc đạn. Việc này bấy lâu nghĩa binh vẫn đặt riêng mấy người lâm-phúc ở luôn bên Xiêm, để chuyên về việc mua vật liệu thuốc

đạn, rồi đã có người khác đem về. Song chỉ ngặt vì một nôi đường xá hiểm trở quá, đàn ông đi lại,

thường không thuận tiện bằng đàn bà; nếu đàn bà giả làm người buôn bán mà đi, thì giữa đường không có ai ngờ vực xét hỏi. Có điều là công việc khó nhọc vất vả lắm, chẳng biết cô có đương nổi được hay không?

— Cụ muốn bảo tôi chết, tôi cũng dám chết ngay được liền bây giờ, sự khó nhọc vất vả có xá kể chi, thưa cụ.

— Vậy thì nghĩa-quân ủy-thác việc ấy cho cô, cô nên vì việc nước hết sức nghe.

— Dạ, đến chết thì thôi!



Từ đó nghĩa quân không thiếu thuốc đạn, trước kia chế đạn bằng bốn phần thuốc ta, một phần thuốc tây, bây giờ có thể dùng quá phần nữa là thuốc ngoài đem về. Ấy là nhờ có người bên Xiêm tru-biện giúp cho. Và nhờ có người đàn bà là cô Tám giả làm khách buôn bán, mạo-hiêm chuyên chở về được đến nơi đến chốn.

Khi cô Tám sang Xiêm lần đầu, cô dắt cả đứa con của Lê Doãn đi theo, nhưng cô để nó ở lại bên Xiêm, gửi người ta nuôi dùm, cho khỏi bận rộn trở ngại công việc. Cô đi đi về về, chuyên chở thuốc đạn được bốn năm chuyến; mỗi chuyến được năm bảy ngàn cân, chứ không phải ít. Vì cô khéo sắp đặt thuê mướn mấy chục thổ-nhân, gánh vác lần hồi từng chặng, giả như là chuyên chở hàng hóa theo cách đi đường rừng vậy.

thường không thuận tiện bằng đàn bà; nếu đàn bà giả làm người buôn bán mà đi, thì giữa đường không có ai ngờ vực xét hỏi. Có điều là công việc khó nhọc vất vả lắm, chẳng biết cô có đương nổi được hay không?

— Cụ muốn bảo tôi chết, tôi cũng dám chết ngay được liền bây giờ, sự khó nhọc vất vả có xá kể chi, thưa cụ.

— Vậy thì nghĩa-quân ủy-thác việc ấy cho cô, cô nên vì việc nước hết sức nghe.

— Dạ, đến chết thì thôi!



Từ đó nghĩa quân không thiếu thuốc đạn, trước kia chế đạn bằng bốn phần thuốc ta, một phần thuốc tây, bây giờ có thể dùng quá phần nữa là thuốc ngoài đem về. Ấy là nhờ có người bên Xiêm tru-biện giúp cho. Và nhờ có người đàn bà là cô Tám giả làm khách buôn bán, mạo-hiêm chuyên chở về được đến nơi đến chốn.

Khi cô Tám sang Xiêm lần đầu, cô dắt cả đứa con của Lê Doãn đi theo, nhưng cô để nó ở lại bên Xiêm, gửi người ta nuôi dùm, cho khỏi bận rộn trở ngại công việc. Cô đi đi về về, chuyên chở thuốc đạn được bốn năm chuyến; mỗi chuyến được năm bảy ngàn cân, chứ không phải ít. Vì cô khéo sắp đặt thuê mướn mấy chục thổ-nhân, gánh vác lần hồi từng chặng, giả như là chuyên chở hàng hóa theo cách đi đường rừng vậy.

XIII

VIỆC BẮT TUẦN-PHỦ

ĐINH-NHO-QUANG



Mấy lúc ban đầu chánh-thể Bảo-hộ mới lập, cố-nhiên là Bảo-hộ cần dùng có đám quan-lại và sĩ-phu quy-thuận, đứng làm trung gian để bày tỏ lợi-hại với dân và thấu phục lòng dân cho dễ.

Thủ-đoạn và phương-lược đi chinh-phục người ta bao giờ cũng vậy.

Trong đám quan-lại sĩ-phu đó, có những người chịu khuất phục thời thế, song vẫn giữ tư-cách cao-thượng, lương-tâm trong sạch; họ biết hơn thời-thế giúp Bảo-hộ mà chớ-che, thương-xót, giúp đỡ cho dân; trái lại, cũng có những người thấp hèn, tàn nhẫn, thì hơn cơ-hội này mà lợi dụng thế thần áp bức dân-chúng, cho được phú quý tấ

thân, thỏa mãn tư dục của họ mà thôi, còn thì sống chết mặc ai, nước non thây kệ!

Hạng dưới đó làm khổ dân không biết bao nhiêu. Bởi vậy, một đoạn trên kia chúng tôi đã nói việc cách-mạng của cụ Phan có hai nghĩa : trước hết là chống với người Pháp, toan bề khôi-phục nước nhà đã đánh, mà sau là cốt trừ đám sĩ-phu quan lại người Nam mình hay dựa thời-thế để làm hại dân.

Từ khi cụ khởi binh, thường cướp phá bọn này nhiều, có ý để cho những kẻ khác trông lấy gương đó mà chừa thói ỷ thế hại dân đi. Có việc cụ làm thống-khoái nhất là việc bắt Tuần-phủ Đinh-nho-Quang.

*
* *

Đinh nho-Quang là người huyện Hương sơn, tỉnh Hà-tĩnh, có tiếng là một tay danh-sĩ, nguyên trước làm Tuần-phủ tỉnh Hà-tĩnh. Sau về hưu rồi, Bảo-hộ vờ ra cho sung vào công việc đi tiểu phủ các đảng văn-thân. Đinh vốn là bạn thân với cụ Phan, nếu không tán-thành việc cụ làm thì cũng nên trung-lập hay là đứng bàng quan mới phải nhưng nay đã ra phò Bảo-hộ mà đánh văn-thân thì thôi, lại còn ra ý khinh rẻ cụ Phan, và ỷ-thế đi tiểu giặc mà ra tay hành hạ dân-gian đảo đẽ.

Đinh có viết một bức thư, khuyên dỗ cụ Phan ra hàng, lời lẽ rất là ngạo-mạn trong có một câu rằng :

Ông chỉ nằm bẹp ở trong núi, không chịu ra hàng, để ban đêm thì làm hùm làm beo, còn ban ngày thì làm chồn làm cáo, tưởng không phải là kẻ vững bền được đâu.

Thế là Đình có ý khinh rẻ cụ Phan, coi như giặc cướp, chỉ ban đêm mới dám lộ đầu ra, cướp bóc đốt phá của dân, hung hăng như hùm như cọp, còn ban ngày thì sợ hãi, chui-nhủi trong bụi trong rừng, không dám thò mặt ra. Trái lại, văn-thân và nghĩa-binh cụ Phan lúc ấy có đến đối hèn nhất như thế đâu : nhiều khi ban ngày cũng đối chiến với quân lính Bảo-hộ là sự thường thấy. Còn sự cướp phá của dân thì không hề, chỉ cướp phá bọn quyền quý tham-ô nịnh hót thôi.

Bởi vậy cụ Phan cả giận, liền hội các tướng và hạ lệnh hỏi rằng :

— Trong các tướng, có ai đi bắt sống tướng Đình-nho-Quang đem về đây cho ta thì có trọng thưởng.

Ông Cao-Thắng ứng tỉnh mà nói :

— Tiểu-tướng xin làm việc đó.

*
* *

Năm ấy là giữa năm Thìn (1892).

Tuần-phủ Đình-nho-Quang sau khi về hưu, vẫn giữ chức làm Tiểu-phu Quân-vụ ở hạt Hương-sơn, hiệp với Lê-kinh-Hạ làm Tham-biện quân vụ, và một tên Bang-biện là Đạt, thì trông nom việc tuần-phòng trong huyện.

Khắp trong huyện, họ đặt ra đến hai mươi đồn, đồn nào cũng có 30 tên lính tập đóng, rất là nghiêm mật. Còn ở nhà riêng của Đinh nho-Quang, và nhà riêng Lê kinh-Hạp đều có ba mươi tên lính-tập ngày đêm vác súng canh-phòng hộ vệ. Bang-biện Đạt thì quản-xuất một đạo binh 50 người đi lại tuần phòng trong hàng huyện, hết đồn nọ đến đồn kia, suốt cả đêm ngày, cẩn thận hết sức. Thế ấy nghĩa-quân có muốn đánh tràn xuống để bắt Đinh-nho-Quang, cũng mất nhiều hơi sức, chưa dễ gì phá được bao nhiêu đồn lính đóng liên tiếp nhau kia; mà nói ví dụ nghĩa-binh có đánh sẵn đến nơi, thì Đinh-nho-Quang cũng tìm đường trốn mất rồi, chắc đâu bắt sống và được?

Ông Cao-Thắng phải dùng kế.

Hồi ấy là tháng mười. Nhân có một viên Thiếu-úy Pháp dẫn một toán lính-tập chừng 80 tên, ở tỉnh Nghệ đi về tuần tiễu các miệt rừng núi thuộc về hạt Hương-sơn, chừng năm bữa thì trở về tỉnh Nghệ. Cao-Thắng sai người đi dò la, biết chắc như thế, mừng lắm :

— Ta đã có kế bắt được Đinh-nho-Quang rồi.

Bây giờ sáng sớm hôm ấy, Cao Thắng lựa chọn năm tên lính lanh lẹ, cho mang sắc phục giống y lính tập của Bảo-hộ, đeo súng tây, vác một lá cờ tam sắc, lên xuống núi, giả làm binh của tây, đi khắp các đồn mà truyền báo rằng: ngày mai có một ông quan hai dẫn lính đi tuần-tiễu ngang qua, lính đóng các đồn phải ra ngoài cửa đồn bồng súng đứng sắp hàng để chào và để kiểm-duyet, nếu sai lính thì bị phạt. Các đồn tưởng thiệt đều vàng lệnh răm-rắp.

Ai nghe nói ông Cao-Thắng cho nghĩa quân mặc giả y-phục lính tập và cầm cờ tam sắc, thì lấy làm lạ, vì ông làm gì có những đồ ấy? Nhưng chúng ta nên biết rằng: Bình nhứt Cao-Thắng vẫn cho quân mình vận đều một thứ sắc phục gần giống như lính tập, ngay đến sắc phục của lính tập thiết và cờ tam sắc, thì trong trại nghĩa-quân thường có sẵn luôn luôn, do nơi những trận đánh nhau đã bắt được của lính Bảo-hộ.

Qua sáu giờ sáng hôm sau, quả nhiên có một toán 100 lính tập kéo đi ngang các đồn. Đi đầu là một ông quan binh người Pháp, thân hình vạm-vỡ và râu ria y như người Pháp, ngồi trên một con ngựa trắng trước mặt có toán lính âm-nhạc, vừa thổi kèn đánh trống vừa đi, rất là oai vệ. Đi qua đồn nào, thấy lính ở đồn ấy, đã bồng súng ra đứng chào ở ngoài cửa, đợi quân kéo đi rồi mới trở về.

Rồi toán quân ấy kéo ngay tới trước cửa nhà Tuần phủ Đình-nho-Quang. Ngoài cửa nhà Đình có lập một cái quán nghỉ chân. Toán quân kia kéo vào đó nghỉ. Viên quan võ Pháp sai lấy rượu và bánh ra ăn còn lính cũng ăn bánh uống nước một cách tự nhiên như thường không ai ngờ vực gì hết. Tốp lính canh gác ở nhà cửa Đình, thấy là bọn mình nên chẳng đề phòng gì lại có ý vui mừng nữa là khác.

Bọn lính ăn uống xong rồi có hai người là thầy đội, lẳng vẳng đến trước cổng nhà Đình, lân la làm quen với mấy tên thủ-hạ Đình và làm bộ hỏi rằng:

— Nhà của ông lớn nào đây mà có anh em ta canh gác như vậy, mấy anh?

Thủ-hạ Đinh nói đây là nhà cụ lớn Tuần-phủ Đinh nho-Quang. Hai thầy đội làm bộ ngạc-nhiên :

— A! té ra nhà của cụ lớn Tuần...

Đoạn hai thầy đội nói với mấy cậu thủ hạ của cụ lớn như vậy :

— Chúng tôi trước đóng ở Hà-tĩnh, giữa lúc cụ lớn ở đây đang làm Tuần-phủ tại đó, thành ra chúng tôi đã được cơ hội ra vô hầu hạ cụ lớn rất thường. Về sau anh em tôi dời đi chỗ khác, đã ba năm nay, không biết tin tức cụ lớn ta thăng chức thế nào nay vì việc quan, may mắn sao đi qua nhà cụ lớn, vậy anh em làm ơn vô bẩm cụ lớn, cho chúng tôi vô hầu thăm giây lát có được không?

Một tên thủ-hạ chạy vô trong nhà bẩm rõ sự thể, Đinh chịu liền. Hai thầy đội rón rén bước vô vái chào một cách hết sức cung kính sợ hãi, rồi vòng tay đứng nói những tình nghĩa thầy trò cũ. Đinh có nhớ đầu được là hai thầy đội này trước có đóng ở Hà-tĩnh không, và đã có dịp đi lại hầu hạ mình không, chỉ biết là họ có lòng kính trọng mình mà nhìn nhận là thầy trò cũ thì cho họ vô nhà đó thôi. Kể ra nịnh hót, được người ta nịnh hót là khoái. Trong lúc nói chuyện Đinh lên mặt thầy khuyên nhủ họ nên hết sức giúp nhà nước Đại-Pháp mà đánh giặc lập công v. v. . .

« Thầy trò » đang đàm đạo, thì có một tên lính-lập ở ngoài chạy vô sân nói với hai thầy đội:

— Mời hai thầy ra quan đòi có việc cần.

Hai thầy đội liền bái-từ Đinh đi ra.

Trong lúc đó, tất cả toán lính đi tuần đó, phân nửa ở ngoài, còn phân nửa đã lọt vô trong vườn của Đình, tốp năm tốp ba, vai vắn mang súng, miệng hút phi-phà, đi bách bộ trong vườn với nhau để xem hoa ngoạn cảnh. Thủ-hạ của Đình thấy là lính nhà nước, thành ra chẳng ngăn trở và đề-phòng làm gì.

Một lát, một thầy đội trong hai thầy đội vào hầu Đình hỏi nầy, lại chạy vô trong nhà vòng tay bắm với Đình rằng:

— Khi hồi anh em chúng con vô đây hầu thăm cụ lớn, quan trên chúng con thấy vắng mặt, nên sai lính tìm kiếm và hỏi đi đâu, anh em chúng con cũng nói thiệt là đầy tớ của cụ lớn ngày trước, nay có dịp đi qua nên phải vô hầu thăm, cho phải đạo tôi tớ. Quan trên chúng con nghe tới đại-danh cụ lớn, rất lấy làm vui mừng vì xưa nay ngài vẫn nghe tiếng của cụ lớn lừng lẫy xa gần. Bởi vậy, ngài có ý muốn vô bái yết cụ lớn một là để tỏ lòng kính mộ, hai là để bàn việc quân, nhưng ngài còn e ngại, nên sai con vô bắm với cụ lớn hay trước, xem ý cụ lớn có chịu tiếp giờ này không?

Đình nghe nói là một vị quan binh Pháp xin vô bái yết mình, còn có gì vinh diệu và nở mũi cho bằng:

— Được! thầy ra báo tin trước đi, để tôi ra cổng đón rước quan lớn vô chơi.

Nói xong, Đình hét vang người nhà đầy tớ mau mau dọn dẹp bàn ghế, sắp sẵn ly rượu, rồi chỉnh tề khăn áo ra tận ngoài cổng rước khách. Tội nghiệp,

Đình vừa lò-mò ra đến ngoài cổng, thấy có bốn người tráng-sĩ đưa súng ngang trước mũi và hai người khiêng một cái võng, tề-thanh nói lớn rằng:

— Chúng ta phụng mạng của Phan nguyên-soái, xuống bắt tuần-phủ Đình-nho-Quang điệu về đại-trại, chớ không phải là quân Pháp nào đâu.

Họ vừa nói, vừa xốc ngay Đình mà đặt lên võng khiêng đi, còn bọn lính kia thì ngăn cản thủ-hạ Đình, không cho ai động dậy. Đình không ngờ mắc mưu như thế, chỉ nói được một câu: « Giặc nó bắt tao ». Rồi võng Đình đi trước, nghĩa-quân đi sau, rần rộ kéo đi tự nhiên, thủ hạ của Đình sợ hãi, đều chạy tan nát, không ai dám thò mặt ra cứu. Nghĩa-quân đi vừa thổi kèn vừa bắn xúng liên-thanh, nhắm ngay núi Vụ-quang trực chỉ. Trên núi nghe có hiệu súng, lại cho thêm hai đạo quân 200 người xuống núi tiếp ứng, đề phòng bị có lính Bảo-hộ phá vây giải cứu cho Đình chằng. Đến tối thì nghĩa-quân giải Đình về tới sơn-trại.

Sáng hôm sau, Cao-Thắng dẫn Đình vô nạp cụ Phan. Cụ cho Đình ngồi tử-tế rồi cười và nói:

— Ông cho tôi làm việc nghĩa-cử này là tầm bậy hay sao ? Các ông chỉ biết lo bảo-toàn vợ con, nhà cửa và tước lộc là sung sướng mà thôi, tưởng vậy đã đủ làm người cho người ta kính sợ. Sao ông ngu thế ? Tôi với ông có tình anh em đồng học, dẫu lẽ nay ông thấy tôi làm một việc gian-nan liết-tháo như vậy nên giúp đỡ cho tôi mới phải. Mà nếu có nhất gan lo chết thì thôi, ta nên giấu mặt đi mà nằm một số nhà yên thân cho xong, sao lại đành lòng đi nịnh hót và bầy mưu lập kế cho người ta đề toan

làm hại tôi. Đã vậy lại còn viết thơ mà nói xác-xược với anh em cố-giao nữa, ông nghĩ rằng mình ông có thể địch nổi được với quân của tôi sao? Thôi, thứ người có đầu óc tâm địa như ông, có nói chuyện nghĩa lý gì nữa cũng là vô ích. Bấy lâu làm quan với người Pháp, ông hay ỷ thế đè đầu bóp cổ dân mà lấy tiền, nghe nói bây giờ về hưu, giàu có sung sướng lắm. Vậy thì nên mau mau đem giúp cho nghĩa-binh lấy sáu bảy ngàn đồng đây, rồi tôi tha cho mà về. Chớ chẳng ai thèm giết ông làm gì, cho dơ dáy thanh gươm của tôi. Ông tự liệu lấy.

Đình hồ thẹn quá, ngồi cúi mặt làm thinh. Cụ Phan truyền lệnh đem ra ở đồn ngoài-cùng giam lại, giao cho 50 tên quân già yếu canh giữ. Đình vẫn mong sớm tối thế nào cũng có quân lính Bảo-hộ lên giải cứu cho mình. Nhưng đã bốn tháng không thấy tin tức gì, bởi quân lính Bảo-hộ cũng không muốn khinh tấn vô sào-huyệt của nghĩa-quân vì cái tính-mạng của một viên tuần-phủ trí sĩ. Sau bốn tháng, Đình phải viết thơ cho người nhà đem lên nạp nghĩa-quân 4 ngàn đồng. Nhưng chưa đủ số nghĩa-quân cho chuộc mạng, thành ra Đình vẫn bị giam. Mãi tới về sau, quân lính Bảo-hộ đánh phá được đồn ngoài của nghĩa-quân, mới cứu được Đình sống sót mà về.

Việc nghĩa quân lập kỳ-muru bắt sống tuần phủ Đình-nho Quang làm chấn động dư-luận Nghệ-lĩnh hồi đó, nhân vậy mà bọn quan-lại xô-phụ thời-thế phải khiếp oai giữ mình, không dám ho he kích-bác văn-thân và khinh-thường nghĩa binh nữa.

XIV

Ô-HÔ CAO-THẮNG



Trong lúc nghĩa-quân đang có thể mạnh sức lo, làm xao-xuyến lòng người và tràn-lan khắp xứ, khiến nhà đương cuộc Bảo-hộ đang phải nhọc-nhăn lo ngại, không biết có giúp yên được không, và bao giờ mới giúp được; trong lúc nghĩa-quân đang cần người có trí có dũng để giúp đỡ cụ Phan về việc sai khiến tướng-sĩ, liệu lượng binh cơ, thì chợt có một cái tang rất đau đớn, rất thiệt hại, dòi dòi cả đại cuộc, rung động cả toàn-quân: cái tang Cao-Thắng tử-trận.

Cao Thắng là một người có tài to chí lớn thế nào, ai nấy đọc mấy đoạn trên kia đã biết; nghĩa quân đang cần phải có ông, đang phải dựa vào ông làm một bức tường thành, bỗng thiếu mất ông đi, tức là nghĩa-quân thiếu mất linh-hồn, kém hẳn thực-lực, chớ không phải vừa.

Hồi đó đã trải năm năm tích-tụ, năm năm dây dồ, Cao-Thắng ngó thấy nghĩa-quân có khí-giới có lương-thực, có công-phu tập luyện khá rồi, tuy không phải được dư-lực-chi, nhưng cũng đủ chống cự với quân Pháp trong một thời-gian. Bởi vậy ông suy nghĩ nếu mà nghĩa quân cứ chui nhũi lần quất ở trong rừng núi mãi, không lần bước lên một vài thì đến bao giờ mới chiếm cứ được một tấc đất làm căn-bản hẳn-hoi đề đề lấy việc lớn. Đã không lần được thì làm sao khỏi có ngày phải thụt lùi, phải hư hỏng. Vậy thì bây giờ, theo ý ông muốn, nghĩa-quân tất phải kịch liệt tấn-công một phen thế nào, chớ cứ ở mãi rừng núi như thế này. tuy là đất của mình thật, nhưng bốn phía đều có quân Pháp bao bọc siết cứng lấy mình, thành ra mình không khác chi con chim ở trong lồng, con cá ở trong chậu, vậy vùng gì được? Suy nghĩ vậy rồi Cao-Thắng vào hầu cụ Phan để bàn về việc tấn công huyết chiến một phen xem sao.

— Ý của ông muốn đem quân ra đi, thì đánh lấy đất nào trước?

— Tôi xin đi đánh tỉnh Nghệ trước.

— Tại làm sao lại đánh tỉnh Nghệ trước?

— Vì quân Pháp đối địch với ta, lấy tỉnh Nghệ làm nơi căn bản, đóng quân và tích lương ở đó rất nhiều, một là để chống giữ ta ở mặt Hà Tĩnh Quảng-Bình hai là để chặn đường không cho ta giao thông thanh khí với ngoài Bắc. Ngày nay nếu ta ngồi mà giữ đây mãi, đã chẳng phải là kế cứu an, mà lấy gì khích động được lòng người, mưu toan được việc lớn. Bao nhiêu nghĩa đảng trong nước bây giờ,

Hồi đó đã trải năm năm tích-tụ, năm năm dây dồ, Cao-Thắng ngó thấy nghĩa-quân có khí-giới có lương-thực, có công-phu tập luyện khá rồi, tuy không phải được dư-lực-chi, nhưng cũng đủ chống cự với quân Pháp trong một thời-gian. Bởi vậy ông suy nghĩ nếu mà nghĩa quân cứ chui nhũi lần quất ở trong rừng núi mãi, không lần bước lên một vài thì đến bao giờ mới chiếm cứ được một tấc đất làm căn-bản hẳn-hoi đề đồ lấy việc lớn. Đã không lần được thì làm sao khỏi có ngày phải thụt lùi, phải hư hỏng. Vậy thì bây giờ, theo ý ông muốn, nghĩa-quân tất phải kịch liệt tấn-công một phen thế nào, chớ cứ ở mãi rừng núi như thế này. tuy là đất của mình thật, nhưng bốn phía đều có quân Pháp bao bọc siết cứng lấy mình, thành ra mình không khác chi con chim ở trong lồng, con cá ở trong chậu, vậy vùng gì được? Suy nghĩ vậy rồi Cao-Thắng vào hầu cụ Phan để bàn về việc tấn công huyết chiến một phen xem sao.

— Ý của ông muốn đem quân ra đi, thì đánh lấy đất nào trước?

— Tôi xin đi đánh tỉnh Nghệ trước.

— Tại làm sao lại đánh tỉnh Nghệ trước?

— Vì quân Pháp đối địch với ta, lấy tỉnh Nghệ làm nơi căn bản, đóng quân và tích lương ở đó rất nhiều, một là để chống giữ ta ở mặt Hà Tĩnh Quảng-Bình hai là để chặn đường không cho ta giao thông thanh khí với ngoài Bắc. Ngày nay nếu ta ngồi mà giữ đây mãi, đã chẳng phải là kế cứu an, mà lấy gì khích động được lòng người, mưu toan được việc lớn. Bao nhiêu nghĩa đảng trong nước bây giờ,

đều trông ngóng vào ta mà định bước lui tới; đến có sức khá như ta mà cứ ngồi yên, thì họ cũng không dám động, nay nếu ta động thì tất là họ ùa theo, chắc sẽ bùng lên có thể mạnh lắm. Vả chẳng lấy rừng núi làm chỗ sáng-tạo thì được, chớ làm chỗ thủ thành không xong. vì quân Tây chẳng cần gì đánh ta, cứ bọc vây ở ngoài trong ít lâu, chẳng cần phải hao phí một tên lính, một viên đạn nào, có thể khiến cho ta ở trong tuyết lương, bí đường, tự nhiên lần hồi ta phải tan, phải chết. Tiều tướng dám quyết đoán rằng thế nào địch quân cũng dùng tới cái kế không cần đánh mà rồi thắng trận thành công như thế đó. Bởi vậy, nghĩa quân ta phải ra tay trước để mở lấy một sanh lộ mới được.

— Nhưng nếu ra đánh tỉnh Nghệ, mà Tây kéo quân ở trong ra, ở ngoài vô rồi hai mặt đánh dồn lại, thì tướng quân lấy gì mà chống cự cho nổi?

— Điều đó tiều-tướng đã suy nghĩ kỹ càng rồi. Tôi chỉ cần chống cự với mặt quân ở ngoài Bắc vào, chớ còn mặt trong tôi không sợ. Trong khi tôi tiến binh lên thu phục tỉnh Nghệ-an, tôi sẽ xin chủ-soái truyền lệnh cho các quân-thứ đều cử binh một lượt, không cốt gì đánh nhau, nhưng chỉ làm ra bộ lâm le đánh phá hai tỉnh Quảng-bình và Hà-lĩnh, làm vậy để chia sức quân Tây đi, họ không để hết tâm-lực đến mặt Nghệ-an nữa. Vả lại, nghĩa binh ta ra đánh bây giờ, cần phải liều chết mà đánh cho thiệt là thần-tốc, khiến cho địch-quân chẳng kịp trở tay, thì sự đánh hạ được thành Nghệ-an có lẽ cũng là việc dễ. Hễ hạ được Nghệ-an rồi, lúc khắc các đạo quân thứ ta thừa cái thắng thế ấy mà trường

khâu đại tấn, lên chiếm hai tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh nữa. Bọn nghĩa-sĩ các tỉnh thấy vậy, tất là họ nức lòng mà cùng nổi lên tứ tung. quân Tây có ba đầu sáu tay cũng phải bối rối. Rồi cụ đem đại-biuh đóng ở Quảng bình đón đường chống cự với quân ở trong kinh ra, tôi xin ở Nghệ-an để giữ vững mặt ngoài, nếu nghĩa-quân ta giữ chặt được giải đất như thế làm chỗ nương thân, làm nơi căn cứ, may ra có thể làm nên việc lớn được.

— Ví dụ lấy được Nghệ-an rồi mà Tây đem quân do đường thủy tới, thì ông lấy gì mà cự địch?

— Việc đó tôi cũng đã nghĩ tới rồi. Bấy giờ tôi đã có cách ngăn giữ không cho quân Tây đem tàu vào cửa biển được.

— Song quân ta hiện nay còn yếu thế lắm, sợ đi thì có điều bất lợi.

Cụ Phan nói câu ấy, là ý không muốn cho ông Cao-Thắng đi, nhưng ông nói lớn rằng:

— Đại trượng-phu đến chết là cùng, chớ có điều chi mà phòng sợ!

Rồi Cao-Thắng năn nỉ một mực xin đi, cụ Phan phải cho. Vả chẳng, nhân hồi bấy giờ, ở quân thứ phủ Anh-sơn tỉnh Nghệ là Nguyễn-Mậu, trù liệu việc quân lương có hơi chậm trễ, nên cụ cũng bằng lòng cho Cao-Thắng đi để thâu xếp việc đó luôn thể.

Cao-Thắng bèn chọn lấy một ngàn quân cường-kiện, luyện-tập lại cho thật giỏi, theo như binh pháp của người Tây. Duy có quân-phục thì ông cho mặc toàn sắc đỏ, vì ông lấy nghĩa rằng: phương Nam ta thuộc về Hỏa. còn phương Tây thuộc về Kim,

nay lấy hỏa khắc kim, ughĩa là lấy lửa nung vàng cho chảy ra, cho nên lấy sắc đỏ làm quân phục, là đề tượng về hỏa vậy. Đối với quân-sĩ, ông chỉ có một cái quân-lệnh rằng: « *hễ ai ra trận mà lùi lại thì chém đầu* ». Chính ông ra trận cũng không bao giờ chịu đi sau, bao giờ cũng xông pha lửa đạn mà lên trước, khiến cho quân lính đều nức lòng. Mỗi lần đánh nhau mà ông thường thắng là nhờ có cái can đảm ấy, nhưng kể ra ông cũng khinh sanh quá. Quân lính xưa nay, không những phục ông là người đại tài mà lại quý mến ông là người có độ lượng, vì đối với quân lính, ông lấy tình như anh em, khiến họ rất cảm phục, cho nên lần này ông ra binh, ai cũng vui lòng theo, không ngần ngại một chút nào.



Ông chia quân ra làm hai đội: ông và ông Nguyễn-Niên đi tiên-phong, còn em ruột ông là Cao-Nữu dẫn một nửa đi làm hậu-đội, rần rộ theo đường thượng đạo mà kéo đi, trông thẳng tỉnh Nghệ tấn phát. Con đường từ đó về tỉnh Nghệ có nhiều đồn trại của lính Bảo-hộ đóng để phòng cự văn-thân.

Đi giữa đường, gặp đồn nào là Cao-Thắng đánh phá đồn ấy, đánh nhau lâu là nửa ngày, mau là một giờ hay vài giờ đồng hồ là ông phá được. Ông đã phá được mấy đồn như thế. Trên kia đã có đoạn nói ông Cao-Thắng vốn là người có tiếng anh-hùng, lính-tập Bảo hộ đều biết, và có ý kiêng sợ lắm, cho nên mỗi khi họ tuân tiêu mà gặp quân ông, họ không dám ham đánh lắm, đều gọi ông là « *hồ-tướng* ».

Sau khi đánh phá mấy đồn rồi Cao-Thắng kéo quân ngang qua một đồn đó gọi là đồn Nỏ. Trong đồn chỉ có độ một trăm lính-tập mà thôi. Viên quan coi đội lính này, là một người minh, trước làm chánh quản, sau được thăng chức làm quan một lon, gọi là quan Một Phiến. Phiến nguyên trước cũng ở trong nghĩa-đảng, có cơ mưu lắm sau ra đầu hàng Bảo-hộ rồi đem thân vào hàng ngũ, lập nhiều quân công, thành ra được làm tới quan một như thế. Người Pháp tin dùng Phiến mới cho Phiến đóng ở đồn Nỏ là một chỗ hiểm yếu nằm ngay giữa đường, hễ địch quân nào có phá được đồn này thì mới có lối đi tới.

Phiến nghe tin báo rằng ông Cao-Thắng sắp kéo quân đi qua, liền dự bị cách nghinh địch. Và tự biết rằng quân mình ít, nếu ra đương-trường mà đánh nhau với quân Cao-Thắng, thì chắc là thua, bèn nghĩ đến cách « hư hư thực thực » để đánh ông. Cũng là lúc trời muốn giết ông, cũng là lúc trời không cho việc cách mạng của cụ Phan gượng gạo được lâu nữa, nên chỉ đến đây Cao-Thắng bị mắc mưu mà tử trận. Thương hại thay!

* * *

Phiến chia quân ra làm hai cánh: một cánh ở trong đồn nhưng khi quân Cao-Thắng đến đánh thì cứ bình tĩnh như thường, không được nao động hay cụ chiến gì hết mặc kệ nghĩa-quân cứ việc phá đồn, để chờ cho đến lối sẽ hay; còn một cánh thì ra mai phục ở ngoài đồn cách độ hai ba cây số, hễ lúc nào thấy trong đồn có hiệu riêng là một ngọn đèn sáng ở trên cột-cờ, ấy là lúc trong đồn ra hiệu cho ngoài biết rằng trong đồn bắn ra, thì quân phục

Sau khi đánh phá mấy đồn rồi Cao-Thắng kéo quân ngang qua một đồn đó gọi là đồn Nỏ. Trong đồn chỉ có độ một trăm lính-tập mà thôi. Viên quan coi đội lính này, là một người minh, trước làm chánh quản, sau được thăng chức làm quan một lon, gọi là quan Một Phiến. Phiến nguyên trước cũng ở trong nghĩa-đảng, có cơ mưu lắm sau ra đầu hàng Bảo-hộ rồi đem thân vào hàng ngũ, lập nhiều quân công, thành ra được làm tới quan một như thế. Người Pháp tin dùng Phiến mới cho Phiến đóng ở đồn Nỏ là một chỗ hiểm yếu nằm ngay giữa đường, hễ địch quân nào có phá được đồn này thì mới có lối đi tới.

Phiến nghe tin báo rằng ông Cao-Thắng sắp kéo quân đi qua, liền dự bị cách nghinh địch. Và tự biết rằng quân mình ít, nếu ra đương-trường mà đánh nhau với quân Cao-Thắng, thì chắc là thua, bèn nghĩ đến cách « hư hư thực thực » để đánh ông. Cũng là lúc trời muốn giết ông, cũng là lúc trời không cho việc cách mạng của cụ Phan gượng gạo được lâu nữa, nên chỉ đến đây Cao-Thắng bị mắc mưu mà tử trận. Thương hại thay!

* * *

Phiến chia quân ra làm hai cánh: một cánh ở trong đồn nhưng khi quân Cao-Thắng đến đánh thì cứ bình tĩnh như thường, không được nao động hay cụ chiến gì hết mặc kệ nghĩa-quân cứ việc phá đồn, để chờ cho đến lối sẽ hay; còn một cánh thì ra mai phục ở ngoài đồn cách độ hai ba cây số, hễ lúc nào thấy trong đồn có hiệu riêng là một ngọn đèn sáng ở trên cột-cờ, ấy là lúc trong đồn ra hiệu cho ngoài biết rằng trong đồn bắn ra, thì quân phục

binh ở ngoài mới được bắn vào sau lưng nghĩa quân. Bỏ trí đầu đó rồi, Phiến chỉ chờ đạo nghĩa quân Cao-Thắng đến.

Cao-Thắng thừa được thế thắng ở mấy đồn kia-kéo quân trực-chỉ đồn Nỏ. Nghĩa quân đến nơi nhằm lúc sẽ chiều một chút. Nhưng Cao-Thắng chẳng thấy động tĩnh gì hết, ban đầu tưởng là quân trong đồn đã sợ mà bỏ đi rồi, sau ông suy nghĩ cũng còn sợ kế mai-phục gì chẳng, nên không dám cho quân lính tràn tới, đành phải đóng binh lại, để chờ tình hình xem sao đã.

Một lát, trong đồn có người chiếu ống dòm ra ngoài. Cao-Thắng lanh mắt ngó thấy, biết rằng lính đồn cố sức giữ, bấy giờ ông mới hô quân đánh đồn, Mấy trăm khẩu súng chỉ thẳng vào đồn mà bắn như mưa vào, mà trong đồn cứ im phăng phắc, không có một tiếng súng nào bắn ra. Nghĩa-quân hai ba lần muốn xông pha hãm thành, nhưng rồi lại thôi. Mãi đến trời tối một lúc, thấy trong đồn kéo lên một ngọn đèn cao, rồi thì ở trong bắn ra Cao-Thắng hô quân nằm rạp xuống đất mà ứng-chiến. Quân trong đồn đều núp chỗ kín, ngó ra thấy ngọn lửa của nghĩa quân lập lòe ở chỗ nào, là nhắm theo chỗ ấy mà bắn; còn nghĩa-quân ở ngoài chỉ bắn phông vô phía đồn, chớ không biết là có tin hay không. Linh-tập mai phục ở ngoài đồn, thấy hiệu đèn sáng, bắt đầu chìa súng ngay sau lưng nghĩa-quân mà bắn. Nghĩa-quân đang đánh đồn, chợt thấy đằng sau cũng có tiếng súng nổ liên thình, nghĩ rằng có quân tây ở đầu đến cứu-việc, mà trời tối đen như mực, chẳng biết là viện-binh ấy nhiều ít

thế nào, chỉ biết là trước sau đều bị đánh cả, khiến cho lòng quân đã hơi biến loạn. Cao-Thắng thấy sự thế như vậy, sợ quân sĩ nếu không quyết tử chiến thì không xong, ông liền nhảy lên mà hét lớn :

— « Lúc này chúng ta không đánh mà chết, còn đợi đến bao giờ ».

Tức thời, ông chia quân ra làm hai đội, một đội thì cứ việc đánh đồn, còn một đội quân thì đề cự địch với quân mai-phục gọi là quân viện binh ở đằng sau: Mỗi đội gồm độ 150 người. Vì liếng là ông đem 1.000 binh, nhưng do hai ông Nguyễn-Niên và Cao-Nữ quân-xuất nhiều hơn, và tấu binh do đảng khác, chớ chưa hiệp nhau. Chính ông Cao-Thắng thúc giục quân lính xông tới hãm đồn, và tự ông xông pha lên trước, thành ra bị một viên đạn ở trong đồn bắn ra, trúng ngay bên bụng, ông liền ngã ra. Quân sĩ thấy ông chủ-tướng bị đạn rồi, thì không ai dám ham đánh nữa, mau mau rút đi, hiệp với đạo quân sau vừa đánh vừa lui. Quân trong đồn và quân mai-phục ở ngoài, biết nghĩa-quân chạy lui, tuy họ trông ra không thấy gì hết, nhưng cứ bắn phóng theo, làm cho nghĩa-quân trúng đạn chết nhiều lắm. Có điều là lính-tập trong đồn ngoài đồn tuyệt nhiên không biết là Cao-Thắng bị đạn mà nghĩa-quân tháo lui.

Nghĩa-quân công ông Cao-Thắng chạy mãi đến mấy chục dặm, mới tạm đóng binh ở trong một làng gần bên núi để lo cứu chữa thương tích cho ông. Lúc bấy giờ ông hãy còn sống, nhưng mà bị đạn trúng vào mạng-mỡ, đau lắm, đến đôi mê man, không nói được câu gì nữa. Quân-sĩ dùng hết mấy

món thuốc cứu thương đem theo, và lại hái lá này lá kia để cột chỗ thương tích, nhưng mà cũng vô công hiệu, Cao-Thắng nằm mê man thêm thiếp sau mấy giờ đồng hồ, bỗng dưng thấy ông mở mắt ra nhìn quanh chur tướng, nước mắt tràn xuống hai bên gò má, thở dài mấy tiếng rồi mất. Ngày ấy chính là ngày tháng 10 năm Quý-tị (1893), ông mới có 29 tuổi. Than ôi! Trời xanh không tựa, tuyết đấng anh-hùng, hòn đạn vô tình, giết người chí-sĩ. Thảm thay!

Tin dữ báo gấp đến Ngàn-Trươi, cụ Phan khóc lóc kêu gào rất là thảm thiết:

— « Trời hại tôi! Ông Cao-Thắng ôi! Trời hỡi trời! »

Tức thời cụ truyền lệnh phải đem di-hài ông lên Ngàn-Trươi để làm lễ an táng. Cụ dự bị việc tang rất là trọng-thể.

Ba ngày sau, quan tài Cao-Thắng chở về đến đại-doanh, cụ Phan mặc áo trắng ra đón tận cửa ngoài, hai tay vỗ vào quan-tài mà gào khóc, gần muốn đứt hơi té xỉu. Tướng-sĩ cũng khóc như mưa vì không ai không thương tiếc Cao-Thắng.

Quan-tài đặt giữa nghị sự đường. chur-tướng cắt phiên nhau ngày đêm tay cầm gươm trần đứng thị-kinh hai bên. Chính tay cụ Phan viết hai câu ai-liên đề thờ :

CÂU THỨ NHẤT

*Vị tiếp tiên tử, thiên ý vị hà,
Hữu chí phát thành, anh-hùng dĩ hĩ.*

CÂU THỨ HAI

*Công cầu tất thành, kích tiếp thế tảo thanh
quốc-tặc.*

Sự nan dự liệu, cử yên tích dĩ thiếu tư nhân.

Hai câu liền đều có tình-tử lâm-ly thống-thiết. Đại ý cụ than khóc rằng ông Cao-Thắng theo cụ ra khởi nghĩa-bình từ lúc đầu, có chủ tâm quyết thắng để khôi-phục cái quyền độc lập của nước mình, nay không ngờ chí lớn của ông chưa thỏa, công nghiệp định làm chưa thành, mà trời đã vội cướp người anh-hùng đi thì không biết rằng ý trời nghĩ ra làm sao! Cụ lại có ý than tiếc ông Cao-Thắng là chân tay của cụ, cụ dựa nương trông cậy ông được nhiều công việc, nay không dè đâu ông đã sớm chết, làm cho dưới trướng của cụ, thiếu mất một người có tướng tài, thật là đau đớn.

Cụ Phan sai ông Võ-Phát (tục gọi là Bang-Nhu, đóng quân ở hạt Kỳ-anh, sau thất trận bị bắt rồi bị chém tại Kinh) soạn một bài văn tế bằng quốc-âm.

Chính ngày đại-táng cụ Phan thấp nhang thân tế ông Cao-Thắng ba tuần, rồi đứng đó bưng mặt lại khóc hu hu, làm cho tướng sĩ ba quân cảm động quá cũng phải khóc theo, vang động một góc núi non. Nhất là những người lính đi đánh trận với ông được sống sót trở về, càng xót thương gào khóc lớn hết. Họ nói ông Cao chết oan, chết ồng, chết thay thế cho họ, vì nếu ông đừng xông pha ra trước sĩ-tốt thì viên đạn ác-nghiệt kia có phải về phần ông đâu!

Bài văn tế cụ Phan thân tế Cao-Thắng như sau này:

Than rằng:

Thanh bữu-kiếm mười năm sẵn có, đấng anh-hùng dùi mài mãi chưa thôi,

Áng hung-trường một phút như không, con tạo hóa ghét ghen chi lắm thế!

Nghĩa đồng ưu tưởng tại luống đau lòng,

Tình vãng-điều nghĩ càng thêm rơi lệ.

Nhớ Tôn-linh :

Hào kiệt ấy tài,

Kinh luân là chí;

Vén mây nửa gánh giang-san,

Võ cánh bốn phương hồ thỉ,

Gặp quốc-bộ đang cơn binh-cách, nghĩa giúp vua chung nổi ân-ưu,

Bỏ gia-đình theo việc hung-đao, lòng đánh giặc riêng phần lao-tụy;

Địa-bộ muốn theo dòng Nhạc-mục, (1) thét hung-bào từng ghê trận oai-linh,

Thiên-tài toan học chức Võ-hầu, (2) chế sủng đạ biết bao chừng cơ-trí;

Ơn quân-lương Đồng-nhung vâng mạng, cầm ấn quan-phòng,

Trước triều-đình Chưởng-vệ gia phong, kéo cờ tân-chế;

Những chắc rằng: ba sanh có phúc, hăm hở mài gươm chuốt đá, chi kuông-phò không phụ với quân-vương,

(1) Nhạc-Mục: Nhạc Võ-mục-hầu, tức là Nhạc-Phi đời nhà Tống.

(2) Võ-hầu: Gia-Cát Khổng-Minh đời nhà Hán, phong Võ-thương-Hầu.

Nào ngờ đâu! một sớm không chừng, mơ màng
đạn lạc tên bay, trường chiến-đấu biết đâu là số-hệ;

Trong ba kỷ (1) xuân thu tuy chữa mấy, trên yên
ngựa đòi phen roi thét, trọng cương-thường quyết
mở mặt nam-nhi,

Ngoài mười sương, sự nghiệp biết chừng nào,
trước cửa viên bồng chốc sao sa, thu linh-phách với
cướp công tráng-sĩ,

Non thiên-nhận phát phơ hơi gió thổi, thương
người tiết nghĩa ngậm ngùi thay,

Nước lam-thoa thấp thoáng bóng trăng soi, nhớ
kẻ trung-trình ngao ngán nhỏ.

Thà chết nữa song tay địch-khái (2) theo về tổ-
phụ ấy cùng vinh,

Kìa sống như mấy kẻ hàng-di, ở với tinh-chiến
càng thêm bậy.

Nay nhân :

Chung thất lời tuần,

Thúc-số dâng lễ.

Chén rượu thoảng bay mùi chánh-khí, trước đình
đều đủ mặt quan-liêu.

Nén hương nghi ngút khói bạch-vân, dưới án
đua chen hàng cơ-vệ.

Chua sót thay, hai già tuổi tác (3) ngọt bùi cây
tay em thay đỡ, khối thâm-tình chưa thoát cỏi
hoàng tuyền,

(1) Mỗi kỷ là mười năm, đây nói là ông chưa tới 30 tuổi.

(2) Câu này nói ý cũng là một chết, nhưng nếu ra cương trường đại chiến với người Tây mà tử trận, thì vong-linh ông được thỏa hơn là chết vào tay một người đồng-bào, làm cách gã chuồng bơi mặt đá nhau.

(3) Ông hãy còn cha mẹ.

Cám cảnh thay đàn trẻ thơ ngây, ân cần nhờ công vợ dạy nuôi, may di-phúc (1) lại nảy ngành đàn-quế :

Tinh hồn vi dầu thanh-sáng, hộ phen này cho tướng mạnh quân bền,

Linh hồn nếu có khôn thiêng, rồi ngày khác lại sức phòng điện tế.

Thôi! thôi!

Cửa tia lầu vàng đành kẻ khuấy, đem thân bách chiến, đề tiếng thom cho tỏ mặt anh-hùng,

Súng đồng girom bạc mặc người còn, truyền lệnh ba quân, hét hơi mạnh để xây nền binh trị.

Thương ôi là thương,

Kề sao xiết kể.

* * *

Mãi đến mười mấy hôm sau, quan quân Bảo-hộ mới biết tin Cao-Thắng chết. Bảo-hộ cũng biết Cao-Thắng chết là cái thực-lực của cụ Phan có giảm đi, nên chi càng ra sức tuần tiễu hơn trước.

Quả nhiên, ông Cao-Thắng mất đi, thật là làm tổn thanh-thế của cụ Phan, hèn chi cụ khóc rằng : « trời hại tôi » là phải.

(1) Khi ông tử trận, thì bà vợ đang có thai.

XV

HOÀNG-CAO-KHAI



Cao-Thắng tử trận, cụ Phan kêu trời khóc lóc thảm thương là phải. Tôi được gặp một ông già trên 70 tuổi, chính là một người lính trong đội thân-binh tử-sĩ, sớm tối hộ vệ cụ Phan đó, thuật chuyện rằng chính mắt ông được thấy rõ ràng nửa tháng, bất cứ lúc nào chạnh nhớ đến Cao-Thắng là cụ khóc lúc ấy; sự cảm thương quá độ làm cho cụ mất ngủ quên ăn, không mấy bữa mà mặt võ mình gầy, khí sắc tiêu tụy ngó thấy. Chu-tường phải thay phiên nhau chăm nom khuyên giải mãi, cụ vẫn không nguôi cơn nhớ thương phiền não!

Nghĩ lại cũng không lạ gì. Bởi người anh-hùng tráng-sĩ đó có chỗ ỷ trọng cần dùng cho cụ như là chun tay đối với thân thể, không sao thiếu được; chẳng những vì Cao-Thắng là người trí dũng ít có mà thôi, lại chính là nhà kỹ-sư một tay giám đốc

chế tạo súng đạn là món cần nhứt; mấy ngàn tướng sĩ trông cậy vào đó, trọn cả phong-trào đê-kháng quan-hệ ở đó. Nay bỗng dưng người ấy mất đi, đáng thương tiếc là một tướng tài đã đành, mà kiếm người thay thế còn có; chớ đáng thương tiếc là một kỹ-sư quân giới thì nhiều hơn, mà lại không có ai thay thế nổi. Như vậy bảo cụ Phan không khóc thương sao được?

Hướng chi cụ Phan vẫn tự nghĩ mình tuổi già sức yếu, tánh mạng còn mất chẳng biết đâu là sớm chiều, trong trí cụ định sẵn một mai phó thác đại sự cho Cao-Thắng cũng như ngày xưa Khổng-Minh phó thác công việc phục-hưng Hán thất cho Khương-Duy vậy. Nhưng đáng kia Khổng-Minh còn may phó thác cho Bà-ước được ít năm, còn đầu này một người đang cường-khien thanh-xuân lại bị số-mạng rước đi về trước một ông già đã da mồi tóc bạc. Đó là một lẽ khác, khiến cho cụ Phan càng thêm thương khóc Cao-Thắng.

Cây cột cái của tòa nhà đổ mất, làm sao tòa nhà khỏi bị siêu vẹo rung rinh. Cao-Thắng chính là địa-vị cây cột cái của đại sự họ Phan đang làm, cho nên tôi nói Cao-Thắng giữa đường mất đi rất có ảnh-hưởng đến nguyên-khi và thực lực họ Phan phải vì đó mà lung lay, thiệt thời, suy kém.

* *

Tuy vậy, thanh-thế nghĩa-quân bề ngoài vẫn còn sung-túc oanh-liệt vẫn còn lên xuống gầm thét ở miệt thượng-du Nghệ-Tĩnh sức của Bảo-hộ mạnh

gấp trăm gấp ngàn mà không dễ một chốc quét sạch phá tan được.

Mặc dầu binh lính nhà nước bốn ba công kích luôn luôn nhọc nhằn, mặc dầu có những hạng tùy thế lập công như các Tiều-phủ-sứ Lê-kinh-Hạp, Phan-huy-Nhuận, Đinh-nho-Quang, từng bày hết chước này tới dựng mưu kia, nhưng nghĩa-quân vẫn cứ đối lũy giao-phong, chưa chịu đỗi hơi lui bước.

Lịch-sử thiên-hạ xưa nay, không hề có một cuộc chinh phục ở đâu mà người ta không chiêu nạp lợi dụng ngay những kẻ sanh trưởng ở đó làm quân-sĩ, làm mưu-thần, làm sai nhơn, làm hướng đạo. Trước lộc vàng bạc đảng này đổi lấy mưu mô công sức đảng kia. Những hạng người khéo biết hay là dành phải lựa gió bẻ măng, thuận buồm xuôi nước, đời nào không có, xứ nào không có. Xưa kia, tổ-phụ chúng ta còn oanh liệt những lúc ta đi chinh phục Chiêm-thành Chân-lạp, cũng phải cần có ít nhiều thổ-dân hai xứ ấy làm sai nhơn mưu-sĩ cho mình chớ sao. Nó là một công lệ tự nhiên ở trong các cuộc chinh-phục người ta, có đâu qua khỏi.

Thì, cuộc Bảo-hộ mới định ban đầu ở nước ta cũng thế.

Nhưng nói gì nên nói cho công-bằng: trong những người hồn-thờ trước đây tùy thế lập công và bày mưu hiến kế cho Bảo hộ về công việc binh-dịnh dân nghịch, tiểu trừ văn-thần, có người biết sự cường lại cũng vô-ích, cho nên đành phục theo thời-thế mà mưu lợi cho nước cho dân; có người không biết lẽ đó, chỉ dựa lấy thời-thế oai quyền, trở lại nhiều hại nhơn dân, sinh làm họa phúc.

Hạng dưới này, đối với việc phá-hoại cụ Phan, không để sót tâm lực gì không đem ra, không còn thiếu mưu kế nào không bày-sử. Họ dư biết phong-trào văn-thân cụ Phan làm chủ, còn như cây đinh trước mắt, như bụi gai trên đường của Bảo-hộ, nếu họ bày mưu nghĩ cách gì phá tán đi được, tức là cơ-hội cho họ nên công danh to, được phú quý lớn.

Trước hết họ tìm kiếm tảo-trừ vây cánh văn-thân.

Cuộc vận-động để kháng cự văn-thân Nghệ-Tĩnh lúc bấy giờ mà cụ Phan-đình-Phùng chủ trì, sở dĩ có cơ-sở, có thịnh-thế, tràn lan được rộng, và chống đỡ được nhậy, là nhờ có lòng dân quy phục, sức dân giúp ngầm rất nhiều. Ngoài ra những người là bực kiện-nhi tráng-sĩ không từ sống chết, bỏ hết gia hương, đi theo văn-thân một cách phân minh, còn những người vẫn an cư lạc nghiệp ở nhà, hình như vô tâm vô sự, nhưng kỳ thiệt họ ngấm ngầm hưởng ứng tán trợ văn-thân bằng tinh thần, bằng tiền bạc lúa gạo, bằng sự bôn tẩu hô hào, đó là vây cánh gián-tiếp của văn thân, có lẽ không một làng xóm nào không có nhiều ít.

« Muốn trừ văn-thân, ta hãy lo chặt vây cánh của văn thân trước », bọn tùy thế lập công suy nghĩ như thế, bèn ra tay trấn-áp ở trong dân gian, hoặc là bắt bớ hành hạ những ông già bà cả nào có thân nhưn tử-đệ đi theo văn-thân, để cho thân-nhơn tử-đệ xót tình máu mủ thì phải đâm đầu thò mặt ra hàng phục; hoặc là giam cầm trừng phạt những nhà có tư-cơ sự-sấn đáng nghi là có bí-mật quan-hệ với đảng văn-thân. Lúc đó dân gian Nghệ-Tĩnh ở

giữa cái không khí tao nhiều kinh hoàng bao phủ nồng nực khó thở. Phải chi người ta đàn áp trừng trị những kẻ thiệt có con em đi theo văn-thân, hay là thiệt có giúp ngầm văn-thân, thì chẳng nói làm gì, vì lẽ mạnh được yếu thua, tội ai làm nấy chịu, là nhẽ tự-nhiên ở đời; nhưng đảng này bọn tùy thế lập công kia làm oai làm dữ lung tung, muốn bắt ai thì bắt, muốn chém ai thì chém. Giữa lúc thiên hạ loạn ly, mạng người rẻ như cỏ rác nhưt là người có máu mặt, người có tiền dư, và người có tư hiềm cừ oán chút xiu gì với quan Tiễu-phủ sứ và bộ-hạ các ngài là dễ bay đầu mất mạng như chơi.

Thiệt vậy, hồi này thiếu gì người bị bắn, bị thù, bị đày, bị chết một cách oan uổng, chỉ vì lẽ có sự-sản, có hiềm-thù, chớ thật sự người ta không tội lệ gì, cũng không dính líu xa gần chi với văn-thân.

Ta nên công bình nhìn nhận rằng sự hình phạt lung tung oan uổng như dân như thế chẳng phải là quan Pháp lính Pháp, mà chính là người nam lính nam, gọi chung là bọn tùy thế lập công đó.

Họ ra tay chặt vây cánh văn-thân đến thế, mà sao phong-trào văn-thân cũng sôi nổi chưa yên; binh lính Bảo hộ vẫn phải đi đánh giặc nhọc-nhăn chưa xong? Té ra mưu kế của bọn tùy thế lập công chỉ làm cho dân-gian tao-nhiều bất-bình thì có, chớ không thâu được nhiều ít hiệu-quả gì theo họ trừ-tính.

Chặt vây cánh của cụ Phan mà cụ Phan không ngã, họ bèn tính cách sao đánh ngay vào bản-thân

cụ Phan ; nhưng cách đó không phải dễ-dàng thực hành, họ nghĩ ra cái thủ-đoạn lạ-lùng. muốn gián-tiếp đánh ngã cụ là hành-hạ nắm xương của tổ tiên cụ ở dưới đất. Họ nói :

— « Bầm, phong-tục ở xứ chúng tôi, mồ-mả đất-
 « đai ông bà rất có quan-hệ đến sự sanh tử họa
 « phước của con cháu đang sống. Cứ khai quật mồ
 « mả ông cha nhà nào lên, tự nhiên con cháu nhà
 « ấy đang giàu hóa nghèo, đang lành phải đau, đang
 « an phải nguy, Phan-đình-Phùng có lòng son
 « gan sắt, mạnh khỏe cố-chấp đến đâu cũng phải
 « lo nghĩ đến phần-mộ tổ-tiên nhà mình, nay cứ
 « đào lên, tất sao va cũng phải nao núng động hệ
 « tới hồn-thân, không ra đầu hàng thì cũng bệnh
 « tật suy vì mà chết ! »

Trong ý họ tin chắc rằng cứ khai quật phần mộ rồi sai người chiêu hàng, bề nào họ Phan cũng phải vì đạo hiếu vì việc nhà mà quăng gươm cõi giáp quy hàng. cho nên họ mới dành tâm hiến tới mưu kế như thế.

Ai cũng phải cho là một mưu kế quá ư nhẫu-tâm, vì nếu việc làm của cụ Phan có phải là trái thời và đắc tội chằng nữa thì cũng chỉ một mình cụ đắc tội mà thôi, chớ nắm xương khô của tổ tiên cụ dưới đất có tội gì đâu, mà họ nỡ bày sử khai-quật lên cho đành. Thật họ có lòng muốn cho phong-trào văn thân yên đi, để xứ sở bình an, đồng-bào khỏi khổ, chẳng lẽ họ không có cao-tài diệu sách gì để giúp đỡ Bảo-hộ và mưu lợi cho dân khác hơn hay sao, lại tính đến việc làm quái lạ thế ấy ?

Hồi đó nhằm khoảng tháng 9 năm Giáp-ngọ (1894), một viên Tiều-phủ sứ (cố nhiên là người Việt-nam) dân một toán lính bồn-bộ và quan huyện sở-tại về làng Đông-thái, kêu lý trưởng và kỳ-mục ra chỉ dẫn phần-mộ tiên-tổ họ Phan ở chỗ nào, để họ đào lên, đem về để tại tỉnh-thành Hà-tĩnh. Lại bắt giam nhiều người thân-tộc của cụ Phan nữa.

Cụ Phan ở sơn-trại nghe tin, chắc hẳn trong bụng rầu buồn lắm, vì lẽ theo sự lễ-giao phong tục nước nhà thừa xưa, vẫn cho mồ-mả là nơi thần-thánh bất khả xâm-phạm, nhưng bề ngoài cụ phải trấn-tĩnh tự nhiên, để cho vững lòng tướng-sĩ. Khi tướng-sĩ tiếp được tin, bầm cho cụ nghe, cụ chỉ cười nhạt mà nói :

— Ta đã tiên liệu tới sự ấy rồi, có lạ gì đâu.

Người ta đình ninh chờ đợi tin tức xin hàng của họ Phan sai người đem lại, nhưng chờ đợi lâu không thấy động tĩnh gì, bấy giờ mới có bức thơ trình trọng khuyên hàng đưa lên Vụ-quang.

Người hạ bút viết bức thư khuyên nhủ cụ Phan ra hàng, chính là người đồng hương đồng thời với cụ, lại có tình thông-gia với nhau nữa : ông Hoàng-cao-Khải.

Lúc này họ Hoàng đang làm Bắc-kỳ kinh-lược sứ tòn-nghiêm hiền hách ; người Pháp gọi là « phó vương » (vice roi). Thiếu gì người làng Đông-thái muốn tránh họa phải chạy ra Bắc, núp dưới bóng che chở và dầu-thân làm môn-hạ của họ Hoàng, ngay đến người trong thân tộc cụ Phan cũng có.

Xuất thân chỉ là một thầy cử-nhân đậu trẻ, rồi ở nhà nhàn-cư vô sự ; cờ bạc chơi bời, đến đời bán

hết gia viên điền sản, chỉ còn một nước tự tử đến nơi, họ Hoàng bỏ nhà đi ra Bắc-hà, gặp được người tri-kỹ, rồi cỡi voi đánh giặc, tùy thế lập công danh, thấm thoát không mấy năm mà làm tới kinh-lược, phong tới quận-công. ai cũng phải chịu là người có thời may nhưng thật cũng là người có tài lớn.

Nếu cụ Phan là anh-hùng muốn tạo lại thời thế mà tạo không được, thì họ Hoàng chính là anh-hùng bởi thời-thế tạo ra.

Cùng thời, cùng làng, hai người đi khác hẳn con đường chí-hướng mà cùng đến chỗ cực đoan cùng có tên tuổi lớn trong lịch-sử. Đối với thời thế mỗi ông là một đại-biểu cho một trào lưu tư-tưởng hành vi của Việt-Nam: có họ Hoàng nên chi tiết họ Phan càng rõ rệt, có họ Phan nên sự nghiệp họ Hoàng càng vẻ vang, ấy là một chỗ sắp đặt của lịch-sử éo-le khôn khéo làm vậy.

Cuối tháng 10 năm Giáp-ngọ ông Hoàng-cao-Khải viết thư rồi sai chính người nội-đệ (em vợ) mình vừa là ông anh con nhà bác của cụ Phan là Phan-văn-Mân đem lên núi Vụ-quang. Không ai khác hơn ông này mà dám lãnh mạng đi sứ, nhất là đi sứ chiêu hàng, vì nếu người khác chắc là nghĩa-binh làm thịt.

Mặc lòng là bà con thân quyến, Phan-văn-Mân phải trải nhiều lớp gian nan nguy-hiểm mới vô đến đại-doanh. Mới thấy ông đường huynh thò mặt vô, cụ Phan cả cười và nói:

— Anh đi làm thuyết-khách cho Hoàng cao-Khải khó nhọc lắm hè!

Vì cụ đã được tin báo trước cho biết.

Cụ xem thơ rồi thở dài ;

— Không dè người khuyển nhử tôi ra hàng, là cố-nhân Hoàng-cao. Tôi thề quyết làm việc tôi làm đây tôi cùng dầu sấm sét búa rìu cũng không làm sao cho tôi thay lòng đổi chí được, anh về nói dùm cho Hoàng-cao biết như thế. Nếu tôi không làm xong được công việc vua ủy-thác, dân trông mong, và không rửa hận cho khô cốt của tổ-tiên ở dưới đất thì chỉ có một cách là chết theo hoài-bảo tâm-chí mình mà thôi.

Rồi tức thời cụ cầm bút viết thơ trả lời, trao cho ông Phan-văn-Màn đem về. Lúc anh em từ biệt, cụ ân-cần dặn với:

Cũng may phước cho người đem thơ chiêu hàng chính là anh nếu ai khác thì bộ hạ của tôi chắc làm tương mắm để gói biếu Hoàng-cao nếm thử. Lần sau y có sai đi, anh đừng lãnh mạng nữa nghe !

Ta đọc cả hai bức thơ dịch ra dưới đây, tức như hai bức tranh phóng đại tâm tích chí-khí của hai ông cùng một làng với nhau, cùng một thời-thế với nhau, mà hai đảng xa cách nhau tuyệt mù không thể nào gặp nhau được là phải.



BỨC THƠ CỦA HOÀNG-CAO-KHẢI

« *Đồng-ấp Phan Đình-nguyên đại-nhân lúc-hạ,*

« Tôi với ngài xa cách nhau, xuân thu đắp đổi
« trải đã mười bảy năm nay rồi. Dầu bề cuộc đời,

« bắc nam đường bụi, tuy là mỗi người đi một ngã
 « khác nhau, nhưng mà trong giấc mộng hồn vẫn
 « thường thấy nhau không phải xa xôi gì. Ngồi nghĩ
 « lại ngày trước ở chốn quê hương giao du với
 « nhau, cái tình ấy đắm-thắm biết là dường nào?

« Từ lúc ngài khởi nghĩa đến giờ, nghĩa khí trung
 « can, đều rõ rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường
 « nghe các quý quan (1) nói chuyện đến ngài, ông
 « nào cũng phải thở than khen ngợi và tỏ ý kính
 « trọng ngài lắm. Xem như thế thì tấm lòng huyết-
 « khí tôn thân, tuy là người khác nước cũng chung
 « một tâm tình ấy thôi, không phải là người cùng
 « thanh-khí với nhau mới có đâu.

« Ngày kinh-thành thất thủ, xe giá nhà vua hôn-
 « ba, mà ngài mạnh mẽ đứng ra ứng nghĩa, kể sự-
 « thể lúc bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không
 « ai không nói như thế. Song le, sự thể gần đây
 « đã xoay đổi ra thế nào, thử hỏi việc đời có thể
 « làm được nữa, dầu kẻ ít học thức, kém tri khôn,
 « cũng đều trả lời được. Huống chi như ngài lại là
 « bậc người tuấn-kiệt, chẳng lẽ không nghĩ tới đó
 « hay sao? Tôi trộm xét chủ ý của ngài, chắc cũng
 « cho rằng: ta cứ làm theo việc phải ta biết, cứ đem
 « hết tài năng ta có, một việc nên làm mà làm là
 « ở nơi người, còn nên được hay không nên là ở
 « nơi trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho nước,
 « đến chết mới thôi. Bởi thế cho nên ngài cứ việc
 « làm tới cùng, không ai có thể làm biến đổi cái
 « chí ấy đi được.

(1) Là các quan Tây.

« Có điều tôi thấy tình trạng ở chốn quê hương
 « chúng ta gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân
 « đó, tôi thường muốn đem ý kiến hẹp hòi, để ngỏ
 « cùng lượng cao-minh soi xét; nhưng mấy lần mở
 « giấy ra rồi, mài mực xong rồi, đã toan đặt bút
 « xuống viết rồi lại gác bút thở dài, không sao viết
 « được. Vì sao? Vì tôi liệu biết can tràng của ngài
 « cứng như sắt đá không thể lấy lời nói mà chuyển
 « động nổi. Đã vậy mà lại khác tình khác cảnh, xa
 « mặt xa lòng, vậy thì lời nói của tôi, chắc gì thấu
 « tới được nơi ngài, mà dầu cho có thấu tới nơi
 « ngài chẳng nữa, đã chắc gì lọt vào tai ngài chịu
 « nghe dùm cho, chẳng qua chỉ để cho cố nhân
 « cười mình là thẳng ngu thì có.

« Nay nhân quan Toàn quyền (1) trở lại, đem việc
 « ở tỉnh ta ra bàn bạc với tôi, có khuyên tôi sai
 « người đến ngỏ ý cùng ngài biết rằng, ngài là bậc
 « người hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng
 « tưởng nghĩ gì đến thân mình nhà mình đi nữa,
 « thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong
 « một địa phương mới phải. Lời nói đó, quan
 « Toàn-quyền không nói với ai, mà nói với tôi, là
 « vì cho rằng: tôi với ngài có cái tình xóm láng cố
 « cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được,
 « vậy có lẽ nào tôi làm thinh không nói.

« Ngài thử nghĩ xem: quan Toàn quyền là người
 « khác nước, muốn dậm tới đây, mà còn có lòng
 « băn khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy thay,
 « huống chi chúng ta sanh đẻ lớn khôn ở đất này,

(1) Bấy giờ là đời ông Toàn-quyền *De Lanessan*.

« là đất của cha mẹ tôn tộc ở đó, có lý đâu mình
 « làm lơ đành đoạn, thì trăm năm về sau, người ta
 « sẽ bảo mình ra làm sao? Ôi! Làm người trên phải
 « có lòng thương yêu dân làm cốt, chưa từng có ai
 « không biết thương dân mà bảo là trung với
 « vua bao giờ. Việc của ngài làm từ bấy lâu nay,
 « bảo rằng trung thiệt là trung, song dân ta có tội
 « gì đâu, mà vương phải nông nổi làm-than thế này
 « ấy là lỗi tại ai? Nếu bảo là đã vì thiên-hạ thì
 « không thiết chi tới nhà nữa cũng phải, nhưng
 « một nhà của mình đã vậy chớ còn bao nhiêu
 « nhà ở trong một vùng cũng bỏ đi cả, sao cho
 « đang tâm. Tôi nghĩ nếu như ngài cứ khăng-khăng
 « làm tràn tới mãi, thì e rằng khắp cả sông Lam
 « núi Hồng đều biến thành hồ cả hết thảy, chớ
 « không phải chỉ riêng lo ngại cho cây cỏ một làng
 « Đông-thái chúng ta mà thôi đâu. Đến nỗi để cho
 « quê-hương điêu-đứng xiêu-tàn, tưởng chắc bực
 « người nhân-nhân quân-tử không lấy gì làm vui
 « mà làm thì phải.

« Tôi suy nghĩ đắn đo mãi, vụt lấy làm mừng rỡ
 « mà nói riêng với mình: — Được rồi, lời nói đó
 « tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, để
 « xin ngài chỉ bảo cho biết như vậy có phải hay
 « không

« Tuy nhiên, sự thế của ngài, như cỡi trên lưng
 « cọp đã lở rồi, bây giờ muốn bước xuống, nghĩ
 « ngài khó khăn biết bao!

« Nếu như tôi không có chỗ tự tin chắc được
 « mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói
 « liều lĩnh để mang lụy cho cố-nhân về sau. Nhưng

« may là tôi với quan Toàn-quyền, vốn có tình
 « quen biết nhau lâu, lại với quan Khâm-sứ ở Kinh,
 « và quan Công-sứ Nghệ-tĩnh, cùng tôi quen thân
 « hiệp ý nhau lắm, cho nên trước kia Trần Phiên-
 « sứ (tên là Khánh-Tiến, làm Tuần-phủ, nên gọi là
 « Phiên-sứ) Phan Thị-lang (Tên là Huy-Nhuận),
 « cũng là chỗ thân trong tỉnh trong làng hoặc bị
 « tội nặng, hoặc bị xử đầy rồi, thế mà tôi bảo-toàn
 “ cho hai ông ấy đều được yên ổn vô sự. Lại như
 « mới rồi, ông Phan-trọng-Mưu ra thú, tôi dẫn đến
 « yết kiến các đại-hiến quý-quan, thì các ngài cũng
 « tiếp đãi trân trọng như đãi khách quý, và tức
 « thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mồ mả, và tha
 « cả ba con về, như thế tỏ ra nhà nước Bảo-hộ
 « khoan dung biết chừng nào! Cứ xem vậy đủ biết
 « lẽ ấy lòng ấy, dầu là người ngàn dặm xa nhau,
 « vẫn là giống nhau vậy.

« Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi nói là
 « đông dài, thì xin ngài đừng có ngăn ngại một
 « điều gì khác hết, tôi không khi nào dám để cho
 « cố-nhân mang tiếng là người bất trí dẫu.

HOÀNG-CAO-KHẢI

đón thư.

BỨC THƠ CỤ PHAN TRẢ LỜI

« Hoàng quý-dài các hạ,

« Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi trong chốn
 « rừng rú, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí
 « hậu rét quá, nông nổi thiệt là buồn tênh. Chợt có

« người báo có thư của cố nhân gửi lại. Nghe tin ấy,
 « không ngờ bao nhiêu nỗi buồn-rầu lạnh-lẽo, tan
 « đi đâu mất cả. Tiếp thư, liền mở ra đọc; trong
 « thư cố-nhân chỉ bảo cho điều họa phước. bày tỏ
 « hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng của cố-nhân,
 « chẳng những muốn mưu sự an-toàn cho tôi thôi,
 « chính là muốn mưu sự yên-ổn cho toàn-hạt ta
 « nữa. Những lời nói gan ruột của cố-nhân, tôi đã
 « hiểu hết, cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng
 « chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà nói
 « chuyện với nhau vậy.

« Song lẽ tâm-sự và cảnh-ngộ của tôi có nhiều
 « chỗ muôn vàn khó nói hết sức. Xem sự thể thiên-
 « hạ như thế kia, mà tài-lực tôi như thế này, y như
 « lời cố-nhân đã nói thân con bọ-ngựa là bao mà
 « dám dơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe sao nổi
 « không biết; việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn
 « quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bọ-ngựa
 « đưa tay ra cản xe mà thôi.

« Nhưng tôi ngâm nghĩ lại, nước nhà mình mấy
 « ngàn năm nay, chỉ lấy văn-hiến truyền nối nhau
 « hết đời này qua đời kia, đất nước chẳng rộng,
 « quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy
 « có chỗ ỷ thị dựa nương để dựng nước được, là nhờ
 « có cái gốc vua tôi cha con theo năm đạo thường
 « mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống,
 « nhà Nguyên, nhà Minh bên Tàu, bao nhiêu phen
 « lăm-le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện của
 « họ mà vẫn chiếm không được. Ôi! nước Tàu với
 « nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn
 « bội, thế mà trước sau họ không thể ỷ mạnh mà

« nuốt trôi nước ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu,
 « chẳng qua non sông nước Nam tự trời định phận
 « riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thơ lẽ nghĩa
 « vốn có chỗ đủ cho mình tự có thể trông cậy dựa
 « nương lắm vậy. Đến nay người Pháp với mình,
 « cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ
 « vượt bể lại đây, đi tới đâu như là gió lướt tới đó,
 « đến nơi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng
 « chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người
 « ta, thế là trọn cả nước nhà dân nhà cùng bị đắm
 « chìm hết thảy, chớ có phải là riêng một châu nào
 « hay một nhà ai phải chịu cảnh lầm than mà thôi
 « đâu.

« Năm Ất Dậu, xe-giá thiên tử ngự đến sơn-phòng
 « Hà-tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn có tang bà mẹ
 « chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, chớ trong
 « lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song,
 « vì mình là con nhà thế-thần cho nên đôi ba lần
 « đức Hoàng-thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ
 « nào có thể từ chối, thành ra tôi phải gắng-gỗ
 « đứng ra vâng chiếu, không sao đưng được. Gần
 « đây Hoàng-thượng lại đoái tưởng lựa trọn tôi mà
 « giao-phó cho việc lớn, ủy-thác cho quyền to, ấy
 « mạng vua ủy-thác như thế, nếu cố-nhân đặt mình
 « vào trong cảnh như tôi, liệu chừng cố-nhân có
 « đành chối từ trốn tránh đi được hay là không?

« Từ lúc tôi khởi-nghĩa đến nay, đã trải mười
 « năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa,
 « hoặc là bị trách phạt, hoặc là bị chém giết, vậy
 « mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm
 « chán-nản ngã lòng bao giờ; trái lại, họ vẫn ra tài

« ra sức giúp đỡ cho tôi, và lại số người mạnh bạo
 « ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào
 « có phải người ta lấy điều tai vạ hiểm nguy làm
 « sự sung-sướng thêm-thường mà bỏ nhà dẫn thân
 « ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng
 « tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hàm-hở vậy đó thôi.
 « Ấy lòng người như thế đó, nếu như cố-nhân đặt
 « mình vào cảnh của tôi liệu chừng cố-nhân có nở
 « lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không?

« Thưa cố-nhân, chỉ vì nhân-tâm đối với tôi như
 « thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói
 « vắng tanh, bà con xiêu-dạt, tôi cũng chẳng dám
 « đoái-hoài. Nghĩ xem kẻ thân với mình mà mình
 « còn không đoái hoài, huống chi là kẻ sơ; người
 « gần với mình mà mình còn không bao bọc nỗi,
 « huống chi người xa. Vả chẳng hạn ta đến đôi điều
 « đứng lăm than quá, không phải riêng vì tai-họa
 « binh-đao làm nên nông nỗi ở đâu. Phải biết quan
 « Pháp đi tới, có lũ tiểu-nhân mình túa ra bày kế
 « lập công thù vợ oán chạ, những người không có
 « tội gì chúng cũng đâm thọc buộc ràng cho người
 « ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế nợ, ngày mai
 « phạt thế kia; phạm có cách gì đục khoét được
 « của cải của dân, thì chúng nó cũng dùng tới nơi
 « hết thấy. Bởi đó mà thôi hư mới tệ tuôn ra cả trăm
 « cả ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu cho cùng
 « những tật khổ của dân trong chốn làng xóm quê
 « mùa như thế thì bảo dân không phải tan lìa trôi
 « dạt đi sao được?

« Cố-nhân với tôi, đều là người sanh đẻ tại châu
 « Hoan mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố-
 « nhân còn có lòng đoái tưởng quê hương thay,

« huống chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng
 « và lấy mắt trông thấy thì sao ? Khốn nỗi cảnh-ngộ
 « bó buộc, và lại sức mình chẳng làm được theo
 « lòng mình muốn, thành ra phải đành, chớ không
 « biết làm sao cho được. Cố-nhân đã biết đoái-hoài
 « thương sót dân này, thì cố-nhân nên lấy tâm-sự
 « tôi và cảnh-ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ
 « xem, tự-nhiên thấy rõ-ràng, có cần gì đến tôi phải
 « nói dòng dài nữa ư ?

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

phúc thơ

Bức thơ cụ Phan trả lời, viết thật nhẹ-nhàng mà đau-đớn, tử-tế mà cương-quyết, tỏ ra mình đến chết thì thôi, không chịu bái binh quy hàng. Cụ lại khéo đem quân-mạng và dân-tâm ra làm nòng cốt để hỏi cố-nhân họ Hoàng nếu gặp cảnh-ngộ ấy thì làm thế nào ; hình như cụ Phan có ý chặn đường rào ngõ không để họ Hoàng viết cho mình tới bức thơ thứ hai nữa.

Thiệt, lúc ông Phan-văn-Mân đem bức thơ phúc-đáp ra Hanoi, họ Hoàng xem rồi biến sắc, nếu lúc ấy có bệnh nhưc đầu chóng mặt gì tất cũng tiêu-tan như hồi Tào-mạnh Đức đọc bài hịch của Trần-Lâm vậy.

Họ Hoàng sai dịch bức thơ ra chữ tây, đưa trình quan Toàn-quyền De Lanessan luôn với tờ báo cáo của mình, ở trong có câu đại ý : « Bồn-chức đã lấy hết sự thế lợi hại để tỏ bày khuyên nhủ Phan-đình-Phùng ra hàng thú, nhưng y vẫn tỏ ý “hòn mè bắt ngộ” (mè-mẩn tối-tăm không tỉnh), giờ xin

Chánh-phủ Bảo-hộ vì dân mà dùng binh-lực tiêu-trừ cho hết văn-thân loạn-phỉ v. v...»

Ấy là lẽ cố-nhiên. Đào má không núng; khuyển hàng không nghe; văn-chương không cảm; thôi thì chỉ còn võ-lực. Giờ quan văn trở vô buồng để cho tướng võ ra.

XVI

NGUYỄN-THÂN



LUI VỀ NÚI ĐẠI-HÀM

Tiệc dùm ông Hoàng-cao-Khải phí mất bao nhiêu tâm-huyết để viết ra bức thơ không phải không tài-hoa thống-thiết, cốt để cảm-dộng khuyên dỗ cụ Phan, nhưng rốt cuộc chỉ là một tờ giấy bỏ, cụ không chịu ra hàng.

Chủ-não trong bức thơ của ông, trương-bản trong ý-tư của ông, là cứu lấy sanh-dân, quê-quán, nhưng người thiên-cổ đọc bức thơ ấy, ai cũng biết đã chắc gì tác giả thiệt vì sanh-dân quê-quán, hay là chỉ vì hai điều lợi. Trước hết, cụ Phan là người làng, mà lúc bấy giờ ông có quyền-thế to, vậy ông khuyên cụ ra hàng, như là làm ơn cho cụ, để lấy cái tiếng cứu vớt được một người làng; sau nữa ông đã đánh đồng giẹp bắc, được công lao với người Pháp nhiều,

vậy có lý nào một người làng ông mà ông không chiêu-dụ được, cho nên ông muốn khuyên cụ Phan ra hàng, để bày tỏ thêm chỗ tài năng oai quyền của mình ra, còn sự công-danh thì khỏi nói.

Ôi! Súng bắn chỉ mãi vào, cụ Phan dả chẳng sợ; đao mồ-mả lên để dọa, cụ cũng chẳng nao; huống chi một mảnh giấy, một lời vắn của ông Hoàng cao-Khải làm sao chuyển động cái can-tràng như sắt đá cho nổi.

Song, lúc này không chịu bãi binh đầu hàng mặc lòng, tình-thế bắt buộc cụ phải lui, chớ không ở núi Vụ-Quang được nữa.

Phải lui là bởi có hai cơ. Một là khi đầu cụ mới khởi nghĩa, thì chính là lúc nghĩa sĩ bốn phương đều nổi lên. Ở Quảng-nam thì có ông Trần văn-Dự lập ra Nghĩa hội, rồi mấy lĩnh Phú-yên, Bình định, Bình-thuận kế theo; ở Quảng-trị thì có các ông Trương-dình-Hội, ông Nguyễn-tự-Như, ở Quảng-bình thì đảng ông Nguyễn-phạm-Tuân, ông Lê-Trực, ở Thanh-hóa thì có bọn ông Hà-văn-Mao, ở Bắc thì có bọn ông Tạ-Hiện ông Nguyễn-thiện-Thuật, thành ra Bảo-hộ phải chia binh đi ứng phó và đánh giẹp nhiều nơi, không thể chú toàn lực vào một nơi nào được. Đến sau mấy ông trên này, hoặc chết, hoặc trốn, hoặc hàng, lần lượt tan nát hết, chỉ duy còn lại một mình cụ Phan, là vẫn còn đứng nguyên, vẫn phản đối với cuộc Bảo-hộ, bấy giờ Bảo-hộ mới đem toàn-lực mà nhắm vào mình cụ. Binh lính Bảo-hộ lần hồi vây bọc cả núi Vụ-quang, khiến cho cụ không lui không được.

Hai là trong các tướng, chưa có ông nào có tài xuất kỳ chế thắng, có thao-lược đủ chống giữ với quân lính của Bảo-hộ để cho cụ ý-trọng như Cao-Thắng được, cho nên sau khi ông Cao Thắng mất, cụ lại muốn giữ thế thủ, để dưỡng tinh sức nhuệ ít lâu rồi ra đối chiến mới được, chớ không muốn bạo-động hấp tấp quá, sợ tổn hại đến thanh-thế và nguyên khí của nghĩa-binh, và lại làm khổ sanh-dân một cách vô ích. Tóm lại cụ muốn kéo dài cuộc vận-động đề-kháng ra cho bền cho lâu. Bởi vậy phải tạm lui để giữ thế thủ trước, sẽ liệu thế đánh sau.

Có hai cơ ấy, khiến cho cụ phải lui quân sang đóng đồn ở núi Đại-hàm.

Núi Đại-hàm, cũng thuộc về hạt Hương Khê, là một chỗ có sơn-thế hiểm-trở thế nào, đoạn trên kia đã có chỗ nói rồi. Giờ cụ lui quân về đóng ở đó. Từ lúc cụ về đóng tại đồn mới này, trong đại trại chỉ để có 400 lính và 200 khẩu súng tây, mỗi tên quân nào cũng được giữ luôn trong mình súng đạn và 100 đồng bạc, để phòng khi hoặc đánh hoặc lui thình lình. Còn bao nhiêu quân lính khi giới, đều phân phát cho các quân thứ hết. Hồi đó là cuối năm Giáp ngọ (1894).

..

MỘT THẦY ĐỒ GÀN TỰ XƯNG LÀ VUA

Hồi bấy giờ trong núi Đại-Hàm, có một nhân-vật rất là kỳ-quái, tuy không có quan-hệ vào trong chánh-truyện này cho lắm, song tiếc vì là một

người có gan, có tài, học rất hay chữ, nên chi luôn dịp tôi muốn ghi chép ra đây.

Nhân-vật kỳ-quái ấy là Bạch-xĩ.

Bạch sĩ, tên thiệt là Đoàn-dức-Mậu, tương truyền là người tỉnh Quảng-bình, qua ở Hà-tĩnh thiệt từ bao giờ không biết. Ông ta tự hiệu là Bạch-xĩ, cũng có ngụ ý lắm. Có người nói hồi đó cha mẹ sanh ra ở chùa Bạch-xĩ, cho nên lấy tên chùa mà đặt tên con. Nhưng có người nói chú ý Đoàn-dức-Mậu muốn lấy câu sấm của ông Trạng-Trình: « *Bạch-xĩ sanh, thiên hạ bình* ». (Bao giờ răng trắng mới nên đời) mà tự hiệu mình là có ý tự cao đó.

Nguyên trước, Bạch-xĩ cũng là người trong nghĩa-đảng văn thân, hồi năm Ất-Dậu (1885) cũng khởi binh cần-vương tiêu-sử y, có nhiều truyện vui lắm, vì y vốn là người học giỏi lại có tà-thuật, cho nên quân lính của y chỉ lấy quạt và gậy làm khí giới, nói rằng lấy quạt để quạt cho quân địch mê man đi đã, rồi lấy gậy mà đập chết. Thế mà người ta quy phục cũng đông, đến đời người bấy giờ như ông Phan-trọng-Mưu, ông Phan-huy Nhuận mà cũng tin phục.

Sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt, y cho là vận số đến lúc soay đổi, mạng trời sẽ phú thác vào tay của y, nên y tự xưng đại là hoàng-dế, kỷ nguyên là Văn-Lượng. Phàm là giấy tờ trát sức chỉ gởi cho dân ở quanh miền Đại-hàm đều lấy niên-hiệu Văn-Lượng; nhưng viết thơ riêng cho ai, thì chỉ ký tên Nhiễm-Long tiều-tử.

Y đi đâu cũng đem 28 người thủ hạ đi theo, cho là Nhị-thập bát-tú theo hộ-vệ Tử-vi-tinh. Đến năm

Giáp-ngọ (1894), y có lập ra một hội kỳ quái tên là Nhân-thập-hội, chiết lấy trong chữ « Ngọ », cho rằng đến năm đó là tới vận số thiên-tử của mình rồi. Một hôm, y đem 28 tên quân cầm gậy và quạt xuống núi loan đi đánh đồn Phố. Một lũ 29 người cứ cầm quạt phe phẩy như thế, mà lính trong đồn không dám lộ ra, cũng không bắn; thế rồi cả bọn kéo về sơn-trại bình an. Nhiều người thấy chuyện trước mắt như thế tin chắc Bạch xỉ có tà thuật giỏi thiệt, không vậy thì sao vốn vẹn có 29 thầy trò mà dám kéo xuống làm le xâm phạm một đồn lính tập.

Bạch xỉ có tài xuất khẩu thành văn. Trong truyền có hôm y đi bói thầy Dư, là một thầy ở làng Dương-Phổ (cùng thuộc hạt Hương-kê), có tiếng là bói giỏi lắm, nói trăm điều không sai một điều nào. Thầy Dư nói rằng: ngài nẫu nay 30 tuổi nên lấy vợ mới tốt, Bạch-xỉ ứng khẩu đọc thành bài thi 4 câu như vầy:

*Nằm chẳng ngủ, ăn chẳng ngon,
Khăng khăng đêm ngày dạ sắt son.
Đã nghĩ một mình nên lấy vợ,
Những thương muôn họ hết là con.*

Đại khái Bạch-xỉ có tài lanh như thế, mà câu nào cũng khéo gò cho có khẩu khí hoàng-đế ít nhiều, thành ra nhiều người càng tin càng phục. Thầy trò Bạch xỉ nhứt là riêng một mình Bạch xỉ chỉ ở quanh quần trong mấy khóm núi Vụ-quang và Đại-hàm với cụ Phan, nhưng không ai có thể biết đích là y đóng ở chỗ nào. Người ta nói y có thuật tàng hình. Mãi đến năm Bình-thân (1896), một bữa y xuống núi, vô nhà dân làng, khi-không nổi cơn

sốt rét li-bì, có kẻ biết là Bạch-xỉ, liền đi báo quan lính sở tại về nắm cổ được Văn-Lượng Hoàng-đế, giải về giam trong đê lao tỉnh Nghệ. Được ít lâu, « Hoàng-đế thắng hà » trong ngục. Thế là rồi đời một người diên-cuồng.

Sanh-bình Bạch-xỉ đối với cụ Phan tôn phục có tôn phục, nhưng chỉ coi cụ là bực em mình, chớ theo cụ thì không muốn theo. Nói cho rõ hơn: dầu ai khuyên nhủ y nên đồng tâm hiệp lực với cụ Phan mà làm việc lớn, y cũng không nghe.

Người ta còn nhớ ngày tháng chạp năm Quý-tị (1892) Bạch-xỉ có sai người đem tặng cụ Phan hai cái ngáng bằng ngà, để làm ngáng võng. Luôn dịp có viết mấy câu như sau này :

Cửa gọi là, đôi ngáng ngà.

Năm hết tết đến gửi làm quà.

Mình em sức khỏe, lo việc nước nhà.

Ngoài ra còn một bài thơ chữ như vầy đưa tặng cụ :

Bất thị hoàng-giao độn đặc phi.

Ân cần cố-quốc động thu tư.

Tế dân cơ khát tri kim đi.

Tu kỹ tha ma thức tạc phi.

Hạ đạo phục hưng thần Mỹ tướng.

Hàn cừu vị báo Tử-Phòng sư.

Đối thiên tâm sự bằng tương chiếu,

Bạch bạch mình mình giữ cổ kỳ.

Dịch nôm :

Dám dẫu lần lút chốn hoang-thôn,

Lo nước năm canh dạ héo đôn.

*Vất vả dân này sao cứu vớt,
 Ngẫm suy mình trước khéo bôn chôn.
 Mỹ phò Hạ-chúa nên cơ-nghiệp,
 Trương giúp Cao-hoàng mở nước non.
 Tâm sự hai ta trời cũng thấu.
 Ngàn xưa chiếu rọi tấm lòng son.*

Còn bài thơ chữ dưới đây nữa cũng hay, người ta tương-truyền là của Bạch xỉ gửi tặng cụ Phan hồi cụ mới khởi nghĩa.

*Hứa quốc đan-lâm bất kể niên,
 Ngưỡng kỳ thâu đảo cứu trùng thiên.
 Văn-sơn chính khí thiên thu tại,
 Vũ-mục tinh-trung vạn cổ truyền.
 Lân-bút tôn chu hoài Tít-thủy,
 Long đao sát lạc thế đào viên.
 Tướng-quân nghĩa-liệt vẫn hoàn-vũ,
 Nguyễn hương viên-môn tác chấp chiên.*

Dịch nôm :

*Bao lâu việc nước nặng lo lường,
 Nhờ lượng tâu lên đấng thánh-vương.
 Chánh-khí Văn sơn bia vẫn tại,
 Tinh-trung Vũ mục sử treo gương.
 Há quên bút Khổng tôn vương-thất,
 Thề múa đao Quan giữa chiến trường.
 Nghĩa liệt Tướng-quân vang bốn cõi,
 Xin theo bên ngựa đỡ giầy cương.*

Xem như thế thì Bạch-xỉ là người học hay thiết, chỉ tiếc cho y không theo đường chánh, lại đi lấy tà-thuật làm hoặc lòng người mà tự-kiêu vô dụng. Toan chống cự với quân lính Bảo-hộ mà dùng khi-giới là quạt thần gây phép, bộ muốn pha trò hay

sao không biết. Vì thế cụ Phan ghét lắm. Đáng lẽ cụ cũng không chấp-trách làm gì, song chỉ lo ngại tà-thuyết của y, làm loạn nghĩa-binh và mê-hoặc nhờn tâm đi, đến đôi trong hàng tướng-sĩ của cụ xem ra có ít nhiều người cũng hâm-mộ Bạch-xĩ nên cụ muốn bắt Bạch-xĩ mà giết.

Cụ sai quân dò thám được đồn của y cũng ở trong núi Đại-hàm đề vô bắt sống, nhưng lạ thay! lúc nghĩa-quân đến nơi thì chỉ thấy năm bảy cái nhà mới bỏ không, chớ không có người, té ra Bạch-xĩ hay trước mà trốn rồi. Giữa nhà lớn thấy treo một tấm bảng sơn son chữ vàng:

*Xẻ giữa rừng xanh nổi nóc nhà,
Mà cho bốn biển ngưỡng trông ta,
Khoan thái rủ áo ngồi vui vẻ,
Nào khác đền Nghiêu những mấy tòa.*

Hai bên lại có treo đôi câu đối:

*Vận-hội nửa ngàn may gặp đó,
Công danh bốn biển kém ai đâu.*

Rõ là Bạch-xĩ dùng toàn khẩu-khi vua như kiêu Thánh-Tôn nhà Lê. Người ta nói Bạch-xĩ giỏi cả nghề độn lục-nhâm, cho nên đã biết trước rằng cụ Phan muốn hại mình mà trốn đi. Sau có mấy lần cụ Phan định bắt nữa, nhưng y cũng trốn được cả. Cụ bận lo việc lớn, nên rồi bỏ qua. Tới sau hết thời, Bạch-xĩ bị dân làng báo lính về bắt rồi bị giam chết ở tỉnh Nghệ, như trên kia nói.



Cụ Phan vẫn đóng ở núi Đại-hàm, mà hành-động cách-mạng phản kháng Chính-phủ. Bấy giờ Chính-phủ Bảo-hộ thấy quan binh và lính tập đánh giệp

mãi không được, mà tổn phí mất nhiều, bèn thương thuyết với Triều-đình Huế (lúc ấy là đời vua Thành-Thái năm thứ 7), sai quan Tổng Đốc Bình-định là ông Nguyễn-Thân làm Khâm-sai Tiết-chế quân-vụ, đem quân ra tiêu. Thế là sau ông Hoàng Cao-Khải là người cùng làng, hạ bút viết thư dô cụ ra hàng không được, thì bây đến ông Nguyễn-Thân là người cùng nước, đem quân ra đánh cụ vậy.

Chắc hẳn độc-giả đều muốn biết ông Nguyễn-Thân là người thế nào?

Ông Nguyễn-Thân cũng như ông Hoàng-cao-Khải, đều là hai vị quan lớn do thời thế dựng nên cả.

Ông nguyên là chân Âm-sanh, người tỉnh Quảng-ngãi, con ông Nguyễn-Tấn, ngày trước có công giúp giặc Mọi ở tỉnh ấy. Giặc Mọi đã tôn ông Nguyễn-Tấn là thần tướng. vì ông dùng kế mà chúng nó phải phục. Ông đem bỏ đường phèn lẫn vào đá cuội ở dưới giọt mái tranh, rồi sai bắt mấy tên Mọi vào, giả dò chiều dụ; trong khi đó, ông sai lính ra lấy mấy cục đá cuội cho ông ăn. Lính chọn lấy những cục nào là cục đường phèn đem lên, nhưng mấy quân Mọi ngu, tưởng là quan lớn ngài ăn đá cuội thật đều cho là thiên-thần, rồi về bảo nhau hàng phục cả. Đời ông còn, quân Mọi không dám làm phản Triều-đình nữa. Nhưng sau ông chết, thì chúng nó lại làm phản. Triều-đình sai quân đi đánh giặc mãi không yên. Sau phải sai ông Nguyễn-Thân đi. Giặc Mọi thấy là con của ông thần-tướng ngày trước, phải tan chạy cả. Ông Nguyễn-Thân có tiếng từ đó.

Ông sanh vào giữa hồi nhà nước lăm nạn, nên khi đầu đời với thời thế, ông cũng xem bằng một con

mắt bi-quan và có lòng phần-khích lắm. Song le, vì chương tấmlòng lập công danh thanh hơn lòng yêu nước, cho nên sau ông đổi ý kiến ngay, đem thời thế lợi dụng vào cho mình. Cũng không nhớ là vào năm nào mà cũng không biết hồi đó ông làm chức gì. chỉ biết hồi đó là giữa hồi nước ta và nước Pháp đang giao-binh, Triều đình ta thua phải ký hòa-ước với nước Pháp, thì bấy giờ có một bọn lính ở tỉnh Bình-định nổi lên phản đối, nói Triều-



VUA TIỀNH-THÁI

đình hòa với người Pháp mặc lòng chớ họ không chịu; họ làm như tỉnh Bình-định tuyên-bá độc-lập vậy. Vốn trước, ông Nguyễn-Thân cũng đã có ý đó, nghĩa là ông muốn chiếm lấy tỉnh Bình-định để phản đối với người

Pháp. nhưng chỉ vì chậm một bước chân mà người ta làm mất rồi ông nghĩ nếu bây giờ mình cũng làm, thì chẳng qua là sau bước người ta. Ông không thích. Ông muốn làm một việc gì mà người ta chưa làm kia, ông bèn xoay về phía người Pháp, xin đem binh đi đánh giúp bọn kia. Ông giúp được, nhân thế người Pháp rất y-trọng ông, cho nên chẳng bao lâu mà đã làm Tổng đốc Bình-định rồi chính là hồi ông phục mạng đem quân ra tiêu cự Phan.

Sau ông làm đến phụ - chánh, hiển-hách ở trong triều, rồi được phong Quận-công về hưu-trí.

Ông là người hung ác và hiểm độc lắm, hay giết người. Trong lúc ông còn dùng binh, giết người ta không biết bao nhiêu mà kể. Sau về hưu-trí ở làng Thu-xá bị bệnh điên cuồng mà chết. Người ta nói là bị những oan-quỷ báo oán, cho nên khi ông đang bị bệnh, hễ chớp mắt đi lúc nào, là thấy một lũ oan-quỷ đầu tóc rũ rượi, máu mé đầy người, hiện lên để đòi mạng. Mỗi lúc thấy như thế, thì ông hét lên, hình như lấy làm sợ hãi hồi hận lắm. Tòa nhà lộng lẫy của ông lập ngay trên một trái núi con ở Thu-xá, đằng sau là chợ và bên sông, đằng trước trông ra biển. có cái cảnh - tượng bày tỏ ra là một người hùng-vũ lắm. Người ta nói cái nhà ấy nhiều ma, cho nên khi ông chết đi rồi, thì nhà bỏ hoang không có ai ở; bên cạnh có một cảnh chùa của ông lập ra, hình như có ý muốn siêu - sanh tịnh - độ cho những người đã bị ông giết oan thì phải. Người viết cuốn sách này, đã có dịp đến Thu-xá xem dinh-thự của ông ngày trước, nhưng tuyệt-nhiên không có một cái cảm-giác gì cả.

*
*
*

Vậy ngày tháng năm, năm Ất-mùi (1895), ông Nguyễn-Thần đem 3000 lính, có ông Tấn-sĩ Tạ-Tương, và mấy ông cử Nguyễn-Đĩnh, Nguyễn-gia-Thoại, Lê-tự-Khiết, sung làm Tấn-tướng quân-vụ từ kinh thành kéo ra.

Quân-thứ ở Quảng-bình được tin ấy, phi báo về núi Đại-hàm, các tướng đều xin đón đường đánh,

nhưng cụ Phan không cho, và truyền phải án binh, đề từ đồ một cơ-hội khác, vì sợ quyết liệt quá thì khổ lây đến dân, mà giữa lúc đó, cụ lại đang yếu.

Quân ông Nguyễn-Thân kéo thẳng đến hạt Việt-yên (thuộc huyện La-sơn) hiệp với quân Pháp đóng ở đồn Linh-cảm. Ông cũng nghe tiếng thầy Dư ở làng Dương-phổ bói giỏi, liền cho đòi đến dinh đề bói xem việc hành-quân có lợi không. Thầy Dư gieo quẻ rồi nói rằng: « Đại quân hất tất phải đánh, cứ đến tháng 11 là kéo về ». Ông Nguyễn-Thân tin theo. Vả chẳng ông cũng dư biết rằng: tuy cái thế lực của cụ Phan suy kém mặc lòng, nhưng đương trường mà đánh nhau, thì vị tất đã có lợi, vì một đảng ở trong rừng núi thăm thẳm, một đảng ở ngoài đồng rộng, thì đánh nhau khó bề chẳng hại. Vì thế, ông không muốn dùng cách đánh mà chỉ đóng binh ở đồn Linh-cảm, tính cách đánh không dùng đến võ lực. Ông biết rằng quân của cụ Phan phải cần có lương thực, mà lương thực ấy là ở dân gian cấp cho. nay nếu làm sao mà tuyệt con đường ấy của cụ Phan đi, thì tự nhiên không đánh cũng tan, không tan cũng chết. Ông bèn chia binh ra đóng ở khắp hai hạt Nghệ Tĩnh, lại xin thêm 2.000 lính nữa, phân đồn đóng ở khắp các chỗ nào quan yếu, hễ ai giúp ngầm nghĩa-quân cụ Phan, hay là ai bị tình nghi như thế, là bắt chém ngay. Lớp ấy, nhiều người bị chết oan, khiến cho dân gian đều khiếp sợ. Nhân đó mà việc lương thực là huyết mạch của nghĩa-quân, từ đây có bề nguy hiểm.

Ôi! Ta đã nói rằng cụ Phan làm việc cách-mạng, là nhờ có lòng người giúp đỡ: giúp cho lương thực,

giúp cho khi-giới, giúp cho con em để sai khiến giúp cho sự mật-báo các tin tức v. v. . . . Lòng người chính là một khi giới rất mạnh của cụ để chống với Bảo-hộ, cho nên cụ vẫn từng nói rằng cụ không nỡ bỏ là vì lòng người ta vẫn tin theo cụ nhiều quá. Nay Nguyễn-Thân ra dùng cái thủ-đoạn ấy thật độc, khiến cho lòng người tuy vẫn kính-mộ nghĩa-quân và sẵn lòng giúp đỡ mặc lòng, nhưng cũng chỉ chịu cay đắng ở trong lòng thôi, chứ không dám công nhiên giúp đỡ như trước nữa.

Trong khi ấy, quân Pháp biết nội tình của nghĩa-quân đã bị rung động lắm rồi, cho nên càng sai quân đi tiêu diệt lắm. Ông Nguyễn-Thân thì tiếng đem quân ra đánh, nhưng chỉ nắm một chũ, và làm oai giết được một mớ người dân quê thôi.

Nghĩa quân, trong đã không có nội trợ, ngoài lại chẳng có viện binh, làm gì mà chẳng khốn?

*
* *

Đoạn này cốt nói về Nguyễn-Thân, là người quan-hệ về lúc tàn-cuộc của phong-trào văn-thân Phan-đình-Phùng. Vây trước khi kết-thúc, tôi muốn hiến độc-giả xem một bức thơ chính ông ta viết để tự kể công-lao mình đánh giặc văn-thân, phò-tá Bảo-hộ những gì.

Ấy là một bức thơ dài, Nguyễn-Thân viết đưa quan Toàn-quyền Paul Doumer hồi năm 1902 (năm Thành-Thái thứ 13), lúc ngài mãn hạn làm thủ hiến Đông-dương, trở về Pháp-quốc.

Đầu hết, Nguyễn-Thân ngỏ lời cảm-tạ quan Toàn-quyền Paul Doumer và nước Pháp đã ban cho mình

những cái vinh-dự tuyệt-phẩm rồi thì tự kể công-lao như vậy:

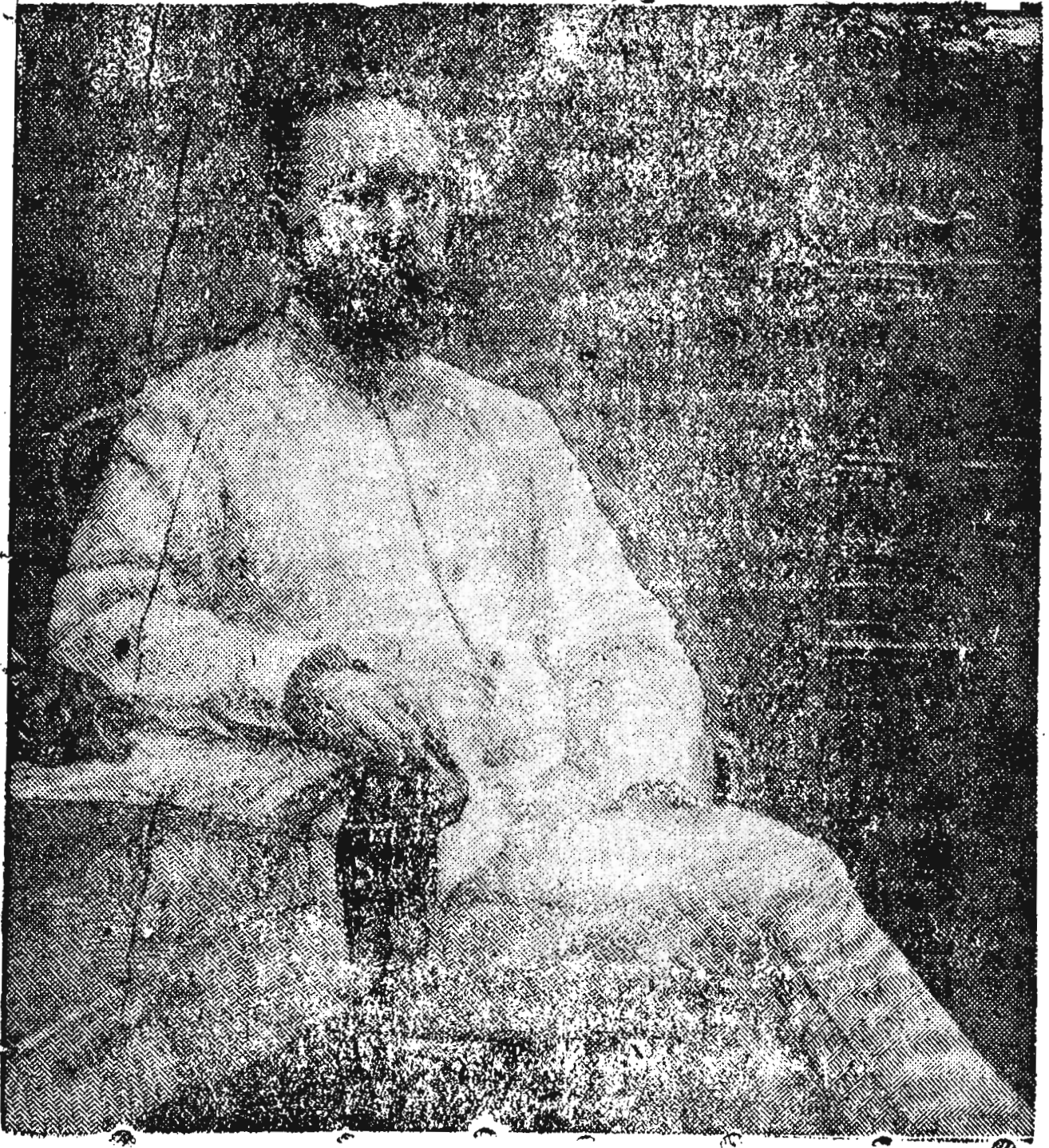
« Trong lúc ở kinh-thành có cuộc biến-động (1885) và lúc Tôn-thất-Thuyết đem vua Hàm-Nghi xuất-bôn để xúi giục nhân dân nổi lên chống với nước Pháp, toàn cõi Trung-kỳ xôn-xao rối loạn tứ tung. Bọn văn-thân hiệu-triệu dàn chúng, đồng thời bắt đầu nổi lên phản-kháng, một mặt tàn-sát dân đạo, một mặt chống cự người Tây.

« Giữa lúc bấy giờ, kể-vị của thân-phụ tôi qua đời, tôi đang làm chức tiêu-phủ-sứ các miền sơn-cước ba tỉnh Quảng-ngãi, Quảng-nam và Bình-định. Tuy có chỉ-dụ ở kinh-thành triệu về, nhưng tôi chỉ lo việc giữ yên các miền thuộc quyền tiêu-phủ của tôi để chờ thời-cơ.

« Hai tên tướng giặc văn-thân là Cử Định và Tú Tâm lúc ấy chiếm cứ tỉnh-thành Quảng-ngãi, đồ đảng đông lắm. Tôi đem hai ngàn quân lính ở miền trên kéo xuống đánh giặc văn-thân ấy. Tôi thâu-phục tỉnh-thành, bắt được 14 tên tướng giặc, tôi sai chém đầu tại đó để cho dư-đảng văn-thân thấy mà phải sợ. Tỉnh Quảng-ngãi giẹp yên rồi, vâng mạng của đức Đồng-Khánh, tôi đem bốn-bộ binh mã kéo vô Bình-định đánh giẹp đám dân khởi-loạn ở trong tỉnh này. Tôi tiên-trừ được loạn-đảng, khôi-phục được trật-tự và sắp đặt lại công việc cai-trị các phủ huyện ở tỉnh Bình-định. Còn tên tướng giặc sau chót là Mai-xuân-Thưởng chạy về miền An-Khê, thì tôi đang sai quân lính đuổi theo đánh riết.

« Cũng trong lúc đó, ông Đốc-phủ Lộc đem toàn quân lính của ông ở Nam-kỳ ra tiêu-trừ bọn

văn-thân do Mai-xuân-Thường làm đầu. Lúc ấy tôi phụng-mạng đức Hoàng-đế sai tôi đem quân trở ra Quảng-nam đánh đám giặc văn-thân, cầm đầu là



QUAN TOÀN-QUYỀN PAUL DOUMER

tên tướng giặc nổi tiếng, Hường-Hiệu, chống cự với nhà nước Bảo-hộ bấy lâu, đến đổi các quan binh tây phái lập ra tới 36 đồn lính ở trong miền đó đặt tuần-tiêu mà vẫn dây dưa không yên. Tôi dẫn binh ra, sai người của tôi đi do thám, khám phá được chỗ ẩn núp của tên tướng giặc ấy tại miệt An-tâm; rồi 25 tên phó-tướng của giặc bị bắt trong tay tôi, còn bao nhiêu dư-đảng xin ra đầu hàng tôi hết, Hường-Hiệu trốn thoát, chạy vô núi Ngũ-hành, sau tôi cũng bắt sống được, bỏ vô trong cũi mà giải về Huế.

« Thường đền tấm lòng tận trung của tôi đối với công việc nước Pháp, Chánh-phủ Cộng-hòa lúc bấy ban tặng Bắc-đầu Bội-tinh ngũ-hạng cho tôi.

« Cách đó ít lâu, tỉnh Bình-định lại có loạn dấy lên nữa; nhà nước sai đi tiêu-phủ lần thứ nhì, tôi giúp được giặc giã tỉnh này yên hẳn từ đó. Nhân việc đánh giặc thành công, quan Toàn-quyền Picquet và quan Khâm-sứ Hector tư xin Chánh-phủ Cộng-hòa ban thưởng cho tôi Bắc-đầu Bội-tinh tứ hạng.

« Rồi trở về chức-vị cũ ở miền thượng-du Quảng-ngãi, tôi vẫn làm tiêu-phủ-sứ các miền sơn-cước như trước.

« Ít tháng về sau, tôi được chỉ triệu về Huế, lãnh chức Binh-bộ thượng-thơ. Quan Toàn-quyền De Lanessan thương-thuyết với trào-đình khâm-phái tôi vô làm Tổng-thống tỉnh Bình-định, là tỉnh rộng lớn mệnh-mông. tôi giải quyết được nhiều vấn-đề quan-hệ đã bỏ dở dang bao nhiêu năm rồi. Rồi đó tôi được phong chức Khâm-sai đại-thần đem quân ra đánh giúp văn-thân Nghệ Tĩnh. Vì có quan

Toàn-quyền Rousseau và quan Khâm sứ Brière nói với triều-dình, nên chi tôi được lãnh cái trọng-trách ấy:

« Sở dĩ tôi phụng mạng đem quân ra Nghệ Tĩnh là cốt để trừc nã tướng giặc văn-thân Phan-dình-Phùng, khởi loạn ở hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh đã 10 năm, mặc dầu nhà nước đã ra sức đánh giẹp mãi mà không được.

« Thân dẫn một đạo quân 1.400 người, tôi đuổi đánh tên tướng giặc ấy hết núi này đến núi kia rồi tôi vây bọc và được là nhờ có những đồn linh phòng-trấn lập ra rải-rải khắp các ngã đường giao-thông.

« Thế cùng lực kiệt, lại bị thương-tích trong một trận đại-chiến, Phan-dình-Phùng phải uống thuốc độc tự-tử. Bao nhiêu bộ-tướng của va đều bị bắt hết, mấy ngàn quân giặc ra hàng. Thế là mấy tỉnh ở miền bắc xứ Trung-kỳ yên hẳn giặc-giã từ đó.

« Nhân tôi có công-lao như thế, Chánh-phủ Cộng-Hòa thưởng cho tôi Bắc-đầu Bội-tinh tam hạng và đưc Hoàng-đế vời tôi về kinh làm Phụ chánh đại-thần ».

« Vàn... Vàn...

XVII

ANH-HÙNG MẠT-LỘ



Thuở xưa, thuở mà trong việc dùng binh chiến đấu, gọi là khi giới chỉ có gươm đao cung tên, gọi là giao phong chỉ cần tướng đấu võ với tướng, một người anh-hùng tự tập được năm ba ngàn kiện nhi đồng-sĩ trong tay, có thể chiếm giữ một nơi núi rừng hiểm trở mà xưng bá xưng hùng và cầm cự với kẻ nghịch mình lâu dài được. Có khi cây cây trồng tủa được ngay trong thung lũng núi non thuộc về phạm-vi của mình mà tự sanh tồn cung cấp đầy đủ về việc lương thực, dầu không vận lương ở ngoài vô được cũng không lo kẻ nghịch không có thể chi cách xa một hai chục dặm vòng ngoài mà dễ cắt đứt mạch sống và xâm phạm tới sào-huyệt của mình ở trong đặng.

Cái thế-lực dây dưa lừng lẫy của đám anh-hùng Lương-sơn-bạc chỉ cốt có bấy nhiêu đó thôi.

Vậy mà ngày qua tháng lụn, kiệt sức mòn hơi, họ cũng phải nghiêng ngã tan tành thay!

Đến cái đời chiến-pháp binh-khí Tây phương bắt buộc khắp cả thiên hạ phải thay đổi, phải làm theo, để hoặc tự cường lấy mình hoặc chống cự với họ, thì việc chiến-đấu dụng binh đâu có phải sơ sài chật hẹp như xưa được nữa. Gọi là địa-lợi cần phải rộng rãi, thuận tiện cho cả mọi sự chiến thủ tới lui, chớ quanh quẩn một khu núi rừng hiểm trở mấy cũng không đủ dựa làm thế mạnh làm gốc bền; súng đạn người ta có thứ ở ngoài mấy chục dặm có thể bắn phá tới sào-buyệt mình tan tành như chơi, đến núi còn bẻ hai, rừng cũng cháy rụi; nhứt là đường giao-thông thủy lục phải có cuộc vận tải lương thực phải dễ, nó chính là lỗ thỏ, là mạch sống của mình nếu bị người ta chặn nghẹt thì tất phải chết. Không chết ngã ngựa tức thời cũng phải chết lần mòn hơi hóp.

Cụ Phan-đình-Phùng dùng binh đối địch Bảo-hộ, sự thế cực chẳng đã bao nhiêu lần phải nhốt mình vào trong những khuôn khổ chiến đấu ngày xưa rồi, bây giờ lại bị làm vào chỗ hiểm-nghèo kiêng kỵ của binh-pháp kim thời như vậy đó

Tôi đây, chúng ta càng phải nên nhớ lại thái phục ông thượng-tướng-quàn Cao-Thăng là người có dóm lược, có cao kiến.

Độc-giả đã biết ông ta chết giữa chiến-trường, chính là lúc có hoài-bảo lớn lao, muốn tấn-công chiếm thủ cả ba tỉnh Nghệ Tĩnh Bình để làm căn cứ, nếu không thì bèn đối địch -- theo ông đã loán tư trước -- sẽ dùng cách vây bọc cho mình đến tan ở tuyệt lương mà chết.

Thì sự tiên liệu của Cao-Thắng bây giờ xuất hiện thật rồi.

Bởi vậy, dầu ai tin hay không tin cũng mặc: « tính việc ở người nên việc ở trời » (mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên) chính là một nhân-lý nhưt định xưa nay. Lại cũng chứng tỏ ra cái thuyết « tri di hành nan » (biết dễ, làm khó) của cổ-nhơn là đúng. Một việc Cao-Thắng tính làm và biết làm là hay, nhưng mà có làm được đâu; vẫn biết nhân lực thiếu kém một phần, còn một phần hình như cũng có thiên-ý, có vận-số cản trở mà xui khiến ra sự bất thành như thế.

Lúc này cụ Phan bị vây bọc đến đôi bên ba cực khổ chừng nào, chắc cụ lại chạnh nhớ Cao-Thắng mà cảm thương thân-thể chừng ấy. Lại càng cảm thương thân-thể chừng nào, càng biết rõ vận-số quốc-gia không sao lấy sức người xoay đổi trở lại được nữa. Nhưng cụ đã hứa tánh mạng với quốc gia rồi, vậy thì trong khi tánh mạng còn lay lắt ngày nào, dầu phải nếm mật nằm gai, tắm sương gội gió đến thế mấy đi nữa cũng vẫn cam tâm.

Than ôi! Một người có chí khí anh hùng, đến bỏ quê-hương nhà-cửa, bỏ hương-hỏa tổ-tiên, bỏ cả thân-danh tánh-mạng mình, chỉ vì nhà nước, vì anh em, đem thân ra lo toan một việc, hiểm trở khó khăn, trăm cay ngàn đắng, chắc hẳn trong trí não cũng quả quyết trông mong việc ấy cho thành, khỏi phụ cái chí khí hùng-tráng của mình và khỏi phụ lòng kỳ-vọng của người đồng-loại. Thế mà sắt son tác dạ, lao khổ mười năm, tâm huyết mất không, thời vận chẳng có, đến lúc nhin đói nhin

khát, chạy ngược chạy xuôi, gặp toàn những cảnh vụn tử nhứt sanh, đường cùng nước bí, cái bước « anh hùng mặt lộ » chứa không biết bao nhiêu nòng nổi đáng cảm, đáng thương, đáng sầu, đáng tiếc, đáng thờ dài một hơi cho mạnh, đáng hét lên một tiếng cho to !

Hồi này, chính là hồi cụ Phan gặp ghềnh diên-đảo trên những bước « anh hùng mặt lộ » đây !

Bước này của cụ, khổ hơn Sở Bá-vương mà chỉ thiếu có Ngu-Cơ, sướng hơn Văn Tín-quốc là không đến đời bị bắt.

* * *

TƯỚNG - SĨ ĐỀU TUỐT GƯƠM RA XIN ĐÁNH MÀ CHẾT

Nghĩa-quân có những cơ diên-nguy thất bại phát ra từ giữa năm Ngọ (1894), vì quân lính Bảo-hộ mấy phía đã khởi thế cùng kích bao vây càng ngày càng chặt, chớ không phải từ lúc có Nguyễn-Thân kéo binh rần rộ ở Huế ra thì Nghĩa-quân mới lâm vào đường cùng cảnh khốn.

Ta nên nhớ Nguyễn-Thân ở kinh phụng mạng xuất sư ra đến Hà-tĩnh, nhằm tháng 5 năm Mùi (1895), chính là hồi cụ Phan và tướng-sĩ đang lao đao nguy khốn sẵn rồi, mà Nguyễn-Thân định kế chặt vây cánh và tuyệt quân lương, là làm cho cụ Phan thêm lao đao nguy khốn đó thôi. Khác nào một cây đã bị gió bão làm bung gốc lên rồi, Nguyễn-Thân chỉ có công xô thêm cho ngã xuống thì có, chớ không có công lao chiến trận và cũng

không phải nhờ có tài sức của lão thì họ Phan mới bại, nghĩa-quân mới tan, theo như ý lão kể công với quan Toàn-quyền Doumer ở trong bức thư độc-giả đã thấy trên kia. Sự thiệt, công lao chiến-trận là công lao của anh em lính-tập và mấy viên quan binh Pháp. Lúc sau Cao-Thắng tử trận mà nội-tình nghĩa-binh cụ Phan suy kém lần hồi, nhưng quân lính nhà nước ra sức truy tìm chinh phạt cũng gắt, mà nghĩa-binh vẫn rán đương đầu kháng cự được hoài, thành ra Bảo-hộ tướng nghĩa-binh còn có thực-lực vững hèn mạnh mẽ lắm, mới phái Nguyễn-Thân đem đại-binh ra tiêu-trừ cho mau. Nếu không có Nguyễn-Thân, chắc hẳn trong mấy tháng nữa nghĩa-binh cũng phải đến lúc tàn-cuộc tự nhiên.

Cũng có lẽ việc phái Nguyễn-Thân ra đánh là một việc quyết thắng về mặt tâm-lý. Vì Nguyễn-Thân chẳng phải giao-phong xuất trận gì, chỉ dùng mưu kế chặt vây cánh và tuyệt lương thực, chính là một trận đánh bằng tâm-lý, nó thần hiệu hơn đánh bằng binh-lực. Hướng chi là có trận binh-lực trợ chiến với trận tâm-lý nữa. Nếu như chỉ có bấy nhiêu cũng đủ kể là đại công thì người ta cũng nên nhìn nhận cho Nguyễn-Thân có công đó.

Quả thiệt, từ giữa năm Mùi trở đi, có thể trận tâm-lý của Nguyễn-Thân bày ra rồi, cụ Phan càng thêm lưu lạc khổ sở nhiều lắm chớ trước đó nghĩa-binh liếng bị suy-vi nguy khốn mặc lòng, nhưng vẫn nhờ được cái sức ngầm của dân nuôi lương giúp thế cho mà cầm cự với quân lính Bảo-hộ một cách gắng gượng hăng hái.

Chúng ta thử xem một chuyện sau đây thì biết.

Cũng không nhớ rõ được ngày nào, chỉ biết là hồi ấy nhằm cuối năm Ngọ quân lính Bảo-hộ biết cụ Phan đóng trên núi Đại-hàm mà thủ-hạ chẳng có bao nhiêu, nhằm chừng có thể lấn lên đánh phá được, bèn phân binh ra hai đội kéo tới Đại-hàm khêu chiến.

Núi Đại-hàm thuộc về địa phận làng Tinh-diệm, có một quân-thứ theo cách cụ Phan bố-tri ngày trước, gọi là Diệm-thứ, do ông Cao-Đạn làm chủ tướng.

Lúc hay tin quân lính Bảo-hộ sắp kéo tới đánh, cụ Phan tính kế lui binh trước để tránh đi thì hơn. Nhưng hai ông Cao-Đạn và Nguyễn-Mục hiệp lại cản ngăn và xin quyết kế đối địch.

Cụ Phan làm thỉnh cúi mặt ngó xuống họa-đồ. Ta nên biết lúc bấy giờ cụ Phan dụng binh, có họa-đồ những hình-thể sông núi đường sá hẳn hoi, đó cũng là một sự-nghiệp của Cao-Thắng để lại nữa. Cao-Đạn và Nguyễn-Mục đứng chờ hơi lâu, không nghe cụ Phan trả lời, tưởng cụ không chịu cho đánh, liền rút gươm ra đồng-thỉnh hô lớn :

— Xin nguyên-soái chặt đầu hai anh em chúng tôi đi đã rồi sẽ lui binh.

Cụ Phan ngược mắt lên, trả lời một cách ung dung :

— Lấy thế gì mà đánh với người ta bây giờ ?

— Bầm lấy thế núi.

Cao Đạn và Nguyễn-Mục cùng thưa như vậy rồi tỏ bày sự-thế lợi hại rõ thêm:

— « Chắc hẳn quân tây họ biết ít nhiều là nội-tình ta giờ suy yếu, nhứt là họ thám được binh-lực ở đại đồn ta hiện nay chẳng có bao nhiêu, cho nên họ muốn thừa cơ đánh ào lên một trận, để đập nghĩa binh té rụi xuống cho rồi đó. Nguyên soái rồi ro bề nào, tự nhiên toàn cuộc phải nghiêng đổ tan tành hết tức thời. Họ không đem sức lớn áp đánh mấy quân thứ kia, mà áp đánh trái núi này, chủ ý và sở vọng của họ ra sao, không nói cũng biết. Cụ có lòng nhân, không muốn làm quá nhọc sức tướng-sĩ lấy ít cự nhiều, mà định kế lui binh để tránh sức lớn kia ào ào đè tới; lấy lực mà bèn, lui binh là sự phải đã đành, nhưng lấy thế mà noi, thì quân ta chẳng phải không có thể chống cự lại được ít nhiều. là vì quân ta chiếm được địa lợi của thế núi.

« Núi này vốn có hình thế quanh co, hiểm trở, quân tây có kéo tới bao nhiêu đi nữa, chắc cũng chỉ vây bọc ở dưới mà thôi, quyết họ không dám mạo hiểm lên trên, họ chưa thuộc rõ đường đất, tự nhiên sợ gặp mai-phục thì nguy. Vả chẳng, trong quân ta hiện nay còn 400 người, kể số thì ít có ít thiệt nhưng đều là hạng tráng đinh đồng sĩ, ăn không ngồi nhàn cũng buồn, chỉ cầu có giặc tới mà đánh, có chết cũng mát ruột. Cho tới súng đạn tích trữ của ta cũng có thể đủ sức cầm cự nhan trong một đời tháng; như thế thì sợ chi mà vội lui, không đánh lại. Không đánh tại bây giờ, tất nhiên người ta cho mình đây là khiếp nhược, rồi càng ngày đem quân xua đuổi đồn ép ta mãi. Vậy thì bần cụ xét lại, ngày nay ta cứ quyết đánh nhau

với họ một chuyến, chừng đến nước cùng đường túng thế lắm, bấy giờ ta sẽ lui cũng không muộn gì. Phía sau ta vẫn có sẵn đường lui kia mà ! »

Cụ Phan trầm ngâm một lát, rồi kiếm lời an ủi ngợi khen hai ông Cao Đạn Nguyễn-Mục làm tướng cầm quân, mỗi khi gặp giặc quyết đánh như thể là anh-hùng, là trượng-phu lắm. Nhưng nay ta ở trước một cảnh như cò bí nước lấy ít cựa nhiều, lấy yếu chống mạnh biết rằng lòng quân họ có muốn đánh hay không? Vì, do nơi một tắc niềm non hậu, cụ suy nghĩ những người theo liền bên tả hữu mình bấy lâu, toàn là hạng người nghĩa-sĩ, bỏ cả nhà cửa, vợ con, quê hương, cha mẹ dấn mình vì việc quốc-gia, vì tình thầy trò, đã mười năm nay, biết bao chiến trận công lao, mà cụ chưa làm nên một việc gì để thỏa lòng đền công họ được. Gần đây họ lại vì cụ mà chịu thêm nhiều nỗi ấm lạnh gian nan, ăn ở cực khổ, ngày nay quá đói sức họ mà dùng, thì người non nghĩa không nở...

Hai ông Cao Đạn Nguyễn-Mục vâng lệnh rồi ra lấy ống loa kêu gọi quân-sĩ tụ lại mà nói :

— Nay Tây đem đại binh tới vây đánh sơn trại ta. Sự thế anh em ta chỉ có một đánh và một chạy, Nguyên-soái muốn hỏi ý của anh em ưng đảng nào ?

— Ưng đánh ! Ưng đánh ! Nam-quốc vạn tuế !

Quân sĩ không hẹn ước nhau mà đồng thời tay múa miệng la như thế. Nhiều người tung cả gươm và súng lên trên không rồi bắt lại tung lên, tỏ ý vui mừng hớn hở. Cao Đạn và Nguyễn-Mục thấy lòng quân hăng hái, bèn vô bắm lại cụ Phan đề quyết định dự bị nghinh địch.

LẤY ĐẠN CỦA NGƯỜI BẮN TRẢ LẠI NGƯỜI

Tức thời Cao-Đạn Nguyễn-Mục đi xem xét những địa thế nào có thể lập trận phục binh.

Lại sai quân lính đi chặt cây tre về chẻ ra đan những giỏ lớn thật nhiều. Quân lính vâng theo tướng-lệnh bảo sao làm vậy, chớ không hiểu dụng ý ra sao.

Công cuộc nghinh-chiến sắp đặt có hơn nửa ngày là xong.

Lúc bấy giờ trên sơn-trại chỉ có 400 tên quân, còn khi-giới tân thời chỉ có 200 khẩu súng kiểu tây và một ít đạn dược, ngoài ra, khi-giới toàn thì súng trường kiểu ta và những đại-đao đoản kiếm. Hai ông Cao-Đạn Nguyễn-Mục sắp đặt như vậy: 200 tay súng để làm quân chiến, 200 tay đao thì làm quân phục. Các ngả lên núi, chỗ nào xung-yếu thì phục binh chỗ đó, hề thấy quân nghịch thò đầu lên, thì xông ra mà chặt không kể sống thác. Nhất định ban ngày mới ứng chiến, còn ban đêm thì đặt nghi binh. Nghĩa là ban đêm, chính nơi đại dinh tối tăm mù mịt, không thắp đèn đuốc gì hết: còn chỗ khác thì giả thắp đèn lửa lập lòe, khiến cho quân lính Bảo-hộ tưởng là đồn trại nghĩa binh ở đó. tất nhiên phải nhắm ngay chỗ có ánh đèn mà bắn.

Nhưng còn lo chống giữ lâu ngày, mình hết thuốc đạn thì làm thế nào?

Hai ông bèn nghĩ đến kế vừa đỡ đạn, vừa lấy đạn.

Lấy đạn của ai?

Thì lấy ngay của quân lính Bảo-hộ.

Hai ông sai chặt tre đan giỏ thật nhiều, chính là dụng ý đó. Phàm là đạn súng bắn ra — đạn súng nhỏ hay súng đại-bác cũng vậy — hễ dụng nhằm vật gì cứng mạnh dội lại thì nổ dữ. Nhưng trái lại, nếu dụng nhằm mấy vật mềm nhẹ, nhưt là bông gòn ướt át và đất bùn, làm nó mất nổ. Hồi văn-thân Thanh-hóa chống cự với Bảo-hộ tại Ba-đình, đóng ở một làng giữa cánh đồng chiêm xung quanh có nước mình mông, mà cầm cự được cả tháng. quân lính nhà nước ở ngoài bắn vô như mưa, nhưng phần nhiều không nghe đạn nổ, là bởi văn-thân khéo dùng những giỏ tre đựng bùn, đắp lên thành lũy, cản trở hiệu-lực của đạn phải kém bớt đi. Bây giờ, Cao-Đạn và Nguyễn-Mục cũng dùng mưu kế ấy để đỡ đạn của súng thường, còn đề phòng cả đạn của súng đại bác, thì mắc lưới võng từ cây nọ qua cây kia.

Mọi việc dự-bị xong xuôi, chỉ đợi quân lính Bảo-hộ tới là đối chiến.

Quả nhiên, quân-lính Bảo-hộ đến nơi, chỉ ở dưới chĩa súng bắn lên chớ không dám mạo-hiểm lên núi, bởi thấy thế núi nghiêng dốc, cây cối rậm rạp quá, sợ lên thế nào cũng bị phục binh thì nguy. Nghĩa binh có cái địa-lợi là ở trên có chỗ ẩn núp trong những kẹt đá bóng cây, dòm xuống thấy rõ quân-lính Bảo hộ, mà quân-lính Bảo-hộ dòm lên thì không thấy gì khác hơn là cây cối um tùm và khói đạn mù mịt mà thôi. Thành ra quân trên bắn xuống thường trúng hơn là quân dưới bắn lên.

Hướng chi đạn của quân dưới bắn lên phần nhiều trúng vô những giỏ đựng bùn kia, không nổ.

Nghĩa-quân lấy những hột đạn ấy, nhồi vào thuốc mình bắn trả lại quân dưới.

Tối lại thì nghĩa-quân nghỉ ăn cơm và dưỡng sức, không đánh. Ở dưới, quân-lính Bảo-bộ ngó lên thấy chỗ nào có bóng đèn đuốc lập lòe thì cứ chĩa súng nhắm lên đó mà bắn. Té ra mấy chỗ có lập lòe đèn đuốc, chỉ là chỗ đặt nghi binh mà thôi, chẳng có người nào hết.

Hai bên chống giữ nhau có đến nửa tháng như thế, trên không dám xuống đã đành, mà dưới cũng không dám leo lên. Chỉ nghe tiếng súng nổ hết ngày này qua ngày kia, luôn đêm này qua đêm khác, hình như một trận mưa sấm sét, vang động cả một vùng núi non. Ai cũng tưởng chắc là nghĩa binh đã cháy ra tro hết rồi, nhưng kỳ thiệt chưa có một ai tử trận hay là bị trọng thương gì cả.

Quân lính Bảo-hộ nghĩ mình bắn phá dữ dội tới hai tuần như thế mà Nghĩa-binh không núng, không lui, bèn xe súng đại-bác lại, định phá tan đốt cháy cả núi Đại-hàm, tất nhiên nghĩa-quân phải chết rụi hết, hay là không còn cây cối rậm rạp mà ẩn núp thì sao cũng phải đầu hàng. Nhưng đạn đại-bác bắn lên phần nhiều mắc vào lưới võng của Nghĩa-quân đã dăng tứ tung, thành ra không có mảnh lực như người ta đã tính.

Mấy ngày về sau, tuy là Nghĩa-binh còn đạn cũng nhiều, nhưng mà chỉ bắn một cách dè dặt, chớ không dám bắn phóng túng như trước nữa. Mỗi ngày giao chiếu, cụ Phan đều ra tận chỗ mạo-hiểm để chỉ bảo khuyến-kích tướng-sĩ, nhờ vậy nên lòng quân càng phấn-chấn bội phần. Muốn lập kế dụ quân-lính Bảo-hộ lên núi để cho phục binh làm thịt,

cụ Phan sai mấy tên quân lanh lẹ, lên theo đường tắt xuống núi, giả làm dân quê đi cày, tới trước quân-lính Bảo-hộ nói mình biết đường lên núi, xin làm hướng-đạo hầu được lãnh thưởng lập công. Hai viên quản-cơ tưởng thiệt đã toan dẫn một toán lính tập đi liền, nhưng viên thiếu-úy cầm-quân, cản lại không cho, vì sợ mắc kế mai phục.

Bấy giờ, quân-lính Bảo-hộ phân ra làm hai, một nửa vẫn ở mặt tiền, một nửa đập gai lộn xuôi, bọc ra mặt hậu để đánh phía sau lưng nghĩa-binh, khiến chó trước sau đều thọ địch, thế nào nghĩa-binh cũng tan vỡ.



Quan Toàn-quyền DE LANESSAN (áo đen tay trái)
đứng bên là thái tử Nga, qua du-lich Đông-dương
năm 1891, sau lên ngôi vua là Nicolas II.

XVIII

THIỆU CHÚT NỬA CỤ PHAN BỊ BẮT SỐNG



Quân lính Bảo hộ giàn trận ở mặt trước núi Đại-hàm mà đánh ròng-rã hai tuần, thiệt thòi nhân-mạng và đạn-dược nhiều rồi, mà Nghĩa-binh ở trên núi vẫn có sức cầm-cự dằng dai, không hề nao-núng.

Nghĩa-binh can đảm đã đành, nhưng cũng may là đời bấy giờ chưa phải là đời có xe tăng, có máy bay, có độc-khí; nếu trái lại thì Nghĩa-binh nhà mình cầm cự không được nửa tiếng đồng-hồ và mấy quả núi Đại-hàm cũng chẻ hai ra rồi. Bởi vậy, người lấy gan mình sức mình ra chọi nhau, vẫn có giá-trị hơn là mượn máy chọi người; chính là ông thánh Gandhi ở Ấn-độ nói thế đó.

Nhất là Nghĩa-binh ở trên núi chỉ có 400 thầy trò với 200 khẩu súng, mà ở dưới núi vừa lính tập, lính tuần và tráng-đỉnh mấy làng phụ-cận phải ra phục dịch quan quân cả thầy có tới ngàn người; một đàng

lấy bóng cây kẹt đá làm mạnh ; một đàng lấy người đông súng tốt làm mạnh ; kể ra Nghĩa-binh cầm-cự dây dưa được gần nửa tháng cũng là lâu lắm rồi.

Trong một cuộc đối-chiến bất-đồng về số người và sức mạnh như thế, bề nào bên ít bên yếu cũng phải thua là lẽ tự-nhiên.

Toán viện binh 150 lính ở Nghệ kéo đến tiếp-chiến, làm cho Nghĩa-binh thêm mau bại tẩu hơn nữa. Bây giờ quân lính Bảo-hộ phân ra hai ngả mà đánh : một nửa cứ ở trước mặt núi trấn-áp, một nửa kia thì chen gai lách đá, luồn ra phía sau núi, để xuất kỳ bất ý, đánh úp lên sào-huyệt của Nghĩa-binh. Trong trí của nhà cầm quân dùng tới chiến lược này, nhất định bắt sống Phan-đình-Phùng và trói thúc ké Nghĩa-quân hết thảy.

Nhưng, trời còn bắt phải gian-nan hơn nhiều nữa. Chớ chưa để cho họ Phan và mấy trăm tráng-sĩ phải cùng đường ngựa cỏ tại đây.

Luôn mười mấy ngày làm phận-sự chủ-tướng phải trông nom việc quân giữa lúc chiến-đấu, lại còn một nỗi ăn ở cực khổ chêm thêm vào, chẳng cần phải tả thì ai cũng đoán biết cụ Phan u học mệt dữ lắm.

Chiều tối bữa thứ mười lăm, ăn một vài nắm cơm khô chấm muối xong rồi, cụ Phan dặn dò hai tướng Cao-Đạn Nguyễn Mục những chỗ quân-cơ chiến-lược nội đêm nay, để mình yên tâm nằm ngủ được vài trống canh cho khỏe. Một thanh bảo-kiếm để luôn bên mình, và rút ra ngoài vỏ sẵn sàng, mỗi khi nằm ngủ, luôn 10 năm nay, đêm nào cũng thế. Cụ nói với người nhà : « Để phòng khi lâm nguy bất trắc, mình đem chém đầu kẻ nghịch hay là tự đâm họng mình cho kịp ».

Đêm đó, lối vẫn trống canh hai, khoảng 10 giờ hơn, cụ đặt mình nằm xuống lâu rồi mà đang thao thức suy tính chớ chưa ngủ được; bỗng thấy tinh-thần mình hồi-hộp, chập-chờn, con mắt thì máy lia và ruột nghe sao nóng-nảy như bèo như đốt. Cụ giật mình suy nghĩ chắc là có chuyện gì nguy-biến xảy đến nơi, cho nên thần-hồn báo trước cho thần-tinh đây chăng? Tức thời cụ ngồi nhồm dậy, đánh thức người cháu gọi cụ bằng chú ruột mà nói:

— Quái kỳ! Ta đang nằm trần-trọc chưa ngủ được, chợt nghe trong mình phát ra nóng ruột và con mắt cũng máy dữ, chắc là có điềm lạ gì, đây. Cháu dậy thắp cây đèn lên, để chú bói thử một quẻ xem nào!

Tự nhiên việc thắp đèn ở sơn trại, chính nhà cụ ở là việc rất quan-hệ, nên cụ phải dặn trước người cháu:

— Nhớ che đậy bóng sáng cho khéo, kéo quân Tây ở dưới ngó lên thấy hơi sáng lập-lòe, nó dãi cho một vài viên đạn thì khốn.

Vi, trên kia đã nói cho độc-giả biết, đêm tối trên núi cốt làm đèn đuốc lập lòe ở chỗ khác, cách xa, để làm nghi binh, còn chính đại-trại và cái chòi cụ ở thì phải cấm tuyệt đèn lửa.

Người cháu thắp đèn che kỹ rồi bưng lại, cụ Phan lấy quyển kinh « Dịch » và mấy đồng tiền trinh ra gieo quẻ bói. Giữa lúc ấy còn là ngày « Dần » mà cụ bói được quẻ:

卯 鬼 發 動 **Mão quỷ phát động**

Trùng mắt thờ dài ra vẻ kinh-ngạc, cụ nói với cháu:

— Chà chà! Sự thế nguy-biến đến nơi rồi. Ngày mai chính là ngày « *Mão* » mà nay thần ứng ra quẻ này thì mai đây thế nào quân tây cũng úp phá đồn trại của ta, chắc chắn.

Tức thời, cụ sai lính vệ sĩ đi đòi Cao-Đạn và Nguyễn-Mục vô thương-nghị khẩn-cấp.

Hai ông này tay grom vai súng, lật-đật vô hầu. Cụ kể lại cho nghe từ điềm lạ máy mắt sốt ruột cho tới ý nghĩa quẻ. bói mà thần mới ứng cho rồi nói:

— Thế nào ngày mai quân địch cũng úp phá tới sào huyết ta, mà lát là chúng lên bọc ra phía sau mà lên núi chớ mặt tiền có quân ta cầm-cự và mai-phục, hấn chúng không tấn lên phía trước được đâu. Sự thế trước sau cùng thọ địch như thế mà quân ta ít, súng ta ít, lại đạn-dược gần kiệt rồi, nếu ta dồn binh về mặt sau thì mặt trước hỏng mất. mà giờ cứ cầm cố chống giữ lấy mặt trước thì mặt sau bỏ trống để chúng thừa hư tập kích được. đổ khỏi bà con ta làm tù cả đám hết. Ta phải tức tốc lui binh bỏ núi này đi mới xong.

Cao Đạn, Nguyễn-Mục muốn xin kéo binh đánh tràn xuống mặt trước núi, liều mạng phá tan vòng vây mà chạy. Vì hai ông suy tính Bảo hộ đã định phân ra bọc đánh ngả sau Nghĩa binh, thì tất là mặt trước để hư không. Nghĩa binh có thể liều chết phá vây được. Nhưng cụ Phan không nghe:

-- Tính làm cách đó, vạn tử nhất sanh, nguy lắm. Phải biết họ dùng binh cẩn thận, cơ-mưu, chớ không như các người liều đoán đâu. Họ cốt vây bọc ta trước sau cùng thọ-địch, cho nên tất nhiên họ phân binh bọc lên ngả sau, nhưng không khi

nào lại để hư không mặt trước. Ta kéo tràn đánh xuống tức là đưa thịt vô miệng cọp. Bởi vậy ta quyết định bỏ núi lui binh, nhưng phải răn bảo-toàn lấy binh-lực hầu dùng về sau, chớ không để tổn thương vô-ích, vậy thì quân ta cứ lui đi mặt trước, có điều là đi xuyên đường rừng, không nên chướng mặt cùng họ giao-chiến làm gì.

Tướng-sĩ đều phục cái định-kế ấy hoàn toàn hơn.

Liên ngay lúc đó, cụ sai đi kêu gọi hết thầy quân lính ở các chỗ đang ứng-chiến và mai-phục phải bỏ trận-địa lục-tục kéo về đại trại, lật đật nấu cơm và thu xếp khí giới vật-dụng: lệnh truyền đến 2 giờ khuya ăn cơm rồi nai nịt sẵn sàng để gà gáy lần thứ nhứt thì nhổ trại lui binh. Nhiều quân-sĩ còn đang hăng hái, muốn đánh, nhưng tướng lĩnh đã ra không ai dám trái.

*
*
*

Không dè Nghĩa-binh dự bị chưa kịp, thì nghe tiếng gà ở sơn thôn đã gáy hai đạo rồi.

Quả thiệt, quân lính Bảo-hộ do ngã sau đã tấn lên đến nơi. Trời mới sáng mờ mờ, một con chó tây dùng trong việc quản, đánh hơi đưa đường, chạy sòng sọc vô tới trong sân đại-trại. Nguyễn-Mục ngó thấy đưa súng lên bắn con chó một phát, nhưng nó chạy khỏi. Quân lính Bảo-hộ đang chen cây lách đá, nghe tiếng súng nổ, liền nhắm chừng hướng ấy và dõng theo vót chùn con chó dẫn đường mà tới. Bởi đá núi lởm chồm gập ghình, cây cối gai góc rậm rạp, thành ra quân lính Bảo-hộ tấn lên hơi khó và lâu. Tiếng súng của Nguyễn-Mục bắn

còn chớ thật là bất-trí, nếu như không có tình thế hiểm trở của núi rừng làm chậm trễ sự tấn binh của quân lính Bảo-hộ, thì có lẽ cụ Phan bị bắt rồi.

Trong khi quân-lính Bảo-hộ đang lần đường theo dấu ở phía sau, thì Nghĩa-binh đã phò được cụ Phan đi ra cửa trước mà xuyên theo đường lối trong rừng chạy thoát được rồi.

Một lúc, quân lính Bảo-hộ tấn vô đến nơi, chỉ thấy dinh trại trống lỗng, đồ vật bỏ lại ngổn ngang, chớ không còn một người nào, Quân lính Bảo-hộ cướp được đồn-trại của Nghĩa-binh rồi thôi, không rượt theo nữa. Vì sự thiệt cây cối rậm rì đường lối chẳng thấy, nên không biết Nghĩa-quân lui chạy đường nào mà rượt theo cho được.

* * *

Tướng-sĩ hộ vệ cụ Phan chạy đường rừng bao nhiêu đồ vật và lương thực mất hết, không kịp đem theo một chút gì.

Chuyến này tình cảnh Nghĩa binh lao đao vất vả quá, lại thêm nỗi đói khát lạnh lùng, nên chỉ quân-sĩ chết ở giữa rừng hết nhiều. Lắm người đói lả đuối sức, chạy theo không kịp, phải nằm phục-vị ở giữa rừng, đào rễ cây mà ăn, rồi đốt lá mà sưởi, vì mùa này khí hậu rừng núi càng lạnh lẽo hơn dưới đồng bằng. Chính người cháu ruột của cụ, cũng nằm lả bên khe suối, may phước có mấy tên quân xúm lại vục dây đem đi.

Trong lúc người ta ở hương-thôn thành thị ăn tết năm Mùi (1895) thì Nghĩa binh lao đao đói khát ở giữa rừng sâu núi thẳm.

Đến mừng 6 tháng giêng. Nghĩa-binh mới kéo về tới núi Quạt, đồn trú lại đó là quân-thứ ở huyện Hương-Khé. Kiểm điểm binh sĩ, còn lại hơn hai trăm người mà ai nấy đều xanh xao gầy ốm, vì nổi cơn ba cơ khổ ròng rã một tháng trời; cụ Phan và 2 tướng Cao-Đạn và Nguyễn-Mục cũng vậy.

Bây giờ nội-tình Nghĩa binh đã bối rối lắm. Vì nổi lương thực thiếu thốn. Lúc nào dân làng gánh gạo bắp heo gà lên núi cho Nghĩa binh như là đi chợ; nhưng mấy tháng này bị nhà chức trách cai trị địa phương canh phòng các ngã và hăm dọa gắt gạo thành ra họ không dám tiếp tế lương thực cho cụ Phan như lúc trước nữa. Nhiều người sốt sắng quá, đến đôi liều mạng vận lương cho « giặc », mà bị mất nghiệp bay đầu. Có người mười phần vô tội vô tình, cũng bị liên lụy chỉ bởi kẻ tiểu-nhơn oán thù vu cáo.

Kho tàng lúa bắp trên sơn trại, càng bữa càng khô, mà sự tiếp-tế mắc nghẹt. Cụ Phan phải sai quân-sĩ giả làm nông-dân hay thương-khách đi sang tỉnh Quảng-bình mua từng năm ba chục gánh gạo bắp, chở lên theo đường rừng, đem về cho quân-sĩ ăn. Tội nghiệp quá! Có nhiều khi lúa bắp đi mua chưa vận về kịp, quân-sĩ phải nhịn đói đôi ba ngày chỉ uống nước lạnh trừ cơm là sự thường. Tuy vậy, không ai kêu la than thở một tiếng nào; trái lại, họ vẫn vui vẻ thề nguyện theo cụ Phan đến chết mới thôi, cực khổ đã quen, đói rét chẳng kể. Thấy lòng quân khăng-khít với cụ như thế, cụ thường cảm-động khóc lóc một mình. Người cháu hầu hạ bên cạnh, có lúc nửa đêm nghe cụ thở dài và nói lầm rầm :

— Vì ta mà khờ sở tướng-sĩ. Có dân-tâm thế ấy mà non-lực không có, thiên-mạng không giúp, thắm biết bao nhiêu.

Người anh-hùng đến bước mặt-lộ, đêm trường canh lụn, nằm than khóc một mình như thế, càng thắm hơn nữa.

Lụi đụi tới tháng 5 năm ấy (năm Mùi) Nguyên-Thân kéo đại-quân ở kinh thành ra đến nơi, tình hình lương thực của Nghĩa-binh càng thêm chật hẹp nguy khốn. Là vì bao nhiêu lối hiểm đường quanh đều có lính tráng của Nguyên-Thân bủa dăng chặn nghẹt hết thảy, thành ra Nghĩa-binh trên núi tuyết lương.

Độc-giả nhớ phân biệt hai tiếng này dùm: trước kia lương thực chỉ « thiếu » cũng đủ khốn khổ, bây giờ đến « tuyết » mới nguy!

Liệu bề ở núi Quạt thì sớm muộn thầy trò cũng chết đói đến nơi, cụ Phan hạ lệnh nhỏ trại, định kéo quân về nơi sào huyệt cũ là núi Vụ-quang. Tại đây có địa-lợi hơn, vì đã có đường rừng lại có đường thủy nữa, có lẽ công cuộc vận lương cũng dễ xoay trở.

Lúc đó là tháng 7.

Nhưng Nghĩa-binh kéo đến mé sông Vụ-quang, cụ Phan cẩn thận, sai 4 tên vệ-sĩ qua sông dò thám trước. Té ra những đồn trại của Nghĩa-binh trên núi Vụ-quang hồi xưa đã bị quân lính Bảo-hộ chiếm giữ lúc nào rồi, lính tập đầy nhóc.

Cụ Phan dòm xét địa thế, rồi lật đật đem quân sang đóng trên một trái núi khác, cách không bao xa và cũng thuộc vào thung lũng của núi Vụ-quang.

Nghĩa-binh chặt cây cắt cỏ, cất lên dinh trại lợp xúp mà ở tạm đỡ.

Biết trước rằng mình đóng binh ở đây, thế nào nay mai quân lính Bảo-hộ cũng áp tới đánh, cụ Phan phải tính cách chống cự sẵn sàng.

Vì đó mà nay mai có trận huyết-chiến Vụ-quang chính là một trận đánh để tháo thân, mà lại là một trận đánh dữ dội nhất. Cây đèn cạn dầu sắp tắt, bao giờ cũng phụt lên một cái sáng lò!

XIX

VỤ-QUANG-SƠN HUYẾT - CHIẾN

Lúc này chính cụ Phan tự biết rằng mình với cái ngày cuối cùng, thấy càng sáp gần lại nhau lắm rồi, chẳng còn xa cách bao nhiêu nữa.

Nếu phải là người ham sống sợ chết, thì bây giờ cụ Phan chỉ có việc treo lên một vuông cờ trắng, rồi đem quân gia khí-giới ra đầu hàng quy thuận Bảo-hộ tất là được dung thứ trọng đãi ngay, mặc dầu 10 năm một tay cụ đã làm cho Bảo hộ hao tổn bộn bàng quân lính và tiền bạc. Dám chắc, nếu cụ Phan chịu ra hàng, thế nào cũng được biệt đãi hơn những dề-độc Lê-Trực và Tấn-sĩ Phan-trọng-Mưu rất xa. Một là vì cuộc Bảo-hộ mới lập xong buổi đầu, người Pháp cần thu phục hơn tâm hơn là ham muốn sát phạt, nghiêm khắc. Hai là, -- nói cho công bằng, -- đối với mấy tay lãnh-tu văn-thân cứng cỏi, gan dạ, như bực Phan-đình-Phùng, Bảo-hộ vì lẽ chánh-trị buộc phải đánh giặc thì đánh

giệp, chớ trong thâm tâm của những người Pháp chuộng công-lý nhân-đạo vẫn quý trọng ai là người biết yêu nước quên mình như thế.

Tôi không dám đầu khọc mình được xem hết thấy những sách của chánh-gia võ-tướng Pháp biên chép về các võ-cộng đánh giệp buổi đầu Bảo-hộ, nhưng mà dám nói rằng ít nhiều cuốn tôi được xem, trong đó mỗi khi nói đến Phan-đình-Phùng, thì họ đều viết « *Le rebelle* » (người không chịu phục nhà nước) hay là « *Le docteur rebelle* » (ông nghè phản đối), chớ không gia cho cái tiếng nặng là « *pirate* » hay « *bandit* », (quân giặc cướp) như đối với Đê-Thám. Chính ngay Đê-Thám, nhiều người Pháp nói đến ví dụ như Paul Chack, gọi là « *bandit* », nhưng quan Toàn-quyền Paul Doumer nói ngay thẳng: « Đê-Thám không phải là ăn cướp, mà chính là tay dầu đảng Annam phản-đối chống cự và đánh nhau với ta đã 10 năm nay ». *Le Dê-Tham n'était pas un bandit, mais un chef Annamite rebelle qui nous résistait et se battait contre nous depuis dix ans*), xem quyển « INDOCHINE FRANÇAISE » của Paul Doumer xuất bản năm 1903, trang 397). Vậy cho biết rằng lẽ phải thì ai có bụng công bằng cũng quý chuộng nhìn nhận, không cứ là người nước nào.

Chắc đọc giả còn nhớ có một đoạn trên kia tôi đã nói chính cụ Phan đã cảm hóa Đê-Thám cả quyết nổi lên phản đối ở Bắc-hà; những ngày tháng cuối cùng của cụ Phan ở khoảng Hồng-Lam tức là ngày tháng bắt đầu của Đê-Thám dậy lên ở miệt Yên thế vậy. Ta nên biết tình thế đến lúc Đê-Thám, cuộc Bảo-hộ đã vũng vàng nền móng lắm rồi mà

Đề-Thám giả hàng còn được bao dung trọng đãi đôi ba phen, hưởng chi là sớm hơn đó mười mấy năm, nên móng Bảo-hộ mới đắp còn chông chênh vất vả, tự nhiên cụ Phan nếu chịu ra hàng, tất được trọng đãi bao-dung thập bội. Đã vậy mà nhân-phẩm cụ-Phan cũng cao hơn nữa, đáng cho Bảo-hộ cần thân phục cảm-hóa hơn.

Tôi muốn nói đông dài ở chỗ này cốt để tỏ ra thời-cơ rất thuận tiện cho cụ Phan quy-hàng Bảo-hộ chắc được yên lân xong việc biết bao. Nhưng mà cụ lâm vào đường cùng cảnh khốn đến như lúc đang nói đây, vẫn giữ vững tâm chí thẳng như tên, cứng như sắt, thà chịu đói, chịu khổ, chịu đau đớn đủ thứ, rồi chịu chết bỏ xác giữa rừng chớ không chịu quẳng súng xuống đưa tay lên để cầu sự yên ổn phú quý, thế là biết cụ khí khái can cường đến bực nào vậy.

Nhất là tự biết mình chết đến nơi mà cứ ung-dung, cứ khảng-khái, cứ tự nhiên!

* * *

Thật vậy, lúc này cụ dư biết mình đã lâm vào tuyệt-lộ rồi, việc cứu quốc cần-vương đến lúc hư hống tan lành, vì thiên ý đã định hẳn như vậy rồi, nhân-lực không làm sao cải lại được nữa. Vốn là nhà nho, cụ tin nơi thiên-mạng có lạ gì. Nhưng cụ cũng tự biết nhân-lực không đủ. Ta nhớ trong bức thơ trả lời Hoàng-cao-Khải, cụ chẳng tự sánh việc mình làm như kiêu con bọ ngựa nhỏ uhoi muốn dơ tay lên cầu chiếc xe to lớn đó sao!

Có điều là vì khí tiết, vì danh-nghĩa, vì phận sự làm tôi đối với vua, làm dân đối với nước, đã trót ra tay làm thì phải làm tới chết.

Vậy thì nay còn có đôi chút sức thừa nào, cũng đem ra cho hết, để chết một cách oanh-liệt, không cần phải dè dặt sức mình hầu dùng mai sau như mấy năm trước. Thi đóng quân ở trên một trái núi thuộc về thung lũng Vụ-quang. gần bên quân-lính Bảo-hộ, nghĩa là cụ Phan không trốn sự đánh chút nào.

Không ngờ trận đánh ở Vụ-quang, cốt đánh để tháo đường và liêu thân, lại là trận đánh dữ tợn nhất, thống khoái nhất cho nghĩa-binh từ 10 năm nay. Đã nói cây đèn hết dầu bao giờ cũng phụt lên một cái sáng lòa rồi mới tắt.

Hồi này cụ có ý buồn bực lắm. Phần thì buồn về công việc hư hỏng, phần thì mấy tháng nay khổ sở bôn tẩu mãi, thành ra tuổi chưa mấy già mà người đã suy yếu đi nhiều lắm.

Có bữa, cùng mấy viên tùy-tướng đi dạo chơi trong rừng, phía trước thảo-trại, cụ Phan ngó lên thấy đám mây bạc ở xa xa, chạnh nhớ đến nơi phần-tử đang bị tan hoang phiêu-dạt vì mình và hương-khói xương cốt tồ tiên mình bị lạnh lùng bởi móc lên cũng vì mình, cụ lấy làm cảm động đau đớn hết sức. Trông về phía bắc mịt mù, cụ nhớ đến vua chúa cũng đau lòng; cho tới nghe tiếng chim kêu vượn hú, lá rụng cây reo. mỗi mỗi đều gọi mỗi quan hoài thương cảm ở trong cõi lòng sâu xa. khiến cho cụ bùi ngùi vô hạn.

Một lúc cụ phải bật tiếng thở dài, nói với mấy viên tùy-tướng-sĩ :

— Trước kia ta nghe những tiếng này, trông thấy những cảnh này lòng ta phấn khởi biết bao, tưởng chừng gặp kẻ_đối địch chỗ nào ta cũng nhảy tới

bóp cổ moi gan ra ăn được mới khoái. Nhưng bây giờ cũng trông thấy cảnh này nghe những tiếng này, lòng ta tê tái rầu buồn hết sức. Người có chí làm việc lớn mà trời không cho làm được, ở đời còn có nỗi gì đau đớn hơn nữa!

Rồi cụ chỉ tay ra phía xa mà nói:

— Ngó non sông tốt đẹp thế kia mà không phải của mình làm chủ nữa, thắm chưa?

Những người đi theo nghe mấy lời đều ứa nước mắt; chừng ngó lại chủ-tướng, té ra thấy nơi hai gò má cũng điểm nhiều giọt lóm đóm như giọt sương mai, từ cặp mắt đỏ hoe kia mới nhỏ xuống. Thầy trò khóc với nhau ở giữa rừng!

Than ôi! một người anh-hùng có chí vẫy vùng bốn biển, cứu-hộ muôn dân, muốn xoay lại non sông chọi với thời thế, mà nay bị xô bị nhốt vào trong vòng cùm đường bí nước như vậy, không phải bị thương thống-khốc sao được. Có lẽ đến đây kia đá nọ cũng phải nhỏ mồ hôi và nát trong ruột nó dùm cho chớ đừng nói chi là chính người đang có thân-thể cảnh ngộ ấy!

Nhưng đã nói rằng cụ Phan có cái quyết-tâm rằng mình còn chút hơi dư nào cũng gói ghém lại để đem ra chống chọi với thời-cuộc cho hết, tới lúc xuôi tay nhắm mắt mới thôi. Bởi vậy không thể nào đổi cảnh mà ngậm-ngùi bi-thương mãi được, cụ phải tìm cách để kháng, kéo Nghĩa binh tạm đóng trên núi này thế nào sớm muộn nay mai quân lính Bảo-hộ cũng tới vây đánh, chớ không sao khỏi. Điều ấy chính cụ đã dự liệu trước rồi.

Ngó xuống sông Vụ-quang thấy quanh co một giải trắng phau, nước chảy cuồn-cuộn, cụ Phan đổi ngay sắc buồn ra vẻ vui mừng:

— Nếu quân Pháp kéo tới đánh ta, thì con sông kia có thể cự địch được lắm.

Tướng-sĩ ngẩn-ngơ, không ai hiểu được là ý gì, trờ ra một mình Nguyễn-Mục hình như hiểu thấu quân-cơ này, cho nên sau khi cụ Phan nói rồi, nghe ông ta ứng thanh mà tiếp:

— Chắc họ được uống nước sông đó một bữa no-nê.

Rồi đó thầy trò lững thững trở về thảo-trại thương lượng việc quân.

Quả nhiên chỉ cách sau vài ngày, quân lính Bảo-hộ biết tin Nghĩa-binh đang đóng trên trái núi bên kia, liền thăm dò địa-thế để kéo binh tới công kích.

Phải biết mỗi ngày Nghĩa-binh đều cử ra một vài người giả làm chủ tiều, xách búa qua núi Vụ-quang chặt củi, kỳ thiết để xem xét binh tình của bên đối địch. Lính tập ngó thấy, nhưng tưởng là dân núi đốn củi thiết, không nghi ngờ gì hết. Mấy chú còn lán la nói chuyện với họ và hút thuốc của họ mời nữa là khác. Nhờ vậy mà công việc sắp đặt của lính tập ra sao bên Nghĩa-binh hay được hết.

Khi được tin về cáo cấp, cụ Phan liền hội chủ-tướng lại để bàn cách chống cự. Lần này cụ có trận-thế sắp đặt trong lòng và có chủ-trương nhất định rồi, cho nên không có ý lo ngại và tính kế lui binh như mấy lần trước. Nhưng các tướng lúc bấy giờ đều có sắc lo, là vì hiện thời Nghĩa-binh chẳng những quân lương đã thiếu thốn cực khổ, mà ngay

khí-giới súng đạn cũng không còn sót lại được bao nhiêu, nếu phải cầm cự lâu ngày như ở Đại-hàm trước kia thì khốn. Họ lại suy nghĩ trái núi mình tạm trú đây không có hình-thế chi hiểm yếu thuận-tiện, vậy thì lấy gì mà chống giữ cho được. Còn sự trông mong ở các quân-thứ kia đem binh tới cứu-viện cũng không xong, vì là hồi này quân-thứ nào cũng nguy như nhau hết thảy. Hoặc đã vỡ lở, hoặc bị nghẹt đường, đến vận lương ăn còn không được, còn nói đem binh đi cứu-viện thế nào? Nhưng tới khi nghe cụ Phan nói rõ kế-sách kháng-địch của cụ ra, một mình Nguyễn-Mục giữ vẻ tự-nhiên, bởi ông ta đã đoán rõ từ trước rồi, còn thì tướng-sĩ đều có vẻ hớn-hở vui mừng vẽ trên nét mặt.

Kế ấy thế nào?

Tức là ở trong câu nói cụ Phan đã nói bữa trước: « Con sông kia có thể cự địch được ».

Thiệt vậy, bây giờ cụ nói rõ cho chư-tướng nghe:

— Phải dùng kế « *sa nang ứng thủy* » của Hàn-Tin đánh quân Sở ngày xưa mới được.

Liền đó cụ truyền lệnh cho quân-sĩ lên tuốt trên đầu nguồn, mượn lấy những khúc gỗ lim to lớn của bọn lái buôn cây đã chặt sẵn sàng để ở trên ấy; ngoài ra lại tự chặt thêm mấy trăm cây lớn nữa. Trên miệt rừng núi này thiếu gì cây to. Những cây ấy, quân sĩ ngồi ra công sức ghép liền lại với nhau, thành từng bè lớn, vừa đóng suốt thân cây này qua cây kia cho chặt, vừa lấy mây trong rừng cột lại thật cứng, rồi đặt ngay trên nguồn làm như hàng rào hay cánh cửa để chặn ngay đầu nguồn của sông Vụ-quang là sông phát nguyên từ trên núi này chảy

xuống. Nghĩa-binh cốt chặn đầu nguồn cho nước dưới sông cạn hết đi nhiều, sẽ dùng kế dụ địch cho quân lính Bảo-hộ qua sông; đợi họ qua tới giữa sông thì bấy giờ trên đầu nguồn kia chặt giây cho nước đưa cây trôi xuống ào-ào như thiên binh vạn mã, và ngay mé sông chỗ đó lại đặt phục-binh, thế nào quân lính Bảo-hộ cũng phải tử thương không ít.

Quân sĩ y theo kế ấy mà làm gấp rút cho xong.

Những người gác ở đầu nguồn cầm sẵn dao sắc búa lớn trong tay đợi nghe có âm hiệu phát lên thì đồng-thời chặt giây mau lẹ cho cây trôi xuống phăng-phăng một lượt.

Cái kế « Sa nang ửng thủy » của Hàn-Tin đánh Sở ngày xưa là vậy đó. Chỉ khác là Hàn-Tin xưa dùng bao cát để chặn nước lại, thì bây giờ cụ Phan dùng cây gỗ.

Thiệt quả quân lính Bảo-hộ kéo qua đánh trái núi có đồn Nghĩa-binh lúc quá nửa đêm.

Trước khi quân lính Bảo-hộ chưa đến nơi, thì cụ Phan đã kéo binh sĩ dời qua đóng trên một thung-lũng núi khác.

Lính tập đến vây bọc trái núi có lấp ló đồn trại Nghĩa-binh ở trên, mấy phía đều chĩa súng lên đó mà bắn như mưa rào. Nhưng họ bắn hoài-hủy, không thấy Nghĩa-binh ở trên bắn trả một tiếng súng nào. Ban đầu tưởng là Nghĩa-binh nằm mọp ần núp quanh quất đầu đó, tới sau bắn trúng vào những đồn trại bằng cây lá, phát lên cháy nghi ngút, cũng không thấy dấu tỏ động tĩnh của Nghĩa-binh, bấy giờ họ đoán chắc là Nghĩa-binh đã sợ hãi bỏ chạy từ hồi nào rồi, đồn trại cũ là đồn trại bỏ

không đó thôi. Viên tướng cầm quân, liền hô quân xông lên núi xem thử hư thiệt. Lên đến nơi, thấy còn sót lại năm bảy cái nhà lợp tranh chưa cháy, lính tập áp vô, chẳng thấy bóng người nào hết, trong mỗi nhà tranh chỉ có ít nhiều khí giới là dao cùn gươm mẻ, bỏ nằm ngổn ngang. Quân lính Bảo-hộ thấy vậy càng tin chắc rằng Nghĩa-binh sợ thua đã bỏ trại đông trước rồi, chớ trong ý không nghĩ chút nào là có mưu kế.

Trong khi lính tập đang lục lạo ngẩn ngơ ở trong những đồn trại bỏ không như thế, thì bỗng dưới chân núi có một toán quân, độ một trăm mấy chục người, nổi trống phất cờ, và hò hét nhau làm như muốn kéo lên núi mà đánh. Rồi tiếng súng nổ ra ùng ùng từ phía, kêu chiến quân Pháp.

Quân Pháp thấy giặc, tức tốc đổ quân xuống núi để đánh và đuổi bắt. Hai bên ứng chiến xa xa bằng súng đạn một chập, đạo quân kia xem đường yếu thế, vội vàng phải lui, nương theo những lùm cây và mô đất để tránh đạn. Lính tập thừa thế rượt theo và bắn dữ dội. Nhưng đạo quân bại-tầu chỉ chạy một khúc đường lại nằm phục xuống bắn trả lính tập một hồi rồi lại chạy. Cứ chạy lại bắn, bắn lại chạy, tới đôi ba lần như thế, lính tập càng cố rượt theo để bắt sống cả bọn cho kỳ được mới nghe.

Ra tới sông Vụ-quang, đạo quân bại-tầu cứ chạy dựa bên mé sông, đến một chỗ thấy nước hơi cạn, thì bỏ hết cả cờ trống và quân giới lại mé bờ, rồi tranh nhau lội qua sông để thoát thân cho mau.

Quân Pháp vẫn đuổi riết ở phía sau, tôi chùng thấy quân kia sang sông, thì quân mình cũng a xuống mà sang, nước chỉ ngập trên đầu gối.

Lúc quân Pháp lội ra đến lòng sông, bỗng dừng nghe trên núi cao, có một tiếng lình nổi lên làm hiệu, tức thời bọn quân-sĩ canh giữ trên đầu nguồn, đồng thời chặt giây, tháo hết bè cây ra, cho cây trôi xuống. Lạ gì nước trên nguồn, bị cây chặn lại, tức đường bí lối đã lâu, nay cây tháo ra, tự nhiên nước có đường chảy xuống ào-ào, cây theo nước từ trên cao trôi xuống phẳng phẳng rất mạnh. Quân lính Bảo-hộ vô tình, lại không may trời có sương mù, không thấy đằng xa, vả lại bị phục binh bắn xuống tung bưng nên chạy không kịp, bị những cây to xô ngã rồi trôi theo nước, chết đuối linh binh trên sông nhiều lắm.

Trận này phía quân Bảo-hộ, không kể linh tập, chết mất ba viên quan võ Pháp, và Nghĩa-binh lấy được hơn 100 khẩu súng, cùng là đồng hồ, giầy nịch bằng da và tiền bạc vô số. Thiệt là một trận đánh chỉ cốt đánh để thoát thân, mà té ra lại là một trận đại thắng từ trước đến đây chưa có vậy.

* * *

Ngày sau, có một người chí sĩ là Phạm-văn-Ngô, đi qua chỗ này có làm hai bài thơ « Hoài Vụ-quang-son cố sự », tiếc rằng tôi chỉ nhớ có một bài như sau này :

*Phi vi hiệu vụ tỏa hàn khè,
Châu lập ô thương phục ngạn lê.*

*Nhật hương đồng la hàm sát lặc,
Đại gia tề quyết thượng lưu đề.*

霜微曉霧鎖寒溪
朱金烏槍伏岸西
一响銅鑼喊殺賊
大家齊決上流堤

Đại khái :

*Gió lạnh sương mù buổi rạng đông,
Ba quân phục sẵn ở bên sông.
Chiêng khua một tiếng quân reo dậy,
Đề phá trên nguồn nước chảy hung.*

Tức là bài thi kỷ niệm thực-sự của trận đánh này vậy.

trôi đi, chớ không ngó thấy bờ bên ở đâu mà lên: vả lại 2 bên bờ đều bị Nghĩa-binh chặn đánh dữ dội, quan-quân muốn lên bên nào cũng chẳng được.

Duy có mấy chục người có sức chịu đựng mạnh hơn, thì trôi theo dòng nước xuống mãi hạ lưu một đôi rất xa, thế nước chảy bớt mạnh đi rồi, mới ngoi ngóp lội vô bờ mà chạy thoát thân. Ấy là những người sống sót; còn ba phần tư bị nước lôi cuốn chết chìm. Một lão ngư ông ở trên sông Vụ quang nói chuyện rằng lão còn nhớ lúc đó người ta vớt lên được một trăm mười mấy cái xác là ít; cả sông được một bữa no nê, là vì thấy nhiều xác mất đùi hay nát bẩy thân thể ra rồi.

Cụ Phan từ lúc khởi nghĩa đến giờ, có trận này là thắng lợi nhất, thống khoái nhất, Đã hơn một năm, nét mặt cụ Phan lúc nào cũng nghiêm, cũng buồn, cũng lo nhưng hôm nay tương sĩ ngó thấy lộ ra cái nét vui vẻ một chút, Tuy vậy, cái nét vui vẻ đó chỉ như bóng mặt trời giữa cơn giông tố, chỉ hé ra trong giây lát, rồi những đám mây u ám lại che khuất đi ngay.

Vì cũng là một trận chót hết của Nghĩa-binh Phan-đình-Phùng.

Từ đây, thầy trò chỉ có việc chạy thất điên bát đảo và đói xanh mặt lòi xương cho đến cùng tuyệt thì thôi, không còn đánh chác gì được nữa.

* * *

Sau lúc thắng trận thu quân, Nghĩa binh tụ họp ở bên khe núi, những súng đạn, đồ vật và lương thực đã bắt được của lính tập chất lại một đống. Phần nhiều súng đạn lính-tập chìm sâu tận đáy sông

hay là nước đánh trôi băng đầu mát : Nghĩa binh bao lặn mò chỉ kiếm được có bốn chục khẩu súng và một ít đạn mà thôi.

Quân-lính hết hả bắc nồi nấu cơm ăn để lấy lại sức khỏi đã vất vả trợn đêm. Rồi thầy trò ngồi quần-tụ trên những tảng đá bên khe, dưới bóng cây mát mẻ, ăn cơm rất vui vẻ ngon lành. Bữa ăn này thêm có vô số bánh mì, cá hộp và rượu chát vừa mới bắt được, tướng-sĩ chia sớt với nhau mỗi người một miếng, gọi là bữa tiệc khao quân. Ai nấy lâu nay ăn đói mãi, đã nào ruột mòn hơi, bây giờ được một bữa tinh thần khoan khoái, cơm bánh tràn-trề, lại thêm mấy món ăn lạ, hầu hết chưa được nếm qua bao giờ, thành ra ăn uống với nhau ngon miệng hả lòng lắm. Nhiều người có cái cảm giác như được dự một bữa đại yến của vua bau. Trong đám tướng-sĩ, có năm ba người chơn chất quê mùa hết sức, đến đôi không dám đề môi vào một nhều rượu chát, vì tưởng là thuốc độc của bên đối địch cố ý lại cho mình vớ được ham ăn thì chết. Nó cũng là một hạng tư tưởng khờ khạo như tướng-sĩ trào-dình ta buổi đầu, thấy lính Tây to lớn phục phịch thì nghĩ đầu họ không biết chạy, hay là nghĩ vo vắn rằng đóng cây nhọn giữa lòng sông có thể đâm lũng tàu trạn của tây vậy.

Một điều nên chú ý là bữa ăn này tướng-sĩ ăn đông tây, còn chủ-soái là cụ Phan thì vẫn ăn mấy nắm cơm chấm muối như thường. Cụ nói những vật thực đã bắt được kia là công lao huyết hãn của tướng-sĩ, giờ cụ khao thưởng hết cho tướng-sĩ.

Ăn no lại sức rồi, bây giờ Nghĩa-binh toan tính hành động sao đây ?

Thì chỉ có nước là tinh đến thượng-sách của 36 kế là hơn.

Vì sự thế bắt buộc phải vậy.

Cụ Phan bàn định với tướng-sĩ:

— Ban đầu quân ta cùng đường gấp nước, đóng đồn ở vùng núi này chỉ tạm đỡ nhứt thời mà thôi, ta đã nói trước rằng đây không phải là chỗ có thể trú chun trường cửu cho ta, Hồng phước non sông giúp ta đánh thắng được một trận như hôm nay là may mắn quá rồi, đừng nên tưởng rằng trận thắng này tức là có thể lưu lại ở đây yên ổn được. Chỉ nội chiều nay hay là ngày mai địch-quân kéo đại đội binh-mã tới báo thù quyết chiến với ta, thì ta làm sao? Cái diệu kế « Sa nang ứng thủy » mới rồi chỉ dùng được một lần là hết, không ai để cho mình dùng được tới lần thứ hai. Lo đánh đã khó, mà lo ăn còn khó hơn. Thiệt khổ là việc lương thực bị nghẹt, không sao chuyển vận tiếp tế như mấy năm trước. Ví dụ quân Tây lại không cần đánh ta, chỉ vây bọc trái núi này độ mười ngày luôn, cũng đủ làm cho quân ta chết đói nhẵn răng hết. Bởi vậy, ta phải quyết kế lui chạy là hơn; mà phải lui chạy tức tốc mới được.

Ngừng lại ra dáng suy nghĩ một lát, cụ Phan nói tiếp:

— Có mấy nơi quân ta có thể lui về đóng đồn, để ta dẫn đo lựa chọn coi thử nơi nào phải hơn.

-- Bẩm cụ, xin cho lui binh lên miền núi Khai-trường có được không?

Nguyên-Mục hiến kế như vậy.

— Phải đó, ý-kiến của tướng-quân rất hiệp với ý kiến ta, ta vừa toan nói.

Tức thời cụ truyền lệnh cho tướng-sĩ sắp đặt cho kịp đúng ngọ thì nhổ trại kéo quân đi, không được trì hoãn. Cụ dặn dò tướng-sĩ bỏ lại hết những đồ vật gì kèn cồng, vô dụng; ngoài ra khi-giới, mỗi người chỉ được đem theo y phục vừa cần dùng thay đổi. Còn dư ít nhiều lương thực thì sang sót ra từng bao nhỏ, dây nhỏ, mỗi người đều đeo trên vai. Thế là ngoài khẩu súng để phòng đánh và túi gạo để phòng đói, quân sĩ không phải khiêng vác những quân nhu vật-dụng nào khác, nặng nhọc, rộn ràng. Chủ ý cụ Phan muốn cho quân-sĩ nhẹ nhàng để đi cho mau, lên dốc xuống đèo cho dễ, và rủi khi giữa đường có gặp địch-quân cũng dễ ẩn núp huy đổi chiến.

Đúng ngọ, quân-sĩ lên đường, nhắm phía Khai-trường mà đi.

Núi Khai-trường tục gọi là núi Giăng màn, dịch nghĩa của tên chữ ra tên nôm.

Qua phía bên kia núi Giăng màn là địa phận của dân Mường. Cụ Phan liệu chừng ở núi Giăng màn cũng không yên thân được nào, vả lại khó mua lúa gạo cho quân sĩ ăn, thành ra lại phải bỏ núi Giăng màn kéo quân sang nương náu ở đất Mường.

Nghĩa-binh lúc này trong lưng có tiền, nhưng chỉ khổ có một nỗi là không mua được lúa gạo mà ăn; phần bởi miệt này là thượng du, lúa gạo không được dồi dào như trung-châu phần bởi dân làng sợ lệnh của Bảo-hộ và Nguyễn Thân, dầu có lúa gạo dư dật có thể bán được, họ cũng chẳng dám bán cho Nghĩa-binh.

Ở đất Mường. Nghĩa-binh chỉ có thể mua khoai bắp để ăn trừ cơm. Sản có bắp nhiều, cụ Phan mua trữ một nơi trong núi, trong ý muốn tích trữ lương thực và dưỡng sức quân-sĩ ít lâu, rồi trở về chiến đấu một phen nữa. Tạm lánh ở đất Mường cốt có 2 việc đó.

Bởi vậy cụ phát lệnh-tiền và viết mật-thư sai ông Tán-trương quân vụ Nguyễn-Quỳnh, qua núi Quạt nhằm địa-thế và cất dinh trại sẵn sàng, để nữa Nghĩa-binh trở về.

Dầu có tráng chí như vậy mặc lòng, hồi này thực lực của Nghĩa-binh suy vi kiệt quệ lắm rồi, không khác gì người đau bại hai chun, bị vấp té nhào, nếu không có ai nâng đỡ thì khó bề tự mình dậy nổi. Nhưng cụ Phan vẫn bền lòng vững chí, không hề vì những nông nổi chạy ngược chạy xuôi nhin đói nhin khát, mà sanh ra chán nản chút nào.

Trong những cơn bồn ba cực-khổ, có khi cụ Phan với tướng-sĩ ngồi bệt dưới đất mà chuyện vãn với nhau. Cụ thường nói đi nói lại về chuyện nhơn lực thiên mạng và bày tỏ khí-tiết của mình : nếu quả lòng trời quyết-định rồi, không để cho cụ xoay trở lại thời thế được nữa, thì cụ chỉ có một nước là chết để báo đáp cái ơn tri-ngộ phú thác của vua Hàm-Nghi và tấm lòng tin yêu của anh em hương-quốc mà thôi. Ngoài cái chết ra, không còn có thể làm cách gì khác.

Hồi này tình-thế đã nguy, mà cụ Phan thường nói đến tiếng « chết » hoài, tướng-sĩ nghi ngại và nói nhỏ với nhau cho là điềm gở.

Kể từ lúc cụ Phan bắt đầu khởi binh năm 1885, đến hồi nói đây là năm 1895, trước sau 10 năm,

mấy trăm kiện nhi theo trận-mạc bỏ đào luôn bên mình cụ, trù ra ít nhiều người đã chết ở sa-trường, chết vì binh hoạn, còn lại bao nhiêu vẫn ngậm cay nuốt đắng mà theo cụ, một bước không rời. Cụ khéo đối đãi và huấn-luyện tướng-sĩ, chẳng những rèn đúc họ cũng can đảm nhân nại như mình mà thôi, lại cảm hóa được tinh-thần họ nữa. Ai nấy đều có chí mạnh gan to, chẳng quản lưu-ly, coi thường tánh mạng. Nếu có thời vận, thì tướng ấy quân ấy có thể tung-hoành chưa biết đến thế nào, đâu có tới nỗi phải lâm vào cảnh ngộ cùng khốn mà chết giữa rừng.

Cụ Phan và Nghĩa binh sang trú túc ở đất Mường Cô ta nhằm hồi tháng 8 năm Ất-mùi (1895). Nhưng chớ tưởng rằng cụ sang ở đất Mường xa xuôi hiểm trở mà chắc yên ổn tấm thân. Là vì Bảo-hộ dò biết tin tức Nghĩa-binh nương nấu chỗ nào, là phái quân lính đi tập nã ở chỗ đó. Thành ra Nghĩa-binh ở đâu cũng lo sợ giựt mình hoài, không thể yên thân được. Lúc nào Nghĩa-binh cũng đề sẵn khi-giới và hành-ly bên mình, bất cứ trưa nắng hay đêm khuya, hễ nghe hơi động một chút là phải hấp-tấp đi liền. Đi, không phải nghĩa là tướng-sĩ sợ chiến đấu mà tránh; họ chỉ sợ có sự rủi ro thỉnh linh xảy tới cho cụ Phan hơn là tánh-mạng của mình.

Đang ở Cô-ta, nghe động chạy sang Cá-tang; đang ở Cá-tang, nghe động lại phải chạy qua Ban-bức. Nghĩa binh đời đời quanh quẩn trong ba nơi ấy luôn mấy tháng trường rất là vất vả, cực khổ, không nơi nào dám ở yên một tuần, mà từ nơi này

chạy qua nơi kia có phải gần gũi gì đâu, vì nó cách khoảng nhau hàng 36 giờ đồng hồ, đường lối hết sức gồ ghề, hiểm hóc. Tướng-sĩ đã khéo biến báo, bứt các thứ giấy trong rừng kết lại thành như giày giép để mang vào chun mà đi, thế mà có nhiều người còn đổ máu chun căng, đủ biết đường sá gian nan đến thế nào.

Ngó thấy tướng-sĩ như vậy, cụ Phan thương tâm quá, vùng lên khóc lớn, vừa khóc vừa nói :

— « Vì ta mà các người phải khổ sở đau đớn
 « trăm bề. Hay là các người đem ta ra mà nạp cho
 « Tây, rồi ai nấy trở về quê-hương an nghiệp làm
 « ăn, kéo để các người chịu khổ sở đói khát mãi
 « như vậy, lòng ta lấy làm bất nhân lắm ».

Tướng sĩ xúm lại khuyên-giải và chỉ tay lên trời mà thề rằng :

— Chúng tôi vui lòng theo cụ đến chết, cực khổ thế này có thấm gì đâu. Đến chết còn vui lòng, huống chi cực khổ thế mấy mà chịu không kham !

* * *

Tình-cảnh lưu ly khốn khổ như vậy đã đành, còn chỗ thảm thiết hơn nữa, là vì lo nghĩ vất vả quá, rất nhiều tướng-sĩ thọ-bệnh, nguy-hiểm nhưt là bệnh lỵ. Trong mấy tháng nung nấu ở đất Mường, chính cụ Phan cũng mắc phải bệnh lỵ đến nỗi cụ không ăn, không uống gì được — vá lại có gì mà ăn ! — thuốc men bỏ đống chẳng có, thành ra cụ gầy còm suy nhược rất mau. Người cụ bây giờ xanh xao ốm yếu, mà hai vành con mắt lúc nào cũng rơm rớm những giọt lệ thương cảm quá độ, không lúc nào khô. Thương cảm non sông,

thương cảm cho thân thể mình, thương cảm những tướng-sĩ theo mình; nhứt là thương cảm đại-sự hư hỏng, cảnh ngộ long đong... Quân-sĩ thấy ông chủ-tướng bình hoạn ốm yếu đối hẳn trước mắt như thế, ai nấy đều phải động lòng ứa lụy.

Có mấy người cảm-kích quá sức, đến đòi rút gươm ra gào lớn: « Ta không mặt mũi nào ra hàng để cầu yên thân, cũng không nở lòng nào trông thấy cảnh tượng đau đớn mãi được, thà chết trước đi còn hơn », thế rồi tự đâm cổ mà chết tốt.

Xem thế đủ biết cụ Phan cố-kết được lòng người mạnh lắm, nhưng mà vận-số nước non đến lúc cùng và ý trời muốn tuyệt, thì biết làm thế nào?

Đã đói khát trốn tránh, đã có bệnh tật trong mình, lại không được ở chỗ nào yên thân. Nghĩa-binh đến hồi này thật là thiên nguy vạn khổ. Quân lính Bảo-hộ do theo từng tích mà dồn bức mãi ở sau lưng, không cho Nghĩa-binh được nghỉ ngơi trọn một ngày nào là ngày yên ổn, không phải giựt mình. Chắc Bảo-hộ đoán biết Nghĩa-binh sắp tàn cuộc, cho nên càng phải dỗi theo dồn bức hoài, vì e để cho Nghĩa-binh yên nghỉ lâu lâu, tất lại có thể phục-hung tái khởi.

Bị quan-quân ruồng ép trên đất Mường một cách nguy bức thái quá, cụ Phan liệu thế ở nương náu quanh quần tại đất Mường cũng nguy, bèn quyết kế đem đi ngày ần, lên lại trở về núi Quạt.

Giữa lúc bấy giờ, Nghĩa-binh các nơi đều đã rời tan tác, không thể nào cứu ứng nhau hay là giao-thông tin tức gì với nhau được, Bảo-hộ sai quân

tập nã tứ tung. Bao nhiêu quân thứ do cụ Phan sắp đặt khi trước, bây giờ thứ nào bị đánh tan rồi không kể, còn thì đều chia đàn bễ ồ, không có chỗ nào dung thân. Họ nghe tin cụ Phan trở về núi Quạt, bèn lục tục kéo cả về đây nương náu.

Nguy thay! Những lúc chỉ có đôi ba trăm người còn đói lên đói xuống, huống chi bây giờ tụ họp 2.700 mạng người ở một chỗ, thì lấy gì mà ăn?

Thành ra lúc này Nghĩa-binh tuyệt lương hẳn hoi.

Mấy tháng trốn tránh ở đất Mường Bạ-bực, cụ Phan có mua trữ được nhiều bắp, định bụng nay mai trở về mưu toan khôi-phục, thì đem bắp ấy về làm quân lương đỡ ngặt trong ít lâu. Nhưng sau không dè bị quân lính Bảo-hộ theo dấu ép bức dữ quá, Nghĩa-binh vội vàng, chỉ chạy thoát lấy thân, còn bắp thì bỏ lại ở Bạ-bực hết thảy, chẳng đem theo được năm mớ nào. Nay trở về ở núi Quạt, binh số hơn khẩu lại tăng lên thập bội, thành ra không những quân sĩ phải đói mà thôi, chính cụ Phan còn đang đau bệnh lị càng ngày càng nặng thêm, mà thuốc men chẳng qua chỉ có mấy cái rễ cây đào bậy trong rừng sắc cho cụ uống, còn sự ăn thì bữa cơm bữa cháo, khi đói khi không, thậm hết sức thậm.

Đến lúc bí nước tuyệt lương như vậy, thì 2.700 quân-sĩ phải làm thế nào? Tuy có mua lên được ít nhiều lúa gạo, nhưng đến nấu cháo lỏng mà húp mỗi người đôi ba muổng cũng không đủ, khoan nói gì đến cơm. Đói quá, quân-sĩ phải đào những củ nâu và những rễ này rễ kia trong rừng mà ăn đỡ lòng; nhưng nó lạt quá, ăn không chịu được, họ

lại phải nhỏ mảy cây lau sậy, đốt ra thành than, làm như là muối, để chấm mà ăn với củ nâu cho đỡ lạt.

Lại gặp nhằm mùa lạnh đã bắt đầu, trên rừng núi còn lạnh hơn dưới đồng bằng: quân-sĩ không còn món đồ gì là món đồ ngự hàn và cũng không có đủ dinh-trại mà che sương che gió, tự nhiên có người phải ra nằm càn giữa rừng. Họ lấy cây lá phủ lên trên cho ấm. Có người đói rét đến đời mỗi mệt, mê man, đêm nằm giữa rừng, bị cọp beo tới ăn lúc nào không hay.

XXI

CHẾT Ở GIỮA RỪNG



Ai đọc Tam-quốc, tới lúc Khổng-Minh nhắm mắt ở Ngũ-trượng-nguyên mà có cảm-giác ngậm-ngùi thống-thiết ra sao, tôi tưởng đọc tới đoạn dưới đây có lẽ cũng phải có cảm-giác ngậm-ngùi thống-thiết như thế.

Vì hai đảng tâm-sự gần giống nhau, chí-hướng gần giống nhau, gặp phải thời-thế khó khăn vất vả gần giống nhau, cho đến chung cuộc hai đảng cũng gần giống nhau: chỉ vì nước mà lo, lo mà bệnh, bệnh mà chết ở giữa đường.

*
* *

Xem đoạn trước, độc-giả đã biết tình-cảnh đói khát ốm đau khổ sở, lạnh lùng của cụ Phan và 2700 bại-binh tàn-tốt tụ họp ở trên núi Quạt ra thế nào.

Cụ Phan về tới núi Quạt nhằm ngày 12 tháng 10 năm Mùi (1895). Lúc này, thân-hình đã liệt-nhược

và bệnh lỵ đã nguy-nạn lắm rồi. Ai nấy đều rầu buồn lo ngại và đoán biết tương tình đã đến lúc u-ám.

Tướng-sĩ và gia-nhân xúm nhau hầu hạ thuốc men ở bên mình cụ tối ngày sáng đêm. Các tướng thân-cận thì có ba ông là Nguyễn-Mục, Nguyễn-Quỳnh, Nguyễn-Khai; còn gia-nhơn thì có phu-nhơn tức là « cố nguếch rìng » ở trên đầu sách đã nói vì sao có cái danh hiệu ấy, cả hai người con trai là Phan-bá-Ngọc và Phan-đình-Cam, lúc này cũng ở luôn bên giường bệnh phụ-thân; thêm một người cháu kêu cụ bằng chú ruột nữa.

Một ngày, cụ đi lỵ không biết là mấy chục lần; người càng gầy, mắt càng hóm, sức càng đuối. Một quá, cụ nằm nhắm mắt lừ-đừ thêm-thiếp; vậy mà người ta nghe chốc lát cụ lại trăn-trọc thồn-thức và thở dài nhè nhẹ. Chắc là lúc tâm sự quốc-gia đang nhắc nhở kích-thích ở bên trong.

Bệnh tình một ngày một nặng thêm, cụ cũng tự biết mình đã lâm vô cảnh thập tử nhất sinh rồi, thuốc men nhân-lực không sao cứu vãn lại được nữa. Cho nên hễ nghe lúc nào trong mình hơi khỏe lại được giây lát, cụ dạy ông Nguyễn Quỳnh và hai ông kia ngồi gần kề bên giường để dặn dò việc quân.

Cụ vừa thở hồn-hển vừa nói:

— Tôi với các ông đồng-cừu khởi-nghĩa đã mười năm nay, đến giờ công việc chắc hỏng muôn phần mà người lại với phải chia lìa xa cách nhau, nghĩ lại nguồn cơn xiết bao thảm-thiết. Nhưng mà cố-nhân đã nói không sai: « Mưu việc ở người, nên việc ở trời », việc trời đã sắp đặt lỡ rồi, sức người không làm sao đổi xoay chống chỏi được nữa. Nay mai tôi chết, trong đám các ông, ai liệu có thể chạy

ra ngoại-quốc để vừa lánh mình, vừa cầu học được càng hay. Nếu không thì sớm lo giải tán binh sĩ đi, cho họ về nhà cấy cấy làm ăn, còn các ông thì sắp đặt mà ra đầu hàng bên nghịch cho xong, chớ có vọng động can qua nữa, đã không cưỡng nổi với mạng trời, lại kéo nhây cảnh khổ liên-lụy cho sanh-dân, vô-ích...

Các tướng đều bung mặt khóc nức nỏ, không ai nói được câu gì.

Cụ lại vời phu-nhân lại ngồi bên giường, và con cháu đứng sắp hàng trước mặt mà nói :

— Bấy lâu tôi lo việc nước đã không xong, mà cảnh quê nổi nhà cũng phải biến họa toi bời, nay giữa đường lỡ dở, tôi phải bỏ mà đi, biết bao mối di hận ôm ấp bâng khuâng, nói càng thêm đau mà nói cũng chẳng hết. Chỉ biết là số trời đã định sao thì mình phải chịu vậy, không chống nổi mà cũng không tránh được bao giờ. Thôi thì sau ngày giờ nào tôi nhắm mắt rồi, mấy mẹ con cứ ra hàng phục cho được an toàn; ta biết thế nào bên nghịch cũng có lương-tâm quý-trọng nghĩa khí của ta, chắc không nỡ hại vợ con ta đâu mà sợ.

Phu-nhân ngồi nghe mà nước mắt chảy xuống ròng-ròng nãy giờ; tới đây mới gạt lụy và nói :

— Xin ông tịnh dưỡng, may được bình phục, cho mẹ con tôi được theo hầu mãi ở trong chỗ gian nan cơ khổ thế mà vui, chớ ông bỏ đi một mình, tôi có sung sướng chi ở đời nữa...

Rồi cụ biểu người cháu tới bên dặn dò đình-ninh :

— Hễ chú nhắm mắt thì cháu dẫn thím và hai em cứ ra trước đồn Tây mà tự thú. Cháu đã có học,

chắc biết « *Chi thành chi đạo khả dĩ cảm nhân* » (giữ đạo rất mực thành thiết, tất nhiên có thể cảm được lòng người) ta quyết rằng người Tây không xử tàn nhẫn đâu mà lo.

Nói vừa dứt lời, cụ truyền đem bút mực lại và bảo người chán đứng đó chép lời cụ đọc. Ai cũng nghĩ rằng cụ đọc một tờ chúc-thơ hay là viết thơ để lại cho Chánh-phủ Bảo hộ, ký thác vợ con.

Người ta phỏng-đoán sai hết.

Cụ đọc cho chép một bài thi cảm-khái.

Bài thi như vầy:

戎 場 奉 命 十 夏 冬
 武 畧 依 然 未 奏 功
 窮 戶 嗷 天 難 宅 雁
 匪 徒 遍 地 尚 屯 蜂
 九 重 車 駕 閩 山 外
 四 海 人 民 水 火 中
 貴 望 愈 隆 憂 愈 大
 將 門 深 自 愧 莫 雄

*Nhung-trường phụng mạng thập canh đông,
 Võ lược y nhiên vị tấu công,
 Cùng hộ ngao thiên nan trạch nhận,
 Phỉ đồ biến địa thượng đồn phong.
 Cửu trùng xa giá quan san ngoại,
 Tứ hải nhân dân thủy hỏa trung,
 Trách vọng dũ long ưu dũ đại,
 Tướng môn thâm tự quý anh-hùng.*

Dịch nôm:

*Nhung trường vãng mạnh đã mười đòng,
Việc vô tội thôi vẫn chẳng xong,
Dân đói kêu trời vang ỏ nhận,
Quân gian dậy đất rộn đàn ong.
Chín trùng lặn đạn miền quan tái.
Trăm họ phối pha đám lửa nồng.
Trách vọng càng to càng mệt nhọc,
Tướng môn riêng hồ tiếng anh-hùng.*

Từ hôm đó trở đi, bệnh thể của cụ càng giờ càng thêm trầm-trọng; thuốc men thay đổi nhiều phương cũng vô hiệu. Một vị danh-y trong miền nghe tin cụ đau phải mạo-hiểm muôn vàn mới lên được núi Quạt để trị bệnh cho cụ mà cũng không giảm chút nào.

Lối 8 giờ sáng ngày 13 tháng 11, cụ mất. Trước giây phút cuối cùng, cụ mở mắt ngó quanh chử-tướng, hình như muốn nói gì nữa, nhưng hết hơi rồi không nói được nữa, chỉ thấy hai bên khước mắt ứa lụy, rồi thì nhắm luôn. Linh-hồn thỉnh-thang lên trên thế-giới những anh-hùng nghĩa-sĩ cõ kim đồng tây, vì việc nước mà hi-sanh, không kể thành-công hay là thất-bại. Cụ hưởng thọ 49 tuổi. Khí tiết đầy tràn non nước Lam, Hồng, công việc ghi chép lịch-sử Hồng-Lạc.

Các hàng tướng-sĩ như con mất cha mẹ, kêu gào khóc lóc, vang dậy núi non. Hồi nào Cao-Thắng chết, họ thương khóc một, bây giờ họ khóc thương tới mười. Vì cái chết của Cao-Thắng đau đớn cho Nghĩa-binh thiệt, nhưng còn có hy-vọng ở cụ Phan, bây giờ cụ Phan mất, Nghĩa-binh phải tuyệt vọng hẳn.

Nhiều binh-sĩ cả tháng nhịn đói nằm sưng, mòn hơi hết sức, cũng không cầm đậu sự nổi bi ai, đến đói thương quá khóc quá rồi chết luôn. Có mấy chục người thân-binh tự đâm cổ chết theo chủ-tướng.

Ông Nguyễn-Quỳnh tức thời sắp đặt việc tang, không dám để chậm-trễ, vì e có sự bất trắc thành-linh xảy tới chẳng. Gia-nhân và tướng sĩ cùng chọn ngày 16 là ngày an táng.

Tang-lễ cử-hành, mỗi việc đều đơn-sơ và giản-dị. Duy có việc lần-liệm di thể của cụ, tướng-sĩ hơi phí khổ-tâm. Thay vì phải dùng quan-tài như thường, tướng sĩ chặt cây gỗ vàng-tâm thật lớn ở trong rừng, đem về khoét lỗng thân cây, đặt di-thể trong đó, trên đây nắp gắn lại chắc chắn. Di-thể mang áo mảo tấn sĩ.

Đúng ngày an táng, tướng-sĩ sắp hàng làm lễ cử-ai và lạy trước linh-cữu, rồi rước linh-cữu xuống táng dưới chân núi Quạt. Lúc linh-cữu hạ huyết rồi, trên chỉ đắp đất bằng phẳng, chớ không đắp cao lên thành mồ. Tướng-sĩ dựng tâm chôn cất như thế, là vì phòng sợ mai sau có kẻ điềm chỉ mà mộ cụ bị khai quật lên chẳng.

Quan quân Bảo-hộ không hay việc cụ Phan đã mất, vì tướng-sĩ vẫn đóng trên núi Quạt như thường và giữ cách trấn-tĩnh êm-dềm, không lộ ra một hình tích gì bày tỏ cho bên ngoài biết trong quân vừa có đại biến. Duy có quân thứ các nơi nghe tin chủ-tướng mất rồi, sanh ra chán-nản, lần hồi tản-tác, trở về quê hương, hoặc trốn qua Lào qua Xiêm cũng nhiều. Còn bốn bộ tướng-sĩ của cụ Phan, thì vẫn theo hầu phu-nhân để chờ ngày ra thú.

Cách mười mấy hôm sau, quan-quân đi tuầu, bắt được một tên Nghĩa-binh ở trên sơn-trại lên xuống xóm làng tìm mua lương-thực. Trước còn đồ dành, sau dọa bắn chết. nếu như không nói rõ binh tình trên núi, thành ra tên lính nọ phải thú thiệt rằng cụ Phan đã qua đời trên mười bữa nay và nó chỉ cả nơi chôn di-thể nữa.

Quan-quân buộc nó đi dẫn đường tới. đào mộ lên lấy di-thể cụ Phan đem về.

Lạ thay! đêm bữa 29 ở trên sơn-trại, phu-nhơn đang ngủ nằm mộng thấy cụ Phan hiển linh về, nói với phu-nhơn như vậy:

— « Ngày mai ta thử ra trước mặt quân Tây, xem chúng làm gì ta ».

Phu-nhơn cho là điềm lạ. suy nghĩ phân vân. Té ra chiều bữa sau, là ngày 30, có tin báo lên sơn-trại rằng: không hiểu sao quân-linh Bảo-hộ biết chỗ, đã đào mộ cụ Phan lên đem về đồn Linh-cảm rồi. Trong mộng, cụ nói « ta thử ra trước mặt quân Tây » là chỉ vào việc đào mả đó.

Mấy hôm sau phu-nhơn dẫn con cháu và các tùy tướng ra thú ở đồn Linh cảm. Các quan binh Pháp tiếp đãi một cách tử-tế lắm. Một đoàn khác ra thú ở trước quân-môn Nguyễn-Thần.

Phu-nhơn và các người tùy-tùng bị áp dẫn vào Huế nghị-xử. Các tướng như Nguyễn-Trạch Nguyễn-Mậu cả thấy 23 người bị chém. Còn phu nhơn và con cháu thì Bảo hộ giữ ở Huế ít lâu, rồi thả cho về làng Đông-thái an nghiệp.

Người ta thuật chuyện rằng cụ Phan và Cao-Thắng, sau hiển-thánh ở làng Khê-thượng. huyện Hương-khê, dân làng cảm mộ anh-hùng, lập đền thờ tự, đến nay đang còn.

Nói về quan-quân Bảo-hộ biết chỗ, khai quật được mả cụ Phan lên, đem di-thể về đồn Linh cảm giao cho Nguyễn-Thân xem xét có phải thiệt là di-thể Phan-đình Phùng không.

Bây giờ Nguyễn-Thân mới biết cụ Phan mất rồi, đắc-chí, miệng cười ha hả, dơ tay lên ngang trán mà nói :

— Từ nay ta được ngủ yên rồi !

Hôm sau, lão sức đòi các phụ lão ở làng Đông-thái và họ hàng bà con cụ Phan lên đồn Linh-cảm nhìn nhận đích xác. Rồi đó Nguyễn-Thân dỡ thủ-đoạn « anh-hùng » của lão để hành hạ tới năm xương khô thịt nát của người cừu-địch với lão mà lúc người ấy còn sống. Lão không dám xuất trận giao phong, bây giờ người ta chết rồi mới lên mặt dương oai điệu võ.

Mà lão dương oai điệu võ cách nào ?

Không nói thì ra bỏ quên mất sự thật mà nói thì mình phải thương tâm và gớm ghiếc.

Nguyễn-Thân sai đem di thể cụ Phan ra chỗ địa-đầu của tổng Việt yên, đổ dầu chàm lửa mà đốt cho xương thịt cháy ra tro, rồi tro ấy trộn vào thuốc súng, nhồi trong súng thần-công của ta mà bắn xuống La-giang.

Dân xã quanh miền, phải tuân lời sức của Nguyễn-Thân ra đứng chứng kiến việc làm tàn nhẫn này ; ai thấy cũng phải đau lòng và khinh thầm Nguyễn-Thân ở trong bụng. Nguyễn-Thân nay cũng qua đời lâu rồi, nếu ở dưới cửu nguyên có gặp cụ Phan, chắc lão không dám nhìn mặt.

Cụ Phan đã chết, Nghĩa biuh tự tan. Nguyễn-Thân tự cho cái kết quả ấy là công-trạng như trời

của mình, mặc dầu sự thật gian nan trận mạc chỉ là lính tập Bảo-hộ và các quan võ Pháp chỉ-huy. chớ Nguyễn-Thân kéo đại-binh ra từ tháng 5 tới giờ, không hề giao phong giáp trận với Nghĩa-binh cụ Phan lần nào. Nguyễn-Thân làm một lá cờ bằng lụa đỏ thiết lớn, trên viết 1 chữ thiết lớn :

賊逢怖死 Tặc Phùng bố tử

nghĩa là « tên giặc Phùng sợ quá chết rồi », và sai lính thả hạ vác lá cờ ấy, cỡi ngựa lưu-tinh chạy đêm ngày, về kinh-đô báo tin thắng trận.

Còn gan hơn nữa, Nguyễn-Thân tự dựng lấy bia đá khoe khoang ghi chép công trạng mình ở trên đỉnh núi Tùng-sơn, sai tuần-phủ Đinh-nho-Quang soạn bài văn bia kỷ công có 8 câu 32 chữ như vậy:

Vê-giang chi anh,

Thạch trụ chi linh.

Thế xuất tuấn kiệt,

Vị xã-tác sanh.

Tây bình hữu tử.

Đầu-nam đại danh.

Hồng-Lam thiên cổ,

Bì kê tranh tranh.

衡江之英

石柱之灵

世出俊傑

為社稷生

西平有子

斗南大名

鴻藍千古

碑碣铮铮

(1) Đại-ý nói khi thiêng sông núi Vê-giang Thạch-trụ (quê hương Nguyễn-Thân) chung đúc ra bậc người anh tài, cha truyền con nối, vì giang sơn xã-tác mà để ra để giúp giang

Nhưng bia đá ấy có đứng được ở giữa non nước Hồng-Lam tới thiên-cổ như lời văn nịnh hót của Đinh-nho-Quang và cái thanh khí mạo công của Nguyễn-Thân đâu. Vì ba năm sau bia đá ấy bị sét đánh bể ra làm mấy mảnh, rồi thì cỏ mọc rêu phong, ruồi bâu chuột ở; ít lâu, người Pháp lại phá trái núi ấy đi, thành ra tấm bia mất tích, không còn ai nhìn biết hồi trước nó ở chỗ nào nữa. Ý hẳn trời tức cười cho kẻ mạo nhận công lao, cho nên mới sai Thiên-lôi đập nát bia đi như thế chẳng?

Nói gì lúc cụ Phan nhắm mắt rồi, sự thế bắt buộc Nghĩa-binh phải tự ra hàng-phục Nguyễn-Thân, trong ý tin cậy trông mong một người đồng bào che chở dung thứ cho, may ra khỏi chết; không dè Nguyễn-Thân cả giận ra oai, chém giết những người là bại-quân hàng tốt đó rất nhiều, không đợi tau trình xét xử gì hết. Vì trong tay Nguyễn-Thân lúc ấy có quyền « tiền trăm hậu tấu ». Người ta oán hận không biết thế nào mà nói!

* * *

Lúc bấy giờ văn thân Nghệ - Tĩnh họp nhau soạn ra câu đối ai khóc cụ Phan như dưới đây, văn-tự hùng hồn, ý tứ bao quát có thể gọi là một thiên tiểu-sử về thân thế và sự nghiệp cụ Phan cũng được. Tôi muốn mượn ngay câu đối này làm câu kết thúc « truyện Phan-đình-Phùng » của tôi.

son xã-tắc. Thân phụ trước đã anh-hùng, giờ tới ông con cũng lập nên công-nghiệp lớn lao là việc đánh giặc được văn-thân Phan-đình-Phùng, bia đá chép công, rạng tỏ ở đất Hồng-Lam đến muôn đời.

成敗莫雄莫論此
 孤忠此大義。誓與諸
 君子始終。朱之英。墨
 之靈。讀書者每念綱常履。
 重。可恨難支。官冷烟消。
 一木人作深山暗。况
 誰當日龍飛常。可憐羅越
 當人山。百年文獻翻弓
 馬

古今天地無窮而
 流水。而高峯。同此大
 丈夫。宇宙。藍母素柏松
 之雪。衝寒。潰星移。物換
 彫。謂何砥柱。起故園。情及
 中流。人不雁。故風吹。堪嘆
 何人時。雁莫一死精神串斗
 此天氣節。一
 牛。

Thành bại anh-hùng mạc luận, thử cô-trung, thử đại nghĩa, thế giữ chừ quân-tử thủy chung. Châu chi anh. Mặc chi linh, độc thư mỗi niệm cương thường trọng. Khả hận giả thủy diên đại hạ, nhất mọt nan chi! Cung lãnh yên tiêu, thủy nhân bất tác thâm sơn oán. Huống đương nhật long phi vân ám, cộng ta nhân-sự vô thường, khả lân La-Việt giang sơn, bách niên văn hiển phiên cung mã.

Cồ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thử đại-trượng-phu Vũ-trụ. Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại bách tòng điêu. Vị hà tai: hội quyết đời ba, trung lưu để trụ! Tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tinh? Cập thử thời nhận tán phong xuy, kham thán thiên tâm mạc trợ; độc thử Tùng Mai khi tiết, nhưt tử tinh thần quán đầu ngư.

Chúng tôi mạo-muội dịch ra như vậy :

Anh hùng thành bại kể chi, dạ sắt son, lòng vàng đá, thề cùng các bạn giữ trước sau. Mặc Châu đức khí tinh-anh, trung hiếu hện hò cùng sử sách. Ngao-ngán nhẽ lâu cao sắp đồ, một cột khó chiều, phòng vắng khói tan, liếc mắt rừng xanh thêm tức tối! Vả bây giờ rờng bay mây đậm, xót xa non-sự khôn lường, khá thương La-Việt giang sơn, văn-hiến trăm năm thành trận mạc!

Trời đất xưa nay thế mãi, đá dựng ngược nước chảy xuôi, đó vẫn non sông phùng tuần-kiệt. Lam-Hồng nổi cơn bão tuyết, bách tòng úa rụng luống sông pha! Đau đớn thay đê lở sóng vồ giữa dòng trụ đứng; sao đời vật đổi, ngoảnh đầu vườn cũ phải bôn-chôn! Đương phen này gió thổi nhận lia, cảm giận hóa-công cay nghiệt, chỉ đem Tùng Mai khi tiết, tinh-thần một thác rạng trăng sao!

IN TẠI NHÀ IN CAO-XUÂN-HỮU
PHỐ LA-CÔM - HAIPHONG